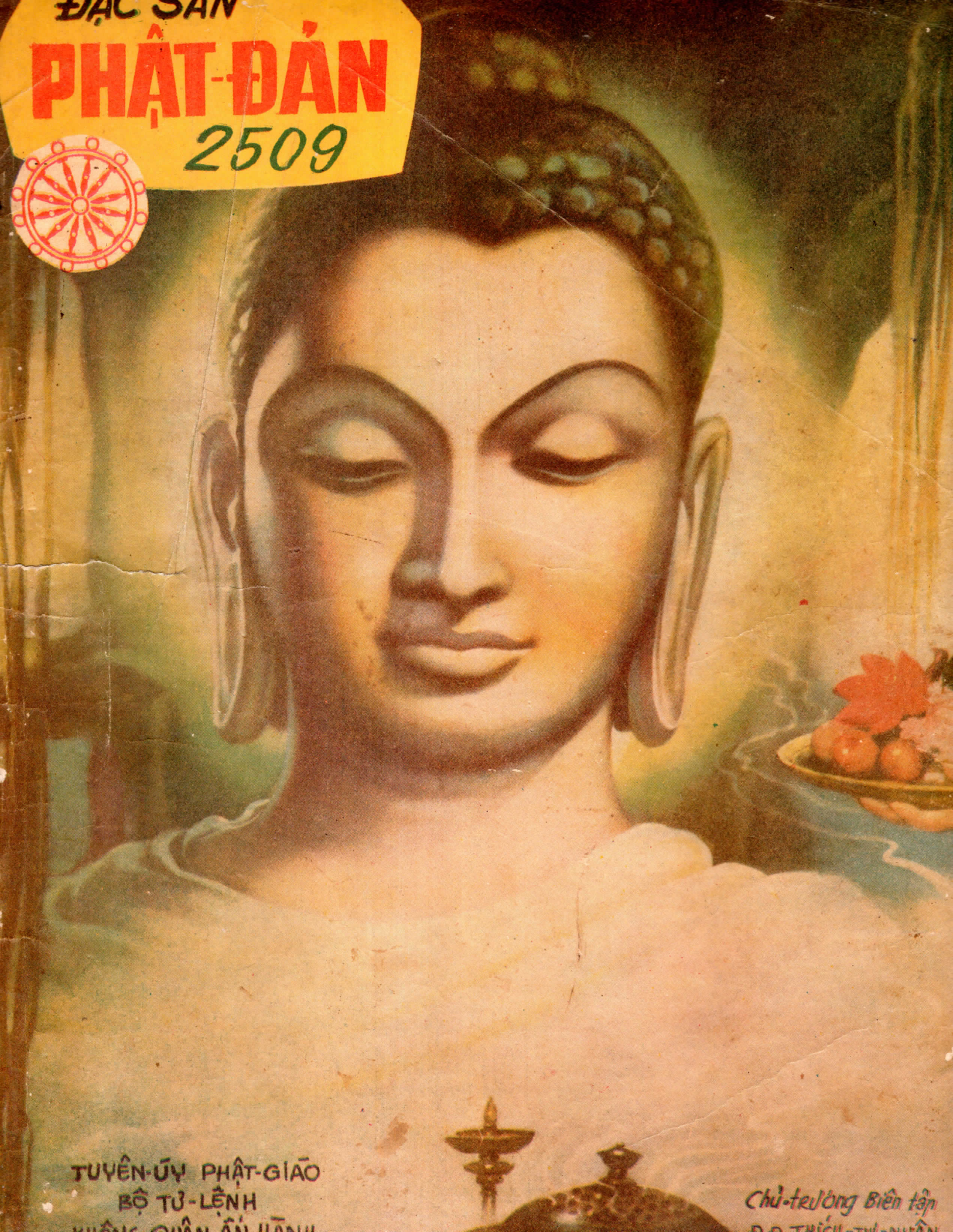
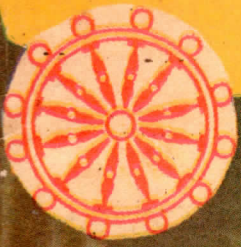


ĐẶC SẢN
PHẬT-ĐẢN
2509



TUYÊN-UY PHẬT-GIAO
BỘ TỬ-LỆNH

Chủ-tiêu Ông Biên tập

ĐẶC-SAN PHẬT-ĐẢN 2509

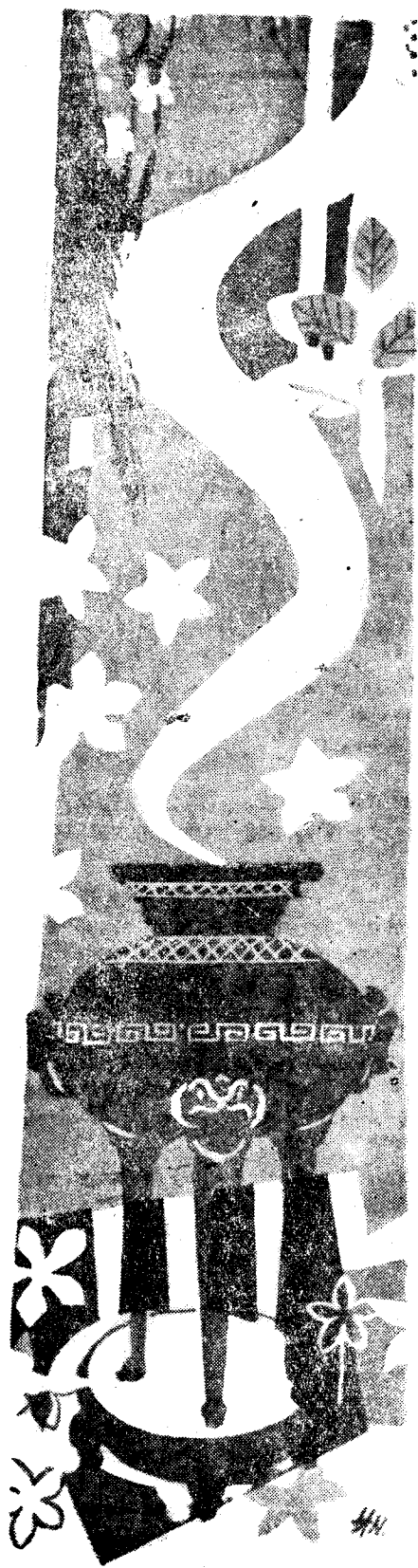
DO TUYÊN-ÚY PHẬT-GIAO KHÔNG QUÂN ẤN HÀNH
Chủ trương biên tập : ĐẠI ĐỨC THÍCH-THỊ-NHÂN
Tuyên-Úy-Trưởng Không-Quân

Với sự hợp tác của quý Thượng Tọa, Đại Đức : Thích Minh Châu, Thích Tâm Châu, Thích Tâm Giác, Thích Nhất Hạnh, Thích Thiện Châu, Thích Huyền Vi, Thích Tịnh Không, Thích Hộ Giác, Thích Đức Nhuận, Thích Thị Nhân.

Cùng các nhà văn, nhà thơ, khả luận, bình luận, nhạc và kịch tác giả : Vũ Hoàng Chương, Đoàn Quốc Sỹ, Đinh Hùng, Huy Quang, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Vỹ, Minh Đức Hoài Trinh, Thái Huy Quang, Diệu Bình, Try Vũ, Hoài Thương, Tuệ Giác, Phương Tấn, Phan Ngô, Cao Nguyên Lang, Tâm Quán, Thâm Oánh, Tuấn Giang, v.v...

TỔNG PHÁT HÀNH :

Nhà sách HOA-NGHIÊM, 75A Trần Bình-Trọng — Cholon



NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa chư Thượng Tọa

— Đại Đức

quý Đạo Hữu

Anh chị em Quân nhân Phật Tử

và Chư vị Độc giả.

Cách đây 2509, ngày Đức Như-Lai đản sinh, đem ánh đạo vàng reo rắc tình thương cho chúng sinh quần quại trong bể khổ trập trùng.

Đức Như-Lai là hiện thân của **TÌNH THƯƠNG** cao cả. Vì chúng sinh đau khổ quá nhiều, Đức Thế Tôn đã tìm cho nhân loại một con đường tu Đạo để diệt khổ, diệt luân hồi, để đưa con Người vào Niết Bàn Quả.

2509 năm trôi qua, ánh đạo vàng của Như-Lai đã cứu vớt muôn ngàn ức triệu chúng sinh vất vưởng trong cõi u-minh.

Ngài đã bỏ hết giàu, sang, phú quý, vợ con, và thân thích, để vì chúng sinh mà tìm ra con đường Tu Đạo, hầu đem lại an lành cho nhân loại đau thương.

Cuộc sống của Con Người thay vì mỗi ngày một tốt tươi, no ấm, công bằng và nhân đạo thì, ngược lại, chúng sinh vẫn còn luân quần trong vòng DANH, LỢI, đắm chìm trong THAM, SÂN, SI, không biết tìm đường về cõi Phúc bằng nguyện cầu cho tình thương con người được phát triển.

Ánh đạo Từ Bi của Đức Như-Lai, thể hiện trong mỗi chúng sinh kể từ lúc lọt lòng mẹ, nhưng đạo tâm của chúng sinh mỗi ngày một mờ tối, cũng vì chúng sinh không tìm Đạo giải thoát của Như-Lai.

2509 năm trôi qua, từ xã hội này qua xã hội khác, từ biên giới này đến biên giới khác, từ màu xanh, màu đỏ, màu vàng, con người luôn luôn quay cuồng trong sự chật hẹp, vị kỷ và tham tàn, khiến nhân loại đã đau khổ lại càng đau khổ hơn.

Đề cầu nguyện cho HÒA BÌNH vĩnh cửu, cho tình thương con người không còn hình ảnh của oán thù, chém giết, chúng ta kỷ niệm ngày Đản Sinh của Đức Thế Tôn năm 2509 này, bằng cách Tu Tâm, Tìm Đạo, khuyến khích mọi người, kể cả những người không cùng một quan niệm, không cùng một xu hướng, không cùng một tư tưởng, không cùng một biên giới, không cùng một màu da và sắc thái để đem lại cho nhân loại một nếp sống yên vui, cho chúng sinh thoát vòng luân hồi nghiệp chướng, vì chỉ có Tình Thương mới giải quyết được trọn vẹn tất cả mọi OÁN THÙ kết nối.

Vì vậy, kỷ niệm năm thứ 2509, ngày Đức Như-Lai Đản Sinh, chúng tôi mạo muội cho ấn hành Đặc San Phật Đản của Anh, Chị, Em Quân nhân Phật Tử Không Quân để bắc nhịp cầu thông cảm, và nối kết tình thương giữa Người và Người, hầu xoa dịu được phần nào nỗi oán hờn chất chứa, nỗi thù hận triền miên vì THAM, SÂN, SI.

Chúng tôi nguyện cầu TAM BẢO hộ trì quý vị, để mỗi ngày một thêm TINH TIẾN phổ biến Đạo Pháp của Như-Lai trong tình huynh đệ ruột thịt, không phân biệt màu da, sắc áo.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Đại Đức **THÍCH-THỊ-NHÂN**

Tuyên Ủy Trưởng P.G.K.Q.



KINH CHUYỀN PHÁP-LUÂN

• T. T. THÍCH-MINH-CHÂU

(dịch từ Pa-Li)

« Nay các Tỷ-kheo, có hai điều thái quá, người xuất gia không nên theo. Thế nào là hai ? Một là mê đắm dục lạc, ha liệt phàm phu, không xứng Thánh Hạnh, không thiết lợi đạo. Hai là tu khổ hạnh, khổ đau, không xứng Thánh hạnh, không thiết lợi đạo. Nay các Tỷ-kheo, chính nhờ từ bỏ hai điều thái quá này, Đức Như-Lai giác ngộ con đường trung đạo, con đường đem đến pháp nhãn, trí tuệ, đưa lại an tịnh, thương trí, giác ngộ, Niết bàn ».

« Nay các Tỷ-kheo, con đường trung đạo, do Đức Như-Lai giác ngộ, con đường đem đến pháp nhãn, trí tuệ, đưa lại an tịnh, thương trí, giác ngộ, Niết bàn là gì ? Chính là con đường Thánh tám ngành : chánh trí kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, chính con đường ấy là con đường trung đạo, do Đức Như-Lai chứng ngộ, con đường đi đến pháp nhãn, trí tuệ, đem đến an tịnh, thương trí, giác ngộ và Niết bàn ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây chính là khổ thánh đế : sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, thân ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm uẩn chấp thủ là khổ ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây chính là Tập Khổ Thánh đế. Chính là ái đưa đến hữu, tương ứng với hỷ và tham, tìm cầu hoan lạc chỗ này, chỗ kia, chính là dục ái, vô sanh ái ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây chính là diệt khổ thánh đế. Chính là sự diệt tận, vô dục, từ bỏ, xả ly, giải thoát, tự tại đối với các ái ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây chính là đạo diệt khổ thánh đế, đưa đến diệt khổ, chính là con đường thánh tám ngành : chánh tư kiến, chánh trí duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định ».

« Nay các Tỷ-kheo, pháp khổ thánh đế này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta, sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo pháp khổ thánh đế đã được chứng nghiệm này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây là Tập khổ thánh đế, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp Tập khổ thánh đế cần phải đoạn diệt này, đối với các pháp từ trước chưa được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp Tập khổ thánh đế đã được đoạn diệt này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang ».

« Nay các Tỷ-kheo, đây là Diệt khổ thánh đế, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp diệt khổ thánh đế cần phải chứng nghiệm này, đối với các pháp từ trước, chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp diệt khổ thánh đế đã được chứng nghiệm này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang ».

« Nay các Tỷ-kheo, đạo diệt khổ thánh đế này đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp đạo diệt khổ thánh đế cần phải tu tập này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang. Nay các Tỷ-kheo, pháp đạo diệt khổ thánh đế đã được tu tập này, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính từ nơi ta sanh nhân, sanh trí, sanh huệ, sanh minh, sanh quang ».

« Nay các Tỷ-kheo, nếu tư kiến như thực của ta đối với bốn pháp thánh đế này cùng tận 3 chuyển, 12 luân, hoàn toàn thanh tịnh, thời ta không tuyên bố với các hàng chư thiên, ma vương, phàm thiên, với các chúng Sa môn và Bà la môn gồm cả ngoại thiên rằng : Ta đã chứng ngộ vô thượng chánh đẳng, chánh giác. Nay các Tỷ-kheo, khi tư kiến như thực của ta đối với bốn pháp thánh đế này, cùng tận 3 chuyển, 12 luân, hoàn toàn thanh tịnh chỉ khi ấy, nay các Tỷ-kheo, ta mới tuyên bố với các chư thiên, ma vương, phàm thiên, và các chúng Sa môn và Bà la môn gồm cả ngoại thiên rằng : Ta đã chứng ngộ vô thượng chánh đẳng, chánh giác. Và chính nơi ta, tư kiến sanh, tâm ta đã được giải thoát chắc chắn. Đây chính là đời sống cuối cùng của Ta. Nay không có đời sống nào khác nữa ».



HUẤN TỪ'

của

THƯỢNG-TỌA THÍCH-TÂM-CHÂU
 VIỆN-TRƯỞNG VIỆN-HÓA-ĐẠO GỠI ANH EM
 QUÂN-NHÂN PHẬT-TỬ NHÂN DỊP LỄ
 PHẬT-ĐẢN 2509

Ngày kỷ-niệm đấng Tổ-Phụ đã vi
 với bao người con Phật. Tôi cầu mong
 ánh sáng tổ-bi, trí-tuệ của Ngài sẽ
 viên-bưng nơi cổ lòng chúng-sinh,
 sẽ đem lại sự an-lạc, giải-thoát cho
 tất cả. Nh em quân-nhân và gia-
 đình Phật-Tử' được hưởng nhiều sự tốt
 lành trong dịp này để làm trọn nghĩa-
 vụ đối với quốc-gia, dân-tộc và đạo-pháp
 Saigon, mùa Phật-đản



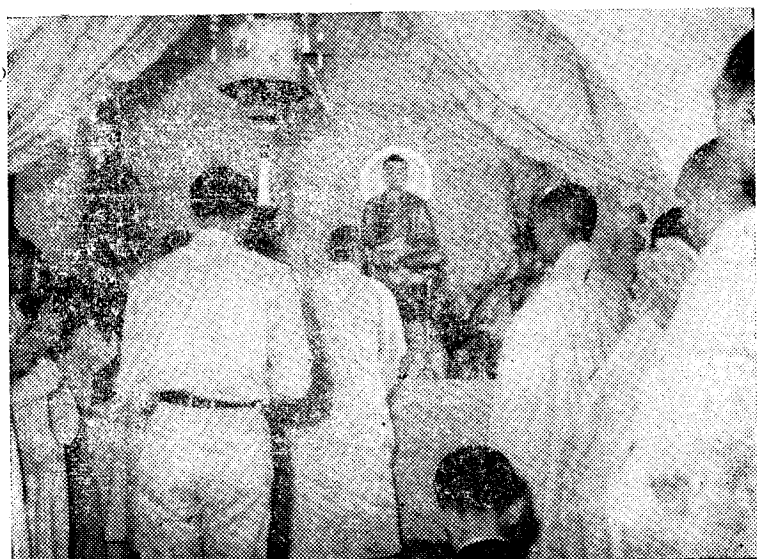
T. Tâm-Châu



Sáng ngày 9-1-1965, lễ rước Phật từ chùa Đại-Giác (Phú Lâm) về Niệm Phật Đường Phòng Tuyên Uy Phật giáo Không Quân, đã được cử



Lễ rước Phật từ chùa Đại-Giác Phú-Lâm về an vị tại Phòng Tuyên úy Không Quân trại Phi Long.



Dưới sự chủ lễ của Thượng Tọa Viện-Trưởng Viện Hóa Đạo, lễ an vị Phật đã cử hành vô cùng trọng thể.

LỄ AN VỊ PHẬT TÔ

TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG TUYÊN-UY PHẬT-GIAO
B. T. L. K. O. NGÀY 9-1-1965 TẠI TRẠI PHIL-LONG

hành trọng thể với sự tham dự của một số đồng Thượng Tọa, Đại Đức, Sĩ quan, Hạ sĩ quan và binh sĩ Không Quân cùng gia đình Phật tử tại trại Phi Long Tân Sơn Nhứt.



Đại tá Nguyễn-Ngọc-Loan Tư Lệnh Phó Không Quân đại diện Thiếu tướng Nguyễn-Cao-Kỳ, Tư Lệnh Không Quân dâng lễ niệm hương.

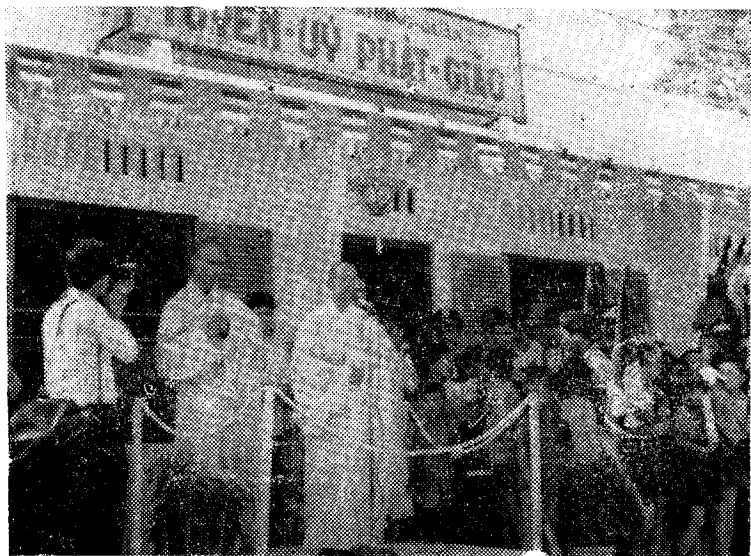
Lễ an vị Phật do Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu, Viện trưởng Viện-Hóa-Đạo làm chủ lễ, đã khởi sự sau khi Thượng-Tọa Viện trưởng và Đại tá Nguyễn-ngọc-Loan, Tư-Lệnh Phó Không Quân đại diện Thiếu Tướng Tư Lệnh Không Quân, niệm hương trước Phật-Đài, trong khi cử ba hồi chuông Bát Nhã.

Sau đó Thượng-Tọa Viện trưởng đã ngỏ lời với Phật tử Không Quân, trước sự hiện diện của



Quý vị Thượng Tọa, Đại Đức, anh em Quân nhân Phật tử Không Quân và gia đình tham dự đồng đạo.

quan khách, khuyến khích các quân nhân Phật tử hãy noi theo và thể hiện tinh thần Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ-Bi của Phật Tồ, để hoàn thành nhiệm vụ đạo pháp và làm việc cho dân.



Thượng Tọa Thích-Tâm-Châu Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, ban huấn từ.

Thượng-Tọa Viện trưởng cũng không quên nhắc nhở các quân nhân Phật tử phải đoàn kết với các bạn có tín ngưỡng khác nhau, hầu làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng cao cả, đem đất nước đến vinh quang thực sự.

Đề kỷ niệm lễ an vị Phật này, Thượng-Tọa Viện trưởng Viện-Hóa-Đạo đã trao tặng một số huy hiệu hình tượng Đức Phật cho các quân nhân Phật tử Không Quân.



Trên khán đài danh dự Thượng Tọa nhắc nhở nhiệm vụ của người Quân nhân Phật tử trong giai đoạn hiện nay.

Người đang chung với Thượng Tọa Viện Trưởng là Đại Đức Thích-Thị-Nhân.

Trước khi chấm dứt buổi lễ, Thiếu tá Lê văn Sai đại diện quân nhân Phật tử Không Quân đã ngỏ lời cảm tạ các Thượng Tọa, Đại Đức cùng quan khách và cầu chúc các quân nhân Phật tử cố gắng để tiến triển trên đường tu học giáo lý nhà Phật.

THÀNH LẬP BAN ĐẠI DIỆN LÂM THỜI

PHẬT-TỬ KHÔNG-QUÂN TÂN-SƠN-NHẤT

Ngày 18 tháng 11 năm 1964 hồi 10h30 tại Hội trường Phi Long, Không đoàn 33, một buổi họp của các quân nhân các cấp Phật Tử Không Quân thuộc các đơn vị, cơ quan, phòng sở đồn trú tại Không Đoàn 33 đã được triệu tập để bầu 1 ban Đại Diện Phật Tử Không Quân dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Thị Nhân, Tuyên úy trưởng phòng Tuyên úy Phật giáo Không Quân.

Sau những nghi thức thường lệ, cuộc bầu cũng đã diễn ra trang nghiêm và đem lại kết quả tốt đẹp.

Sau đây là thành phần Ban Đại Diện Phật Tử Không Quân Tân Sơn Nhất.

Kết quả cuộc bầu cử vào thành phần Ban Đại Diện Phật Tử Không-Quân Tân Sơn Nhất như sau :

CỐ-VẤN DANH-DỰ

— Thiếu-Tướng Nguyễn-cao-Kỳ : Tư-Lệnh Không Quân

BAN CỐ VẤN

— Đại-Tá Nguyễn-ngọc-Loan		: Cố-Vấn
— Đại-Tá Lê-trung-Trực		: —
— Tr. Tá Đặng-dinh-Linh		: —
— Th. Tá Dương-dinh-Tuân		: —
— Thiếu-Tá Lê-văn-Sai	Bộ TLKQ	: Chánh Đại Diện
— Trung-Tá Hà-xuân-Vĩnh	KĐ 33	: Đệ 1 Phó Đại-Diện
— Thiếu-Tá Phan-huy-Long	—	: Đệ 2 Phó Đại-Diện
— Thiếu-Tá Võ-xuân-Lành	—	: Đệ 3 Phó Đại-Diện
— Thiếu-Tá Dương-xuân-Nhơn	Bộ TLKQ	: Tổng Thư-Ký
— Th. Sĩ I Nguyễn-Mạo	—	: Đệ 1 Phó Tổng Thư-Ký
— Tr. Sĩ I Vũ-huy-Cương	—	: Đệ 2 Phó Tổng Thư-Ký
— Đại-Ủy Phạm-xuân-Duyệt	TTQTKQ	: Chánh Thủ-Quỹ
— Th. Sĩ I Trương-minh-Nghiệp	—	: Phó Thủ-Quỹ
— Đại-Ủy Trịnh-bá-Huệ	KĐ 33	: Ủy-Viên Xã-Hội
— Đại-Ủy Quách-thu-Vĩnh	—	: Phụ-Tá Ủy-Viên Xã-Hội
— Th. Sĩ Nguyễn-văn-Lương	Bộ TLKQ	: —
— Tr. Sĩ I Nguyễn-tất-Đạt	KĐ 33	: Ủy-Viên Hoảng-Pháp
(T.S I Đạt sẽ giới thiệu thêm cộng sự viên)		
— Th. Sĩ Vũ-văn-Việt	BTLKQ	: Ủy-Viên Thanh-Niên
— Hạ-Sĩ Trần-dinh-Quỳnh	KB 33	: — Phụ-Tá U.V.T.N
— Binh nhì Lê-văn-Sang	—	: — — nt —
— Tr. Sĩ Nguyễn-văn-Thông	BTLKQ	: Ủy-Viên Hộ-Niem
— Hạ-Sĩ Trần-dinh-Quỳnh	KĐ 33	: — Phụ-Tá U.V. Hộ Niệm
— Binh nhì Lê-văn-Sang	—	: — — nt —
— Th Sĩ Hoạch	TTQTKQ	: Ủy-Viên Gia-Bình
(Th. Sĩ Hoạch sẽ giới thiệu thêm cộng sự viên)		
— Th. Tá Phùng-văn-Chiêu		: Ban Kiểm-soát
— Đại-Ủy Nguyễn-khoa-Điễm		: —
— Đại-Ủy Nguyễn-văn-Tích		: —

Riêng việc bầu Các vị đại diện Quân-Nhân Phật-Tử các Đơn vị và các khu Gia-Đình nội trú Sĩ quan, Hạ sĩ quan và Binh sĩ sẽ được thông báo sau bằng 1 văn-thư.

Ban Đại Diện Phật Tử K.Q Tân Sơn Nhất với thành phần trên đây có nhiệm vụ soạn thảo nội quy hoạt động và chuẩn bị tiến tới 1 phiên họp khoáng đại giữa các quân nhân Phật-Tử đồn trú tại Tân Sơn Nhất để thành lập một Ban Đại Diện Phật Tử chính thức trong thời hạn tối đa là 6 tháng.

ĐỊA-VỊ QUAN-TRỌNG

của Tuyên-úy Phật-giáo trong Quân-lực Việt-Nam ngày nay

• Bài của TUỆ-GIÁC

CUỘC tranh đấu bảo vệ tự do của nhân dân Việt Nam phát xuất từ tư tưởng hữu Thần, nằm trong tiềm thức của bất cứ 1 người dân Việt nào còn có tinh thần yêu quốc gia yêu dân tộc.

Vì yêu quốc gia, yêu dân tộc, nên cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam hiện nay, ngoài mục đích giành lấy Độc lập và tự do mà còn để cho mỗi người Việt Nam được toàn quyền lựa chọn tín ngưỡng của mình nữa.

Bởi vậy cuộc tranh đấu hiện nay của nhân dân ta, ngoài phạm vi tranh đấu cho chủ quyền dân tộc mà còn tranh đấu cho một lý tưởng cao đẹp hơn, đó là lý tưởng hữu thần.

Trải trên 2.000 năm Văn hiến, dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng hòa bình trong danh dự, tranh đấu liên tục để bảo vệ tự do và độc lập qua bao cuộc quật khởi dưới ách bạo tàn của Đế Quốc Trung Hoa, thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Những cuộc quật khởi đẫm máu có lúc thành công cũng có lúc thất bại, nhưng tựu trung phát xuất từ nguồn bảo vệ quyền sống, bảo vệ chủ quyền của quốc gia.

Biết bao nhiêu chiến sĩ nhiệt huyết, biết bao nhiêu anh hùng liệt sĩ đã vì lý tưởng đó mà hy sinh tính mệnh cho dân tộc. Kiểm điểm lại tất cả cuộc tranh đấu oai hùng, những vụ, quật khởi vang danh sử sách, mọi người Việt Nam yêu nước không thể không công nhận, những thành tích đó đều do những chiến sĩ, không ít thì nhiều có tư tưởng Đạo Phật. Qua bao cuộc phục hưng đất nước, qua bao phen mở mang bờ cõi về phương Nam, qua bao cuộc đánh Tây, đánh Nhật, tất cả nam nữ công dân Việt Nam, từ trang sử đầu tiên cho tới nay, đều là chiến sĩ Phật Tử, tô điểm cho Tờ Quốc Việt-Nam thêm oanh liệt và huy hoàng,

Sự kiện lịch sử này dù ai xấu bụng tới đâu cũng không thể phủ nhận nổi.

Ngày nay, cuộc tranh đấu của dân tộc Việt đi qua một khúc quanh đặc biệt hơn quá trình tranh đấu trước đây.

Vì, ngoài lý tưởng tranh đấu cho chủ quyền đất nước, chúng ta còn phải tranh đấu quyết liệt với một chủ nghĩa vô cùng nguy hiểm, nằm trong ý thức hệ vô thần.

Chủ nghĩa « vô thần » phát xuất từ tư tưởng lao động hóa của chủ nghĩa Cộng Sản Quốc Tế đề xướng.

Nói một cách vắn tắt và nôm na như sau :

Cộng Sản cho rằng, do lao động tạo ra con người.— Vì phải tranh đấu cho cuộc sống bắt nguồn từ thời nguyên thủy, con người ngày nay là do 1 con « khỉ Người ». tranh đấu với thiên nhiên rồi dần dà do sức lao động hết thế kỷ này, qua thế kỷ khác, con người « khỉ » đó đã biến dạng thành con người ngày nay.

Vì lý luận như vậy, đặt trên giá trị lao động tạo con người, tạo xã hội, tạo nhân loại, chủ nghĩa vô thần đã phát xuất để liên tục đấu tranh đòi dành quyền tạo hóa.

Không tin tưởng luật nhân quả, không tin tưởng nhân duyên, nghiệp báo, nên họ không tin tưởng có một đấng thiêng liêng nào, có thể xoay chuyển được thế cờ « *lao động tạo con người* » của họ được.

Chính vì vậy, mà bất cứ ở đâu, bất ở địa hạt nào, chủ nghĩa vô thần cũng thực hiện việc đấu tố, giết chóc đẫm máu. Cảnh tang thương, điều đùng tràn lan khắp nơi khi có hình bóng của chủ nghĩa Cộng sản ở đó.

Cộng-sản tận diệt tín ngưỡng, bằng cách giải thích và bắt buộc mọi người phải ý thức mù quáng chủ nghĩa vô thần, qua sự giải thích về quan điểm lao động tạo thế giới, lao động đoạt quyền tạo hóa — Tất cả những vị lãnh đạo tinh thần về tôn giáo, Cộng-sản dùng nhiều biện pháp rất tinh vi, hoặc mua chuộc, hoặc bôi nhọ để lợi dụng, đề hạ uy thế, thủ tiêu, chém giết, khiến tín đồ không còn tinh thần đề nghị đến tự do tín ngưỡng nữa

Vì vậy, nói đến cuộc chiến tranh ngày nay thực sự không hoàn toàn trong phạm vi nhỏ bé là dành lại chủ quyền độc lập cho Quốc gia, mà thực sự là một cuộc tranh đấu một cò, một mắt giữa tư tưởng Hữu Thần và Vô Thần vậy.

Xác định rõ rệt cuộc tranh đấu gian khổ của dân tộc Việt ngày hôm nay, để minh định rõ rệt :

Phật-giáo không thể sống chung với Cộng-Sản được.

Chính vì vậy, mà vai trò Tuyên Ủy Phật giáo trong Quân đội thật là thiết yếu. Vì Tuyên Ủy là một vị tham mưu luôn luôn, đứng cạnh các chiến sĩ Phật Tử đề diu dắt, an ủi, khích lệ, lo lắng phát triển đạo Pháp, tăng cường *Đức tin*, chủ nghĩa hữu thần của chúng ta, vì trong Quân đội cũng như dân chúng 85 o/o đều là những người theo đạo Phật hoặc có tư tưởng đạo Phật.

Ngoài công việc hằng ngày là sốt sắng chăm lo vấn đề Phật sự, khích lệ anh em quân nhân học tập giáo lý, vị Tuyên-ủy Phật giáo cũng không quên vai trò lãnh đạo tinh thần của mình bằng những hành động cụ thể.

Phải xuống tận các đơn vị chiến đấu nhỏ cho đến lớn, gần hay xa xôi hẻo lánh để tổ chức nói chuyện, thuyết pháp, đề cao chủ nghĩa quốc gia dân tộc và đạo pháp, gây một đức Tin vững chắc cho toàn quân toàn dân.

Vì Tuyên-ủy không thể ngồi làm việc một nơi nhất định, một đơn vị không xê dịch, quá chú trọng đến lễ nghi, cùng hình thức sớm tối gõ mõ, niệm Phật, tụng kinh, mà nhiệm vụ chính yếu là 1 cán bộ có tinh thần vững chắc, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, lo lắng làm sao cho Đạo pháp cùng chủ nghĩa quốc gia dân tộc được phát triển, lo sao cho Đức Tin của Phật Tử mỗi ngày một vững chắc, lo sao cho tình thương của con người được phát triển cực độ, để đạo tâm của tin hữu mỗi ngày một lan tràn, khiến kẻ thù cũng phải lùi bước, để ánh sáng Từ Bi của Như Lai tỏa ngát hương sen, cho máu bớt đỏ, xương bớt rơi, chủ nghĩa vô thần trong cõi u-minh được ánh sáng của Ngài giác ngộ.

Thực hiện được trọng tâm công tác như vậy, vị sỹ quan Tuyên ủy Phật giáo đã hướng dẫn cuộc tranh đấu của dân tộc đến thắng lợi vẻ vang vậy.

TUỆ GIÁC

Nhân dịp lễ Phật - Đản 2509

THƯỢNG - TỌA THÍCH - TÂM - GIÁC

GIÁM - ĐỐC NHA TUYÊN - ỦY PHẬT - GIÁO

GỎI LỜI CHỨC MỪNG ANHEM QUÂN NHÂN PHẬT TỬ



Nhân dịp đại lễ Phật Đản 2509, tôi thân ái gửi lời thăm đến toàn thể anh em Quân nhân Phật Tử toàn quốc, và anh em Quân nhân Phật tử Không Quân nói riêng, và chúc anh em tâm thân an lạc thu được nhiều chiến công trong cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

Saigon, ngày 18 - 4 - 1965

T. T. THÍCH-TÂM-GIÁC

GIÁM-ĐỐC NHA TUYÊN-ỦY PHẬT-GIÁO

LỊCH - SỬ' CHU' PHẬT

• Bài của T.T. THÍCH-TÂM-CHÂU

1.- THẤT PHẬT THẾ - TÔN (7 đức Phật Thế - Tôn)

Phật-học chia thời-gian làm ba thời-kỳ : quá-khứ Trang-nghiêm-kiếp, Hiện-tại Hiền-Kiếp và vị lai Tinh-tú-kiếp. Trong mỗi thời kỳ này đều có một nghìn đức Phật ra đời độ sinh. Danh hiệu chư Phật rất nhiều nhưng, trong kinh thường thường nói tới danh hiệu bảy đức Phật Thế-Tôn (thất Phật Thế-Tôn) tức là chỉ vào ba vị cuối cùng trong kiếp quá-khứ và bốn vị trong kiếp hiện tại. Bảy vị ấy là :

1.— Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassin) con vua Bàn-đầu (Bandhumant) và bà Bàn - đầu - bà - đề (Bandhumati) thuở quá khứ.

2.— Đức Phật Thi-khí (Sikhin) con vua Minh tương (Aruna) và bà Quang-diệu (Pabhavati), thuở quá khứ.

3.— Đức Phật Tỳ-xá-phù (Vessabhù) con vua Thiện-đăng (Suppatia) và bà Xưng-giới (Yasavati) thuở quá khứ.

4.— Đức Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha) con ông Tự-đắc (Aggidatta) và bà Thiện-chi (Visàkhà) kiếp Hiện tại.

5.— Đức Phật Câu-na-hàm (Konagamana) con ông Đại - đức (Yannadatta) và bà Thiện - thắng (Uttarà) kiếp Hiện-tại.

6.— Đức Phật Ca - Diếp (Kassapa) con ông Phạm-đức (Brahmadatta) và bà Tài-chủ (Dhanavati) kiếp Hiện-tại.

7.— Đức Phật Thích-Ca Mưu-ni Giáo-chủ đạo Phật hiện tại.

Còn vị kế thừa đức Phật Thích-Ca sau này là đức Phật Di-Lặc.

2.- ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MƯU-NI

Vị Giáo-chủ Phật-giáo hiện tại là đức Phật Thích-Ca Mưu-ni (Sàkyamuni).

Ngài là vị Thái-tử tên là Tất-đạt-Đa (Siddhartha), con vua Tịnh-Phạn (Suddhodana) và Hoàng hậu Ma-gia (Maya) nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) thuộc Trung An-Độ. Ngài giáng sinh tại vườn Lam-tỳ-ni (Lumbini) vào ngày trăng tròn tháng hai Ấn-độ, tức tháng tư âm-lịch Trung-hoa (theo phong tục nước ta làm lễ khánh đản Ngài vào ngày mồng tám tháng tư âm lịch).

Ngài thông minh, đỉnh ngộ, tài trí hơn người.

ĐƯỜNG TIỀN

của NHÂN - LOẠI

Đ.D. ĐỨC-NHUẬN

PHẬT giáo là tất cả. Chứng minh cho câu nói ấy, ta hãy căn cứ vào điểm xuất phát tối sơ trong lịch sử truyền bá Phật giáo. Từ hai mươi lăm thế kỷ và hiện nay, Phật giáo vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn nhân loại tiến bước trên đường thăng hóa.

Ta không lấy làm lạ. Chỉ vì tinh thần Phật giáo chưa bao giờ trái với sự việc nào, hạng người nào, ở đâu, khi họ biết hướng đến sự thật. Đạo Phật là sự thật. Đạo của ánh sáng và tình thương. Cho nên, Phật giáo, lan tràn đến đâu là được quần chúng hoan nghênh, cổ vũ, tin tưởng và phụng sự, khác nào vàng thái-dương chiếu tự trên cao, không một nơi nào không có ánh sáng.

Về không gian, đứng về bản thể luận mà xét, Phật giáo có từ khi có vũ trụ, có loài người, Phật giáo là đạo ánh sáng, là bản lai của vũ trụ, vạn hữu vẫn có, nên cũng nói : Có chúng sinh là có Đạo Phật.

Về thời gian Phật giáo phát nguyên từ Ấn Độ mà vị giáo chủ là Đức Thích Ca Mâu Ni, lần đầu tiên, Ngài thuyết pháp tại vườn hoa Lộc-Uyển sau lan gần khắp thế giới. Hiện nay với con số trên sáu trăm triệu tín đồ tôn sùng, ngưỡng mộ, những nhà bác học, triết gia học giả từ khắp nơi đều tìm đến với Phật và rất say sưa nghiên cứu giáo lý vô thượng của Ngài.

Bao nhiêu khám phá về vũ trụ nhân sinh, về quan niệm cuộc sống, về sự tiến hóa chung, Phật giáo đều giải quyết toàn mỹ. Nên cũng nói, Phật giáo là đạo của nhân loại, của chúng sinh, trong mọi thời đại, khắp mọi nơi.

Sự xuất hiện ánh sáng của Đức Thích Ca Mâu Ni là kẻ tinh của muôn vạn hương hoa. Từ bi và Trí Tuệ một điểm lành cho hết thảy chúng sinh trong cõi đại thiên, thế giới.

Đấng Đại-giác ra đời vì một sự đại-sự nhân-duyên là đem ánh sáng và an lành cho cuộc đời. Đức Phật chỉ là người đã giác ngộ lẽ sống, cuộc sống và đã sống theo đúng tinh thần giác ngộ ấy. Đứng về phương diện con người mà nói thì đạo Phật là đấng đã thành tựu một nhân cách tối cao, sau khi thể nhập với toàn thể vũ trụ vô biên. Ngài là hiện thân của muôn vàn ánh

Ngài nhìn đời bằng con mắt từ bi, Ngài muốn phá tan sự bất công, mê tín... đương thời, đem lại chân giá trị cho con người, cho chúng sinh thoát khổ, được vui. Ngài bỏ sự vinh hoa, khoái lạc ở đời đi xuất gia tìm đạo năm Ngài 29 tuổi.

Vượt bao chướng ngại, Ngài ngộ đạo năm 35 tuổi.

Sau khi giác ngộ, Ngài đi khắp nơi thuyết pháp suốt 45 năm ròng. Vừa năm 80 tuổi Ngài nhập Niết bàn tại rừng Sa-la, xứ Cưu-thi-na (Kusinagara). Xá-ly Ngài được chia cho tám nước xây tháp cúng dàng.

Đó là đời Ngài. Đời Ngài vì chúng sinh, phục vụ cho chúng sinh... đem lại sự an vui chân thực cho muôn loài, trong muôn thuở.

3.— ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ

A-Di-Đà (Amita) có nghĩa là « Vô lượng quang » (sáng láng không lường) « Vô lượng thọ » (sống lâu không lường).

Theo kinh Bi Hoa : Thuở quá khứ lâu xa, cõi San đề lam, có ông vua tên là Vô trạnh niệm. Do ông Bảo Hải đại thần khuyến tiến, nhà vua gặp được đức Phật Bảo Tạng. Nhà vua thành tâm cúng dàng, quy y, thụ giáo và phát nguyện độ sinh nên được đức Phật Bảo Tạng thụ ký : sau đây sẽ thành Phật hiệu là A Di Đà (Amita) ở nước Cực lạc phương Tây. Hiện tại Ngài đang thuyết pháp tại đó. Và, trong một kiếp xa xưa, Ngài là Pháp Tạng Tỳ khưu phát ra 48 đại nguyện độ tận chúng

sinh, nơi đức Thế-tự tại-vương Phật.

4.— ĐỨC ĐƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

Đức Được Sư Lưu ly quang Như lai, tiếng Phạm gọi là Bệ sát xã lữ rô (Bhaisajyaguru vaiduryapradharsa).

Ngài là Giáo chủ nước Tịnh lưu ly phương Đông. Ngài có mười hai đại nguyện độ sinh. Ngài có hai vị Bồ tát phụ tá là Nhật-quang biến-chiếu Bồ-tát và Nguyệt-quang biến-chiếu Bồ-tát.

B.— LỊCH-SỬ BỒ-TÁT

1.— DI-LẶC BỒ-TÁT

Bồ-tát Di-Lặc, gọi theo tiếng Phạm là Mai-đê-lê (Maitrya) dịch nghĩa là « Từ », là tên họ, nên gọi chung là « Từ-thị » ; tên là A-dật-đa (Adjita) dịch nghĩa là Vô-năng-thắng. Ngài sinh trong họ Bà-la-môn, thuộc Nam-thiên-trúc (Ấn-độ). Ngài là vị kế thừa đức Phật Thích-Ca Mưu-ni làm Giáo chủ cõi Sa-ba này trong tương lai. Hiện tại Ngài đang thuyết pháp trên cung trời Đâu suất.

2.— QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quán-Thế-Âm là dịch nghĩa chữ A-va-lô-ky-tết-va-ra (Avalokitesvara) của chữ Phạm và có nghĩa là vị Bồ tát quán sát tiếng kêu cầu của chúng sinh trong thế gian, mà độ cho họ được giải thoát. Quán-thế Âm, còn gọi là Quán tự tại.

Xưa kia Ngài là con trai cả vua Vô Trạnh

hào quang màu nhiệm chiếu sáng trần gian tăm tối, làm rung động thế giới mười Phương. Ngài đã nhìn thấu mọi thực trạng của các tầng lớp xã-hội : thông cảm sâu xa được hết nỗi đau khổ của kiếp người. Ngài thấy cần đề cao nhân bản, nhân tính, nhân chủ, đề phản đối lại chế độ bất công của xã hội Ấn Độ nói riêng, nhân loại nói chung. Vì dưới con mắt Đức-Phật, mọi người sinh ra đều mang sẵn trong dòng máu, và nước mắt cùng mặn. Tất cả đều bình đẳng. Nghĩa là chủ trương cách mạng hóa hoàn toàn, và quả nhiên, Ngài đã thắng trong mọi hoàn cảnh về vang, vô cùng rực rỡ, đã phá tan những thành kiến sai lầm về vũ trụ, nhân sinh, về quan niệm cuộc sống, về đạo đức luân lý trí tuệ, bình đẳng của giải thoát, với mục đích nâng cao giá trị con người lên. Chính Đức Phật Thích ca đã tuyên bố: «Tôi là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, tất cả đều có Phật tính ».

Những tư tưởng trên có trong tất cả các kinh-điển Phật giáo.

Sự yêu thương cũng từ đó, được truyền tiếp khắp nơi.

Đức Phật chính là hiện thân của một đóa hoa sen trong sáng ngát hương — Đức Phật là nguồn sống và lẽ sống bằng bạc trong muôn loài vạn vật — Đạo đức là đời, đời không xa đạo.

Cho nên, Phật giáo chủ trương khuyến khích con người bỏ ác làm lành, mà gốc của ác là gì ? Tham muốn, oán hờn, ảo tưởng..

Nhưng sao gọi là Thiện ? Chỉ khi nào con người thoát ngoài tham muốn, oán hờn, si mê lầm lạc, hòa điệu với toàn thể vũ trụ vạn hữu, trong đó con người cùng nhịp nhàng chung sống trong một nguồn sống vô tận.

Sự sống không thể chỉ căn cứ ở một vài sự kiện thực đơn giản, trái lại nó phải vươn lên, tiến tới hướng thượng, bao dung cao cả trong toàn mỹ. Vì biết rằng tất cả sự thực hiện hữu trong vũ trụ, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp ảnh hưởng lẫn nhau mà tạo thành. Vậy ta có thể lấy 2 kết luận : Một là tất cả : Toàn thể vũ trụ thành một vật — tất cả là một — Một vật ảnh hưởng đến toàn thể.

Dưới sự thật duyên sinh, trong một nguồn sống vô tận Đạo Phật đánh dấu sự tương quan mật thiết sâu xa giữa hết thảy, nên quan niệm của người Phật Tử chân chính là, ít sống cho mình, mà sống cho người, và nhiều khi đã mở rộng hai tay ôm vũ trụ vào lòng, mà đạo là lẽ sống, cách sống, và mọi sự sống trên đời.

Trong kinh Samyutta Nikaya chép lời Đức Phật giảng cho các đệ tử có những đoạn văn quan trọng như :

Niệm tên là Bất Thuần (Huyền). Ngài được thân thừa, cúng dàng đức Phật Bảo Tạng và được thụ ký : sau này sẽ được hiệu là Quán Thế Âm, phụ tá bên cạnh đức Phật A Di Đà ở cõi cực lạc. Và, sau nữa Ngài sẽ thành Phật hiệu là « Phổ quang công đức sơn vương Như Lai » ở cõi « Chúng bảo sở tập trang nghiêm ».

Ngài thường thị hiện nhiều thân để hóa độ chúng sinh.

3.— ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT

Đại thể Chí là dịch nghĩa chữ Mô-hát-tha-na pō rất ta (Mohasthanaprāta) của chữ Phạm và, theo kinh Quán-vô-lượng-thọ thời có nghĩa là « dùng ánh sáng trí tuệ soi khắp hết thảy, khiến chúng sinh trong 3 đường ác được giải thoát và được năng lực vô thượng ».

Xưa kia Ngài là con trai thứ vua Vô tránh Niệm tên là Ni-ma. Ngài được thân thừa, cúng dàng đức Phật Bảo Tạng và phát nguyện độ sinh mà được thụ ký : sau này sẽ được hiệu là Đắc đại thể (Đại thể Chí), phụ tá bên cạnh đức Phật A Di Đà ở cõi Cực lạc. Và, sau nữa Ngài sẽ thành Phật tên hiệu là « Thiện trụ công đức bảo vương Như Lai » ở thế giới « Đại thể ».

4.— VĂN THÙ BỒ TÁT

Văn Thù gọi đủ là Văn-thù-sư-ly và còn gọi là Mạn-thù-thất-ly (Manjusri). *Văn thù sư ly* dịch

nghĩa là « Diệu-Đức, Diệu-Âm, Diệu-cát-tướng » Xưa kia, Ngài là con thứ ba vua Vô tránh Niệm, tên là Vương chúng Thái tử. Do cúng dàng đức Phật Bảo Tạng và phát nguyện độ sinh Ngài được tên hiệu là Văn-thù-sư-ly và được thụ ký : sau đây sẽ thành Phật ở thế giới Thanh tịnh Vô cấu bảo chi và tên hiệu là Phổ Hiền Như Lai.

Ngài là vị Bồ tát hiệu thấu Phật tính, đầy đủ ba đức : Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát và Ngài đem ba đức vi diệu ấy giác ngộ chúng sinh. Ngài là vị có trí tuệ nhiệm mầu, hiện thân giúp đỡ sự truyền bá Phật pháp của đức Phật Thích Ca Mưu Ni.

5.— PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Phổ Hiền là dịch nghĩa chữ Tam-man-đa-bạt đà-la (Samantabhadra) của tiếng Phạm (Ấn độ). « Phổ Hiền » là nói về cái thể tính rộng khắp. Xưa kia, Ngài là con thứ tư của vua Vô tránh Niệm, tên là Năng-đà-nô. Do cúng dàng đức Phật Bảo Tạng và phát nguyện độ sinh, Ngài được thụ ký : sau đây làm hạnh Bồ tát sẽ được tên là Kim Cương trí tuệ quang minh công đức, rồi sau sẽ thành Phật ở thế giới Bất Huyền phương Đông và tên hiệu cũng là Phổ Hiền Như Lai. Ngài là vị Bồ tát Hóa thân giúp đỡ sự truyền bá Phật pháp của đức Phật Thích Ca Mưu ni. Ngài có mười đại nguyện thừa sự chư Phật, tự tu và độ sinh.

Hỡi những đệ tử của ta, các con đừng bao giờ để tâm trí vào những tư tưởng sau đây : thế giới hữu hạn, thế giới vô hạn — nhưng hãy để tâm trí vào những tư tưởng sau đây : Đây là khổ, đây là nguồn gốc đau khổ, đây là cái làm cho hết đau khổ, đây là con đường đưa đến chỗ tận diệt đau khổ, — mà con đường hướng dẫn nhân loại chúng sinh đi đến chỗ tận diệt đau khổ (giải thoát) là « Bát chánh Đạo » : Hiểu biết chân chánh, dùng lý trí để quán chiếu mọi sự vật một cách khách quan, có thể nói, đó là sự nhận biết lẽ huyền bí giữa vũ trụ và con người — Suy nghĩ chơn chánh : trao đổi tâm đức như, không tham, không giận v.v... Lời nói chân chính : Ôn hòa, không lừa dối, đặt điều xu nịnh, dèm pha việc làm chân chính : giữ giới trong sạch, làm những việc hữu ích... Đời sống chân chính : tâm trí cao thượng, không làm những việc gian dối, lừa đảo, bất nhân, phi nghĩa — Siêng năng chân chính : Tinh tiến làm các việc lành, hợp lý cho đạt được đích thành công... Nhớ tưởng chân chính : Suy xét và cảm nghĩ luôn đến Đạo chính — Định Tâm chân chính : Tư tưởng trong sáng, không bị phiền não, mê mờ xoay chuyển.

đời sống cao cả, trong sạch, hoàn toàn gương mẫu. Đây là nhiệm vụ trước tiên và sau cùng mà mọi công việc của Phật giáo đều hướng về mục đích ấy. Đạo Phật, nguồn sống của mọi sự sống. Ánh sáng và không khí cần cho cuộc đời bao nhiêu đạo Phật cũng cần cho cuộc đời bấy nhiêu, và hễ ở đâu có đạo Phật là ở đó bớt khổ, thêm vui. Đây là sự thật.

Đề tổng hợp ta thấy nguồn giáo lý của Phật giáo như sau : Tôn trọng sự sống và hiểu biết của con Người Hướng dẫn con người có một đường hướng đi lên, tự lực giải thoát, những ràng buộc tối tăm đau khổ kiến thiết một xã hội công bình và hạnh phúc, căn cứ trên quan điểm giáo dục con người về con người về ba phương diện Bi, Trí, Dũng.

Với một nội dung toàn diện nêu trên, Phật giáo tất nhiên đủ điều kiện chiếm được ưu thế trong mọi địa hạt : giáo dục, văn hóa, luân lý, đạo đức, nhất là đã gây một quá trình văn minh nhân loại ngàn xưa vào mãi mãi về sau này. Lịch sử đã chứng minh.

Phật giáo chính là một đường tiến của nhân loại.

6.— ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Địa-Tạng là dịch nghĩa chữ *Khất-soa-đề-nghiệt-sa* (Ksitigarbha) của tiếng Phạn. « *Địa-Tạng* » có nghĩa là an-nhẫn bất động như đại địa suy nghĩ sâu xa kín-đáo như kho-tàng bí-mật.

Tiền thân của Ngài theo kinh *Địa-tạng* nói thì rất nhiều nhưng, đều do hiếu-hạnh và lòng từ bi của Ngài mà Ngài phát ra thệ nguyện rộng lớn : « *địa-ngục* rộng không, chúng-sinh độ hết mới thành Phật ».

Trên cung trời *Đạo-lý* đức Phật Thích-Ca Mưu-ni phó-chức cho Ngài cứu-độ chúng-sinh sau khi Ngài nhập Niết-bàn cho đến lúc đức Phật Di-Lạc ra đời.

7.— CHUẨN-ĐỀ BỒ-TÁT

Chuẩn-Đề (Candi) có nghĩa là « thanh tịnh », là lời tán-thán « tâm-tĩnh thanh-tịch ». Ngài là vị Pháp-thân Bồ-tát, thường được tôn-xưng là « *Thiên-Nhân Trượng-phu Quán-âm* », là « *Thất câu-chi Phật-mẫu* ». Ngài thường thuyết *Đà-la-ni* cho chúng-sinh tu-tập, cho tâm-tĩnh thanh-tịch để đạt tới chỗ Đại-giác.

C.— LỊCH-SỬ THÁNH-TĂNG, TÔ-SU

1.— THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ

(10 vị Đại đệ tử của Phật)

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni độ rất nhiều đệ tử nhưng, có mười vị cao đệ như sau :

1.— Ngài *Xá-ly-Phất* (Sariputra) : Tàu dịch là *Thu lộ tử* (con bà *Thu lộ*). Bà này có con mắt sáng như chim *Thu lộ*. Ngài thuộc dòng *Bà-la-môn* con ông *Ưu-bà-đề-xá* và bà *Xá-ly*. Ngài là vị *Trí-tuệ đệ nhất*.

2.— Ngài *Mục-kiền-liên* (Maudgalyàyana) : Tàu dịch là *Đại-tán-tụng* (hay *tán-tụng*). Ngài thuộc dòng *Bà-la-môn* tên cha là *Câu-ly-ca*, tên mẹ là *Mục-kiền-liên*. Ngài là vị *Thần-thông* (du hành tự tại) *đệ nhất*.

3.— Ngài *Ca-Điếp* (Kasyapa) : Tàu dịch là *Am-Quang* (Át ánh sáng). Ngài người nước *Ma-kiệt-đà*, dòng *Bà-la-môn*, thân phụ là *Âm-trạch*, thân mẫu là *Hương-chí*. Ngài là vị *đầu đà* (*Dhuta* : khát thực, khổ hạnh) *đệ nhất*.

4.— Ngài *A-na-luật* (Aniruddha) : Tàu dịch là *Như-ý vô tham* (được như ý, không tham lam). Ngài là em thúc bá với Phật. Ngài là vị *Thiên-nhân* (mắt trông suốt) *đệ nhất*.

5.— Ngài *Tu-Bồ-Đề* (Subhùti) : Tàu dịch là *Thiện-Hiện* (sự diệu-thiện hiển hiện). Ngài con ông *Trưởng giả* thành *Xá vệ*. Ngài là vị *Giải không* (hiếu rõ lẽ chân không) *đệ nhất*.

6.— Ngài *Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử* (Canùrt-maitràyaniputra) : Tàu dịch là *Mãn từ tử* (con bà *Mãn từ* : đầy đủ lòng nhân từ), Ngài người xứ *Ba-la-nại*, trước tu đạo *Tiên*, đắc đạo, sau quy-y Phật là vị *Thuyết pháp* *đệ nhất*.

(xem tiếp trang 14)



NGƯỜI CÔNG - SẢN

ười VĂN-ĐỀ TÍN-NGƯỠNG

• Bài của DIỆU-BÌNH

— Để kính tưởng niệm Đại Đức Thích-Nguyên-Từ đã tự thiêu ngày 28-3-65 tại Bình-Định để phản đối Việt Cộng đàn áp Phật-giáo.

NHIỀU người dễ tin cho rằng :

Cộng Sản vẫn duy trì tự do tín ngưỡng ở những vùng họ chiếm đóng, như ở bất cứ một quốc gia nào.

Lại cũng có người ngây thơ hơn nữa, còn cho rằng :

Đường lối tranh đấu của Cộng Sản ngày nay nảy sinh trong nền triết học Phật giáo. Khác chăng là do hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh khoa học, việc áp dụng lý thuyết nhà Phật ở các nước Cộng sản tùy nghi co-rãn, nhưng tựu trung đều không đi ngược lại lòng từ bi, hỉ xả của

Đức Thích-Ca mâu-Ni-Phật.

Cộng sản lý luận rằng :

Giáo lý nhà Phật đưa con người đến toàn thiện, toàn mỹ, thực hiện bình đẳng cho mọi giai cấp trong xã hội, mọi người đều phải được hưởng thụ đồng đều kể từ miếng cơm, manh áo, từ chỗ ăn, chỗ ở, đẹp bỏ mọi bất công, cách biệt giữa người và người trong cộng đồng thế giới. Và, chủ nghĩa Cộng Sản cũng chủ trương như vậy.

Cộng Sản đem thuyết nhân quả để giải thích cho một nhân sinh quan mới, khoa

học hơn, đó là duy vật biện chứng pháp, cũng được bắt nguồn trong giáo lý nhà Phật qua thập nhị nhân duyên.

Lý luận đơn giản và bịp bợm như vậy, thì mấy ai thoát lưới lường gạt xảo quyết của cộng sản nôi.

Cho nên, ở các vùng do cộng sản chiếm đóng, Phật giáo đi dần đến chỗ suy sụp, đổ vỡ hoàn toàn hệ thống triết học chính thống, mà các tín đồ Phật giáo đều không hay biết, ngay cả các vị tăng sĩ cũng bị

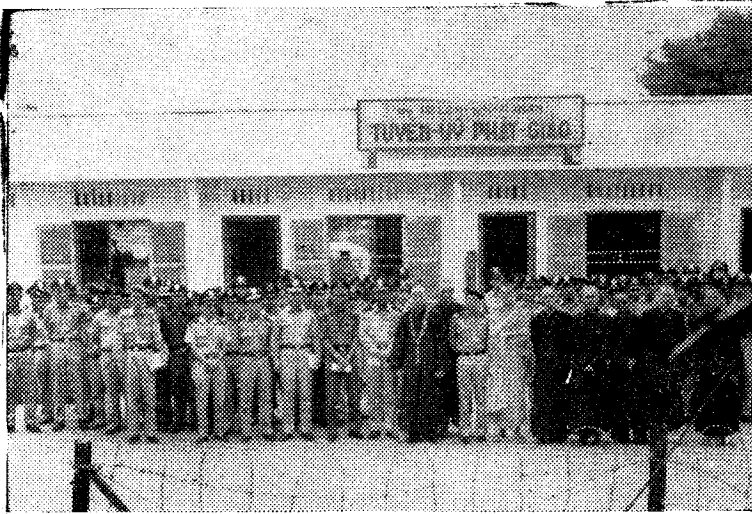
(xem tiếp trang 14)

THƯỢNG-TỌA THÍCH-TÂM-GIÁC

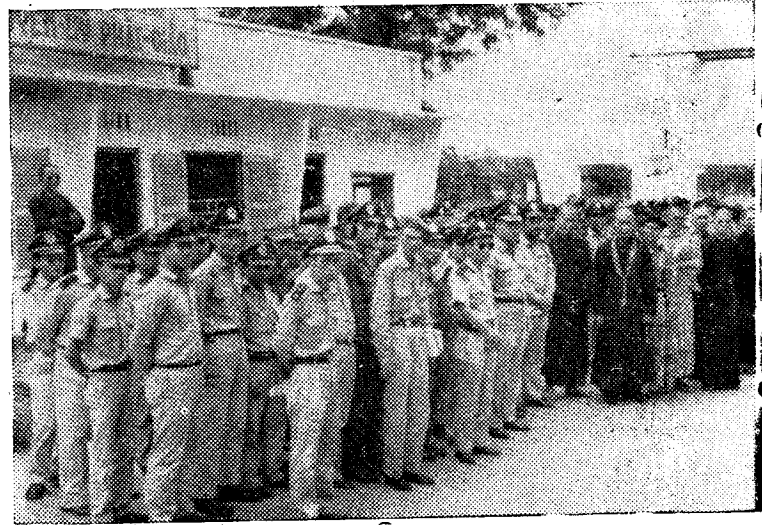
VIẾNG THĂM BỘ TƯ -

Sáng ngày 7-11-1964 hồi 10 giờ, Thượng-tọa Thích-Tâm-Giác Giám-đốc Nha Tuyên-úy Phật-giáo đã hướng dẫn một phái đoàn đến thăm xã giao Thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ Tư-lệnh Không-Quân, và dự lễ khánh thành phòng Tuyên úy Phật-giáo Không-Quân do Đại-đức Thích-thị-Nhân làm Tuyên úy Trưởng.

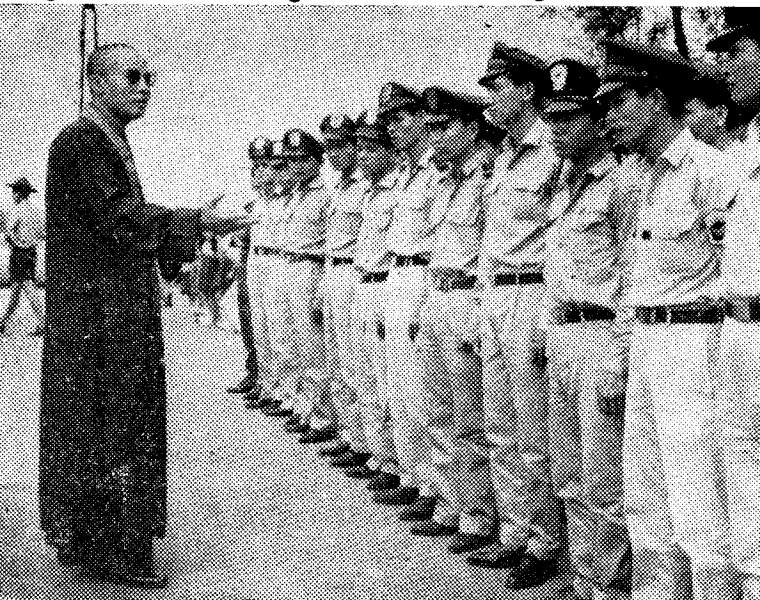
Tháp tùng phái đoàn có Đại-đức Thích-thanh-Long, Trưởng phòng Giáo vụ, Đại-Đức Thích-Tâm-Thành, Trưởng ban xã hội, và Trung úy Nguyễn-thụy-Hòa, chánh Văn phòng của Thượng-tọa Giám-đốc.



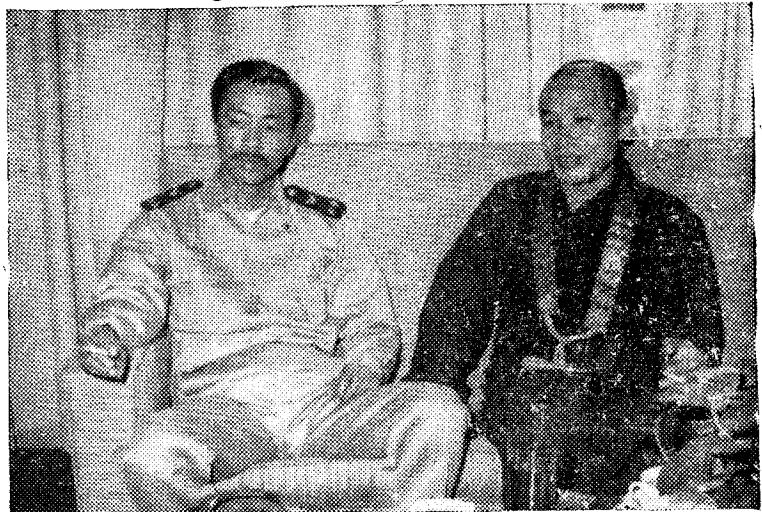
Thượng-Tọa Thích-Tâm-Giác và phái đoàn chụp chung bức hình kỷ-niệm trước phòng Tuyên-úy Phật-Giáo Không-Quân.



Thượng-Tọa Giám-Đốc và phái đoàn trước khi rời phòng Tuyên-úy Không-Quân để viếng thăm xã giao Thiếu-Tướng Tư-Lệnh Không-Quân.



Thượng-Tọa Giám-Đốc ban huấn từ cho anh em Quân-nhân Phật-tử Không-Quân.



Cuộc hội kiến thân mật giữa Thượng-Tọa Giám-Đốc và Thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ Tư-Lệnh Không-Quân.

GIÁM - ĐỐC NHA TUYÊN - ỦY PHẬT - GIÁO

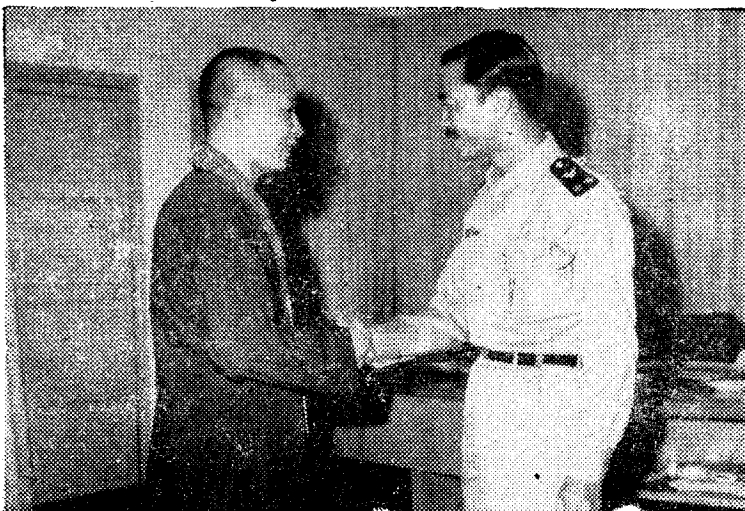
LỆNH KHÔNG - QUÂN



Thượng-Tọa Thích-Tâm-Giác đang đàm đạo với 2 vị Tướng : Nguyễn-Cao-Kỳ và Nguyễn-Chánh-Thị.

Trong cuộc tiếp xúc với anh em Phật tử Không Quân, Thượng tọa Thích-Tâm-Giác đã nói rõ bổn phận của một quân nhân Phật tử trong giai đoạn hiện tại, đồng thời minh xác vai trò của Tuyên úy Phật giáo là những người trung gian đạo đạt ý nguyện của quân nhân lên cấp chỉ huy, cũng như giải thích mọi thắc mắc về đời sống tinh thần của anh em.

Sau khi vào thăm phòng Tuyên úy Phật giáo Không Quân, Phái đoàn tới thăm Thiếu tướng Tư



Thượng Tọa Thích-Tâm-Giác Giám-đốc Nha Tuyên-úy Phật-giáo và Thiếu tướng Nguyễn-Cao-Kỳ trước khi cáo biệt.

Lệnh Không Quân. Thượng tọa Giám đốc đã trò chuyện thân mật với Thiếu tướng Nguyễn-Cao-Kỳ và Thiếu tướng cũng tự giới thiệu là một Phật tử thuần thành, khi thân mẫu của Thiếu tướng mệnh chung, mặc dầu gặp thời Nhu - Diệm đàn áp Phật giáo Thiếu tướng vẫn tổ chức đám táng theo nghi lễ Phật giáo, và có rất đông Chư tăng cũng như tín hữu đi hộ niệm.

Thiếu tướng còn cho biết, Phòng Tuyên úy Phật giáo hiện tại chỉ mới là văn phòng, trong chương trình dự định, Thiếu tướng sẵn sàng giúp đỡ để Không Quân có một ngôi chùa xứng đáng với nền tín ngưỡng cổ truyền vì đa số quân nhân Không Quân là Phật tử.

Thượng tọa Tâm Giám đốc đã tỏ ý rất tin tưởng nơi vị tướng Phật tử trẻ trung đầy nhiệt huyết và đạo tâm, cũng như những vị Phật tử thuần thành như Đại tá Trực, Đại tá Loan, Trung tá Vịnh, Thiếu tá Nhơn, v. v... nên Phật giáo Không Quân sẽ huy hoàng, sáng lạn trong một ngày gần đây.



LỜI TRI - ÂN

Nhân danh Tuyên-Ủy Trưởng Phật-Giáo Bộ Tư-Lệnh Không-Quân, tôi thành kính tri ân :

- Quý Thượng Tọa, Đại Đức, Đạo hữu đã góp bài cho Đặc San Phật Đản này thêm phần trang trọng và quý giá.
- Quý Thượng Tọa, Đại Đức, các Tỉnh Giáo Hội — Tuyên Ủy Trưởng các Quân Đoàn, Sư Đoàn, Trung Đoàn.
- Quý đạo hữu đã tận tình ủng hộ chúng tôi trong việc phổ biến sâu rộng Đặc San Phật Đản 2509 do chúng tôi chủ trương biên tập, đến tay các đạo hữu thuộc các Cơ Quan QUÂN DÂN CHÍNH.
- Thành kính tri ân quý vị Công Thương Kỹ Nghệ gia đã nhiệt liệt giúp đỡ, hoan hỉ đóng góp phần công quả bằng cách đăng quảng cáo trong Đặc San Phật Đản.

Thay mặt toàn thể Quân nhân Phật Tử
Bộ Tư Lệnh Không Quân

Đ. Đ. THÍCH-THỊ-NHÂN

Lịch-sử Chư-Phật

(tiếp theo trang 11)

7.— Ngài *Ca chiên diên* (Katyàyana) : Tàu dịch là *Tiền thế chủng* (dòng cắt tóc) dòng Bà la môn. Ngài quy Phật, là vị *Luận nghị* (bàn bạc) đệ nhất.

8.— Ngài *Ưu ba ly* (Upàli) : Tàu dịch là *Cận thủ* (giữ lấy sự thiết cận), thuộc giai cấp hèn hạ. Ngài quy Phật là vị *Trì luật* giữ luật đệ nhất,

9.— Ngài *La hầu la* (Rahula) : Tàu dịch là *Phú chướng* (bị sự ngăn che). Ngài là con Phật, đi xuất gia, là vị *Mật hạnh* (giữ hạnh nhiệm nhặt) đệ nhất.

10.— Ngài *A Nan Đà* (Ananda) : Tàu dịch là *Khánh hỷ* (vui mừng) là em thúc bá với Phật. Ngài đi xuất gia, là vị *Đa văn* (nghe nhiều) đệ nhất.

2.— HẠM TÁM VỊ TỔ SƯ ẤN ĐỘ

Thiền tôn Ấn Độ tương truyền được hai mươi tám vị như sau :

1. Ngài *Ca Diếp*.

2. Ngài *A Nan Đà*.

3. Ngài *Tương na hòa tu* (Sànavàsa) Tàu dịch là *Ma y* (áo gai). Ngài là đệ tử ngài A Nan. Ngài là người ở nước *Mạt đột la*, họ *Tỳ xá da*, thân phụ là *Lâm Thắng*, thân mẫu là *Kiều xa da*.

4. Ngài *Ưu bà cúc đa* (Upagupta) : Tàu dịch là *Đại Hộ* (giúp đỡ nhiều) : Ngài là đệ tử ngài *Thương na hòa tu*. Ngài là người *Sát ly quốc*, họ *Thủ đà*, thân phụ là *Thiện ý*.

5. Ngài *Đề đa ca* (Dhrtaka) : có nghĩa là *mộng lạ* : Ngài là đệ tử ngài *Ưu bà cúc đa*. Ngài là người ở nước *Ma già đà*, tên là *Hương chúng*.

6. Ngài *Di già ca* : Ngài sinh trưởng tại miền *Trung Ấn độ*. Ngài là đệ tử ngài *Đề đa ca*

7. Ngài *Bà tu mật* (Vasumitra) : Tàu dịch là *Thế Hữu* (bạn của đời) : Ngài là đệ tử ngài *Di già ca*. Ngài họ *Phả loa đọa*, người *Bắc Thiên trúc*.

8. Ngài *Phật đà nan đề* : Ngài là đệ tử ngài *Bà tu mật*. Ngài họ *Cồ Đàm*, sinh trưởng tại nước *Ca ma la*.

9. Ngài *Phục đà mật đa* : Ngài là đệ tử ngài *Phật đà nan đề*. Ngài họ *Tỳ xá la*, nước *Đề già*.

10. Ngài *Hiếp Tôn giả* (tiếng Phạm gọi là *Bà lật thấp phạ* : Bàrsa) : Tên húy là *Nam sinh*. Ngài là đệ tử ngài *Phục đà mật đa*. Ngài sinh tại *Trung Ấn độ*.

11. Ngài *Phủ na da xá* (Punyayasas) : Ngài là đệ tử ngài *Hiếp Tôn giả*. Ngài là con thứ 7 ông *Bảo thân*, dòng họ *Cồ Đàm*. nước *Hoa thị*.

12. Ngài *Mã Minh* (tiếng Phạm gọi là *A thấp phạ lũ sa* : Asvaghosa). Ngài là đệ tử ngài *Phủ na da xá*. Ngài sinh trưởng tại nước *Ba la nại*

Người Cộng-Sản

VỚI VẤN-ĐỀ TÍN-NGƯỠNG

(tiếp theo trang 11)

lầm lạc, đã vô tình làm tay sai cho cộng sản để phá hoại đạo pháp.

Phật giáo nói rằng : « Đạo Phật là Đạo Thật » thì cộng sản cũng nói rằng : « Khoa học là Sự Thật », Khoa học chứng minh cho sự thật mà lao động thì tạo ra khoa học. Cho nên cộng sản ngụy luận Đạo Phật là Đạo Khoa học chứng minh cho sự thật, cho nên vấn đề thần quyền là nhảm nhí.

Thực hiện được nền triết học Phật giáo là phải thực hiện được một xã hội không giai cấp, một tư tưởng xã hội chủ nghĩa, Cộng Sản đã chống với giáo lý của Phật tổ vì :

Triết học Mác-xít đã rút tĩa được tinh hoa nền triết học của Đức Thích Ca Mâu ni Phật.

Nếu dễ dãi và kém suy luận một chút, thì thấy luận điệu trên của Cộng Sản là đúng và Phật giáo có thể thỏa hiệp dễ dàng với Cộng Sản được.

Nhưng sự thực, trên thực tế, Cộng Sản có thể hiện lý luận của họ qua những sự việc, qua hành động không ?

Xin thưa : một ngàn triệu lần không. Đó là một giải đáp vô cùng chính xác vậy.

Kiểm điểm qua các vùng do Cộng Sản chiếm đóng thì chúng ta thấy rõ ràng : Nền triết học Phật giáo và hệ thống tổ chức Phật giáo đã bị đánh đổ đến tận gốc rễ.

Từ các chùa chiền đến các niệm Phật đường tư gia, đều hương lạnh khói tàn. Quanh năm không có người lai vãng và lễ bái. Những nơi thiêng liêng này đã biến thành những kho lúa gạo của thuế nông nghiệp, hoặc nơi đóng quân của cộng sản. Tệ hơn nữa, còn có khi bị triệt hạ, san phẳng để lấy đất canh tác.

Các ruộng đất và vườn tược đều bị xung công và cưỡng đoạt trắng trợn.

Các tăng sĩ dần dần bị cưỡng bách tòng quân, hoặc bị đưa đi dân công, đi công trường, đi lao động đề... « thăm nhuần » giáo lý nhà Phật (!.)

Các tăng sĩ đều buộc phải tập trung canh tác, tự túc mưu sinh, nhưng sự thực chính là bị cô lập hóa để « được »

13. Ngài *Ca tỳ ma la* (Kapimāla) : Ngài là đệ tử ngài Mã Minh. Ngài sinh trưởng tại nước Hoa thị.

14. Ngài *Long thụ* (tiếng Phạm gọi là Na già a chu đà na : Nāgārjuna). Ngài là đệ tử ngài Ca tỳ ma la. Ngài sinh trưởng tại Tây Ấn độ.

15. Ngài *Ca na đề bà* (Kāna-deva : có nghĩa là thiếu một mắt) : Ngài là đệ tử ngài Long thụ, sinh trưởng tại Nam Ấn độ.

16. Ngài *La hầu la đa* (Rāhulata) : Ngài đặc pháp nơi ngài Ca na đề bà. Ngài sinh trưởng tại Ca tỳ la.

17. Ngài *Tăng già nan đề* (Samghānandi) : Tàu dịch là Chúng hà (các sông). Ngài đặc pháp nơi ngài La hầu la đa. Ngài là vị Hoàng tử con vua Trang nghiêm nước Thất la phiệt.

18. Ngài *Già gia xá đa* : Ngài lĩnh thụ chính pháp nơi ngài Tăng già nan đề. Ngài dòng Uất đầu lam phất, sinh trưởng tại nước Ma đề, thân phụ là Thiên cái, thân mẫu là Phương Thánh.

19. Ngài *Cưu ma la đa* (Kumāralabdha) : Tàu dịch là Hào đồng (cậu bé hào hùng) : Ngài đặc pháp nơi ngài Già gia xá đa. Ngài dòng Bà la môn, sinh trưởng tại nước Nguyệt thị.

20. Ngài *Xạ đa đa* : Ngài đặc pháp nơi ngài Cưu ma la đa. Ngài sinh trưởng tại Bắc Ấn Độ.

21. Ngài *Bà tu bàn đầu* (Tasubandhu) : Tàu dịch là Thế thân (thân mật với đời) : Ngài họ Tỳ

xá khư, sinh trưởng tại thành La-duyet con ông Quang Cái và bà Nghiêm Nhất.

22. Ngài *Ma nô la* : Ngài là con vua Thường Tự tại nước La đề, dòng Sát đế lý, đặc pháp nơi ngài Bà tu bàn đầu.

23. Ngài *Hạc lạc na* (Haklena :) Ngài đặc pháp nơi ngài Ma nô la. Ngài dòng Bà la môn, sinh trưởng tại nước Nguyệt thị, thân phụ là Thiên thắng, thân mẫu là Kim quang.

24. Ngài *Sư tư tôn giả* : Ngài đặc pháp nơi ngài Hạc lạc na. Ngài dòng Bà la môn, sinh trưởng tại Trung Ấn độ.

25. Ngài *Bà xá tư đa* : Ngài đặc pháp nơi ngài Sư tư tôn giả. Ngài dòng Bà la môn, sinh trưởng tại nước Tể tân, thân phụ là Tịnh Hạnh, thân mẫu là Thường an lạc.

26. Ngài *Bất như mật đa* : Ngài đặc pháp nơi ngài Bà xá tư đa. Ngài dòng Sát đế lý, con thứ hai của vua Nam Ấn độ.

27. Ngài *Bất nhĩ đa la* (Brajnātara) : Ngài đặc pháp nơi ngài Bất như mật đa. Ngài sinh trưởng tại Đông Ấn độ.

28. Ngài *Bồ đề đạt ma* (Bodhidharma) : Tàu dịch là Đạo pháp. Ngài đặc pháp nơi ngài Bất nhĩ đa la. Chính tên ngài là Bồ đề đa la, thuộc dòng Sát lý, con thứ ba vua Hương chí, Nam Ấn độ. Đời Lương vũ Đế (Trung hoa) ngài đem tâm pháp truyền sang Trung hoa, là vị Sơ tổ Thiền tôn tại đây.

• THÍCH-TÂM-CHÂU

tây nảo. Vì vậy đại đa số tăng sĩ đã phải bỏ chùa, ngã mặt.

Những tăng sĩ nào có uy tín đối với tín đồ đều bị đánh gục ngã, ghép cho tội phản động, địa chủ, cường hào. Cộng sản còn tổ chức những vụ đấu tố, ghép cho các tăng sĩ là những người không lao động mà được hưởng thụ, thuộc thành phần giai cấp bóc lột sức cần lao của nhân dân, ghép cho tội tay sai của Đế Quốc (?), ghép cho nhiều tội bỉ ổi mà không ai có thể tưởng tượng nổi.

Nhiều trường hợp tăng sĩ bị « đấu », đến chết, nhục mạ đủ điều hoặc kêu án tử hình hoặc đày lên các công, nông trường tập thể, một hình thức của tù khổ sai.

Dầu là uy tín không còn nữa, các tăng sĩ phải ly tán, chùa chiền hoang phế, rồi Đức Tin của Tín đồ cũng mất luôn

Ngoài ra, những buổi họp liên miên, những buổi học tập lý luận Mác-Xít thân ngày, thân đêm, những buổi đấu tố rùng rợn, những buổi lao tác tập thể trên các công, nông trường v.v.. thêm vào sự thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, lo lắng cho ngày mai đen tối, làm cho người dân chỉ nghĩ đến công việc bận rộn mà thôi, đạo Phật tất nhiên bị phế thải.

Lao động hóa xã hội chính là một thủ đoạn của cộng sản để tiêu diệt các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng vậy.

Những ai đã từng ở vùng Cộng Sản đều thấy rõ rằng đời sống của các tăng sĩ Phật giáo thực là kham khổ, đạm bạc. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, ốm đau, bệnh hoạn, không ai săn sóc, chùa chiền hoang phế, vắng ngắt bóng tin đồn.

Ở những vùng không có những bóng đen Cộng Sản, cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ. Các thiện nam tín nữ làm ăn có phần dễ dãi, nên lòng tin ngưỡng được phát huy cực độ, xung mãn và tự do hơn. Nhờ vậy, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ, các tăng sĩ được yên thân tu đạo, tìm đạo, nhận vai trò lãnh đạo tinh thần, diu dắt tín đồ trên con đường đạo pháp của Như Lai. Vì vậy, Phật giáo chỉ

có thể tồn tại ở những nơi không có hình bóng Cộng Sản mà thôi.

Nói như vậy, để xác định rõ :

*Có Cộng Sản thì không có Phật giáo
Có Phật giáo thì không có Cộng Sản, để
thấy rằng không lúc nào bằng lúc này, vai
trò của các tăng sĩ Phật giáo và tín đồ
Phật giáo trên con đường bảo vệ đạo pháp
là phải dứt khoát tư tưởng với Cộng Sản.*

Không thể thỏa hiệp với Cộng Sản,
không thể chung sống Hòa Bình với Cộng
Sản, các tăng sĩ Phật giáo có bổn phận
phải động viên toàn lực tín đồ Phật giáo
trong cuộc chiến đấu và nỗ lực chung
của dân tộc.

Đó là một phương sách hữu hiệu nhất
để bảo vệ nền Đạo pháp và tự do tín
ngưỡng chung cho toàn dân.

Trong lúc này, những tư tưởng thỏa
hiệp, đầu hàng Cộng Sản là vô tình đào
những hố sâu để chôn vùi đạo pháp, chôn
vùi tín đồ, và chôn vùi luôn cả quốc gia
dân tộc nữa. Các tăng sĩ Phật giáo không
thể là Cộng Sản cũng không thể là những
vị chỉ biết thuận tụy gổ mỗ, tụng kinh,
đề mặc cho Cộng Sản hoành hành, phá
hoại sự sống còn của tín đồ mình, và đạo
pháp. Các tăng sĩ có bổn phận tỏ rõ lập
trường chống Cộng rõ rệt, để cho tín đồ
phát huy được khả năng chiến đấu, hầu
đem lại thắng lợi về vang cho quốc gia
dân tộc, cho Phật giáo Việt Nam được
phát triển mạnh mẽ, xứng đáng làm nền
Quốc giáo.

Những hoạt động mập mờ, những ý kiến
không dứt khoát sẽ gây hoang mang không
ít cho mọi người và có thể vì vậy mà mất
hết tin tưởng của thiện nam, tín nữ trên
đường tu tâm, tìm Đạo.

Qua cuộc tranh đấu gian khổ của Phật
giáo đồ dưới thời Nhu— Diệm và Trần
văn Hương, đã chứng tỏ sức mạnh tinh
thần vô địch của Phật giáo, đủ sức quật
ngã bạo quyền, dù là bạo quyền Cộng Sản.

Toàn dân đang theo dõi và chờ đợi sự
thắng lợi ấy.



Nguyễn Bóng Từ-Bi

*Tới đây, bóng khói mờ hư ảo,
Chùa cũ, sâu vương mái đậm thanh.
Trần cầu ngăn đôi bờ tuệ giác,
Đài hoa khép kín vết thương lành.*

*Hoa ấy không quen gió bạo cuồng,
Vẻ hồng u hiên nét tang thương.
Duyên hoa có ngát hồn linh tự ?
Còn biếc tòa sen áng diệu hương ?*

*Ôi bóng trắng xưa sáng cõi nào ?
Hư vô chìm lối hạc tiêu dao.
Tây Phương Cực Lạc là đâu nhỉ ?
Mấy độ giang sơn rớm máu đào ?*

*Xin bước Từ Bi dạo lối trần,
Nhiệm màu tay ngọc xóa tình vân.
Linh quang chuyền dáng đời mê ảo,
Đồi bóng phù sinh, hiện pháp thân.*

*Cỏ nội, hoa đồng thoát đầm trang,
Bình minh lên nếp áo mây vàng.
Thoảng mùi hương xạ thơm kinh điển,
Thuyền vượt Mê-Hà sắp quá giang.*

*Hương bay tự phía trời Đâu Xuất,
Dưới gót kim liên tỏa nhạc hồng.
Ai kết nhân duyên bờ cõi Việt ?
Phật đài nghe vọng tiếng Non Sóng.*

● ĐÌNH HÙNG

CHÚ DƯƠNG

• TÂM-QUÁN

THỜI hạn giữ bò của tôi đã qua. Bò được giao lại cho chú Dương. Chú Dương đã gần bốn mươi tuổi, rất mạnh khỏe, tu từ hồi bé tí, nhưng đến nay chỉ lên đến chức Chú mà thôi. Chú có tật tay trái, cho nên, làm gì chú cũng chỉ sử dụng tay phải. Chỉ một tay thôi mà chú có thể làm được hầu hết tất cả mọi việc. Chú có thể bưng gàu xuống giếng múc nước rồi kéo lên bằng một tay, cuốc đất bằng một tay, hái củi bằng một tay. Tay có tật chỉ có thể giúp chú một điểm tựa. Chú hay cười, và cái cười rất dễ mến. Điều nào cũng thân với chú. Chú là một nhân vật đặc biệt trong chùa và là một người đã giúp tôi suy nghĩ rất nhiều đến sự cần mẫn và đức tin vững chãi nơi những cố gắng đều đều ở hiện tại.

Điều nào cũng phải qua thời gian giữ bò, và khi thời gian hết thì bò lại được trao cho chú Dương. Trong những thời gian không giữ bò, chú Dương đi làm những việc khác. Chú vui lòng làm tất cả những việc gì mà các thầy yêu cầu. Di Tư hay nhờ chú đi gánh giúp ít đôi nước hoặc đi kiếm ít củi. Chú ít có mặt trong những buổi nói chuyện thân mật của từng nhóm trong đại chúng. Chỗ của chú ngủ là lầu chuông. Chú giữ việc thỉnh chuông khuya, vừa thỉnh chuông vừa ngâm kệ. Tiếng ngâm của chú đầm ấm mà rất tha thiết, có lẽ tha thiết hơn bất cứ tiếng của ai trong chùa :

« Hồng chung sơ khấu

Bảo kệ cao âm

Thượng triệt thiên đường,

hạ thông địa phủ »

Trong đêm khuya, tiếng ngâm kệ của chú làm cho cả chùa ấm áp. Tôi cũng thức dậy từ tiếng khai chung thứ nhất và dù trời lạnh lẽo cũng phải chui vào cái bếp nhỏ giữa phía sau nhà hậu và liêu phòng của Lạc Nghĩa Đường mà nhóm

lửa nấu trà hầu thầy. Khi bếp lửa đỏ rồi tôi mới hết run. Tôi hơ tay trên lửa và lắng nghe tiếng chú Dương, xen lẫn với tiếng đại hồng chung ngân dài, và đôi khi dồn dập :

« Văn chung thanh

Phiền não khinh

Tri tuệ trưởng

Bồ đề sinh... »

Boong... tiếng chuông khuya sao mà tinh tiến và thiết tha, như tiếng kệ của chú Dương không khác. Không ai nghe tiếng chuông đó mà không choàng dậy để lo sửa soạn ngồi

thiền hoặc đi công phu. Mỗi khi có người ngủ quên không nghe cả tiếng chuông, chú Dương thường nói : Ngủ quên không nghe tiếng chuông thì không sao, nhưng nếu đã thức mà nghe chuông không dậy, thì tội to lắm. Tội ấy là tội

kiếp sau làm rắn, chỉ nằm hoài mà không đứng dậy được. Rồi chú đọc câu kệ :

« Văn chung ngọa bất khởi

hộ pháp thiện thần sân ;

hiện thể duyên phúc bạc

lại thể thọ xả thân »

nghe mà muốn ớn lạnh xương sống. Không ai dám trộm chần mà ngủ thêm nữa, khi nghĩ đến mấy câu kệ ấy !

Cả chùa dậy lúc 4 giờ sáng, và trong khi tôi hoặc chú Mãn nấu trà thì chú Dương đánh chuông, chú Giải lo việc hương đăng. Chuông đánh trong khi các thầy ngồi tham thiền. Rồi khi chuông gần nhập, nghĩa là dứt, thì các thầy ra khỏi phòng, uống trà và sửa soạn công phu sáng. Những ai không đi công phu thì lo học bài. Chú Dương cho rằng chú phải đi



con đường « tu phước » hơn là đi con đường « tu huệ » cho nên không chịu học thêm nữa, mà chỉ lo làm công quả, thỉnh chuông và đi công phu. Khi chuông sớm đã « nhập » chú vào chùa theo cửa hông và đi công phu với đại chúng. Tôi đứng chấp tay phía trước và nghe rõ tiếng tụng kinh rất thiết tha của chú. Có khi chú không theo kịp tiếng mõ nhưng mà chú rất chịu khó lắng tai nghe để hòa tiếng kinh của chú vào trong tiếng của đại chúng.

Sau này ở Phật học đường Báo Quốc, tôi hay về thăm chùa mỗi nửa tháng, và đầu đã lên chức Chú, đã học « giới » hơn chú Dương nhiều, tôi vẫn kính trọng chú như đàn anh. Tôi thường nói riêng với chú Mãn: « Mình có cơ duyên học nhiều, nhưng sự trì trí của mình chắc chắn là không bằng của chú Dương. Biết đâu một kiếp nào đó gặp lại chú, mình phải công nhận rằng mình tuy đi mau nhưng lại tới trễ ». Và có một bữa nhìn chú Dương đóng chuông bỏ, tôi nói với chú: « Khi nào chú thành Phật chú nhớ độ cho tôi với, nghe chú Dương ». Câu nói thành thực, nhưng mà chú tưởng là tôi nói đùa. Chú cười có vẻ hoan hỷ. Tôi tức quá, nói: « Thật đó, tôi nói thật đó mà, chú Dương ».

Nhưng mà chú vẫn không tin. Tôi đành chịu vậy. Tôi nhớ lại câu chuyện « vận thủy bang sai » ngày xưa của tổ Huệ Năng. Tổ thực ra có học hành gì đâu, nhưng nhờ căn trí mà « huệ » đã phát ra tự nhiên, nhờ công việc gánh nước, giã gạo. Y và bát, tượng trưng cho sự đạt đạo đã được tổ Hoằng Nhãn truyền cho Ngài. Tôi có cảm tưởng rằng đi đâu, mấy mươi kiếp về sau, trở lại chùa tôi vẫn gặp chú Dương với phong độ, nụ cười và niềm tin cũ. Chú như một cây đại thọ nhiều hùng lực, khiến tôi say mê.

Chẳng có khi nào chúng tôi đem giáo lý « cao siêu » mà nói cho chú Dương nghe. Tôi có cảm tưởng chú không cần giáo lý cao siêu. Chú thường nhìn chúng tôi và nói: « Tôi mừng cho mấy chú có cơ duyên học tập cao xa. Tôi thì bao giờ cũng vẫn như thế này ». Chú không biết rằng chúng tôi chẳng hề tự hào chút nào về cái học « cao xa » của chúng tôi cả. Chúng tôi chỉ biết độ sau này mỗi khi ngắm chú, tự nhiên trong lòng cảm thấy hơi báng khuáng và e ngại vì không biết mình có được vững chãi mãi trên con đường cam khổ như chú Dương hay không. Mà chỉ cần nhìn nơi chú thôi, chúng tôi cũng biết rằng ngàn đời chú sẽ còn vững chãi mãi mãi như thế.

Chuông tối phải thỉnh đủ một trăm lễ tám tiếng. Chú Dương, tôi biết, rất cẩn thận về điều đó. Dưới giá chuông có giăng một sợi dây thép mang một trăm lễ tám cái thẻ. Mỗi

khi thỉnh một tiếng chuông, chú kéo một cái thả từ trái sang phải như vậy cho đến khi nào đủ một trăm lễ tám thẻ thì chú mới đọc kệ « nhập chung ». Chuông sáng bao giờ cũng dồn dập hơn chuông chiều. Chuông chiều thì phải hết sức khoan thai. Chú Dương nói: chuông sáng phải dồn dập hơn để thúc giục các người khuất mặt trở về cõi âm trước khi trời sáng. Riêng tôi thì tôi thấy tiếng chuông dồn dập buổi sáng có công hiệu thúc dấy và đập tan sự biếng lười.

Chú Dương chỉ có một cái tật nhỏ thôi, là tật hút thuốc. Nhưng đối với chú Dương, điều đó không nên gọi là một cái tật. Đó là một cái gì cần thiết ăm áp cho chú, cũng như tình bạn cần thiết giữa tôi và chú Mãn. Cái tình bạn ấy há không phải là một cái tật hay sao? Nếu chú Dương thiếu thuốc, chú sẽ cảm thấy thiếu thốn và khó chịu. Chúng tôi cũng thế, một ngày mà hai anh em không được có dịp nói chuyện với nhau thì thật là thiếu thốn quá.



Vì hút thuốc cho nên chú Dương phải trồng một đám thuốc ở khoảnh vườn phía sau mấy ngôi cổ tháp. Những cây thuốc lên xanh um, có những lá thật to bản. Chắc thể nào chú cũng có bốn bằng phân bò và phân bổi. Có những buổi trưa tôi thấy chú hái thuốc về và ngồi sau hiên nhà hậu để xâu những lá thuốc vào từng xâu dài treo hóng dưới nóc liêu. Những xâu thuốc sẽ héo dần trong bóng mát thắm màu. Rồi có những buổi chú đem thuốc xuống, tước cuống đi và cuộn thành từng cuộn chặt, dài, và khoanh từng khoanh tròn. Từng đó việc, chú chỉ cần làm bằng một tay. Cho đến khi xắt thuốc, chú cũng chỉ làm một mình. Chú vẫn thuốc rất tài. Những buổi trời mưa, lửa bỏ ra núi, chú luôn luôn có một điều thuốc

trên môi cho ấm. Tuy thế chú chẳng bao giờ hút thuốc trong những lúc cần phải nghiêm trang. Trời có lạnh mấy đi nữa thì chú cũng không hút thuốc trong khi chú thỉnh chuông.

Có những buổi sáng tôi đi theo chú Dương ra núi hái củi. Cầm một chiếc khoèo dài chú khoèo những cành thông khô thật cao xuống. Thông gãy răng-rắc làm chúng tôi phải tránh ra xa. Thế rồi tôi gom những cành thông khô lại và hai chúng tôi vác mỗi người một ôm củi khá lớn về chùa.

Trong lúc tôi viết bài này thì chú Dương vẫn còn ở chùa, mạnh khỏe như một cây đại thọ, tuy rằng tuổi chú đã cao. Chú Dương thuộc về thế hệ của những người không phải bận tâm về vấn đề thời cuộc. Chú không phải thấy và nghe những điều chú Mãn và tôi phải thấy và nghe. Chúng tôi phải nghĩ đến những điều rắc rối như là vấn đề duy tân đạo Phật, đem đạo Phật trở lại trong cuộc đời như thuở Lý Trần. Chúng tôi phải nghĩ đến vấn đề học hỏi, thực tập, thi cử, giảng diễn và tổ chức lại giáo hội. Chúng tôi phải lo nhiều việc quá mà không biết có nên được việc gì không? Con người của chúng tôi bị thực tại xã hội xâm chiếm quá nhiều và trong chúng tôi niềm thắc mắc chung của thời đại đã trở thành niềm thắc mắc riêng tư. Cho nên tôi càng thấy nếp sống bình tĩnh và vô tư của chú Dương là quý hóa. Thế hệ của chú có quyền nghĩ đến vấn đề của bản thân và giải quyết vấn đề đó như vấn đề quan trọng nhất của cuộc đời. Mà thực ra thì con người phải có quyền như thế. Trong khi tôi viết những dòng này, tôi biết tâm hồn tôi không được an tĩnh bằng tâm hồn chú Dương. Đó là một điều tôi thấy tôi thua chú, và khiến tôi ước ao. Có lẽ đọc những dòng này chú sẽ mỉm cười cho là tôi lắm chuyện, nhưng thực ra, thế hệ chúng tôi vô phúc hơn thế hệ của chú nhiều. Làm sao chúng tôi có thể đóng lại chiếc cửa sổ đã mở ra cho chúng tôi nhìn vào cuộc đời, cuộc đời đầy dẫy những vấn đề, cuộc đời đã khiến cho người trai trẻ Tất Đạt Đa băn khoăn thao thức tìm phương cứu độ?



THƠ

NGUYỄN

CẦU

— Kính dâng Phật-Tổ nhân dịp lễ
kỷ-niệm Đản Sinh năm thứ 2509

Nỗi buồn nhân thế hôm nay
Xương khô phôi trắng, chất dày non cao.
Máu tuôn chảy khắp sông đào
Đi vào biển cả, tràn vào Đại-Dương.
Thế-nhân sao hết tình thương?
Đem nhau chém giết, đoạn trường chi đây?

oxo

Tình thương trải khắp trời mây
Đâu còn máu chảy, xương xây trập trùng
Thế-gian đau khổ khôn cùng
Nước cảnh Dương ấy, tưới dùm cho nhau...
Đề cho tắt hết u-sầu
Cho người mãi mãi rạng màu yêu thương.
Lạy quỳ Chư Phật mười phương
Niệm Hương cầu nguyện diệt đường khổ đau.
Độ cho nhân thế qua cầu
Cho Tình thương ấy, thấm màu núi sông
Xương khô biến cải hoa hồng
Máu trào biến đổi giòng sông diệu hiền
Tình thương nhân-thế vô biên
Chắp tay, quỳ lạy, trước thềm Như-Lai...

Phật Đản 2509

Diệu-Bình Nguyễn-thị-Đầu

THUỞ quá khư, có chàng thanh niên rất mực hiền thảo, mặc dù là con trong một gia đình và đã đúng tuổi trưởng thành nhưng vẫn không chịu lập gia đình, nhứt định sống độc thân để phụng dưỡng mẹ già, vì người cha đã mất sớm.

Thấy con lo trong lo ngoài vất vả, người mẹ khuyên chàng cưới vợ nhưng chàng cương quyết từ chối. Vì quá thương con người mẹ tự động hỏi vợ cho con. Cực chẳng đã, chàng phải đành làm vừa lòng mẹ.

Đưa con dâu rất nét hạnh, lại thêm quán xuyến công việc gia đình, và tỏ ra đảm đang cả việc nặng nhọc, nhưng rủi cho nàng không thể sanh con.

Đã buồn cho số kiếp bất hạnh của mình, nàng lại càng khổ sở hơn, khi thấy chồng thường tỏ ra nghĩ ngợi xa xôi, nét mặt đăm chiêu tư lự.

Đọc rõ tâm trạng chồng, nàng tự động cưới vợ lẽ cho chồng. Người vợ sau này chẳng bao lâu đã thọ thai. Bây giờ người vợ

lớn cảm thấy như mình bị bỏ rơi vì trông người chồng ra tuồng nưng niu vợ lẽ rất mực. Lòng ganh tị của người đàn bà dùng dùng nổi lên như trời giông biển động. Không tự chủ và kèm hãm được lòng ghen tức, người vợ lớn tự nghĩ, nếu không sớm chận đứng thì hậu quả cô đơn sẽ đến với đời mình trong một sớm một chiều. Thế là, một chương trình hiểm độc mọc lên trong óc nàng và nàng nhứt định ra tay thực hiện dù phải trả với bất cứ giá nào.

Đề cho vợ lẽ tin lòng, người vợ lớn tỏ ra săn sóc và dùng nhiều thời giờ trong việc giúp đỡ người vợ lẽ từ việc nhỏ đến việc lớn. Thỉnh thoảng nàng hỏi thăm sức khỏe và ngày sinh nở của người vợ lẽ.

Tưởng vợ lớn thật lòng, người vợ nhỏ không dấu diếm chi cả. Được cơ hội, người vợ lớn làm thuốc phá thai bỏ vào thức ăn. Thế là người vợ lẽ bị sảo thai. Tuy thế, người vợ lẽ vẫn còn tin tưởng người vợ lớn như thường.

Đến lần thứ hai, người vợ lớn cũng dùng thủ đoạn phá thai người vợ lẽ như trước,

Hai lần bị hư thai, người vợ lẽ đã học được một bài học giá trị. Bắt đầu từ ấy, nàng hết sức đề phòng và kín đáo.

Khi thấy cái thai của người vợ nhỏ càng ngày càng to, người vợ lớn mới tìm cách phá thai, nhưng vì cái thai đã già tháng, nên người vợ nhỏ phải chết cả mẹ lẫn con.

Trước khi nhắm mắt, nỗi đau khổ và căm thù đã dâng tràn lên khoe mắt. Cẩn rằng, rớt nước mắt người vợ nhỏ quyết chỉ rửa thù trong những kiếp lai sinh.

Người nào gây gió người đó phải gặt bão. Sau khi người vợ nhỏ chết đi, người chồng điều tra biết rõ sự thật, bèn đánh đập hành hạ người vợ lớn; không bao lâu người này cũng chết.

Luật luân hồi vay trả, trả vay, sau khi chết, người vợ nhỏ sanh làm con mèo cái, còn người vợ lớn sanh làm con gà mái ở chung một nhà. Mỗi lần gà mái có con là mỗi lần mèo ta bắt ăn thịt và lần sau cùng giết luôn cả gà mẹ.

Kiếp thứ ba, sau khi chết, gà sanh làm con beo cái, con mèo thì sanh làm nai cái. Mỗi khi con nai sanh con thì beo ta tìm đến ăn thịt nai con, và cuối cùng giết luôn cả mẹ.

Kiếp thứ tư, sau khi chết nai cái sanh làm hung thần. Con con beo thì sanh làm con gái của một gia đình giàu có.

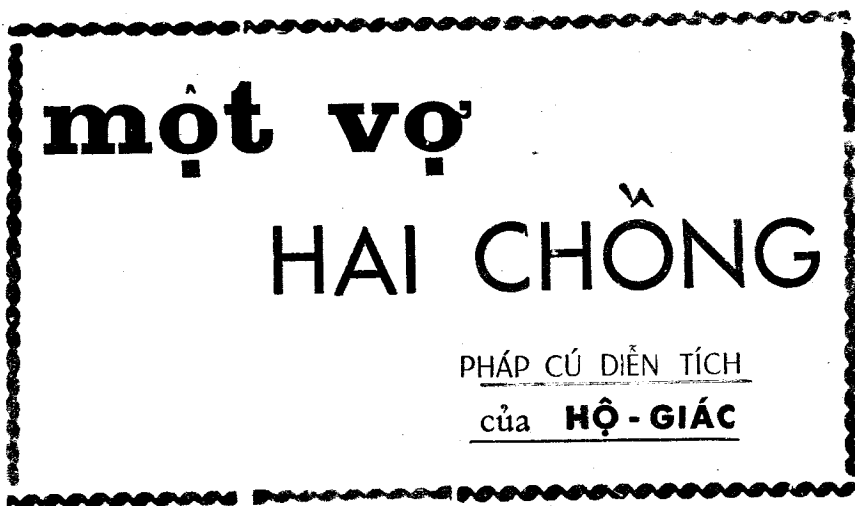
Đến tuổi trưởng thành cô gái về nhà chồng. Cứ mỗi lần cô

này sinh nở là hung thần hóa làm người bạn đến thăm chơi đùa rồi thừa cơ chụp lấy hai nhĩ ăn thịt. Lần thứ hai tấn tuồng quái gở của hung thần và cảnh nát lòng của người mẹ cũng diễn ra như trước.

Người đàn bà đau khổ ấy đã gần như mất trí, khi biết mình thọ thai lần thứ ba. Gần ngày sinh nở, người chồng đề nghị đưa vợ về sinh nở bên quê ngoại. Nói về hung thần vì đến phiên hầu nước cho đức VESSA VANNA là vị chúa tể cai quản

tất cả hung thần. Sau khi hết phiên, hung thần lập tức đến nhà tìm người thù truyền kiếp của nó. Khi được biết người thù của mình đã về quê ngoại, nó liền bay vọt lên mây nương mình theo gió để tìm cho bằng được người thù không đội chung trời

Nhắc tại người đàn bà nạn nhân của hung thần, sau khi cùng chồng về quê sinh nở và dưỡng sức một thời gian, bèn đem nhau lên đường trở lại quê chồng. Vợ chồng đi bộ gần đến chùa Kỳ Viên Tịnh xá, thấy có ao nước trong mát, bèn rủ nhau tắm rửa và nghỉ mệt. Người vợ tắm trước lên ẵm con cho chồng tắm. Trong khi đang cho con bú, nàng bỗng nghe tiếng gió từ xa đưa đến như cuồng phong bão tố. Nhìn lên trời nàng thất kinh hồn vía, vì vừa nhận ra hung thần. Không kịp chờ chồng tắm xong nàng la thất thanh: « Nó đến kia ! Nó đến kia ! » rồi cầm đầu ôm con chạy thẳng vào Kỳ Viên Tịnh xá, đem con đề nằm dưới chân đức Phật và yêu cầu Ngài cứu mạng con mình.



NHÂN DỊP LỄ PHẬT ĐẢN NĂM NAY, GHI LẠI

NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TUẦN LỄ PHẬT ĐẢN 2508 TẠI SAIGON

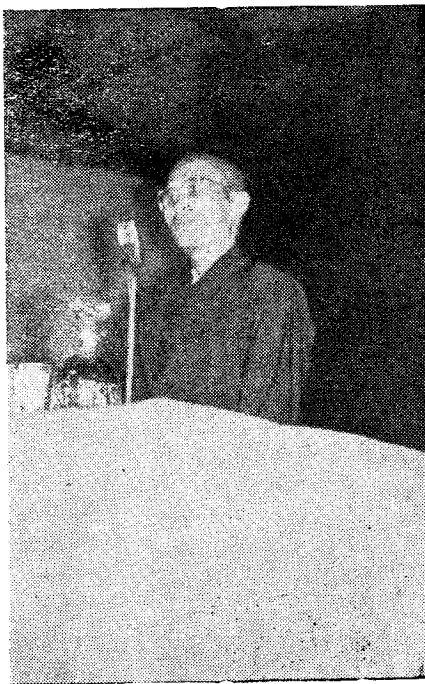
TƯỜNG THUẬT CỦA L.H.

LẦN đầu tiên trong lịch sử, Sài Gòn, thủ đô miền Nam bừng lên trong ánh sáng Đại hội. Dù đã trải qua bao nhiêu biến cố lịch sử, quan trọng, nhưng Sài Gòn vẫn chưa lần nào hoàn toàn thức tỉnh, náo nhiệt như trong tuần Đại lễ Phật đản 2508. Suốt hai tháng chuẩn bị, không ngân sách nào tính nổi về vật chất, không bút mực nào tả hết được tinh thần tích cực của Phật giáo đồ, ngày 15 tháng 4 đã mở đầu cho một con đường sinh hoạt mới khơi động những thiện ý vốn im lìm trong tiềm thức người dân.

Từ Khánh hội, Vinh hội qua ngã tư Bảy Hiền, từ Phú lâm về tới Thị nghè, toàn thể bộ mặt Saigon đã đổi mới. Trời có mưa nhưng lòng người quá vui, đêm có trăng nhưng không so kịp ánh đèn. Saigon đã thoát xác, đã trút bỏ tính tình hờ hững mà trở nên vồn vã, ngọt ngào. Người và người ràng buộc trong dây thông cảm thiêng liêng bắt nguồn từ đạo Pháp. Tình đạo tình đời gắn bó. Quên những ngày đau khổ, xa những giờ khép kín, trút bỏ tư hiềm, người dân Saigon đã bừng tỉnh dưới ánh đạo Từ bi. Từ trước tới nay, chưa có một tổ chức nào, một chế độ nào có thể đánh thức tâm hồn sinh hoạt của Thủ đô một cách toàn diện và sống động như tuần lễ Phật đản. Khắp nơi, từ Đại lộ tới hang cùng ngõ hẻm đâu đâu cũng tràn ngập cờ Phật-giáo với đèn Phật đản. Đêm cho được số cổng chào, biểu ngữ, hương án, lễ đài, cờ đèn, xe hoa tưởng còn khó hơn đếm sao trên trời. Vô số và vô số. Saigon đang rung chuyển, Saigon đang chuẩn bị chào đón ngày xuất thế của đức Thế tôn. Từ vài tuần trước, quang cảnh bến Bạch-đăng đã trở nên tấp nập về việc xây dựng lễ đài. Đây là một công phu sáng tạo và kiến thiết vô cùng trọng đại. Lễ đài cao

ngót 30 thước. Bệ là một tòa sen tòa cánh tròn một công viên. Trụ là một đại kỳ Phật giáo cao vọi vọi, trên cùng bùng nổ một

một trung tâm rộn rịp nhất Thủ đô. Lễ đài chưa cất xong đã có bao nhiêu người tới lễ bái.



Trên khán đài chánh, Thượng Tọa
THÍCH TÂM CHÂU Viện Trưởng Viện
Hóa Đạo đọc diễn văn khai mạc.

đóa hoa Ưu Đàm bằng kim loại lấp lánh như ánh sao sa. Tượng sơ sinh cao tám thước ngự trị cả một khoảng trời rộng, sông dài. Nhìn từ tòa đô sảnh tới, Lễ đài đột khởi cao vút lên trời xanh và những nhà lầu xung quanh bỗng nhiên thấp xuống. Ban đêm biển đèn sáng ngời chiếu rọi cả

Nếu Lễ đài trung ương đã làm cho hai triệu dân Saigon kính phục thì các chiếc cổng chào, các biểu ngữ, các hương án kết bằng những cây chuối non, những bẹ lá dừa thô sơ, mộc mạc trong xóm nghèo cũng làm cho người ngoại quốc có đạo tâm phải xúc động đến rơi nước mắt. Ngõ nào dù lầy lội, xóm nào dù nghèo nàn, càng heo hút lại càng nhiều cờ, nhiều đèn. Bộ mặt Saigon càng thêm linh động nhờ những ngọn cờ phất phới trên hàng vạn chiếc xe, tung rải niềm vui khắp bốn hướng đô thành như thúc giục, như cảnh giác, như kêu gọi mọi người vào trạng thái thức tỉnh trên đường giác ngộ. Tuần trăng tròn, Thủ đô Saigon đã nhất tề đứng lên cất tiếng tung hô : **TOÀN THỂ PHẬT PHẬT GIÁO ĐỒ VIỆT-NAM PHÁT-NGUYỄN XÃ THÂN CÙNG DƯỞNG ĐỨC THỂ TÔN.**

• LỄ KHAI KINH

Khai mạc tuần lễ Phật đản 2508 là lễ Khai mạc tại chùa Ấn-quang, trụ sở lâm thời của Viện-hóa-đạo Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất do Thượng tọa Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa Đạo chủ lễ. Hàng vạn Phật tử thuộc các đoàn thể trong Giáo hội đã phát nguyện hồi hướng công đức cầu cho quốc thái dân an và truy niệm toàn thể Tăng ni, Phật tử đã hy sinh cho chánh pháp.

Sau đó là bài giảng Khai mùa Đại-hội của Đại-đức Thích Giác Đức, đại hội đã khởi đầu. Đúng 18 giờ 30, lễ khai mạc **PHÒNG TRIỂN LÂM VĂN-NGHỆ MỸ NGHỆ PHẪM** đã được cử hành vô cùng trọng thể dưới sự chứng minh tối cao của

ĐỨC TĂNG THỐNG Giáo hội Phật-giáo Việt-nam Thống nhất cùng sự hiện diện của chư vị Thượng tọa, Đại-đức thuộc Viện-hóa-đạo, và rất đông các vị Tổng-trưởng, bộ trưởng, ngoại giao đoàn. Phó thủ tướng đặc trách văn-hóa, xã hội đã cắt băng khai mạc giữa tiếng nhạc mừng của ban Đại nhạc Văn-mỹ-nghệ và ban hợp xướng. Sau khi Thượng-tọa Thích-Thiền-Minh trưởng ban tổ chức trung ương đại lễ Phật-dân tuyên bố lý do, Thượng-tọa Thích Quảng-Liên Tổng vụ Pháp-sự đã đọc diễn văn khai mạc. Thượng tọa đã nhận định về đường lối của văn mỹ-nghệ Phật-giáo.

« Sắc thái Văn-Mỹ-Nghệ Phật giáo có khác với các loại Văn-Mỹ-Nghệ khác ở chỗ không gói ghém vụng về một vài điều tình cảm rần bảo, mà mang màu sắc đạo đức linh động, có rất nhiều tác-dụng đối với người thường ngoạn. Nó phải biểu hiệu ba đức tánh: **BI, TRÍ, DŨNG** song song với ba yếu tố: **CHÂN, THIỆN-MỸ** là những điều căn bản của nền văn minh Phật-giáo nói riêng và Đông phương nói chung...

Người nghệ sĩ không bao giờ quên mình đang sống trong xã hội, trong dân-tộc, vì Phật-Giáo đặt sự trường tồn của mình trên sự trường tồn của dân tộc. Xa đường lối Văn-Mỹ-Nghệ Dân Tộc thì khó lòng thành công trên đường sáng tác.

Nói vậy không có nghĩa là nghệ sĩ không bao giờ tìm hiểu, mà trái lại cần đưa tầm mắt nhìn xa để cho nghệ thuật ngày một tiến triển, nhưng điều căn bản vẫn phải giữ cho được những rung cảm chân thành, giữ cho được những sắc-thái đặc biệt của Đông-phương mà Tây-phương không thể sánh bằng, Đông-phương là nơi phát sanh những tôn-giáo cao siêu và những nền văn hóa đạo-đức. Những nét vẽ hay điêu khắc tế nhị đã làm cho người Tây phương phải ngạc nhiên và thần phục Văn Mỹ-Nghệ Phật-Giáo một khi không đi xa đường lối dân tộc sẽ đóng góp phần lớn trong việc xây dựng văn hóa Việt Nam.

Chính vì thế mà cuộc triển lãm Văn Mỹ-Nghệ phẩm đầu tiên của Phật Giáo, mà Quý Vị sắp chứng kiến, là những tác phẩm nằm trong đề tài Phật Giáo nói riêng và Đông phương nói chung, đã được thẩm-nhuận vào tiềm thức nghệ sĩ để trở thành chính cảm-nghĩ của nghệ sĩ; những tác phẩm đó không hẳn nói lên bằng ngôn ngữ truyền cảm, mà có khi còn phi ngôn ngữ như hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh hay âm nhạc...

Ngoài ra, cuộc triển-lãm này còn mang màu sắc đặc biệt của cuộc bảo-vệ Chánh-Pháp vừa qua, một cuộc vận-dộng đầy đủ ý-nghĩa và sâu rộng của một dân-tộc yêu chuộng Tự-do, dám hy sinh để bảo-vệ bất cứ thứ Tự-Do nào bị chà đạp, và được thể-hiện bởi toàn dân từ những

kẻ mà xưa nay người ta thường cho là thờ-ơ với lịch-sử dân-tộc: là các vị Tu-sĩ... cho đến những học sinh 12, 13 tuổi.

Và sau đó, Đạo hữu Nguyễn hữu Ba ủy viên Văn nghệ vụ đã tỏ lời cảm tạ các giới Văn-mỹ nghệ sĩ:

«... Sự có mặt của Quý bạn Văn Nghệ Sĩ qua tác phẩm đã chứng tỏ tinh thần nhất trí của **PHẬT GIÁO** với **DÂN TỘC**, của **NGHỆ SĨ** với **NHÂN SINH** thể hiện tinh-thần Thống Nhất **LÝ-TƯ-ỞNG**, thống nhất **ĐƯỜNG-HƯỚNG** sáng tác, rất cần thiết cho **TÍN NGƯ-ỞNG** và **NGHỆ THUẬT** trong thời đại hiện tại.

Hàng chục vạn Phật tử tham dự ngày Phật Đản trong đó quần nhân Phật tử góp mặt đông đủ.



Tuy nhiên cuộc triển lãm này chỉ mới là khởi điểm, một khởi điểm oai hùng và sống động bắt nguồn từ lịch sử. Chúng tôi hy vọng, từ ngày tốt đẹp hôm nay, Văn Mỹ Nghệ Phật Giáo sẽ đủ khả năng đem tinh thần **BI, TRÍ, DŨNG** xây dựng con người, đem giá trị **CHÂN, THIỆN, MỸ** của tác phẩm xây dựng xã hội.

Một Tôn-Giáo, một triết thuyết cao siêu huyền diệu như Phật Giáo muốn đem phổ biến vào **ĐỜI** thì không thể không nhờ tới công năng của Văn Mỹ Nghệ. Giáo Lý mở đường tới Chân Lý, Văn Mỹ Nghệ khởi nguồn rung cảm nhĩ diệu cho nhân sinh. Chúng tôi tin tưởng rằng, từ bước sơ khởi này, Quý Bạn sẽ mãi mãi có mặt cùng chúng tôi trong công cuộc góp phần xây dựng một nền Văn Hóa huy hoàng phụng sự nhân sinh, bảo-tồn đạo pháp. »

Toàn thể quan khách thường ngoạn một Phòng triển lãm chiếm trọn Viên-đình Tao đàn. Hơn 200 tác phẩm tuyển chọn trong số 700 tác phẩm gửi tới gồm đủ các loại tranh sơn dầu, lụa, thủy mặc, tranh tàu, điêu khắc, kiến trúc, nhiếp ảnh, và các mỹ nghệ phẩm kỷ niệm nội dung phản ảnh cuộc vận động của Phật giáo Việt nam trong giai đoạn vừa qua. Đề-tài tự thiêu và chân dung ngài Bồ tát Quảng đức đã được thể hiện trong ngót 100 tác phẩm đủ loại.

Các tác-phẩm trình bày mang chữ ký của rất nhiều nhà danh họa quen biết. Ngoài ra, thi sĩ Đông-hồ còn trưng b'ý trọn một phòng toàn là câu đối phảng-phất đạo vị với nét chữ phóng-túng hào hoa. Phòng triển lãm mở cửa trọn mười ngày và mỗi giờ đón tiếp chừng 3000 người xem. Một kỷ lục chưa từng có về triển lãm ở xứ này. Dù mưa hay nắng phòng triển lãm cũng không một phút nào ngời.

NHỮNG NGÀY XÃ HỘI VÀ THANH-NIÊN

Đại lễ Phật Đản năm nay không riêng cho người Phật tử mà của mọi lớp người nhất là những người đang đau khổ. Xã hội

vụ đã phát khởi tuần lễ xã-hội. Với thiện tâm tổ chức của T. T. Thích Thiền Định, các đoàn thể trong các Tổng-vụ đã tham gia công việc lạc quyền và phân phát quà tặng cho bệnh nhân trong các bệnh viện: Chợ quán, Bình dân, Chợ rẫy, Quân y viện Cộng Hòa, các trung tâm cải huấn Thủ Đức, Gia định, Chí-hòa, đâu đâu cũng có mặt của đoàn người đem vui cứu khổ. Cho đến các người già nua trong Dưỡng lão viện Thị nghệ cũng được thăm viếng, tặng quà. Có thể nói, tuần lễ xã hội đã tận tâm hàn gắn phần nào các nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử. Số tặng phẩm lên tới 6000 gói trị giá hàng triệu đồng. Đối với mọi người. Tổng vụ xã hội còn tổ chức các xe hoa trong đoàn rước ánh sáng vào 2 đêm 14 và rằm. Những công tác xã hội này đã nói lên tinh thần nhập thể, tích cực của Phật-giáo, tinh đoàn kết tương trợ giữa đồng bào không phân biệt tín ngưỡng.

Phật Đản còn là ngày của tuổi trẻ, của thế hệ tương lai. Ngày 10 tháng tư từ sáng tinh sương đã có hơn 10.000 thanh niên thuộc Tổng vụ thanh niên gồm Sinh-viên, Học sinh, Thanh Niên, Gia đình Phật tử và Hướng đạo Phật giáo đã có mặt tại sân Vận động Hoa lư. Dưới sự chủ tọa của TT Thích Thiền Minh, Tổng vụ Thanh niên kiêm Trưởng ban Tổ chức Đại lễ Phật đản 2508. Lễ Phật đã diễn ra trong không khí vô cùng trang nghiêm. Hàng vạn đôi mắt trong nhìn lên, hàng vạn bàn tay chấp lại. Một sự kiện hàng

trắng. Tiếng niệm Phật dâng lên rào rạt như tiếng thủy triều. Trong buổi lễ TT. Tổng ủy viên đã ban Huấn từ, TT. nhấn mạnh t

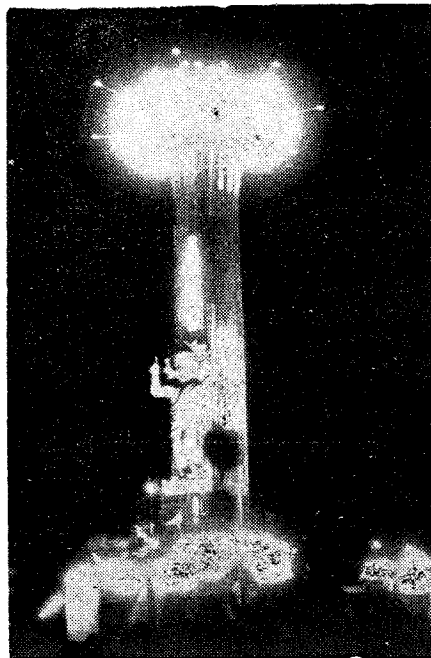
« Thế mới biết, một khi anh chị em đứng dậy là y như xã hội đứng dậy. Một khi anh chị em tiến bước thì tự nhiên xã hội cũng tiến bước, những anh chị em bê tha thụt lùi thì xã hội cũng trở nên yếu kém trầm trọng ».

Thượng tọa còn phác họa con đường sẽ tới của thanh niên và kết luận: *« cho nên lễ Phật đản năm nay, các anh chị em phải tích cực tham gia, tích cực làm việc, tích cực giúp đỡ đồng bào, mang niềm vui lại cho thân thuộc bạn bè, dân chúng, để nói lên rằng, ngày Phật đản, ngày đức Thế tôn giáng thế đã mãi mãi đem cho nhân loại niềm hân hoan bất tận ».* Lời dạy của Thượng tọa đã được biền người tuổi trẻ ấy đem thực hiện ngay. Đoàn sinh viên Phật tử viếng thăm và tặng quà 5 bệnh viện: Chợ rẫy, Nhi đồng, Bình dân, Từ dữ, Hồng bàng. Anh em còn đi thăm Cô nhi viện Phước thiện do sư bà Diệu Minh quản đốc vào chiều Rằm. Đoàn Học sinh Phật tử và Gia đình Phật tử làm công tác xã hội suốt 8 quận đô thành Đoàn Hướng đạo Phật tử thăm cô nhi viện Don Bosco. Đoàn Thanh niên ủy lạo Trại giam Võ tánh. Xóm nghèo Quốc Thanh đã cảm động rơi nước mắt khi thấy các anh chị em sinh viên hằng hái quét rác, đào mương. Công tác xã hội của anh chị em thanh niên Phật tử đã đánh tan thành kiến sai lầm về tác phong hiện tại của thanh niên. Đến tối một buổi lửa trại nêu cao tình đoàn kết và bày tỏ lòng hân hoan của giới trẻ trong ngày Phật đản. Khúc ca tạm biệt đã có thêm giọng hát của một bạn thanh niên Mỹ Quốc.

BUỔI CHIẾU PHIM ĐẶC-BIỆT : BẢO VỆ CHÁNH PHÁP

Càng gần ngày Đại lễ, không khí lại càng phấn khởi, náo nhiệt. Nhất là sự trình bày cuốn phim tài liệu Bảo vệ Chánh Pháp lại là một tác động mạnh mẽ vào tinh thần bất khuất của Phật giáo đồ trước mọi gian khổ, tinh thần thống nhất của Phật giáo đồ trước mọi âm mưu chia rẽ. Vào hồi 10 giờ sáng mùng 10 tại rạp Rex, buổi chiếu phim ra mắt quan khách của Viện Hóa Đạo và báo chí đã được Thượng Tọa Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa đạo chủ tọa. Các em thiếu niên nam nữ Gia đình Phật tử đã làm hàng rào danh dự tiếp rước chư tăng và Quan khách rất cung kính. Trên 1400 quan khách đã tới dự buổi chiếu phim này. Đây là cuốn phim tài liệu sống động do các chuyên viên điện ảnh của Viện hóa Đạo thực hiện trên các tài liệu của các phóng viên các đài vô tuyến truyền hình và thông tin trong nước và ngoại quốc, đã quay được trong cuộc vận động vừa qua. Cuốn phim mở đầu bằng những phong cảnh trầm tịch của những ngôi chùa lớn trong toàn quốc biểu thị tinh thần từ bi hỷ xả của Phật giáo, chuyển sang giai đoạn đấu tranh gian khổ

phát khởi từ đài phát thanh Huế, chùa Từ Đàm. Rồi đến cảnh ngai Bồ Tát Quảng Đức tự thiêu, Hội nghị Diên hồng, Thông cáo chung. Đến đoạn đám táng, tiếng kinh tiếp dẫn vang vọng khiến nhiều khán giả khóc nức nở. Sang đến đoạn đàn áp tăng ni Phật tử, không khí lại trở nên náo động và cuối cùng mọi người hân hoan ra về, mang trong lòng những hình ảnh tươi sáng của Đại hội Thống



Trụ Tuệ Đăng trong đêm Phật Đản

nhất Phật giáo Việt-Nam, và văng vẳng bên tai lời nhắn nhủ thiết tha của Thượng tọa viện trưởng viện Hóa đạo. Cuốn phim đã gây một xúc động lớn trong quần chúng, khơi dậy tinh thần dân tộc, tinh thần Đạo pháp không bao giờ gián đoạn. Sau đó cuốn phim đã được đem chiếu tại rạp Kim châu, rạp Vinh lợi, và giờ phút nào cũng tràn ngập người xem. Cuốn phim này đã được gửi đi khắp các đô thị lớn trong ngày Phật đản và chiếu khắp thôn nông sau đó.

NGÀY QUÂN NHÂN PHẬT TỬ

Phật tử không bao giờ quên ơn những người đã chết cho mình sống, nên một lễ cầu siêu cho các chiến sĩ bỏ mình vì Đạo pháp, vì chính nghĩa cũng đã cử hành trang nghiêm tại chùa Ấn quang vào sáng mười hai tháng tư. Dưới sự chỉ đạo của Thượng tọa Thích Tâm Giác, Tổng Tuyên ủy Phật giáo, một phái đoàn gồm các quân nhân, công chức, sinh viên, các nghiệp đoàn tự do, Gia đình Phật tử, đã đến ủy lạo anh em thương phế binh tại Quân y viện Cộng hòa, Ngõ quyền, Bảo an, và Trung tâm cải huấn quân đội. Tại Quân y viện Cộng hòa. T.T. Thích Tâm Giác cùng sự tháp tùng của bà Trung tướng Trần-thiện Khiêm, bà Thiếu tướng Nguyễn văn-Thiệu, bà Tổng trưởng Phạm Thái cùng

nhiều phụ nữ, nữ sinh viên đã trao tặng hơn 200.000 đồng tặng phẩm :

Đặt biệt hơn cả, hùng tráng hơn cả là buổi lễ riêng của Quân nhân Phật tử tại Lễ đài trung ương bến Bạch-đăng. Dưới trời mưa tầm tã, hàng vạn Phật tử mà đa số là các quân nhân đủ các binh chủng các sĩ quan, các sinh viên sĩ quan Thủ-đức các Nha sở trực thuộc bộ Quốc-phòng, Nội vụ, đã hành lễ dưới sự chủ tọa của Thượng tọa Thích Tâm Châu, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. T.T. Thích Pháp Tri Phó Viện trưởng. Đại đức Thích Giác-Đức đã thuyết pháp về đức lớn BI, TRÍ, DŨNG của người quân nhân Phật tử. Mưa càng to, đèn càng sáng, giọng thuyết pháp lại càng hùng hồn lôi cuốn. Mầu áo chiến binh từng xông pha tên đạn đã đúc kết dưới cơn mưa thành một trường thành vững chắc sẵn sàng bảo vệ chính-pháp. Nước mưa đổ xuống ào ạt, người quân nhân Phật tử vẫn lắng theo từng lời giảng dạy. Giọng thuyết-pháp vẫn vang lên. Đúng là một cơn Pháp-Vũ có một không hai trong đời người chiến sĩ.

Mưa mãi cũng phải ngừng, đêm mười bốn tự nhiên trời tạnh ráo. Hàng mấy chục vạn người tràn ngập khắp nơi đón rước Hội Ánh Sáng. Hơn 50 chiếc xe hoa lần lượt trải qua các phố Trần quốc Toản, Lê văn Duyệt, Hồng thập Tự, Hàm Nghi, Lê Lợi rồi hướng trước lễ đài. Đêm mười bốn lòng người náo nao không ngủ.

NGÀY ĐẠI LỄ

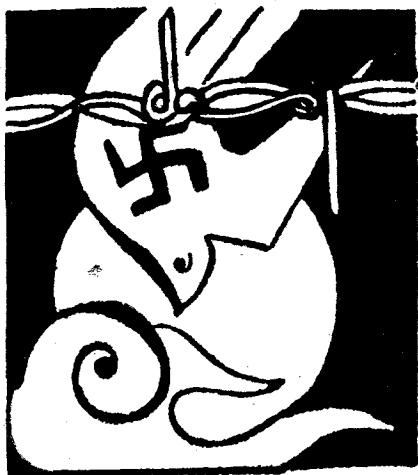
Mặc dù đến bình minh hôm rằm tháng tư mới cử hành Đại lễ, suốt đêm mười bốn chung quanh Lễ đài đã tập nập những người. Anh em Gia đình Phật tử. Hướng đạo Phật giáo lo chuẩn bị trật tự. Tiếng cười nói reo vui vang động cả một khu trung tâm thành phố. Các quân xa chở anh em binh sĩ từ các nơi về, Các vị trong ban tổ chức lo trang bị lần chót cho buổi Đại lễ Đèn Lễ Đài vẫn sáng suốt đêm. Thế rồi, vào bốn giờ sáng, khắp các nẻo đường, các đoàn thể đổ về. Đông thật là đông, thế mà vẫn im lặng. Vui thật là vui thế mà không thiếu trang nghiêm. Đến 5 giờ sáng thì sự đi lại của Sài-gon gần như lắng đọng. Khắp các ngã đường vào Lễ đài đều tràn ngập những người và người. Y phục chỉnh tề, hàng ngũ nghiêm trang, dáng điệu thuần nhả. Khó mà tưởng tượng được khối người hàng chục vạn tá ấy lại im lặng. Một sự yên lặng của đại dương sau cơn bão.

Trên lễ đài, Thượng-tọa Trưởng ban tổ chức đã đến. Máy phóng thanh rộn rã. Đúng 6 giờ, Ngoại giao đoàn và các vị Tổng trưởng, Bộ trưởng trong Chính phủ tới Trước lễ đài là một rừng cờ và biểu ngữ ca ngợi ngày Khánh đản, ca ngợi nền Phật giáo thống nhất, Tri ân chư thánh tử đạo, cảm tạ nhân dân thế giới. Bên trái Lễ đài là Ban hợp xướng và Ban đại nhạc gồm trên 200 nhạc sĩ. Trước đó dọc theo bến Bạch đặng là chư tăng ni trong mầu vàng rực rỡ. Đoàn Nhu đạo Phật tử Quang trung gần 2000

(xem tiếp trang 26)

TRƯỜNG CA

NGÀY PHẬT ĐẢN



Một góc ngàn thế-kỷ đã trôi qua
Từ phút TÌNH THUỜNG nhập-thề, chói loà
Trên giòng thời-gian hợp tan bao nhiêu đời tình
đầu.

Tới nay : thế-kỷ HAI MƯƠI SÁU
Vừa TÁM tuổi phương-phi.

Lũ chúng con giữa mặt chấp tay quỳ
Hướng nẻo Sông Hằng nước PHẬT,
Cất tiếng niệm ngàn vang chín tầng trời đất :
— Nam-mô BỒN-SU THÍCH-CA MÂU-NI...!

Khắp ba ngàn cõi
Lẳng tai về một cõi niệm TỪ-BI:
Nơi Mùa-Xuân-Thề-Phách đã ra đi
Chín chục thiều quang tàn Cảnh Khỏi
Nhường chỗ đề Tinh-Anh bừng chói lợi:
MÙA XUÂN THẮNG TƯ
Trăng tròn một khối
Đượm ánh Chân-Như
Đất VIỆT trời NAM mở hội
Niềm mong cho thỏa bấy chừ,
Năm sắc cờ bay reo ngọc bội,
THIÊN-ĐỒ chuyển kiếp ĐỂ-ĐỒ xưa...

Cây núi NGỰ kết ngôi vàng PHẬT ngự
Nước sông HUỜNG mùi ĐẠO ngát hương
đưa.

Một lời chuông gọi
Muôn ngàn tiếng thừa.
Nắng TRUỜNG-SƠN đồng vọng
Hồi thanh BẾN-HẢI mưa.
Từ khắp chốn, vượt dầu sôi lửa bỏng
Về nơi đây... mừng tui mấy cho vừa !
Cầu BẠCH-HỒ nhịp vang gió sóng
Chợ ĐÔNG-BA đầm vị muối dưa,
Vút cánh dơi bay, này quá khứ gửi âm thừa !

Hơi đất mồ hoang về... lời lời âm uớt
Lần roi ngực lạnh về... tiếng tiếng u ơ.

Và một giọng cười điên lão-đào
Xoay ngược Địa-cầu trở lui vòng quỹ-đạo
Dốc Thời-gian đồ ngược hướng huyền-cơ
Chúng con chột toì-bời tâm não
Nghe trong da thịt sững-sờ.

— Máu khóc xương kêu ; trời ơi kia bàn tay ai
bão táp ?
Cho loài kim nghiêng răng, bánh xe chà đạp
Tám chồi măng rụng xuống đêm ngàn thu bơ-
vơ...

Ôi, **BẦY-GIỜ** tưởng **BẦY-GIỜ** !
Vui thành-công lại Hồn Thơ ghen-ngào.

DĨ-VĂNG chúng con : chuỗi hình-nhân
què-quặt !
Mà **TƯƠNG-LAI** mà **HIỆN-TẠI**... e còn
nguyên nước lửa gươm dao.

Bên tai như thét như gào
Những giây phút những tháng năm tàn tạt.
Lũ mê muội hiểu gì đâu lẽ còn lẽ **MẤT**,
Rồi đây nhân-loại ra sao ?
Lạy đấng **THẾ-TÔN**, xin trở đường vào
Thế-giới của Tình-Thương-Đích-Thật !
Cảnh giả thân hồ lây-lắt
Xa vời bến Giác chừng bao ?

Thoắt đầu vầng Nhật
Bè mây nâng cao.
Tiếng nổ chớp giật
Mười phương Hải-Trào
Nghe dội xuống tận lòng sâu Trái Đất,
Tung ra hòa-tấu khúc thần-giao
Và ức triệu rế **BỒ-ĐỀ**, tự muôn cảnh phơ
phất,
Rủ xuống trần-tâm đang mừng tui nao-nao;
Lòng chúng con sa-mạc khát mưa rào !
Kề đã ba mươi ngàn bảy trăm tuần
Trăng đầy **GIÁC-HẢI** nguyệt tròn **PHÁP-
LUÂN**,
Nay ánh sáng lại đêm rằm ngọt mật.
— Cõi Ta-bà, thấy chăng ? ngày-đản
PHẬT,
Tám nguồn Công-đức-thủy dâng về thanh khiết
bằng trình
Tám chồi măng : tám hành-tinh
Nồi trên bọt sóng, hồi-sinh huy-hoàng !

Đâu còn vết máu !
Chỉ thấy hào quang
Lòng Tin thuở ấy tan hoang
Đã đến lúc về ngôi Chín Tầng Tháp Báu !
Thiền nguyên, thế kỷ **HAI MƯƠI SÁU**
Vừa **TÁM** tuổi hôm nay
Giữa khoảng trời **NAM** đất **VIỆT** này...
Lời tụng niệm vượt âm-giai cao nhất :
— Nam-mô **BỒN-SƯ THÍCH-CA MÁU-NI
PHẬT** !
Đón dư-âm, ngừng núi lở sông bồi...
Cần-khôn treo nhịp Luân-Hồi
Chầu quanh một bóng **PHẬT** ngồi **TỪ-BI**.

Viết trong một cuộc mộng-du ra Huế
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG
(2508)

Những nét chính về tuần lễ...

(tiếp theo trang 23)

người võ phục thêu hoa sen. Bên phải lễ đài là Đoàn Phụ nữ Phật tử y phục trắng trắng tinh, và đoàn thiếu nữ Gia Đình Phật Tử với đồng phục màu lam hiền dịu.

Đúng 6 giờ 20, Đức Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Thống nhất đến. Lễ nhạc cử bài cung nghinh. Kế đó Thượng tọa Thích Tâm Châu Viện trưởng Viện hóa-Đạo, chư Vị Thượng-tọa các tông vụ, Viện cao đẳng Phật học đến. Nhị vị Phó Thủ tướng đại diện Quốc-trưởng Việt-nam cộng-hòa và Thủ-tướng Chánh-phủ đến. Đúng 6 giờ 30 Thượng tọa Thích-Tâm Châu đọc diễn văn khai mạc Nhạc trời bài Phật giáo Việt-Nam hợp ca : « Nhịp vui Khánh đản ». Thượng tọa Thích-thiện-Minh trưởng ban tổ chức Trung ương lễ Phật đản đọc diễn văn. Sau khi phác qua quá trình tranh đấu của Phật giáo-đồ Việt-nam trong suốt Phật-niên qua, T.T. xác định tinh thần cúng dường Thế tôn trong ngày Phật đản :

« Cúng dường Đức Phật không chỉ vụ ở hình thức nghi lễ. Cúng dường chân chính phải là làm sống dậy những lời Phật dạy trong đời sống tâm linh, cũng như trong đời sống thực hằng ngày. Một người sớm tối chuyên lo tụng niệm, nhưng lại sao lãng thờ ơ trong nhiệm-vụ của một Phật tử đối với đoàn thể và xã hội thì không những không làm tròn nhiệm vụ cúng dường mà còn sa vào con đường lịch trệ đáng lo. Để tránh sự sai lầm đó, Phật tử Việt-Nam phải luôn luôn nghĩ rằng người Phật tử chân chính phải đi đôi với người công dân tốt. Bởi lẽ mối liên hệ giữa Phật giáo và dân tộc là mối liên hệ bất khả phân ».

Thượng tọa Trưởng-ban còn nhấn mạnh vào nhiệm vụ của Phật-giáo đồ Việt-nam trong giai đoạn hiện tại.

« Mặt khác, những hy sinh cao cả trong 6 tháng Pháp-nạn không phải nhằm lật đổ một số người để thay thế một số người khác ! Ước vọng thâm thiết của Phật-tử cũng như của toàn thể đồng bào là mong muốn được sống dưới một chế độ mà trong đó tự-do tín-ngưỡng được tôn trọng, công bằng xã-hội được bảo đảm, tình thương và đoàn kết được thể hiện. Vì vậy, những ai có trách nhiệm với quốc dân hãy tỏ ra xứng đáng và đừng đi ngược lại nguyện vọng của đồng

bào, giẫm đạp lên quyền lợi thiêng liêng nhất của xứ sở. Nếu không được như thế thì hóa ra bài học lịch sử không có một ý nghĩa nào cả chăng ? Riêng với chúng ta trong cương vị người dân, bài học ấy đã cho ta thấy rằng Lễ Phật, Tình thương và Đoàn Kết là ba yếu tố bất khả phân để tạo thành sức mạnh tối hậu của con

Phật tử tham gia trên 200 ngàn người dưới ánh nắng gay gắt của Thủ Đô Saigon trong ngày Phật Đản.



lễ bái dưới tượng Phật sơ sinh. Trời xanh thêm, cao hơn. Mây như ngừng trôi, gió như ngừng thổi. Ba phút im lặng. Một sự vắng lặng làm rung chuyển cả mọi tâm hồn. Nhạc từ từ trôi bài Ngũ đối thượng trang nghiêm, vững chãi, toàn thể từ từ tỉnh tức và từ lễ đài một lời xướng cao vút tỏa ra :

« Pháp vương vô thượng tôn
Tam giới vô luân thất
thiên nhưn chỉ đạo sư
tứ sanh chi từ phụ
Ư' nhứt niệm quy y »

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhạc tán thân

Ước kiếp mặc năng tận. . Nhất tâm đánh lễ ». và tiếng niệm danh hiệu Như lai vang lên, dâng lên ầm ầm như hải triều. Nếu trong phút nhập Từ bi quán, không khí trầm-lặng bao nhiêu thì trong giờ phút niệm danh hiệu : « Nam mô bổn sư Thích ca mâu ni Phật » lại vang lên như thác lũ. Tiếng cầu kinh như vút lên, tỏa ra vượt mọi không gian tưởng chừng vang vọng tới tam thiên thế giới, chuyển động địa cầu. Sức mạnh truyền cảm của lời kinh đã làm cho nhiều người rung mình và ứa lệ. Sau đó, toàn thể lại trở về yên lặng, xót xa nghĩ tới chư vị Thánh vị pháp vong thân. Nhạc trời bài Hoài niệm.

người cũng như của dân tộc. Sức mạnh ấy. Phật-giáo đã từng đóng góp trải qua lịch-sử để tạo thành nước Việt-nam « nghìn năm văn hiến » đầy sinh lực sống động và có sắc thái riêng biệt dưới vòm trời Á-đông. Chính đó là yếu tố duy-nhất đã giúp dân tộc ta giữ vững xứ sở qua bao nhiêu biến thiên của thời cuộc. Thực là một điều khó hiểu khi người ta nhắc nhở đến tinh thần cứu nước, dựng nước mà lại bỏ quên mất yếu tố căn-bản đó ! »

Thượng-tọa vừa dứt lời thì ba hồi chuông trống bát nhã nổi lên vang động cả một góc trời. Đức Tăng Thống niệm hương và toàn thể Phật-tử hiện diện đều nhất loạt quỳ xuống. Một quang cảnh lạ lùng chưa từng thấy. Hàng mấy trăm nghìn người, từ trước lễ đài qua tới các đại lộ Tự do, Nguyễn Huệ, Lê-Lợi, Hàm-Nghi, Bạch-đăng, trên một chu vi mấy chục cây số yên lặng quỳ xuống chấp tay, nhắm mắt nhập Từ bi quán. Tại lễ đài chỉ còn nghe tiếng tụng kinh, tiếng máy quay phim đều đều. Một sự thanh tịnh vô cùng thanh thoát vì đại đã khiến cho vô số khách bàng quan phải lặng lẽ quỳ theo. Nhìn lên đài, đức Tăng Thống và chư vị Thượng-tọa, Đại-đức đang

Kế đó toàn thể cung kính nghe Thượng tọa Pháp Tri Phó viện trưởng viện Hóa đạo tuyên đọc Thông điệp của Đức Tăng Thống. Hợp xướng : Phật giáo Việt-Nam. Ba hồi chuông trống Bát nhã hồi hướng công đức. Sau cùng Đại đức Thích Giác Đức ngỏ lời cảm tạ quý vị trong chính quyền, quan khách, các đoàn thể bạn. Thượng tọa Thích Minh Châu Phó viện Trưởng viện Cao đẳng Phật học ngỏ lời cảm tạ ngoại giao đoàn và các quan khách

bằng Anh ngữ, văn hoa và lưu loát. Nhạc hòa tấu tiễn đưa Đức Tăng thống. Thượng tọa viện trưởng viện Hóa đạo, chư vị Thượng tọa, chư vị Phó thủ tướng và quan khách.

Cuộc lễ rước tượng và Quả Tim Bất Diệt của Hòa thượng Thích Quảng Đức và di ảnh các Thánh tử Đạo bắt đầu. Đoàn rước đi qua đường Tự do, Lê Lợi, ngừng lại trước bàn thờ di ảnh Đại đức Thích Quảng Hương và nữ sinh Quách thị Trang thiết lập đơn giản tại Công viên Bến thành. Chính nơi đây Đại đức đã tự thiêu và nữ sinh Quách thị Trang đã bỏ mình vì Đạo.

Chưa nhắc tới các buổi thuyết pháp của chư Thượng tọa Thích Minh Châu, Thích Hộ Giác, chư Đại đức,

quý vị học giả, văn nhân tại rạp Thống nhất, tại trung tâm Quảng Đức, tại các chùa Xá lợi, Ấn quang, Giác Minh, Từ nghiêm v.v.. Lễ Phật Đản 2508 trong tinh thần tập thể kiên trì của Phật giáo đồ Việt Nam, chúng tôi không thể nào dùng con số để diễn đạt mà chỉ ghi lại những nét chính. Đoàn rước tượng và Quả TIM Bồ tát ngừng lại ở Lễ Đài Lê văn Duyệt, nơi ngài Bồ tát Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân. Lễ truy niệm diễn ra long trọng cho tới 11 giờ 30, đoàn thể cuối cùng mới rời khỏi Lễ Đài. Căn cứ vào số lượng đoàn thể ghi danh, ước lượng chừng 400 ngàn Phật tử đi trong đoàn thể. Ngoài ra, số người vọng bái đầy nghẹt hai bên đường. Các nhật báo trong nước các hãng Thông tấn ngoại quốc đã xác nhận biên người không thể nào ước lượng nổi,

nhưng đều đồng ý từ trước đến nay, chưa bao giờ ở thủ đô có một đám rước nào đông đảo đến thế.

Dù cho có nghìn mắt cũng không trông khắp, dù cho có nghìn tai cũng không nghe trọn nổi những công đức vô cùng vĩ đại của Phật tử Thủ đô và toàn quốc đã đóng góp, và thực hiện được trong tuần lễ vừa qua. Khi mà mỗi Phật tử đã tự mình viết nên một trang sử của Phật giáo, gói trọn cả tâm hồn, thì mọi sự tường thuật đều trở thành vô nghĩa. Tuần lễ Phật đản 2508 dù đã qua nhưng tinh thần ấy, tổ chức ấy, Đại lễ ấy đã đúc kết thành một nét vàng son mở đầu cho một giai đoạn mới của lịch sử Phật giáo và dân tộc.

L.H.

NHÂN DỊP LỄ PHẬT ĐẢN 2509 MỖI GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ CẦN CÓ CUỐN

« Việt - Nam Phật - Giáo tranh đấu sử »

của TUỆ-GIÁC

- Cuốn sách duy nhất được Tổng Vụ Tài Chánh Viện Hóa Đạo giới thiệu với quý Thượng Tọa, Đại Đức, quý đạo hữu trong và ngoài nước.
- Sách có bán tại Việt-Nam Quốc-Tự.
- Nhà sách Khai-Trí Sài-gòn.

THUỐC TRỊ CÁC CHỨNG

BAN, NÓNG, CẢM, HO Euquinol

CÓ BÁN KHẮP NHÀ THUỐC ÂU-MỸ

KN. Số 37 Q.CDP. B.Y.T. Ngày 22.7.60



Thái độ của Phật - Tử

đối với sự KHEN CHÊ

• T.T. THÍCH MINH-CHÂU

1) Tôi nghe như vậy, một thời Đức-Thế-Tôn đang đi trên con đường giữa Rājagaha (Vương Xá) và Nālanda cùng với đại chúng Tỷ kheo khoảng 500 vị. Lúc bấy giờ có Suppiyo, du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Rājagaha và Nālanda cùng với đệ tử, chàng thiếu niên Brahmadata, Suppiyo, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của ngoại đạo du sĩ Suppiyo, chàng thiếu niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ kheo, cả hai Thầy trò nói toàn những lời tương phản.

2) Rồi đức Phật nghỉ một đêm tại Ambalatthikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ kheo. Suppiyo, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, chàng thiếu niên Brahmadata. Tại đây, vị du sĩ ngoại đạo Suppiyo cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp hủy báng Tăng; còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiyo, chàng thiếu niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau, trong khi đi sau lưng đức Thế-Tôn và chúng Tỷ kheo.

3) Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chúng Tăng: « Này các Hiền-giả; thật kỳ diệu thay! Này các Hiền-giả, thật kỳ diệu thay! Đức Thế-Tôn, Đấng toàn tri, toàn kiến, đấng A-La-Hán, bậc Chánh đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh Suppiyo, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiyo, chàng thiếu niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản, trong khi đi sau lưng đức Thế-Tôn ».

4) Lúc bấy giờ đức Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên

chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn nói với các vị tỷ kheo:

« Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được các người bỏ dở chưa nói xong? » Nghe nói như vậy, các vị tỷ-kheo bạch đức Thế-Tôn rằng: « Bạch Thế-Tôn! Tại đây khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: « Này các Hiền-giả, thật kỳ diệu thay!... Đức Thế-Tôn và chúng tỷ-kheo ». Bạch Thế-Tôn đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con, khi đức Thế-Tôn đến.

5) Này các tỷ kheo nếu có người khác hủy báng Ta, hay hủy báng Pháp, hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy mà sanh lòng công phẫn; tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hay hủy báng Pháp, hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phẫn, tức tối, và tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hay hủy báng Pháp, hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phẫn và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng đắn hay sai lạc chăng?

— « Bạch Thế-Tôn không thể được ».

— « Này các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hay hủy báng Pháp, hay hủy báng Tăng, thời các người phải nêu rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: « Như thế này, điểm này không đúng sự thật, như thế này không chân chánh; việc này không có giữa chúng tôi, việc này không xảy ra giữa chúng tôi »

6) Này các tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta hay tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan-hỷ, khoái trá, tâm không nên thích thú. Này các tỷ kheo, nếu có người tán thán Ta, hay tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, khoái trá, và thích thú, thời sẽ có hại cho các người. Này các tỷ kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật, là đúng sự thật: « Như thế điểm này đúng sự thật, như thế điểm này chân chánh; việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi ».

• *

MỘT VỢ HAI CHỒNG

(tiếp theo trang 20)

Ngay lúc ấy hung thần cũng vừa đến cửa chùa, nhưng Chư thiên gác cửa không cho vô. Đức Phật dạy Ananda ra gọi hung thần vào. Nhờ oai lực của Phật Tổ nên hung thần tỏ ra hiền lành dễ dạy. Trước sự gặp mặt của hai nạn nhân, đức Phật từ tốn khuyên bảo: Này hai người tại sao hai người làm khổ nhau như thế. Nếu hai người không may mắn gặp được Như Lai thì mỗi thù này đến bao giờ chấm dứt được và hai người sẽ như quạ với chim mèo, như rắn với chồn, cứ gặp nhau là tìm cách giết hại nhau, để rồi oán thù chất chồng thêm mãi. Nói đến đây đức Phật bèn nói bài kệ:



NA III VEREMA VERANI
SAMMANTIDIIA KUDĀCANAM
AVERENA CA SAMMANTI
ESA DIHAMMO SANANTANO.

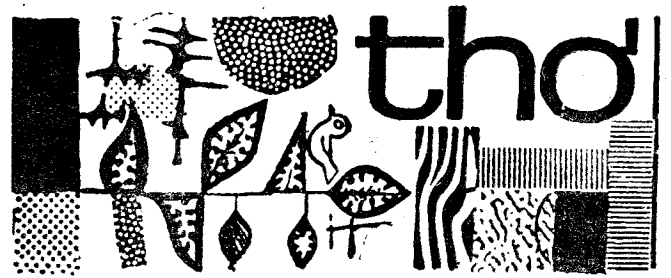
Nghĩa: Trên thế gian này,

bất cứ thời đại nào,
nếu lấy oán báo oán.
thì oán chập chồng,
lấy ân báo oán,
thì oán tiêu mất;
đó là chân lý của bậc hiền xưa.

LỜI BÀN: Người đòi cho sự trả thù là một hành động hợp lý. Chẳng hạn như con bị giết mà cha mẹ không trả thù là cha mẹ hèn; cha mẹ bị giết mà con không trả thù là con bất hiếu. Thế rồi người ta tranh nhau nuôi chí phục thù. Nếu người nào phục thù được thì kẻ như đã làm tròn phận sự đối với người đã khuất. Người ta kết luận một cách giản dị. Vay nợ máu phải trả nợ máu.

Nhưng theo đức Phật thì người đòi không thể san bằng hận thù bằng hận thù, mà trái lại, chỉ có tình thương mới san bằng được hận thù. Cũng như ta không thể lấy nước dơ rửa đồ dơ, mà chỉ có nước sạch mới rửa đồ dơ được.

HỘ GIÁC.



thơ hời bà mẹ

hời bà mẹ đã thấy mặt trời hồng rạng rỡ
trên nụ cười của đứa con thơ
và trong mắt em, thấy trăng sao hòa điệu vui vầy
và trên xoáy tóc trán em, thấy đường vận hành vũ trụ
và trên mái tóc em, thấy tình yêu uốn đường mây
hời bà mẹ đã thấy đóa hoa hồng màu nhiệm trên mặt đất
tối đen này
và nhờ đó, trước mặt bà, tảng đá khô khan hóa thành viên
bích ngọc
địa ngục thành tổ ấm
hạt sương hóa vì sao
hời bà mẹ đã thấy trong nôi con hình ảnh búp Ưu Đàm
tương lai ngọt ngào
cành huệ trắng vươn dài lên ánh sáng
dòng suối xanh ra biển
chim phượng hoàng bay thâu đỉnh non cao
hời bà mẹ mà tình yêu con đã cho bà thấy những đôi
cánh thiên thần
phấp phới trên vai đàn trẻ thơ trần trụi
xin hãy, bằng đôi tay êm dịu
kết vòng hoa tâm nguyện làm tổ ấm bờ câu
vì thế hệ mau sau, xin mẹ dựng hòa bình

đồng 2507

chúng ta hãy

chúng ta hãy dựng Phật Giáo làm một vạn lý trường thành
để bảo vệ cho mẹ Việt Nam yêu quý
chúng ta hãy trải Phật Giáo làm một lớp cỏ non
để chở che cho lớp đất mền lao lý
chúng ta hãy kết Phật Giáo thành một vòng hoa
để đặt lên mái cổ trong ngần của người em thơ thế kỷ
chúng ta hãy xây Phật Giáo thành một ngọn tháp chín tầng
để chói rạng nhân phẩm người hùng vĩ
chúng ta hãy đắp Phật Giáo nên một con đường
để cô gái đồng phương đi về Chân Thiện Mỹ

thu 2507
TRỤ VŨ

PHẬT ĐẢN

tại

HY - MÃ - LẠP - SƠN

• THÍCH-THIỆN-CHÂU

SEN mới bắt đầu tỏa hương. Phương vị cũng đã thay màu. Nalanda vẫn hiền hậu và yên tĩnh như những ngày nào. Có điều cái nắng gay gắt của Bihar không chịu lòng viễn khách. Cũng như hai năm trước, chúng tôi tìm lên Kalimpong, một đô thị nhỏ và cuối cùng của Ấn Độ dọc theo biên giới gần Kikkim, Bhutan, có đường thông sang Tây Tạng, nằm trên rặng Hy-Mã Lạp-Sơn. Chỗ chúng tôi tạm trú là một ngôi chùa hẻo lánh, nhỏ tí-teo, treo lơ lửng giữa sườn núi, ẩn dưới rừng tùng xanh mượt. Quan hệ năm, ở đây, buổi sớm cũng như buổi chiều, mây với sương hòa lẫn. Có những buổi mai, sương nhiều, lấp cả thung-lũng, chúng tôi có cảm tưởng là mình đang đi trong mây.

Cái tên của chùa TRIYANA VARADHNA mà chúng tôi đến ở có nghĩa là Tam thừa cộng tiến : Tiểu-thừa, Đại-thừa, Kim-cang-thừa. Đại-đức Sangharakshita, người Anh, là Trụ-trì. Trong chùa còn có vài vị Lạt-ma Tây-Tạng và 3 chú tiểu. Chúng tôi may mắn được Đại-Đức Langharakshita nhờ xem hộ chùa và tổ chức lễ Phật-Đản. Đại-Đức phải xuống Bombay để hướng dẫn lễ cho hàng triệu Phật-tử mới — những người « ngoài giai cấp » theo gương Bác-sĩ Ambedkar, chọn Phật-giáo, tôn giáo không phân chia giai cấp làm lý-tưởng. Sau đó Đại-đức sẽ trở về Anh quốc sau 20 năm trời xa quê hương. Thế là chúng tôi nghiêm nhiên trở thành Trụ trì của « Tam thừa cộng tiến » và là Trưởng ban tổ chức ở nơi rừng xanh có núi tuyết bao quanh này. Làm Trụ trì thì không khó vì chùa nhỏ, xa phố, ít ai lui tới. Sinh hoạt của chùa thì đều đặn : ngày hai buổi công phu, thuyền quán và thỉnh thoảng sai chú tiểu ra chợ mua dầu thắp và muối gạo. Nhưng chức vụ Trưởng ban tổ chức thì thật là rắc rối, vì lạ cảnh, lạ người. Chùa chiền và nhà cửa dân chúng ở rải rác khắp nơi : cái thì đầu non, cái cuối suối. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn vững tâm vì nghĩ rằng mình cố gắng làm hết bổn phận là được.

Một vài buổi họp nhỏ được triệu tập để bàn cách thức tổ chức và hoạch định chương trình. Chương trình hành lễ được thu gọn trong một ngày. Giấy mời được in bằng hai thứ chữ : Anh và Tây-Tạng. Phật-tử Tây-Tạng ở đây rất đông và ảnh hưởng Phật-giáo Tây-Tạng ở đây cũng rất rõ rệt. Khó khăn nhất là việc chuyển đạt

giấy mời và chương trình. Chú tiểu phải mất hết 3 ngày mới phân phát hết. Vì ở đây rất ít xe cộ. Từ núi này qua núi khác chỉ có đi bộ là tiện hơn cả.

Trong những ngày gần lễ, chúng tôi phụ với các vị Latma và các chú tiểu trong chùa dọn dẹp và trang hoàng. Tất cả những vật liệu như tre, lá, bông hoa đều do chùa tự túc, chỉ có giấy và vải màu thì phải mua. Sáng ngày rằm, sau những hồi kèn Tây-Tạng huyền bí và những tiếng gong Miến-Điện vang xa, những Phật-tử ở gần chùa — nói gần nhưng xa ít nhất là một cây số ngàn đường rừng — mang hoa nhà quả vườn đến, cùng với chư Tăng dự lễ buổi sáng. Trời hôm ấy trong sáng quá. Gió reo bài ca Khánh đản. Nắng ấm sưởi lá xanh. Rừng núi vui tươi hẳn lên. Những lá cờ Phật-giáo quốc-tế thiêng-liêng, những lồng đèn rực rỡ nổi bật giữa màu xanh của lá cây và màu trắng của những đỉnh tuyết Kanchanjanga. Càng nhìn những lá cờ phất phới tung bay, chúng tôi càng ngậm ngùi tưởng nhớ đến những người thân kính đã hi sinh để bảo vệ nó, vì nó là biểu hiệu của Tình thương và Ánh sáng.

Chưa đến 8 giờ mà người đến dự lễ đã đông chật cả vườn chùa. Cụm năm, cụm ba họ chuyện trò vui vẻ trong khi thưởng thức những chén « trà bơ măn » và những chiếc bánh không lồ theo kiểu Tây-Tạng do một số Phật tử mang đến thiết đãi. Các Phật tử khá giả và công chức ở phố cũng vào tham dự.

Ba tiếng khánh báo hiệu giờ hành lễ. Mọi người tụ tập trong chánh điện và trước hiên chùa. Bức rèm xanh của những cánh tùng buông rủ giúp chùa nghèo che nắng cho Thiện-tín ngồi ngoài hiên. Buổi lễ bắt đầu bởi những cuộc đốt đèn, thắp hương và quàng lên tượng Phật những dung vải trắng do mỗi người tự dâng cúng. Tiếp đến là những bài Kinh Tây Tạng, Pali của chư Tăng. Sau nghi lễ là phần thuyết pháp. Vì thỉnh giả gồm nhiều quốc gia như Ấn-Độ, Tây Tạng, Nepal, Bhutan, Sikkim, Ceylon, Việt-Nam, Thái-Lan v.v... nên phải có rất nhiều giảng sư. Đại đức U.Dhammartana giảng bằng tiếng Anh, Latma Pannaloka bằng tiếng Tây Tạng, Đại đức Mahanam bằng tiếng Hindi. Những

bản nhạc Phật huyền-bí đậm đà của các em thiếu niên thiếu nữ Tây Tạng và Népal được xen vào giữa những bài thuyết pháp để gây thêm phần hào hứng cho thính giả. Sau hết là lời cảm tạ của chính chúng tôi. Thay mặt Đại đức Langharakehita, chúng tôi cảm ơn tất cả đã đến tham dự buổi lễ. Nhân tiện chúng tôi cũng thay mặt Phật-tử Việt-Nam cảm tạ những người đã nồng nhiệt ủng hộ cuộc tranh đấu vừa qua như ông bà Kazi đã liên tục viết báo đề nêu rõ sự thật về cuộc đàn áp Phật-giáo ở Việt-Nam. Quý vị Lạt ma, vâng theo chỉ thị của đức Dalai-Latma, cầu nguyện trong một tuần, vị trưởng lão Hòa-thượng Népal tuyệt thực trong 7 ngày v.v... Buổi lễ chấm dứt trong lúc những tia vàng từ bên kia đồi Darjuling chiếu mạnh vào điện Phật và những người dự lễ. Tất cả ra về trong niềm hân hoan thanh thoát.

Riêng chúng tôi còn phải ra chùa Dhammadaya, gần phố, để dự buổi lễ công cộng. Dọc đường từ chùa ra phố — hơn 3 cây số — rất nhiều cây phượng mới viết bằng Kinh chú được dựng lên để kính mừng lễ khánh đản. Tối hôm ấy chúng tôi được mời giảng trong 15 phút. Đại đức Mahanam yêu cầu chúng tôi giảng bằng tiếng Việt trong vài phút đầu. Sau khi cảm ơn sự nồng hậu ủng hộ của toàn thể Phật tử Thế giới, nhất là Ấn Độ, Tây Tạng, Népal, Sikkim v.v... chúng tôi kể lại quá trình đấu tranh anh dũng của Phật tử Việt-Nam và những công tác Phật sự sau ngày Cách mạng thành công như thống nhất Nam Tông, Bắc Tông xây dựng Trung tâm Quảng Đức và cơ sở Giáo dục, từ thiện, tổ chức lễ Phật đản vi đại trong một tuần. Chúng tôi cố tình dấu đi những vụ giết hại Phật tử gần đây của những phần tử phản Cách-mạng, chia rẽ dân tộc... Vì chúng tôi không muốn gây thêm một lần nữa sự xúc động trong lòng những Phật tử bạn ở phương xa. Cuối cùng mọi người như lắng hết tâm tư để thưởng thức những lời kinh êm ái, dịu hiền (đã thu vào băng nhựa) trong bài «Đệ tử kính lạy» của những người con Phật ở tận bên kia bờ biển Thái Bình xa xôi. Mục chót của chương trình là giới thiệu Việt Nam và Phật giáo Việt Nam qua các hình rơi màu — Slides — Thính giả thích nhất có lẽ là những hình ảnh sinh hoạt của Gia đình Phật tử Việt Nam, một tổ chức Giáo dục Thanh niên tiến bộ dựa trên căn bản giáo lý của Đức Phật.

Sau buổi lễ, chúng tôi được bao quanh và bị hỏi nhiều câu về tình hình Phật-giáo Việt-Nam. Một người lớn tuổi, đứng-dẫn hỏi chúng tôi: « Qua những hình ảnh, chúng tôi nhận thấy Việt Nam quả là một nước có nền văn hóa tốt đẹp tại sao lại có thể có những lãnh-tụ ác-độc, tàn bạo như Ngô đình-Diệm và những cố vấn mưu mô, xảo trá như Ngô đình-Cần, Ngô đình-Nhu và vợ của Ngô đình-Nhu? Và Phật giáo Việt Nam quả là một tổ chức Tôn giáo ích lợi cho quốc gia, nhất là về phương diện giáo dục cho Thanh Thiếu-niên, tại sao lại bị đàn-áp và kỳ-thị một cách ghê rợn trong những ngày vừa qua? »

Sau khi giải đáp các câu hỏi trên, tôi mới biết người hỏi là ông Prasad, Chánh-án Tòa-án Kalimpong. Riêng các em Thiếu-niên Thiếu-nữ thì trầm trồ khen ngợi và ao ước được sang thăm Gia đình Phật-tử Việt-Nam.

Chúng tôi phải ngủ ở chùa Dhammadaya. Trăng Hy-mã đêm ấy tròn và sáng làm sao! « Năm kho tuyết » — Kanchanjunga — nổi bật trên các chòm núi màu xanh. Đi đi lại lại dưới hàng tùng, chúng tôi tưởng nhớ quê hương. Cũng dưới ánh trăng rằm đêm nay, hàng triệu người thân kính, mến thương của chúng tôi đang hân hoan kỷ niệm ngày ra đời của đức Thế Tôn và ngậm ngùi hoài niệm những nghĩa cử hy sinh cao đẹp của các Thánh tử đạo và những Phật tử trung kiên. Họ nghĩ rằng đức Phật là người mang ánh sáng cho nhân loại. Nhưng chính các Thánh đạo và các Phật tử trung kiên đã bảo vệ ánh sáng ấy cho họ và con cháu họ, và làm cho Thế-giới nhận rõ thêm giá trị của Phật-giáo.

Hồi chuông của chùa Tirpa Goompai từ bên kia đồi vọng lại báo cho chúng tôi biết là buổi lễ cuối cùng của quý vị Latma đã mãn. Đêm đã khuya, chúng tôi vào phòng an nghỉ. Nhưng ánh trăng xuyên qua cửa sổ chặn đứng đôi mi, không cho chúng tôi nhắm mắt. Chúng tôi thao thức nhớ quê hương.

Hy-mã Lạp-son, mùa Phật-đản 2508.

THIỆN CHÂU

Hong Kong



IN AIR TRAVEL THERE IS SIMPLY NO SUBSTITUTE FOR EXPERIENCE, AND NO OTHER AIRLINE IN THE WORLD APPROACHES THE EXPERIENCE PAN AM HAS LOGGED TO ALL THE 6 CONTINENTS WHEREVER IN THE WORLD YOU TRA EL, YOU FLY CAREFREE, CARED-FOR WITH PAN AM'S PRICELESS EXTRA OF EXPERIENCE. YOU'RE BETTER OFF WITH PAN AM -- WORLD'S MOST EXPERIENCED AIRLINE.



XỔ SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC - GIA

GIÁ MỖI VÉ 10\$00



Đừng nghe những kẻ bán xin
Một đồng tuy nhỏ thiệt mình ai cho
Đề dành giúp kẻ đói no
Ơn kia đáng kể, đầu cơ hết thời



**Đồng bào hãy đòi mua cho được
vé số Kiến-Thiết với đúng giá 10đ.**



Đại-Hùng

Đại-Lực

Đại-Từ-Bi

Bài của Đ.Đ. THÍCH-THỊ-NHÂN

TH Ứ Ờ N G thường nghe đến đạo Phật, chắc quý vị đã nghĩ ngay đến những hình bóng của con người yếu đuối, mắt không dám nhìn thẳng, chân bước ngập ngừng, sợ sệt, khổ đau, khúm núm trước quyền lực, dưng muối chày lòng, bao giờ cũng phủ một màu bi quan yếm thế.

Nếu có người hiểu rõ thêm đạo Phật một đôi chút thì chỉ hiểu đạo Phật qua những danh từ « Từ - bi, Bình đẳng », chứ còn hiểu giáo lý nhà Phật qua những danh-từ giáo-lý là : Đại hùng, đại-lực, đại-từ-bi thì có thể nói, đó là một thiếu-số. Người Tăng sĩ Phật giáo là những chiến sĩ nội tâm, luôn luôn chiến đấu và chiến thắng kẻ địch, đời sống thì đạm bạc, ý chí thì vững như thiết thạch, như kim cương, Đức độ thì khiêm cung, nhẫn nhục ; hành nguyện thì rộng to như bể cả, hùng dũng như sóng gầm, luôn luôn nở một nụ cười diệt, khinh thường khổ đau. Hình ảnh của người tăng sĩ đại-hùng, đại-lực, đại-từ-bi, đã hiện qua hình bóng của ngài Huyền Trang, Long Thọ, Vạn Hạnh, v. v.

Ai cũng biết chữ Đại là lớn.

Chữ đại ngoài cái ý nghĩa lớn của nó, còn có một ý nghĩa vĩ đại hơn. Đó là « Lòng vị-tha tích-cực không bờ bến » đây là lối định nghĩa theo Đại-Thừa Phật-giáo.

Vậy đại hùng là một nghị lực, một sự cương quyết vị-tha tích-cực không bờ bến.

— Đại lực là một sức mạnh vị-tha tích cực không bờ bến.

— Đại Từ-bi : theo định nghĩa từ-bi, từ là từ-năng giữ lạc, bi là bi năng bát-khổ. Chữ Từ-bi là một danh-từ kép. Vậy từ-bi có ý nghĩa là lòng từ bao giờ cũng an vui, hoan hỉ, còn lòng bi thì bao giờ cũng cứu vớt sự khổ đau, khi thấy sự khổ sở đau đớn của người thì bao giờ cũng thương xót và an ủi.

Ta đã định nghĩa đại hùng, đại lực, đại từ bi ; vậy thử đặt câu hỏi, thế nào là người đại hùng, đại lực, đại từ bi ? Chúng ta đã biết chữ hùng tương tự như chữ dũng trong thế gian. Vậy đại hùng nghĩa là hùng dũng và dũng tiến, mạnh dạn bền chí cố gắng không ngừng.

Người có đại hùng thường mạnh tiến, hy sinh tính mệnh của mình để mưu cầu hạnh phúc cho người, người lập đức tính đại hùng không bao giờ sờn lòng thối chí khi mục đích cao đẹp, khi lý-tưởng tuyệt vời của mình đã quyết định. Người đại hùng là người oai hùng quả cảm, quyết tiến, không sợ sệt trước một sức mạnh nào. Người có ý chí ấy thường hùng dũng vượt qua mọi thử thách gian lao, mỉm cười trước nguy hiểm, tự tại trước thất bại, vững chí tinh tiến trên con đường chính nghĩa.

Hùng cường dũng tiến đây không phải là hăng hái nhất thời, ngày nay làm cố hết ngày mai nghỉ. Bởi

nhiều hiểu lầm như thế nên nhiều người làm quá sức mình, sinh ra mệt nhọc, trước kia tính tình tiến bao nhiêu. thì sau lại lùi biếng bấy nhiêu. Vậy hùng cường dũng tiến phải có nghĩa là làm việc, có chừng mực, bền chí, hùng dũng cương quyết, nhưng tùy sức mạnh hay sức yếu của mình, không được thái quá hay bất cập.

Thế nào là người đại lực : Lực tức là sức mạnh, đại lực tức là sức mạnh vô biên, sức mạnh này thường biểu hiện qua hành động và việc làm, đại lực là một sức mạnh, ý chí cương quyết và nhẫn nại, quyết vượt qua mọi trở ngại chông gai và khó khăn gian khổ. Người đại lực là người sẵn sàng chiến đấu bất luận trong trường hợp và hoàn cảnh nào, nếu gặp sự thất bại nào thì cho đó là mẹ đẻ của thành công sẵn sàng chấp thuận mọi cuộc thử thách mới, bất luận trong thời gian và không gian nào. Một sự thất bại là một bài học kinh nghiệm cho người đại hùng đại lực, để rút tỉa kinh nghiệm cho cuộc chiến đấu và thử thách mới.

Người đại lực là người hay phát huy nội lực, tức sẵn sàng chiến đấu và đương đầu mọi trở ngại thử thách bất cứ phát xuất từ đâu đến không e sợ, không hãi hùng, khúm núm trước một địch thủ to lớn gấp vạn lần. Người đại lực chỉ tin tưởng ở sức phấn đấu, ở nghị lực dẻo dai của mình mà quyết thắng.

Thường thường sức mạnh ở thể gian có chia làm hai : đó là sức mạnh của vật chất và sức mạnh của tinh thần.

Sức mạnh của vật chất là do vật chất tạo nên, chẳng hạn sức mạnh của thân thể, của bắp thịt có thể do sự năng tập luyện mà có được, thí dụ : Như các nhà thể thao nhờ sự luyện tập thân thể đến một cao độ, do đó người ta có thể phá được hay chiếm được một kỷ lục mà mọi người khác không có thể làm nổi.

Sức mạnh của vật chất có thể kể đến những sự quyến rũ của vật chất và sẽ lôi cuốn đam mê sắc dục, mà mọi người có thể bị sa ngã vào hố sâu truy lạc. Nhưng nhiều khi có sức mạnh tinh thần, lý trí, một nghị lực cương quyết chống lại.

Sức mạnh tinh thần tiềm tàng trong con người còn gọi là nội lực, ít khi chúng ta thấy rõ. Chúng ta chỉ biết và thấy rõ sau khi nó đã hiện trên hành động trên việc làm trên cử chỉ. Sức mạnh tinh thần thường là một sức phấn đấu mãnh liệt, một nghị lực cương quyết vô biên.

Người có sức mạnh tinh thần là người đáng sợ, vì chúng ta thấy bề ngoài của họ không có gì, nhưng một khi bắt tay vào công việc thì chúng ta sẽ thấy việc làm của họ được hướng dẫn bởi một nghị lực tinh thần, tiềm tàng không bao giờ ngừng nghỉ mà bình thường người có sức mạnh vật chất chưa chắc đã làm nổi.

Quý vị chắc đã thường nghe những câu nói đại-hùng đại-lực mà còn mãi đến hậu thế người ta vẫn dùng làm khuôn vàng thước ngọc chẳng hạn như : « Ta thà thịt nát xương tan, nếu không thành đạo (chánh quả) thì không rời khỏi gốc cây bồ đề này ».

« Chiến thắng ngàn quân địch không bằng chiến thắng mình. Chiến thắng mình là một chiến công oanh liệt nhất ».

Thế nào là đại từ bi ? Từ bi là từ năng giữ lại, bi năng bạt khổ như theo định nghĩa trên, còn có thể nói cứu khổ ban vui tức là diệt trừ những nỗi thống khổ của chúng sanh, đem mọi hạnh phúc đến cho muôn loài.

Vậy vì lòng từ bi, đại nguyện khi thấy chúng sinh đau khổ người có lòng bi phải tìm cách giúp đỡ, cứu vớt khiến cho họ hưởng được kiếp sống an lành. Vì lòng từ bi ta phải thường mang lại những niềm vui tươi cho hết thảy, không được làm đau khổ một ai, dù đối với loài vật. Vì lòng từ bi, ta không được thân nhiên hay mỉm cười trước cảnh đau khổ của kẻ khác mà phải xả thân cứu người ra khỏi bề khổ. Vì lòng từ bi ta phải thường đem cái vui sướng của mình mà ban bố cho hết thảy mọi người.

Ta cũng đừng hiểu lầm rằng : Từ bi là hiền lành nhu nhược uơu hèn, trơ như gỗ đá, ai bảo hay cũng ừ, bảo trái cũng gật, mặt ngơ tai điếc, sự ai không biết. Mà từ bi phải có trí xét đoán, việc gì nên làm hay nên bỏ. Từ bi là sức sống vô tận, là nguồn hoạt động vô biên của loài người.

Vậy Đại từ bi là lòng vị tha tích cực vô bờ bến, với muôn loài chúng sinh, từ bi là đạo đức, then chốt của người tu đạo Phật. Người có lòng từ bi, thì quý thần cũng phải kính trọng, thú vật phải quy hàng.

Người tu theo hạnh từ bi, thường xem hạnh phúc và đau khổ của người cũng như mình, thường ban vui, cứu khổ cho người mà không cần báo, sống rộng rãi đề nghị nhàn cùng với bản thể vô biên của vũ trụ và hết thảy mọi người, mọi chúng sinh...

Khi quý vị đã nghe qua các danh từ này, và đã nghe giảng giải xong, quý vị chắc cũng còn nghi ngại, không biết xuất xứ danh từ đại hùng, đại lực, đại từ bi này ở kinh điển nào vì thường nghe nói đến đạo Phật những danh từ hiền lành chớ đâu nghe những danh từ hào hùng và cương quyết như thế này ? Quý vị tỏ lòng nghi vấn vì những danh từ hùng lực đặt trên danh từ từ bi. Đạo Phật thường lấy từ bi làm căn bản, vậy sao danh từ hùng lực đặt trên từ bi ? Sự nghi ngại này thật cũng có lý. Nhưng khi quý vị đã nghiên cứu và suy ngẫm kỹ thì thật là rõ ràng, và không còn chi là nghi vấn và tự hỏi. Như quý vị đã biết, giáo lý Đạo Phật trung tâm điểm là « Bất biến » nhưng tùy duyên hay là tùy

duyên nhưng mà bất biến. Nghĩa là tùy theo phương tiện, nhân duyên mà hóa độ, nhưng không biến đổi thể chất hay là không biến đổi mà vẫn tùy theo nhân duyên và phương tiện. Thể chất đây chính là thể chất giải thoát trong đạo Phật, cũng như tất cả nước biển đều có một vị mặn.

Đức Phật là một vị lương y cho thuốc, chúng sanh có căn bệnh gì thì vị lương y sẽ có một pháp môn, pháp môn được đề đối xử điều trị căn bệnh ấy, chúng sanh có tám muôn bốn ngàn căn bệnh thì đức Phật sẽ có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Vậy danh từ đại hùng, đại lực, đại từ bi vẫn xuất xứ trong kinh điển nhà Phật.

Phần đông quý vị ở đây chắc đã có nghe nói đến Kinh Lăng nghiêm hay nghe đọc tụng.

Quý vị đã nghe các vị sư mỗi buổi khuya tụng : ... « Đại-hùng, đại lực, đại từ bi, hy cảnh thâm trừ vi tế hoạt, linh ngã tảo đặng vô thượng giác... » Đây là một câu trong lời tụng kinh Lăng Nghiêm. Và đây là sự tích xuất xứ của nó :

Kinh Lăng nghiêm là một bộ kinh vô giá, gồm nhiều nghĩa lý cao sâu và một bài thần chú. Kinh này do Đức Phật thuyết pháp trong khi Ngài Tổ A-Nan bị nạn Ma-đăng già, Phật sai Ngài Văn-thù đem bài chú Lăng Nghiêm đến cứu Ngài A-Nan trong khi bị nàng Ma - đăng già dùng chú thuật của trời Phạm-thiên, đưa vào phòng ép rượu, để phá giới phẩm của ngài A-Nan. Ngài A-Nan được Ngài Văn Thù cứu thoát khỏi và đưa về Tịnh-xá, vì nhân duyên đó Đức Phật nói kinh Lăng Nghiêm.

Bài chú của kinh Lăng Nghiêm có công năng diệt trừ ma chướng tiềm tàng một sức mạnh Đại hùng, đại lực, đại từ bi vô lượng vô biên, vị tha vô bờ đến, làm cho quý thần kinh sợ, trời, người kinh phục, có một sức mạnh dời núi lấp sông, oai hùng khôn tả, và không có thể tưởng-tượng được.

Chúng ta hãy nhìn rõ trên thế-gian này từ cổ cho đến kim, từ đông qua tây, từ chuyện nhỏ nhoi ngoài đời cho đến những chuyện sử sanh chép trong sách vở, luôn luôn ghi chép những tấm gương sáng rõ lưu danh muôn đời và làm một bài

học giá trị cho hậu thế, các vị danh nhân liệt-sĩ đều không thể thiếu một trong ba đức tính Hùng, Lực, Từ bi được.

Vì vậy ba đức tính đại từ bi và hùng lực cần phải nhịp nhàng và hòa hợp với nhau, không thể đứt rời ra được.

Nếu có lòng từ bi (tình thương) mà thiếu đại hùng tức là sự hùng dũng cương-quyết thì lòng thương ấy cũng dễ bị sai lầm, trở thành mềm yếu, thành một tình thương ủy mị vu vơ, thiếu cương nghị kém nhiệt thành, không thể thực hành một mục đích, một lý tưởng nào được, cả đến việc làm nhiều khi cũng bị sai lệch.

Còn nếu Đại hùng mà thiếu đại từ bi tức là hùng dũng mãnh liệt mà thiếu lòng đại bi, thì sự hùng dũng này dễ đưa đến một hành động độc tài, tàn ác, sẽ rơi vào con đường đấu tranh không cùng tận, sẽ là một khi giới tàn phá kinh khủng, không thể lường được, không thể cải tạo được. Vậy Đại hùng cần phải có đại từ bi thì sự hùng dũng cương quyết sẽ đem lại một kết quả mong muốn.

Nếu còn đại lực mà không có đại hùng, đại dũng tức là có một sức mạnh mà không có sự cương quyết sự quyết thắng thì cái sức mạnh này dù cho đến vô biên đi nữa cũng không bao giờ đưa đến thành công được, Bởi vì có sức mạnh mà không có sự quyết đoán thì cũng chỉ là « Bán đồ nhai phở » vậy mà thôi.

Và nếu có đại hùng mà không có đại lực thì cũng không thể thành công kết quả, vì sự quyết đoán mà không có một sức mạnh khả dĩ có thể làm được công việc, thì sự việc không thể thực hiện được. Thí dụ một người biết đường, có kim chỉ nam nhưng không còn sức lực, không có phương tiện di chuyển thì không thể đến đích được. Vậy hùng và lực này cũng như một người mù và một người què, người què biết đường đi nhưng không thể đi được, còn người mù đi được nhưng không biết đường đi, vì thế hai người này cần phải thân mật cộng tác với nhau. Vậy hùng và lực cũng phải đi đôi với nhau, cũng như thuyết của

Vương dương Minh « Tri hành hợp nhất » vậy.

Vậy Đại hùng, đại lực, đại từ bi là ba phương châm, ba tiêu chuẩn, là Tôn-chỉ cơ bản không thể thiếu một trong ba được, nó phải hòa hợp nhu nhuyễn, dung hòa bổ ích lẫn nhau. Như một cái đỉnh ba chân : nếu thiếu một trong ba chân thì không thể đứng vững, cũng như ba điểm chính yếu này nếu thiếu một trong ba thì cũng không thể thành công và đến chỗ « Chân-thiện-Mỹ » được.

Trên đây chúng tôi đã phản ánh ý nghĩa của đại hùng, đại lực và đại từ bi ở thế gian, giờ đây chúng tôi xin dẫn chứng những tấm gương Đại hùng, đại lực, đại từ bi của các bậc xuất thế gian Hay là xuất thế và nhập thế hành đạo.

Thưa quý vị, khi quý vị nghe nói những bậc xuất thế gian, những bậc xuất trần thượng sĩ thì chắc hẳn quý vị đã nghĩ ngay đến bậc vạn thế sư biểu, là đấng cha lành của mọi chúng sinh, đó là đức Phật Thích Ca Giáo Chủ của chúng ta, cuộc đời ngài là một tấm gương sáng tỏ nhất, oai hùng nhất, bao nhiêu cuộc chiến đấu từ ngoại cảnh cho đến nội tâm, ngài đều chiến thắng một cách rạng rỡ. Đời sống của ngài là một tấm gương vĩ đại, phản ánh bao nhiêu điều chân thiện mỹ, nhất cử nhất động, mọi việc đều biểu lộ những ý nghĩa thâm thúy, gồm đủ đại hùng, đại từ bi cao cả, lịch sử và đời sống của ngài, thì ôi thôi! sáng rực như cả một vùng sáng mặt trời, không một ánh sáng nào có thể sánh được, thật là bông hoa ưu đàm ngàn vạn năm mới có nở một lần, quý giá và cao cả thay, vậy chúng ta không thể so sánh được..

Đây chúng ta chỉ dẫn chứng những gương sáng xuất thế ngoài Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thưa quý vị.

Dưới đây chúng tôi xin dẫn một bằng chứng hùng hồn nhất, cụ thể nhất, sáng rõ nhất và gần gũi nhất trong lịch sử hiện đại của chúng ta. Đó là tấm gương cao cả hy sinh của cố Hòa Thượng « Thích Quảng

Đức » vị pháp thiêu thân, và cả một phong trào tranh đấu năm nguyện vọng của Phật giáo chúng ta, chúng ta hồi tưởng lại những giai đoạn đã qua, thì thật là cả một sự không thể ngờ được và cả cái thế giới vật chất, dăm mè vật dục của ngày hôm nay cũng kinh khủng không thể lường được, vì một hình ảnh cao quý và dũng mãnh, hy sinh bất bạo động có thể có được giữa cái thế giới hỗn loạn của ngày hôm nay, không bút nào có thể tả, không một hành động có thể tỏ hết vẻ kinh phục được, như một vùng ánh sáng của một ngọn hải đăng bừng lên giữa cơn tăm tối...

Cái hình ảnh một vị sư thân nhiên ngồi giữa ngọn lửa bùng cháy, y như một bức tượng đồng đen đé vào một ngọn lửa thiêng huyền diệu, ngọn lửa bất diệt, ngày 11 tháng Sáu năm 63 mà cố Hòa thượng Thích Quảng Đức đã ngồi lên vững vàng để viết cho lịch sử hiện tại của Việt nam và thế giới những nét đẹp vàng son chói lọi. Ngọn lửa từ bi đã nghiêng ngả cả một chế độ, rung động tâm tư nhân loại. Trái tim bất diệt là kết tinh bao đức tính hùng lực và tình thương, tiếng nói chân thành, trí sáng suốt và tâm hùng dũng bất khuất của một dân tộc. Tấm gương sáng cho những nhà lãnh đạo tương lai, cho lịch sử mai hậu, là một bài học sáng tỏ nhất cho hậu thế.

Trong cuộc tranh đấu 5 nguyện vọng Phật giáo, của Ủy Ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo với chính quyền gia đình trị nhà họ Ngô, cấp lãnh đạo Phật giáo phải hết sức bình tĩnh và cương quyết để hướng dẫn cuộc tranh đấu bất bạo động cho đến thành công, đều được thuần túy trong tinh thần đạo pháp, cuộc tranh đấu vì thế đã được cả thế giới ủng hộ nhất, kính phục nhất từ trước cho đến nay. Và quý vị chắc cũng đã biết chính quyền Ngô đình Diệm cũ là một chính quyền mê dân và tàn ác, đã dùng không biết bao nhiêu mưu mô và thủ đoạn để tiến đến việc đàn áp Phật giáo,

là một tôn giáo cổ truyền của dân tộc Việt Nam chúng ta, chúng tìm mọi trăm phương ngàn kế, mọi thủ đoạn dã man tàn ác nhất trong thời trung cổ để tiêu diệt Phật giáo. Chúng không ngại dùng một chính sách độc ác bất nhân của chúng, chính nghĩa bao giờ cũng thắng, câu nói tuy xưa nhưng suy ngẫm thì càng đúng. Ngoài ra những hành động phi nhân của chúng, chúng tôi không cần nói rõ chắc quý vị cũng thừa hiểu biết.

Và có nhiều người tự hỏi tại sao Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, trong khi tranh đấu trong tay không một tác sắt mà tại sao có thể thắng một lực lượng hung bạo ấy. Một vị Hòa thượng Quảng Đức làm sao mà thể giới nhân loại ngưỡng mộ khâm phục như thế thì chúng tôi xin thưa, lợi khí của kẻ tu hành chỉ biết có lẽ phải, có tình thương bao la không bờ bến, chỉ biết hy sinh tính mệnh của mình để mưu cầu hạnh phúc cho chúng sinh, khi gặp việc phải thì chỉ biết chăm chú làm, dù phải hy sinh tính mệnh, chỉ biết dùng sức tinh thần để bắt tay vào công việc. Có lẽ nhờ một nghị lực cương quyết, một tình thương vô hạn mà có thể thắng được bạo tàn. Đây là một chứng minh sống động nhất, hào hùng, gần gũi nhất để chúng tôi sức mạnh vô lượng, vô biên của Đại hùng, đại lực và đại từ bi, và trái tim bất diệt của ngài Hòa thượng được kết tinh toàn bích bởi sức mạnh của Hùng, lực và từ bi, đó là một bảo vật hãn hữu, nghìn năm mới có một lần, để lại trên lịch sử Việt cũng như của thế giới, cuộc tranh đấu tinh thần Hùng, lực và từ bi thắng bạo tàn, nêu gương

Đại hùng, đại lực, đại từ bi oai hùng mãi mãi, và thế giới sẽ nhìn về tổ quốc Việt Nam qua ánh mắt khâm phục, kính mến và đầy thiện cảm...

Như trên chúng ta đã thấy nêu lại những gương sáng rõ của ba đức tính đại hùng, đại lực, đại từ bi, thể gian và xuất thế gian, chúng ta đã thấy những sự lợi ích như thế nào rồi. Vậy chúng ta có nên đem áp dụng vào đời sống hằng ngày không? Chúng ta thử hỏi mọi người sống trong xã hội này, mọi hoạt động từ một hành vi nhỏ nhất cho đến các công việc vĩ đại của quốc gia thế giới, từ đời sống tầm thường cho đến đời sống của các bậc vĩ nhân có cần đến hùng lực và từ bi không? Chúng tôi xin thẳng thắn trả lời rất cần, vì nếu quốc gia mà không có hùng lực, quốc gia sẽ suy vong và sẽ đưa đến chỗ tiêu diệt trong gang tấc, gia đình mà không có từ bi và hùng lực thì gia đình đó sẽ đưa đến chỗ tan rã, việc làm không thể thành tựu được. Vậy có thể nói mọi việc trên thế gian này nếu không có Hùng lực và từ bi thì không thể đưa đến thành công và kết quả được. Chúng ta lại thử hỏi, các bậc vĩ nhân trên thế giới, từ xưa cho đến nay, từ Âu sang Á, tất cả những sử xanh và sách vở ghi lại thành tích của các bậc ấy, chúng ta thử xem có ai ngoài ba nguyên tắc chính yếu này mà có thể thành công kết quả được.

Vậy ai trong chúng ta muốn thành công trong mọi việc thì hãy áp dụng ba đức tính ấy vào đời sống hằng ngày, từ việc nhỏ cho đến việc lớn, nhất cử nhất động chúng ta cần phải đặc biệt thi hành, trong đời sống hằng ngày thì mai sau chúng ta sẽ thành công bất cứ mục đích gì mà chúng ta mong muốn.

Người thanh niên tin Phật cần phải tinh tiến dũng mãnh không ngừng, dẹp bỏ những hình bóng của con người yếu đuối, sợ sệt ngập ngừng, cử chỉ khúm núm trước

quyền lực, hãy dũng mãnh thẳng tất cả những gì trở ngại trên đường tiến thủ của chúng ta, có một nghị lực tự tu tự giác để vươn lên, thể hiện lý tưởng của Như lai. Chúng ta phải ý thức sống ở đời, phải thực hiện một cái gì to tát, vĩnh cửu cho xã hội, chủ đích tiến đến một cái gì vị tha không nhỏ mọn.

Phải có một tâm hồn hùng mạnh, một nghị lực dồi dào, tỏ ra mình có ý nghĩa trong cuộc sống, không nóng nảy, không nhút nhát vụng về khiếp sợ, người thực hành ba đức tính trên phải là một người đại trượng phu, uy vũ không khuất phục, lấy sức mạnh của tinh thần chống lại tất cả những sự cám dỗ thử thách, một nghị lực cương quyết, hy sinh đời sống của chúng ta cho những hành động, tình cảm đáng quý, những tư tưởng cao thượng, những tình thương chân thật, sẵn tâm dũng cảm và hùng lực để thực hiện sự nghiệp tinh thần lớn lao, thẳng vọng tâm vượt ngoài cảnh trên con đường nhập thế và phụng sự lý tưởng.

Và chúng ta phải luôn luôn nhớ đến một câu độc đáo, biểu lộ cho chúng ta một ý chí cương quyết tột độ, một nghị lực vô biên. Đại hùng đại lực nhất của một bậc thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn : « Chiến thắng ngàn quân địch không bằng chiến thắng mình, chiến thắng mình là một chiến công oanh liệt để làm phương châm nhắc nhở chúng ta luôn luôn, quả quyết thực hành những châm ngôn và ba yếu điểm trên, thì những tấm gương sáng rực của các danh nhân tiết liệt sẽ không còn xa ta vậy.



GIẤC MƠ

của HUY-QUANG

Bọn học trò đã về hết. Lũy khép kín cửa rồi quay vào ngả lưng trên chiếc ghế dài trên hàng đầu lớp học. Anh cởi khuy áo phanh ngực thở thoải mái. Anh có cảm tưởng vừa trút được một gánh nặng. Thực ra nói rằng bọn học trò là một gánh nặng của anh, không phải là quá đáng. Tất cả có trên hai mươi đứa trong cỡ từ năm đến mười tuổi, và đứa học cao nhất cũng chưa làm thông được bốn phép tính.

Nhưng chúng cầu chi, tranh dành, trò chuyện, cãi vã nhau thì huyền não chẳng kém gì một buổi chợ. Và hình như chúng nó đi học chỉ cốt có dịp gặp nhau và gây gổ nhau. Lớp học ồn ào từ đầu đến cuối giờ. Lũy đã dùng đủ mọi biện pháp mà không sao giữ được trật tự yên lặng. Chúng đã quá quen với những hình phạt và những lời chửi bới bữa bãi ở nhà nên không còn sợ hãi coi trọng một hình phạt nào. Nếu có đánh thì chúng khóc, bù lu bù loa ầm cả ngõ. Có đứa còn bỏ ngay lớp học, chạy thẳng về nhà mách mẹ. Và đã có bà mẹ không ngần ngại dắt ngay con sang trách cứ thầy. Trong trường hợp đó, muốn giữ uy tín chỉ còn một cách là từ chối không nhận đứa trẻ ấy nữa. Nhưng như vậy thì ngân quỹ hàng tháng của Lũy sẽ bị hụt đi. Học phí của đứa nhỏ, đứa lớn năm chục đồ đồng,

cả tháng chưa được một ngàn bạc mà còn bị hụt đi thì quả là một điều đáng ngại. Lũy không dám tính đến biện pháp đó, và anh chỉ còn một nước là chịu. Trong các giờ học, anh ngồi ngầy người trước bàn tô bài, sửa bài cho từng đứa với tất cả cặm cụi cần mẫn của một nhà giáo nhiều lương tâm, nhưng thực là để vô tình làm ngo cái cảnh vô trật tự của lũ học trò nhỏ bé, nhưng bất trị đó. Cứ như thế cho đến giờ tan học thì anh cảm thấy sung sướng nhẹ hẫng người. Lũy nhắm mắt lại để tâm trí được thư thái. Anh muốn quên ngay lũ học trò.

Chợt có tiếng tay gõ vào vách ván ở trên phía gác. Lũy vùng dậy, leo lên thang gác. Cầu thang có năm bậc, dốc ngược gần như dựng đứng. Mỗi bậc thang không hề vừa mặt bàn chân. Lũy leo lên bằng cả hai tay chân. Cẩn gác thấp lè tè không quá đầu người, lúc nào cũng tối như phòng một con bệnh gió.

Mùa nắng thì nóng hầm hập như một lò than. Mùa mưa thì nồng mùi ẩm mốc. Có lẽ nó chỉ có mỗi công dụng là để chất chứa đồ đạc cũ bỏ đi. Đồ đạc còn tốt mà chất chứa trên đó thì cũng tự nhiên thành đồ phế bỏ. Lũy không có thứ đồ đạc nào bỏ

đi. Ngay những thứ cần dùng tới cũng không có. Vì thế căn gác vẫn trống trải.

Lũy chống hai tay, giang hai chân bò như cua, Lũy vẫn di chuyển theo kiểu ấy ở trên gác, tiện hơn là đứng dậy mà cứ phải khom cúi đầu xuống tận ngực. Lũy bò tới gần bên vách gỗ, tẩm vách ngăn cách nhà Lũy và nhà Hiền, ghé bằng những mảnh ván thùng sữa mà kê hở rộng tới từng đốt tay khiến cho từ nhà nọ có thể trông thẳng sang nhà kia. Sàn gác khê rung như cựa mình. Có tiếng thì thầm từ nhà bên vọng sang :

— Anh đấy hả ?

Lũy đáp : — Chẳng anh còn ma nào chui lên đây.

Lũy tưởng Hiền sẽ cười, nhưng giọng nàng nghiêm hơn.

— Này, chắc chắn rồi đấy,

— Thật chắc không ?

— Chứ còn gì nữa. Ớ chưa hoài mà thêm ăn quả vật luôn miệng. Lũy chưa biết trả lời ra sao thì Hiền đã tiếp :

— Bụng cũng to rồi đấy này.

Lũy ghé mắt nhìn qua kẽ vách. Hiền

lật vạt áo đưa tay lên xoa bụng, Nàng tiếp
tuôn, giọng lo lắng :

— Mẹ biết mất.

— Chứ sao.

Hiền xoa đều tay trên bụng, khóe mắt đầm
chiều vô định. Lũy đáp :

— Em phải nói cho mẹ biết đi.

Hiền cau mày đáp, giọng nửa gắt nửa
nũng nịu :

— Nhưng nói thế nào mới được chứ ?

— Nói rằng chúng mình yêu nhau !

Hiền thốt lên :

— Trời ơi ! Nói thế để mẹ chửi cho
mà nghe đấy hả !

Chợt có tiếng cửa mở ở nhà dưới bên
Hiền. Má Hiền đã về. Hiền vội bảo Lũy :

— Thôi xuống đi.

— Thế em liệu lời nói với mẹ đi nhé !

— Chẳng cần nói nữa, tự nhiên mẹ cũng
biết.

Lũy nhìn thấy hai hàng lệ rơi trên
khuôn mặt xanh xao của Hiền. Anh thấy
lòng se lại nhưng chẳng biết nói gì hơn.
Anh bò ra cầu thang rồi tụt xuống nhà
dưới.

Lũy sao mình trên chiếc ghế dựa, đập
hai chân lên thành bàn ngả lưng vào tường.
Nắng chiều đã tắt hẳn. Bóng tối từ bốn
góc nhà dâng lên. Mọi vật mờ dần đi.
Nhiều cảm nghĩ trái ngược xáo trộn trong
tâm trí Lũy. Anh không hiểu được chính
mình nữa. Trước cái tin mà Hiền vừa cho
anh biết, thật ra nàng đã nói với anh từ
mấy hôm trước. Lũy đã chỉ phản ứng theo
bản tính lương thiện của anh, nghĩa là
nhận lấy trách-nhiệm của mình mà tính
chuyện xây-dựng với Hiền. Anh đã bảo
Hiền về thưa chuyện với mẹ. Nhưng rồi sau
đó, kết quả sẽ ra sao. Thật Lũy không
lường được. Mọi việc đã xảy ra mau
chóng quá.

oOo

Năm tháng trước, Lũy còn là một gã
thất-nghiệp, đem thân ăn nhờ một bà cô
họ. Gần ba mươi tuổi, một thân một mình,
mà không nuôi nổi miệng ăn, thật là một
điều tủi nhục. Nhưng giữa năm 1956, đang
buổi kinh-tế giao thời, tìm được một việc
làm giữa đất Saigon này đâu phải là dễ,
nhất là trường hợp của Lũy lại thiếu một
mảnh bằng Trung Học và chưa có hai năm
quân-vụ. Bà cô Lũy cũng thương hại tình

cảnh của anh, nên khi được một con nợ
không thanh toán nổi tiền vay gán cho ngô
nhà, thì bà cho Lũy đến trông coi và cấp
cho mấy bộ bàn ghế để mở một lớp học
tư. Bà còn hy vọng rồi ra Lũy sẽ trông cho
bà mỗi tháng vài trăm tiền nhà. Như thế
cũng như mang tiền cho vay vậy.

Ngôi nhà nằm trong một khu ngõ ở
ngoại thành. Dân cư trong ngõ hầu hết là
dân lao động, tiểu công chức và một số
chủ nợ chuyên sống bằng nghề cho vay lãi
và giết hại. Ngoài đầu ngõ đã có một ngôi
trường gồm nhiều lớp đủ cả nam nữ giáo
viên. Dùng ngôi nhà trong khung cảnh ấy
để mở một lớp học thật là thiếu đủ điều
kiện thuận lợi. Nhưng cũng là chuyện bất
đắc dĩ, cũng như Lũy đã bất đắc dĩ trở
thành một cậu giáo. Lớp học của Lũy vì
thế là một lớp học vét nghĩa là chỉ có
những đứa trẻ nào hoặc vì lẽ này lẽ nọ
không thể theo học ở ngôi trường ngoài
đầu ngõ mới theo học lớp của Lũy. Nhưng
thường người ta cho con đến học trường
của Lũy vì chúng có thể tiện bề chạy đi
chạy về, vừa học vừa trông nhà, trông em
nhỏ.

Cũng vì có sẵn một ngôi trường ngoài
đầu ngõ nên dân trong ngõ dù là dân lao-
động ít chữ hơn Lũy, đã coi thường Lũy.
Đặc biệt bà chủ ngôi nhà ở sát cạnh lớp
học của Lũy. — Mẹ Hiền lại càng chẳng coi
Lũy ra gì. Bà là một trong những chủ nợ
có nhiều con nợ nhất trong ngõ vì thế bà
có nhiều tư thế. Vậy mà Lũy đã dám mở
một lớp học ngay cạnh nhà bà để trẻ con
đến nghịch ngợm làm huyên náo mất cả
giờ ăn, giấc ngủ của bà. Bà ghét Lũy hơn
một kẻ quýt nợ. Bà không ngần ngại nói
xấu Lũy với tất cả mọi người. Có lần bà
đã sang nhà Lũy ngay giữa giờ học mà sia
xói Lũy :

— Giáo với giờ gì mà không bảo nổi học
trò để chúng nó nghịch như quỷ xù làm
điếc cả tai hàng xóm thế !

Về phần bà cô Lũy, khi tới thăm anh,
thấy quang cảnh lớp học như vậy thì cũng
ngán ngẩm. Bà không hy vọng gì Lũy có
thể đóng tiền nhà cho bà và còn lo cấp
dưỡng cho Lũy. Bà liền nói chặn :

— Tôi thấy người ta dạy học đều sung
túc cả. Vậy anh phải xoay sở thế nào cho
đông học trò mà sống chứ... thật cô đã hết
lòng với anh, không còn thế nào mà cung

cấp cho anh hơn nữa. Về nhà, bà liền nói
với mọi người :

— Cái thằng Lũy thật là vô dụng, dằn
quá là dằn. Giúp đỡ nó đến thế mà nó còn
không sống được thì mặc xác.

Giữa tình cảnh ấy, Hiền đến với anh
Nàng chừng 18 tuổi, có đôi mắt to và đen,
và đôi môi hồng mọng luôn luôn hé cười.
Trái hẳn mẹ, Hiền đã dành cho Lũy một
cảm tình đặc biệt. Điều đó Lũy bắt gặp
qua khóe nhia và nụ cười của Hiền ngay
từ những buổi đầu, Lũy tới cư ngụ trong
ngõ. Không hiểu vì lý do nào. Nhưng Lũy
tự biết mình, không đến nỗi xấu. Anh có
một vầng trán cao như thành, và một mớ
tóc bông như mây. Anh lại hiền lành ít nói.
Có điều gì phật ý hay ưng ý, thì cũng cứ
mỉm cười, nụ cười khó đoán được là khinh
khì hay nhũn nhặn. Những đặc điểm đó
thực khó gây cảm tình trong cuộc sống làm
ăn. Nhưng đối với các thiếu nữ thì lại
khác. Không hẳn người thiếu nữ nào cũng
ưa những anh con trai hùng tráng, hoạt
bát. Họ còn chú ý đến người con trai dặt
dè ít nói, nhiều tư lự. Thế rồi một buổi
âm tình của Hiền đón với Lũy, đã được
bộc lộ rõ ràng. Hôm đó trời mưa lớn. Nước
dột xuống sàn gác rồi lách qua kẽ sàn chảy
xuống lớp học. Lũy leo lên gác tìm chỗ dột.
Có một kẽ hở giữa hai miếng tôn lợp mái.
Có lẽ vì thiếu tôn nên người ta đã ghép
một cách mấp mé như vậy rồi chát lên một
lượt si-măng. Nhưng si-măng chỉ chịu được
qua một mùa nắng rồi nứt nẻ ra. Dồn lại
chỗ hở đó thật là khó. Chỉ còn một cách
lấy chậu hứng nước. Lũy lại không có một
cái chậu nhỏ nào. Sau Lũy nghĩ ra một
cách, anh cởi áo sơ-mi vo tròn để xuống
đúng chỗ nước dột, khi nào nước thấm
nhiều quá thì lại mang ra cửa vứt đi. Chợt có
tiếng cười như nắc-nẻ từ nhà bên vọng sang.
Lũy ngừng lên, thấy Hiền đang nhìn anh
qua kẽ vách. Nàng nói :

— Xin lỗi ông. Ông chạy nước ngọc quá
làm tôi không nhìn được cười.

Lũy ngượng ngập đáp :

— Không sao. Nhưng tôi không còn
cách nào khác.

— Tôi cho ông mượn cái thùng !

Rồi Hiền đưa cái thùng qua lan can cho
Lũy. Lũy đặt thùng vào chỗ nước dột xong
ngồi dựa lưng vào vách nói chuyện với

Hiên. Hôm đó mẹ Hiên đi vắng. Hai người ngồi nói chuyện về mưa.

Sau buổi đó, hai người thường trò chuyện với nhau trong những dịp mẹ Hiên không có nhà. Giấy liên lạc giữa hai người ngày một đậm thắm, và mỗi khi có dịp Hiên đã thường sang bên nhà Lũy trò chuyện.

Những ngày ấy là những ngày đầu tiên trong đời. Lũy thấy cuộc sống cõi mở tươi mát một chút. Hiên đã mang đến cho Lũy tình yêu mà Lũy đón nhận như một ân huệ. "Thật là ân huệ! — Trong đời đã bao lần Lũy mang tình yêu trao đi nhưng có bao giờ được đáp lại và Lũy đã tưởng rằng không bao giờ Lũy còn được hưởng hạnh-

phúc của tình yêu. Hoàn cảnh của Lũy mồ côi sớm, học hành dở dang, địa-vị thấp kém, đời sống bấp-bênh đã từng làm trắc trở nhiều cho Lũy trên đường tình ái. Do đó cho đến ngày gặp Hiên, Lũy vẫn còn là một anh con trai trong trắng, nhiệt-thành yêu đương. Lũy ước mong lấy được Hiên làm vợ tuyệt nhiên không có một ý trăng gió bất chính nào.

Thật là không ngờ! Mọi việc đã xảy ra mau chóng quá,

oOo

Đêm đã khuya, Lũy không sao chợp được mắt. Trời tối mịt. Mọi nhà trong ngõ đã yên giấc. Thình-thoảng vẳng lên hoặc một vài tiếng trẻ khóc đêm rồi tiếp đến những tiếng ru khàn khàn giọng ngái ngủ, hoặc tiếng mèo nhảy sấn mồi hay tiếng chuột rúc. Đó là những tiếng động đêm khuya đã quá quen thuộc ở trong ngõ.

Lũy thao thức từng giây từng phút, mong

— Có chuyện gì nói cho mẹ nghe nào?

— Nhưng... mẹ giết con... mất!

Hiên đáp qua tiếng khóc. Chứng mẹ Hiên linh cảm thấy chuyện nghiêm trọng, nói trầm giọng xuống.

— Con cứ nói đi! Mẹ đâu lại giết con!

Hiên nói những gì Lũy không nghe rõ. Nhưng sau một phút yên lặng, mẹ Hiên thốt lên:

— Thế mới thật là con giết mẹ! Còn cách nào nữa...

Rồi bà hỏi:

— Với ai?

Không thấy Hiên đáp nhưng có lẽ nàng đã chỉ sang nhà Lũy. Mẹ Hiên rít lên:

— Đúng là quân giáo dờ. Cha tiên nhân nhà nó, nó dụ dỗ con nhà người ta.

Xong, có lẽ không nên được uất giận, bà bắt đầu nặng lời với Hiên:

— Sao mầy lại nhằm cái thằng khốn-nạn ấy. Thật là vô-phúc! Yêu với thương gì. Nó xác-xơ khổ rách áo ôm như vậy, nó có yêu tiền thì có!

— Con xin mẹ!

— Xin với xỏ gì. Nhất định tao không cho mầy lấy nó. Tao sẽ chửi cho nó một trận rồi cho nó ra tòa. Dụ dỗ gái tơ cứ gọi là tù mục xương.

— Xin má thương con.

— Nhưng mầy có thương tao đâu. Mầy đàn-diu với nó có khác gì mầy bôi tro chất trấu lên mặt tao. Không, nhất định tao không chịu cái nước đề nó bắt bí tao như vậy. Mầy có thể cũng chẳng ế đâu mà sợ.

— Con xin mẹ đừng nói như thế. Chúng con chót thương nhau.

— Thương nhau! Thương nhau đề rồi ăn cảm với nhau à. Nó nuôi cái miệng nó chưa xong thì thương nhau làm sao mới được chứ. Mầy nhẹ dạ rồi mầy chết con à!

Những lời nói đó vọng sang như rót vào tai Lũy khiến anh đau xót lặng người. Không ngờ kết quả lại bi-thảm đến thế.

Bên nhà Hiên, tiếng nói đã ngưng tắt. Nhưng tiếng khóc của Hiên và những tiếng thở dài thườn-thượt của mẹ Hiên kéo dài suốt đêm thâu.

Mãi đến gần sáng, Hiên mới lại cất tiếng:

— Xin mẹ nghĩ lại thương con.

Và Lũy nghe thấy mẹ Hiên đáp:

— Ừ thì tao thương mầy. Mầy bảo nó (xem tiếp theo trang 42)



phúc của tình yêu. Hoàn cảnh của Lũy mồ côi sớm, học hành dở dang, địa-vị thấp kém, đời sống bấp-bênh đã từng làm trắc trở nhiều cho Lũy trên đường tình ái. Do đó cho đến ngày gặp Hiên, Lũy vẫn còn là một anh con trai trong trắng, nhiệt-thành yêu đương. Lũy ước mong lấy được Hiên làm vợ tuyệt nhiên không có một ý trăng gió bất chính nào.

Nhưng một lần, Hiên đang ngồi trò chuyện bên nhà Lũy thì mẹ Hiên cùng một bà bạn trở về. Hai bà ngồi nói chuyện trên tấm phản kê bên cửa sổ gần ngay lối cửa ra vào. Hiên không dám chạy về và phải leo lên căn gác nhà Lũy để khỏi bị mẹ bắt gặp. Lũy cũng theo lên tiếp tục trò chuyện. Thế

sao chóng đến sáng đề có dịp gặp lại Hiên. Anh cần phải tính lại với Hiên, giúp Hiên tìm lời nói với mẹ. Nhưng thực ra đến bây giờ Lũy cũng chưa nghĩ ra được một lời khôn khéo nào.

Chợt Lũy nghe thấy có tiếng nức-nở bên nhà Hiên. Hiên khóc. Anh lắng tai nghe. Mẹ Hiên lên tiếng:

— Sao đó Hiên?

Tiếng khóc to hơn. Giọng bà càng âu-yếm:

— Sao đó con?

Hiên là con út nên thường được mẹ nuông chiều và âu-yếm như vậy. Hiên vẫn không đáp. Mẹ Hiên trở dậy sang bên giường Hiên.

ĐỨC PHẬT

hàng

phục

một

tướng

cướp

« Lúc bấy giờ ngoài thành Xá Vệ có một tướng cướp tên là Angulimala. Tướng cướp này khuấy phá làng nước đã lâu và mỗi khi giết được người thì chặt lấy một ngón tay xâu thêm vào cái vòng ngón tay đang đeo nơi cổ. Quân lính triều đình chịu bó tay trước sức mạnh phi thường và tài biến hiện của tên sát nhân này.

Khi đến ở tại Kỳ-viên, nghe tin, đức Thế Tôn muốn cải hóa Angulimala. Một hôm Ngài đi tìm Angulimala. Nhiều người khuyên can không nên đi, nhưng Ngài vẫn làm công việc Ngài.

Thấy được Ngài, Angulimala rượt theo với niềm vui sướng là có người chết thay cho mẹ chàng vì nếu không giết được ai, thì chàng phải giết mẹ để hoàn thành được vòng hoa gồm 1.000 ngón tay của một ngàn người. Và như vậy chàng sẽ được điếm đạo theo như lời dạy của đấng tôn sư mình. Với một tốc lực rất nhanh, nhưng không tài nào chạy kịp đức Phật, Angulimala tức giận rồi tự nghĩ : « Quái gờ Ta đã từng chạy mau hơn voi, ngựa, xe, nhưng tại sao hôm nay ta bắt lực không đuổi theo kịp người đạo sĩ đang đi một cách khoan thai đằng kia ? » Chàng đứng lại và thét lên : « Hãy dừng lại. Người đạo sĩ kia ! »

Phật dừng lại. Lúc gặp Angulimala, đức Phật bảo : « Này Angulimala ! Ta dừng lại để cho người được việc. Nhưng người có nên dừng lại cái nghề giết hại độc ác của người không ? Nếu được, Như-Lai sẽ giúp người trở về con đường chơn chánh. Như Lai tin rằng thiện tâm chưa chết trong lòng người. Nếu người ban cho nó một cơ hội thuận tiện, nó sẽ sống lại, thay đổi đời người và làm cho người được an vui ».

Angulimala cảm động, thấy mình như bị đánh ngã bởi tiếng nói từ bi, chàng tự bảo : « Cuối cùng người Đạo sĩ này thắng phục được ta ». Chàng kính cẩn bạch với đức Phật :

« — Bạch Ngài, hôm nay tiếng rói nhiệm mầu của Ngài đã thức tỉnh con. Con xin cương quyết từ bỏ tất cả những hành động tàn bạo mà từ lâu con đã tạo. Xin Ngài từ bi dắt dìu con trên con đường lành »
Liền khi ấy Angulimala quăng vòng ngón tay xuống hố sâu mà lâu nay chàng ta đã mang nó một cách hãnh diện rồi hạ mình kính lạy đức Phật và xin Ngài nhận làm đệ tử. Đức Phật bảo :

— Người đã muốn, hãy theo Như lai ».

Từ lâu, quân lính của triều đình cũng như chính Vua Ba-tư-Nặc lấy làm tức giận và nhục nhã vì không trị nổi Angulimala. Vua mất mặt với thần dân và các nước láng giềng về vụ Angulimala. Một hôm Vua đến yết bái đức Phật, Ngài hỏi :

« — Đại vương ! việc gì đã xảy ra ? có điều gì rắc rối với vua Bimbisara ở Magadha, với vua Licchavis nước Vesali hoặc một kẻ thù nào khác chăng ? ».

— Bạch Thế Tôn ! Chẳng có gì rắc rối với các nước ấy. Duy có một điều đáng tủi hổ cho con là con đã không trị nổi Angulimala. Nó phá hại làng xóm và giết chóc dân chúng quá ghê rợn !

— Này Đại vương ! Nếu nay người thấy Angulimala trong bộ cà sa vàng, râu tóc cạo sạch và là một tu sĩ đức hạnh thì người đối xử với y thế nào ?

— Bạch Thế Tôn ! Con sẽ vái chào và mời y ngồi và sẽ dâng cúng các phẩm vật như con đã dâng chư Đại Đức ở đây. Nhưng Bạch Thế Tôn ! Bóng mắt đức hạnh làm sao đến con người hung bạo ấy được.

Ngay lúc ấy đức Phật đưa tay chỉ về phía bên phải nơi Angulimala ngồi, và nói :

— Này Đại vương ! Đây là Angulimala ?

Vua Ba-tư-Nặc vừa ngạc nhiên vừa run sợ. Thấy vậy đức Phật dạy :

— Không có gì đáng sợ ở nơi đây cả, Đại vương !

Nhà vua lấy lại bình tĩnh đi thẳng đến nơi Angulimala đang ngồi và nói :

— Có phải Ngài thật là Angulimala không ?

— Tâu Đại vương, tôi chính là Angulimala.

— Thân phụ và thân mẫu của Ngài thuộc dòng họ nào ?

— Thân phụ tôi thuộc về họ Gagga, tâu Đại vương và thân mẫu tôi là Mantani.

— Đức hạnh thay người con của Gagga và Mantani. Tôi sẽ dâng hiến lên người tất cả những vật cần dùng.

Lúc bấy giờ đại đức Angulimala xin đức Phật được ở vào một nơi thanh tịnh để tiện bề thuyền quán, và chỉ mặc ba bộ y phần tảo (loại y may bằng da rách xấu nhộp lượm ở những đồng rác) nên đại đức từ chối không nhận thêm phẩm vật của nhà Vua.

Vua Ba tư Nặc đứng dậy hướng về đức Phật tán thán :

— Bạch đức Thế Tôn ! Mầu nhiệm thay ! Kỳ diệu thay ! Ngài là đấng đủ sức điều trị những kẻ khó điều trị, thắng phục những kẻ khó thắng phục. làm thanh tịnh những kẻ loạn động. Những kẻ mà con không chinh phục được bằng lưới gươm thì Ngài đã chinh phục được bằng lòng từ bi.

Một ngày kia, đang đi khất thực trong thành, Đại đức Angulimala bị dân chúng liệng đá, đánh đập đến phun cả máu đầu, bình bát bể nát, y toả toại. Đại đức đến trình diện trước đức Phật Ngài dạy :

Angulimala ! Hãy can đảm và cố gắng chịu đựng tất cả khổ nhục nhỏ để được sự an lạc lớn !

Đại đức Angulimala hoan hỉ tiếp nhận lời dạy của đức Phật. Với một niềm an lạc phát ra từ tâm hồn giải thoát, Đại đức nói :

— Ai tỏ ra tinh tấn tại chỗ không có tinh tấn, ai lấy đức hạnh bao trùm quá khứ của mình, ai trong tuổi trẻ bám víu vào đức Phật, người ấy như mặt trăng chiếu tỏa tràn gian với ánh sáng. Hãy đề cho kẻ thù của ta nghe thánh giáo này, tuân theo đức tin này và đi theo những người con của trí tuệ. Hãy đề cho kẻ thù của ta nghe đúng lời kêu gọi tình thương này, một lời kêu gọi nhẹ nhàng nhân ái, và hãy sống đúng theo lời kêu gọi ấy. Ta, kẻ đạo tặc được gọi là «vòng hoa ngón tay người» sống và bị trôi lẳng xuống giòng cho đến khi «Người» đưa ta đến đất liền. Là «vòng hoa ngón tay người» ta tắm trong máu đào; nhưng nay ta đã được giải thoát».

Trích trong tập «ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT» sắp xuất bản của

THÍCH MINH CHÂU, THÍCH HUYỀN VI

THÍCH THIỆN CHÂU và PASADIKÀ

PHẬT TỬ VỚI ĐỨC TIN

NHÂN duyên vào Đạo của mỗi chúng ta rất có thể không giống nhau : có người vì ngưỡng mộ lòng Từ bi quảng đại của Phật Tồ, có người vì thấu hiểu chơn lý nhiệm mầu qua kinh điển, có người vì cảm mến đạo hạnh trang nghiêm của chư Tăng, có người vì yêu chuộng nền đạo giáo cổ truyền của dân tộc v.v... Nhưng nói một cách tổng quát thì tất cả đã đến với Đạo bằng Đức Tin và chính Đức Tin đã giúp chúng ta sống với Đạo và thụ hưởng được hương vị an vui của Đạo.

I.— Vậy Đức Tin là gì ?

Không còn thắc mắc, hoài nghi những điều được nghe thấy hoặc tự suy đoán, hướng tất cả ý chí, hành động vào những đối tượng mà mình đã chấp nhận hay ngưỡng mộ, ấy là Đức Tin. Theo định nghĩa trên thì sự ưng thuận vì miễn cưỡng hoặc mua chuộc hay áp bức không phải là Đức Tin. Vì Đức Tin phải là sản phẩm nội tại của bộ óc và con tim, hay như Descartes đã nói : « Đức Tin là hành vi tự do ».

Đức tin, đúng nghĩa, có năng lực kỳ diệu khiến cho chúng ta an tâm vững chí tiến mạnh trên đường đạo. Đức tin là nguồn Đạo là mẹ của công đức ; đức tin nuôi lớn các thiện căn (Avatanisaka). « Nhờ đức tin các người sẽ được tự do, và ra khỏi luân hồi sanh tử » (K.Suttanipata). Bồ tát Long Thọ (Magarjuna) cũng nói : « Lên núi đầy vật báu, nếu không tay thì chẳng lấy được chút gì ; cũng vậy, gặp được chánh pháp mà không có đức tin thì rốt cuộc chẳng hưởng được một tí nào công đức Như người đi học nếu không tin Thầy thì không học được gì cả. Muốn lành bệnh phải tin tưởng khả năng của y sĩ và thuốc men. Như thế, đức tin quả là một điều kiện tối yếu của Phật tử ».

II.— Chánh tín và mê tín

Nói đến Đức tin, phải sáng suốt phân định đặc tính của nó. Thật ra đức tin chỉ có một, và là trung tín. Nhưng nếu nó được phát khởi bởi chánh kiến — samaditthi — thì gọi là chánh tín ; nếu bởi tà kiến — micchaditthi — thì gọi là mê tín. Muốn rõ hơn, hãy xét theo hai phương diện sau đây :

A— Căn cứ vào lòng tin — Nếu đức tin phát khởi sau khi sáng suốt suy luận phân đoán và chơn thành, cố gắng sống với và hướng về những điều đã tin thì gọi là chánh tín. Trái lại, a dua, theo càn, tin suông, thiếu thật hành thì gọi là mê tín.

B— Căn cứ vào đối tượng : Nếu tin ngưỡng vào những đối tượng thật có đủ đức-hạnh và có năng lực cứu khổ thì gọi là chánh tín. Trái lại, nếu tin-tưởng vào những đối tượng huyền hoặc, vu vơ, thiếu năng lực cứu khổ thì gọi là mê tín.

Chúng ta cần phải tránh lối phân định hàm hồ, chủ quan như cho mình là chánh tín vì mình tin theo « đạo của mình », người khác là mê tín vì họ tin theo đạo khác.

Chánh tín nâng cao giá trị con người ; mê tín làm cho con người thấp kém. Chánh tín giúp ta tự cường, tiến bộ ; mê tín khiến ta ỷ lại, thoái hóa Chánh tín đưa người về nơi giác ngộ, an vui ; mê tín kéo người xuống vực vô minh đau khổ.

III— Đức tin của Phật tử.

Phật tử là con của đấng giác ngộ. Vì thế, sự tin ngưỡng của Phật tử hẳn là chánh tín. Phật tử thờ Phật, trọng Pháp, kính nể với tinh thần sáng suốt. Lương Khải Siêu nói : « Sự tin Tưởng trong Phật giáo là trí tín » (Âm bằng Thất).

A— Phật tử tin Phật là bậc Thầy cao cả — anuttaro purisa dhamma sàratthi — mà không xem thầy là đấng « Thần linh » hay « Thừa sai của Thần linh ». Mỗi khi quỳ lạy trước tượng Phật, Phật tử tưởng nghĩ đến những đức tánh Từ, Bi, Hỷ, Xả của Ngài và nguyện cố gắng tu luyện theo những đức tánh ấy. Chính Đức Phật đã dạy :

Hãy thấp sáng cây đèn trong ngườì,

Hãy nương tựa vào ngườì, vì không có nơi nương tựa nào khác.

Vạn vật vô thường. Hãy tinh tấn đề tự giải thoát.
(Mahaparinibbana).

B— Phật tử tin Pháp là « ngón tay chỉ mặt trăng », là « chiếc thuyền đưa người sang sông ». Giáo pháp của Phật, chỉ có những người trí mới hiểu được — veditabbo vinnūhi — Phật pháp không phải là « tín điều » mà là những phương pháp thực nghiệm tâm linh đưa đến giải thoát « Tựa như nước của bể cả chỉ có một vị mặn ; giáo pháp của Như Lai cũng chỉ có một vị là vị giải thoát » (Cullavagga) — H.G. Wells đã tán thán : « Ngày nay nghiên cứu nguyên bản của Phật pháp, người ta mới biết đó là một nền giáo lý rất đơn giản và minh triết ; giáo lý rất phù hợp với quan niệm đời nay. Đó sự thành công của một lý trí siêu việt ; điều ấy chẳng cần phải biện minh. » (The Gospel of Gautama Buddha).

C— Tăng là những vị Thầy trực tiếp hướng dẫn cho Phật tử trên đường đạo. Phật tử không hề quan niệm chư Tăng là những người thay mặt Phật tha tội và ban phước cho họ. Phật tử kính Tăng là vì chư Tăng là những vị có đức lớn — đại đức — những vị bề trên — Thượng tọa — và chư tăng cũng tự xem mình là người đi trước dắt người đi sau, người biết trước dạy người biết sau — tiên giác giác hậu giác — Và không bao giờ nghi mình có độc quyền về đạo giáo.

IV— Đức tin phải được giữ gìn như thế nào ?

Phật tử phải giữ gìn đức tin cho chơn thuần và kiên cố. Chơn thuần nghĩa là chỉ tin Phật mà không tin tưởng Trời thần quỷ vật. Các vị trời thần tuy hơn người nhưng thiếu đức giác ngộ và giải thoát. Quỷ vật là những loại thấp kém hơn người. Hơn nữa, họ đang còn ở trong vòng luân hồi sanh tử nên không phải là nơi qui ngưỡng của những người cầu giác ngộ và giải thoát ; tin Pháp mà không nghe theo ngoại đạo tà thuyết. Ngoại đạo là những giáo lý không xây dựng trên đạo lý nhân quả nghiệp báo. Tà thuyết là những lý thuyết đưa người đến nơi tội lỗi ; tin tăng mà không kết giao với bạn bè xấu xa, không gia nhập những đảng phái bất chánh tàn bạo. Kiên cố nghĩa là vững chắc. Đức tin của Phật tử là đức tin mà thời gian không thể làm cho phai lạt, hoàn cảnh không thể chi phối : càng gặp nghịch cảnh, đức tin ấy càng thêm mạnh lớn. Không có vấn đề « thương mại hóa » trong Phật giáo. Mà vấn đề tin ngưỡng của Phật tử là vấn đề tự nguyện. Do đó, không có gì đáng khinh bỉ hơn là sự thay đổi tin ngưỡng nơi người Phật tử. Nói một cách rõ rệt hơn, Đức tin của Phật tử phải là trái Tim của Bồ tát Quảng Đức Vì « Có đạo đức mà chết ; không tha mất đạo đức mà được sống » (kinh Thề hoa vi vương).

Tóm lại, chúng ta những người muốn đi lên trong Ánh Sáng không thể sống mãi trong hoang mang, nghi ngờ mà cầu có một đức tin. Những đức tin cần được đặt đúng nơi, đúng hướng : Phật, Pháp, Tăng. Trong cuộc sống xô bồ, thác loạn này, có được một đức tin quý báu như Phật tử, kẻ cũng là một việc ít có vậy.

GIÁC MƠ

(tiếp theo trang 39)

lo đủ tiền cưới thì tao cho mày lấy nó. Có đủ tiền thì cưới. Hừ, nếu nó thực tâm yêu thương mày thì nó phải chạy cho đủ. Nhưng rồi mày sẽ thấy nó có yêu thương mày hay không...

Người duy nhất Lũy tin tưởng có thể giúp anh được vẫn là bà cô anh. Lũy cho học trò nghỉ ngay buổi học sáng hôm sau, để đến trình bày tình cảnh với bà cô. Nghe xong, bà dế chỉ nói:

— Thế thì việc gì mà anh phải lo. Cá đã cắn câu... tự nhiên rồi người ta cũng phải cho không anh, cầu cạnh anh để anh nhận chứ lại. Anh cứ tin cô, dao mình nắm đằng chuôi rồi, đâu có dó mà! Chứ phần cô thì cô nói thực cô còn một đồng đây này, chẳng thể nào mà giúp anh được nữa. Vẫn biết cháu cũng như con, nhưng dù con hay cháu thì việc gì cũng chỉ có hạn thôi.

Lý lẽ của bà có phần đúng. Nhưng Lũy không muốn lợi dụng cái tru thế của mình, không muốn để Hiền phải khóc thêm nữa, nhất là không thể chịu nhục hơn nữa. Lũy tạt từ bà cô với một ý-định quyết-liệt.

Lũy không trở về nhà. Anh gửi lại cho Hiền một lá thư:

Hiền em,

Anh ưng thuận xin cưới em như điều mẹ em muốn. Nhưng, em đã rõ anh không thể lo được ngay lúc này. Vậy hẹn em ba năm sau anh sẽ trở về.

Thật quả, chưa bao giờ anh có được một cuộc sống đầy đủ cho riêng thân mình. Nhưng anh sẽ cố gắng để cuộc sống chúng ta sau này được hạnh phúc. Anh tin phải được vì anh yêu em. Đợi anh.

LŨY

Lũy từ bỏ cái nghề dạy học bất-đắc-di và lủ học trò bất trị. Không ai biết Lũy đi đâu, sinh sống ở phương trời nào.

Ba năm sau, vào một buổi sáng vừa lên nắng, Lũy trở về khu ngõ cũ. Quang cảnh thoảng dăng hơn trước và diêm ít nhiều đổi thay. Có những căn nhà đã lên thêm tầng lầu, một vài chiếc mái đã lợp ngói thay tôn và dăm ba khung cửa đã đổi màu sơn,

Lũy cũng đã khác xưa. Nét mặt dần dôi hơn. Đôi mắt lạnh lợi sáng lên. Nước da thì được màu mưa nắng râm đen lại.

Lũy đi thẳng đến nhà Hiền rồi dừng lại bên cửa. Cánh cửa mở rộng. Giữa nhà, một thằng bé chừng gần ba tuổi đang ngồi xé vụn một mảnh giấy báo cũ. Nó mặc một chiếc áo thung, còn để truồng. Nước da nó trắng muốt, cổ tay cổ chân tròn lẳn. Thật giống mẹ nó — Lũy thầm nghĩ. Nhưng Lũy cố tìm ra một nét nào thật đặc-biệt. Thằng bé vẫn mãi mê nghịch không thấy sự có mặt của Lũy. Nó sẽ nát tờ giấy, xong lại nhặt mảnh vụn tung lên. Nhìn những mảnh giấy bay là tả, nó thích thú toét miệng cười. Lúc nó cười, một bên mép nhếch cao lên, hai đuôi mắt nheo lại. Lũy bắt gặp ngay trong nụ cười đó một nét đặc biệt khác hẳn muôn ngàn nụ cười trẻ thơ khác, bởi vì đó là nụ cười của anh. Ô, thằng bé, ... thằng con anh! Lũy cảm thấy hãnh diện niềm hãnh diện của một kẻ đã tìm thấy hiện thân của mình trong cõi đời để sống với thế hệ sau. Bất giác Lũy nhếch một nụ cười giống hệt nụ cười của thằng bé. Anh muốn được bông nó lên, ôm nó vào giữa hai cánh tay.

Lũy đưa tay gõ nhẹ vào cánh cửa. Thằng bé ngừng đầu nhìn anh, đôi mắt to và sáng. Đồng thời từ trong nhà vọng ra một giọng nói the thé, giọng nói của mẹ Hiền:

— Ai đó?

Lũy không biết trả lời ra sao. Anh gõ cửa một lần nữa. Mẹ Hiền đi ra và khi nhận ra Lũy thì bà dừng lại. Bà có vẻ lúng túng lo ngại trước sự xuất hiện bất ngờ của Lũy. Lũy vội lên tiếng trước:

— Con đến xin phép bà để được gặp em Hiền.

Bà cố trấn tĩnh hỏi dò xét:

— Cậu gặp nó có việc gì?

— Thưa bà, cách đây ba năm con có hẹn với Hiền sẽ trở lại ngày hôm nay.

Mẹ Hiền trầm ngâm giây phút rồi lạnh nhạt đáp:

— Nhưng nó đã ở riêng rồi. Nó để lại thằng nhỏ này đây.

Lũy thấy ghen ngào như đang qua một cơn mê hoảng, khóe mắt mờ đi. Anh chậm chạp giờ hai tay tiến vào gần thằng bé. Thằng bé ngoan ngoãn đứng dậy để anh bông nó lên tay. Lũy ghi chặt thằng bé vào ngực rồi nói:

— Thật thế sao? Hiền không còn chờ... Ồ, sao lại thế được!

Mẹ Hiền e-ngại trấn át:

— Cậu làm khổ nó thế đủ rồi. Bây giờ cậu để nó yên thân. Được với chẳng được thì cũng chẳng làm gì được.

Lũy mỉm cười ngắt lời bà!

— Không, xin bà đừng hiểu nhầm. Con về đây chỉ là theo đúng lời hẹn. Nhưng Hiền không còn ở đây vậy xin bà nói lại dùm là con đã trở lại. Thế là đủ. Còn một điều nữa, con xin bà cho được đưa đủ tiền cưới Hiền và xin bà cho lại đứa cháu.

Mẹ Hiền mỉm cười gượng gạo phân trần:

— Anh tưởng tôi cần tiền đến thế sao? Nhưng làm sao tôi tin được là anh thành-thật thương yêu con tôi: Phải lỗi là ở tôi, tôi đã bảo nó lấy chồng, nhưng anh cũng phải hiểu rằng làm sao mà nó biết anh sẽ giữ đúng lời hẹn.

— Vâng, thưa bà con hiểu như thế!...

Lũy ôm con đi trên con đường cô-quạnh giữa vùng cao-nguyên cách xa Sài-Gòn trên ba cây số. Hai bên đường là những thửa vườn cây, những khu đồn-diễn chạy dài đến chân-trời. Sau những khu vườn đó là rừng sâu.

Lũy đi lạc lõng như một người mất trí. Đôi mắt luôn luôn nhìn sang hai bên đường như tìm tòi một cái gì thiếu thốn. Thật quả Lũy đã thiếu Hiền. Ba năm qua, anh đã từng mơ một ngày như hôm nay, anh đón Hiền và đưa con đi về trên con đường đất này. Anh sẽ quàng tay qua vai nàng chỉ cho nàng những thửa vườn cà-phê, vườn cam và nói:

— Hồi anh mới đến, đây là những rừng gồm toàn sỏi đá và cây cối lớn. Thật không thể tưởng-tượng được sỏi đá lại biến được thành đất màu, rừng cao biến thành vườn cây. Nhưng yêu em, anh đã tin như vậy. Tất cả mấy chục mẫu đất hoang kia đã vì niềm tin đó thành tươi màu. Bây giờ, một nửa bên kia thuộc phần người có của. Nửa bên này là của chúng ta, những người có công.

Anh sẽ nói thêm:

— Có những niềm tin không có gì bảo đảm cũng như anh đã tin hoa rừng thành trái ăn và em đã tin anh trở về. Nhưng nếu có bảo đảm thì đâu phải niềm tin nữa. Như thế cũng không phải chúng ta tin vu vơ. Thật ra chúng ta đã tin ở chúng ta, ở con người.

Và rồi Lũy sẽ đưa Hiền và con đi qua từng khu vườn vào căn nhà dựng trên một thửa đất rộng, không có lầu nhưng khang trang xinh đẹp.

Lũy mỉm cười sớt-sa vì giấc mơ đó sẽ không bao giờ còn thực hiện được.

Anh dạy má thằng con chỉ cho nó nhìn về một khu vườn cam phía trước:

— Chú thấy không những cây cam tươi kia chỉ một mùa mưa nắng nữa sẽ diêm hoa kết trái...

Gió lùa trong cây lá reo lên một nhạc điệu rì-rào man-mác...

HUY QUANG

MẤY BÀI THƠ CỦA CỤ NGUYỄN - KHUYẾN

• NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Tôi nhớ mấy bài thơ của Cụ Nguyễn-Khuyến mà tôi đã học thuộc lòng hồi tôi còn đi học ở trường Bưởi. Hồi đó tôi còn nhỏ nào có hiểu được gì? Và lại thầy tôi giảng cho anh em chúng tôi trạc 15, 16 tuổi, trong thời nớ lệ thời thầy phải dè dặt.

Tôi nhớ là thầy đã bảo anh em chúng tôi đại khái như sau: « Bây giờ các anh chỉ hiểu qua. Về mà học thuộc lòng. Sau này các anh sẽ hiểu ».

Tôi không biết rằng tôi đến bây giờ có hiểu rõ ý nghĩa các bài thơ ấy không?

Tôi nhắc lại mấy bài thơ của Cụ Nguyễn Khuyến và làm một công việc học trò ấy là bình luận các bài đó.

Các bài thơ đó làm về, năm nào, bài nào trước bài nào sau, tôi không biết. Tôi chép ra sau đây, có đúng nguyên văn không, tôi không biết, Tôi không bình luận về nhời văn vì tôi kém học về văn chương. Tôi sẽ chỉ nêu ra mấy tư tưởng của tác giả để tìm hiểu vài ý kiến của tác giả trong thời nhiều nhưng là thời mà Pháp và Tàu xâm lăng ta, vào cuối thời vua Tự Đức.

Tôi chép bốn bài thơ chữ nôm sau này:

- 1.— Nhời vợ phường chèo.
- 2.— Anh giả điếc.
- 3.— Phỗng đá.
- 4.— Mẹ mốc.

Đề tài bốn bài thơ này không phải là do tác giả đặt ra. Đó là do các nhà sưu tầm, sau này đặt ra. Các cụ ngày xưa làm thơ, làm phú đề cụ nọ chuyển cho cụ kia xem. Rồi hoặc được họa lại, hoặc được chuyển từ cụ này sang cụ khác. Vì quý bạn, vì yêu thơ nên các cụ chép tay để giữ lại, thỉnh thoảng đem ra ngâm vịnh. Các cụ có nghĩ tới in tác phẩm của cụ đâu? In làm gì? In để cho ai đọc. Cũng may có những sự chép tay này và sự truyền khẩu này nên bây giờ hậu thế chúng ta mới biết, dù chép đúng, dù chép sai, một ít thơ văn của các Cụ.

Tôi xin chép ra đây bốn bài thơ đó.

I.— THƠ ĐẦU

NHỜI VỢ PHƯƠNG CHÈO

- 1 Xóm bên đông, có phường chèo trọ,
- 2 Đến nửa đêm, với vợ chuyện trò.
- 3 Rằng ta thường làm quan to,
- 4 Sao người coi chẳng ra trò trống chi?
- 5 Vợ cả giận, mắng đi, mắng lại,
- 6 Tuổi đã già, sao giận như gì?
- 7 Nửa đêm, ai chẳng biết gì,
- 8 Người như biết đến, thiếp thì hồ thay!
- 9 Ở đời chỉ có hai điều sợ!
- 10 Sống chết người, quyền ở tại tay,
- 11 Ấy mà, chàng đã chẳng hay!
- 12 Còn ai sợ đến lũ này nữa chẳng?

- 13 Và, chàng vẫn lẳng nhăng túng kiết
- 14 Cuộc sinh nhai, chèo hát qua thì,
- 15 Vua chèo, còn chẳng ra gì,
- 16 Quan chèo, bói nhọ khác chi thằng hề.

Bài này có một bản bằng chữ Hán chính cụ sáng tác.

Bản chữ Nôm này, chính cụ sáng tác. Cụ viết Nôm hay Hán như nhau. Bản chữ Hán đã đăng trong bộ Văn đàn bảo giám.

Tôi bình luận qua loa về ý bài này. Bài làm theo thể song thất lục bát chỉ có mười sáu câu, nhưng ý nghĩa rồi rào lại còn nhiều ẩn ý. Ấy mới khó, cho kẻ bình luận.

1) Câu đầu Nghĩa đen: Có một số người đến ở tạm bợ, nay ở mai đi (trợ) Họ làm nghề chèo hát để kiếm cơm (sinh nhai).

Làm nghề chèo hát là đóng vai vua quan, công chúa. Sự thực là để mua vui cho dân làng, trong dịp hội hè đình đám.

Hai chữ (chèo trọ) có thể đọc lại thành (chợ trọ) hay thành (trợ trọ) cũng như hai chữ (chuyện trò) có thể đọc ngược là (trò chuyện).

Cụ Nguyễn Khuyến tế o làm Tôi không hiểu cụ dùng cách nói lái để ám chỉ gì.

2) Câu thứ hai.

Đến nửa đêm với vợ chuyện trò
Nói chuyện với vợ!

Lại nói giấu, nói giữa nửa đêm, sợ hàng xóm nghe!

Tại sao phải giấu?

3.— Câu thứ ba và câu thứ tư:

Rằng ta thường làm quan to. Sao người coi chẳng ra trò trống chi.

Chồng bực lộ tâm tình với vợ.

Thiên hạ khinh, tuy là quan to!

4.— Câu thứ năm là câu chuyện. Câu này đặt rõ đầu đề. Danh từ danh thếp.

5) Người vợ nói mà người chồng ngồi im. Vì bị mắng. Vì biết lỗi. Vợ « mắng đi mắng lại ». Mắng về sự thi hành nguyên tắc.

Chồng đã thi hành sai nguyên tắc làm quan.

Một là, đã làm quan. « sống chết người quyền ở tại tay », ấy thế mà sử dụng sai quyền ấy. Kể được sống thời bất chết, kể phải chết thời cho sống. Làm sao mà dân phục, dân sợ?

Chữ « lữ » ở câu 12 nghĩa là người vợ cố ý vợ dũa cả năm.

Hai là, (câu 13 và 14), đã làm quan to mà « túng kiết ». Vậy lương dè đâu? Ất là trai gái, cớ dong bạc dài. Vậy phải « lẳng nhăng » chữ lẳng nhăng khiến ta phải hiểu ngầm, phải tưởng tượng đến tất cả những công việc đen tối của một ông quan to.

Mà ông quan to này, xét ra chỉ làm công việc « chèo hát » việc giả dối chứ không phải là việc thực, ích quốc lợi dân.

Đóng vai quan to nhưng có phải là quan đâu?

6 Hai câu kết (15 và 16) chứng tỏ rằng người vợ « cả giận », mắng cả Vua lẫn Quan toàn là đồ chẳng ra gì, chỉ là đồ hề quấy hời bói nhọ.

Tôi kết luận bài bình luận thơ đầu rằng cụ Nguyễn Khuyến đã mượn nhời người vợ phường chèo mắng chồng để « Cự mắng Vua lẫn Quan hời đó. Vua này là vua nào? Các quan đó là quan nào? Tôi không biết.

II. — THƠ THỨ HAI

ANH GIẢ ĐIẾC

- 1) Trong thiên hạ, có anh giả điếc.
- 2) Khéo ngo ngo, ngắc ngắc nghĩ là ngây.
- 3) Chẳng ai ngờ, sáng tại họ điếc tại cày.
- 4) Nỗi điếc ấy, sau này em muốn học!
- 5) Tọa trung đàm tiểu nhân như mọt.
- 6) Dạ bán chung thanh nhĩ tự hầu.
- 7) Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi miếng trâu.
- 8) Khi trà chuyện dăm ba chén, khi
kiều lầy một đôi câu.
- 9) Sáng một lúc, lâu lâu rồi lại điếc.
- 10) Điếc như thế, ai không muốn điếc?
- 11) Nỗi điếc anh, dễ bắt chiếc du mà?
- 12) Hỏi anh? Anh cứ ậm à...

Bài này là theo thể hát nói không có mưỡu.

Bài này có thể sai nguyên văn nhiều. Đọc từ câu đầu đến câu thứ sáu, ta có thể cho rằng bài này là bài cô đầu ậm ra và hát đề trêu một ông quan viên ngồi im thin thít, trơ như gỗ, trong lúc mà các quan viên khác truyện trò, cười đùa. Quan viên đó giả điếc, khiến cô đầu xưng «em» phải phục và muốn học cái hái độ giả điếc ấy.

Câu bảy, câu tám tả đời sống hàng ngày của anh giả điếc.

Câu thứ chín nhắc lại ý câu thứ sáu, Nghĩa rằng anh giả điếc này tại thính như tai con khỉ, quá nửa đêm còn thức và còn nghe rõ tiếng chuông (chùa) từ xa đưa lại. Nhưng anh chỉ thính tai một lúc rồi lại điếc, nghĩa là anh không thêm nghe gì nữa. Hay nếu anh có nghe kẻ nói này, người cười nọ (tọa trung đàm tiểu) thời anh câm nhân như mọt.

Ba câu cuối là ba câu kết.

Bài này đã có thể làm trong trường hợp nào?

Có thể tác giả ngẫu hứng làm đề tặng một cụ bạn trong một cuộc nghe hát cô đầu. Bài cụ làm, cô đầu hát, cụ đánh trống. Cụ đã có câu:

« Có khi từng gác cheo leo,

« Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang».

Nhưng chắc cụ bạn già cũng có một thái độ giả điếc như cụ. Hai cụ phải là bạn đồng thanh, đồng khí.

Vậy ta có thể kết luận là bài này giải bày tâm sự của Cụ. Cụ giả điếc, không thêm nghe «sự đời» mà cũng chẳng thêm chửi «chém cha» như Nguyễn-Du đã chửi «chém cha».

III. — THƠ THỨ BA

PHỔNG ĐÁ

Bài này như bài thứ hai làm theo thể hát nói, không có mưỡu.

- 1) Thấy phổng đá, lạ lùng muốn hỏi.
- 2) Có làm sao, lên lối đến nơi đây?
- 3) Hay muốn vui cày cỏ nước non này?

- 4) Hay cũng muốn giang tay vào hội
lạc
- 5) Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,
- 9) Thương hải thủy tri ngã điếc ầu?
- 7) Thôi cũng đừng trấp chuyện đầu đầu!
- 8) Tái vũ trumạc dân em sau gánh vác!
- 9) Chén chú, chén anh, chén tôi chén
bác.

- 10 Cuộc tỉnh say, say tỉnh cùng nhau
- 11 Nền, chẳng? Đá cũng gặt đầu.

Bài này đã được họa lại. Người họa là cụ Phan-văn-Ái mà tôi không biết văn chương và sự nghiệp chính trị như thế nào. Nhưng tôi chắc cụ là bạn đồng cảnh, đồng tình với cụ Nguyễn Khuyến.

Bài họa làm theo thể hát nói, có mưỡu đầu.

Mưỡu

- 1 Giàng sơn khéo đúc nên người,
- 2 Trông chừng sánh sỏi, khác người
trần gian.
- 3 Trải bao, gió núi mưa ngàn.
- 3 Đã già, già sức, lại gan, gan lỳ.

Hát nói

- 1 Gan lỳ, già sức,
- 2 Hà non ai mà sợ cóc chi ai?
- 3 Người là người, tớ cũng là người
- 4 Nhắm cho kỹ, vẫn tranh vanh đầu
đốc.
- 5 Tương tri tăng thức. năng cộng
ngọc,
- 6 Mạc luyện như hà, khả bỏ thiên
- 7 Thôi, mặc ai rằng trắng, rằng đen,
- 8 Thế như thế, thời thôi như thế vậy.
- 9 Còn trời ấy, hãy còn tai mắt ấy!
- 10 Lặng mà xem, họa thấy lúc nào chẳng
- 11 Hãy về đã gạo ba trắng.

Đọc thơ của các cụ tôi thấy như học được một phần nào tư tưởng của các cụ. Nhưng hiểu đúng hay hiểu sai? Nếu hiểu đúng thời có thấu không. Tôi không biết.

Dù sao, tôi cố nói ra sự hiểu biết của tôi, chờ sự đính chính của quý vị cao minh.

Theo ý tôi, cụ Phan văn Ái đã đến thăm cụ Nguyễn Khuyến. Hai cụ chắc đã về hưu. Sau khi cầm tay, hồi hết xà gần than thở cùng nhau, vì thơ thế, cụ Nguyễn cho gọi cô đầu về hát trong tiệc rượu.

Cụ Nguyễn làm bài hát nói trước, đề tặng cụ Phan. Bài hát, cụ viết, giao cho cô đầu đọc (cô đầu ngày xưa hay chữ). Cụ cầm châu. Cụ Phan ngồi nghe và thông cảm, môi nhấp tí rượu, đầu gật gù.

Rồi cụ Phan, sẵn bút nghiên, trên án sẵn tờ giấy hoa tiên, họa lại bài thơ cụ Nguyễn. Cô đầu nhậm bài thơ và hát hầu hai cụ. Lần này cụ Phan cầm châu.

Hai bài hát nói mà tôi dẫn trên là hai tài liệu lịch sử để cho ta biết một thái độ tiêu cực của một số sĩ phu bấy giờ.

Bài thơ cụ Nguyễn làm tế nhị lắm. Tôi hiểu như sau này:

- 1) Bác (chỉ cụ Phan) là phổng đá, bác lại chơi tôi làm gì? Phổng đá nghĩa là bà nhìn. Nhận chức nhưng không có thực quyền.

Phổng đá hình người nhưng không

phải là người, vì là đá. Chất đá (đá vô răn) «trơ» ra, cũng như chất đồng «vững» Ta có câu:

Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai giung chẳng
giời.

Phổng đá là bù nhìn, vô tri vô giác nhưng bù nhìn này trờ ra, chịu đựng được tất cả nắng mưa, ở ngoài trời.

Ở trước và đứng cạnh cửa nhà thờ to là hai ông phổng đá, bụng to, rốn lồi ra, để cắm hương vào đấy.

Ông phổng điển hình cho sự cùn cùn tận tụy và cho sự thành kính đối với các vị được thờ trong nhà thờ mà ông phổng Phải canh.

Ông là phổng đá?

Cụ Nguyễn hay cụ Phan? Khó hiểu

2) Bấy giờ ông phổng bỏ nhà thờ không canh gác nữa. Và muốn vui chơi Vì sao?

3) Hai câu chữ Hán nghĩa rõ ràng Và là câu phổng đá trả nhời.

Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc
Thanh hải thủy tri ngã điếc ầu.

Hai câu này thăm.

Núi xanh kia cười ta đầu đã bạc
(như lông hạc)

Bề xanh kia có biết đầu rằng ta đã à con chim âu (một thứ chim bề, khi gió to sóng lớn thời hay và đùa rờn vờ sóng gió, nghĩa là không biết sợ cái chế là gì)

4) Già rồi, về hưu, bỏ công việc, mặc kệ đàn em.

5) Bấy giờ chỉ cùng bạn uống rượu. Tỉnh hay say, không biết, chữ tỉnh, say có thể hiểu theo nghĩa bóng.

6) Triết lý này, người nghe cho là phải đã đành, nhưng đến (phổng) đá cũng phải gặt đầu, cho là đúng.

Bài họa lại của cụ Phan cũng một ý nhưng thêm vài chi tiết.

Tôi không hiểu ý hai câu:

Người là người, tớ cũng là người,
Nhắm cho kỹ vẫn tranh vanh đầu đốc.

Chữ «người» với chữ «tớ», có thể chỉ hai cụ. Hay người đây ám chỉ ai? Bốn chữ «tranh vanh đầu đốc» có ẩn ý gì không?

Từ câu thứ năm trở xuống hết bài, cụ Phan toàn nói về chính trị. Cụ cho cụ Nguyễn biết ý kiến của cụ về thời thế.

Câu thứ sáu khiến ta nghĩ tới điển bà Nữ Oa luyện đá và trời.

Câu bảy, câu tám đáp lại câu:

Thôi cũng đừng chấp chuyện đầu đầu.

Rằng trắng chỉ những người theo Pháp. Rằng đen chỉ những người trung trinh với nước.

Câu tám tỏ ý nản.

Câu chín thật khó hiểu.

Tôi hiểu như thế này.

«Trời ấy» tức là vua mà vua này là vua Tự-Đức.

«Tai mắt ấy» là ai? Tức là một số đại quan ở Triều, hay ở quân thứ. Như Hoàng tá Viêm, Tôn thất Thuyết

Câu mười tỏ chút hy vọng về vận nước. Nhưng trong khi chờ vận nước lên thời «lặng mà xem» nghĩa là dừng hoạt động gì cả. Nghĩa là phải là «phổng đá».

Câu kết là câu khuyên, rất thực tế. Dân quê ở Bắc, gặp những năm mà khí hậu có thể đưa đến sự mất mùa thời lo đói, vậy cấy thóc ba giăng. Chỉ trong ba tháng là được ăn, tuy gặt được ít và là thóc xấu.

Cụ Phan có ý nói cụ Nguyễn rằng làm phổng đá cũng phải, để chờ xem. Nhưng mà phải lo sống đã.

Bốn câu mười có thể là câu cụ Phan tặng cụ Nguyễn hay tự nói mình,

Các cụ ngày xưa có học Ý kiến tế nhị lắm, lại cao siêu.

Tôi khó hiểu hai bài thơ của hai cụ đã họa vì tôi thất học.

Tôi có thể kết luận như sau này Hai cụ đồng ý với nhau là làm phổng đá Thật là một sự đau khổ.

ooo

IV. - THƠ THƯ TỰ

MỆ MỐC

Bài thơ như sau này, cũng làm theo thể hát nói:

- 1 So danh giá, ai bằng Mẹ Mốc?
- 2 Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra!
- 3 Tắm hồng nhan, đem bôi lấm xóa nhòa
- 4 Làm thế dễ, cho qua con trất tục
- 5 Ngoài mạo bất dung cầu mỹ ngọc
- 6 Tắm trung thường thả tự nhiên kim
- 7 Nhớ chồng con muôn dặm khôn tìm
- 8 Đành son sứt cho tròn một tiết.
- 9 Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết.
- 10 Mạnh gương trinh, vàng vặc quyết không nhơ.
- 11 Đắp tai, ngảnh mặt làm ngơ.
- 12 Rằng khôn cũng kệ rằng khôn, cũng thấy!
- 13 Khôn kia, dễ bán, giai này...

Bài này tôi có thể hiểu được Trong câu đầu, có hai chữ **MỆ MỐC**. Ở ngoài Bắc, chữ **MỆ** có một nghĩa là con mẹ: một người đàn bà thường dân thuộc giai cấp bóc lột mẹ đi.

Mốc không phải là tên con, tên thành con **Mốc** hay con đi **Mốc**. Dân quê Bắc có thói quen gọi như thế. Lấy tên con mà đặt cho bố, mẹ. Thí dụ, ở trong làng, bố mẹ tôi được gọi là bố cu Lâu, mẹ cu Lâu.

Chữ **Mốc** không phải là tên người con của mẹ này. Tôi hiểu như thế.

Tôi đã sống ở làng người Bắc và tôi hiểu chữ **MỆ MỐC**. Chữ **MỆ MỐC** nghĩa là một người đàn bà thường dân nghèo, cái váy mốc, ném bày khúc sông chẳng chìm.

Cái váy này là cái váy vải to, ruộng nâu, dẫn lùn cho đen. Nhưng mặc ít lâu, bạc phếch, màu như là bị mốc.

MỆ MỐC là điển hình cho người đàn bà nhà quê đất Bắc.

Cụ bà Nguyễn Khuyến cũng đã là nông dân thuần túy. Khi cụ Bà mất, cụ Ông có câu đối khóc. Về trên như sau này:

Nhà chín rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, sản váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân chiêu, vì tở đỡ dần trong mọi việc.

Sản váy quai cồng để đi gánh và váy này phải là váy mốc.

Tôi hiểu chữ **MỆ MỐC** như vậy.

Tôi đoán bài thơ này làm sau khi cụ Bà mất và cụ Ông đã về hưu.

Cụ đã có thể liên tưởng đến cụ Bà (hai câu đầu). Cụ Bà đã là **MỆ MỐC** nhưng cũng là **mệnh phụ, bà Tổng đốc**.

Danh giá, ai bằng được?

Cần gì phải mặc gấm, mặc vóc vì là bà **Tổng đốc** kia mà?

Câu thứ ba là Cụ nói Cụ, cũng như câu thứ tư: Cụ cáo lão về hưu, để dạy học ở đình làng: «Đàn tiểu tử lau nhau trước mắt, đôi kính già đeo mãi đã mòn tai» **Cụ đã xóa nhòa đời cụ**.

Câu thứ sáu khó hiểu:

Chữ kiên kim khiến tôi nghĩ tới hai câu:

«Vàng mười có phải thau đầu,
«Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng».

Câu thứ bảy:

Nhớ chồng con muôn dặm khôn tìm nghĩa đen là **MỆ MỐC** xa chồng xa con không có thể tìm thấy được vì xa, dù có đi muôn dặm cũng không tìm thấy!

Ấn ý câu này như thế nào?

Đàn ông, dù là **MỆ MỐC** phải biết chữ tiết. Đàn ông phải biết chữ trung.

MỆ MỐC trinh tiết với chồng con. Các chữ dùng danh thếp. Ở câu thứ ba có chữ «tắm hồng nhan», tắm là cả một tấm lụa, chứ không phải là mấy vuông. Tôi nhớ tới câu:

Thân em như tấm lụa đào.

Há đem xé lẻ vuông nào cho ai?

Câu thứ mười khiến tôi nghĩ tới câu:

Ánh trăng xuống vàng vặc (cái) đêm hôm rằm

Trăng tròn, sáng vàng vặc như gương vì không có mây (trăng xuống). Nhưng sao tác giả lại dùng chữ «mảnh». Nếu là cái gương thực để soi thời mảnh gương sẽ là gương đã vỡ rồi; nếu nói mặt trăng thời là trăng khuyết. Theo ý tôi trăng khuyết đây là trăng hạ tuần, đã tròn rồi, nhưng vẫn vàng vặc, cũng như một mảnh gương tốt nếu lau chùi thời vẫn sáng.

Chữ **trinh** khiến tôi nghĩ tới câu của Kiều:

Chữ **trinh** còn một chút này,

Chẳng cầm cho vững lại rầy cho tan.

Nói tóm lại **MỆ MỐC** giữ tiết **trinh** như Cụ vốn con nhà nghèo, làm đến đại quan tại triều **MỆ MỐC** có chồng con, Cụ có Vua hiền (vua Tự Đức) đã băng..

Ba câu cuối một nghĩa là Cụ thờ ơ với chính quyền Bảo hộ, họ gọi thời đắp tai không nghe tiếng, họ tới trước mặt ngoảnh mặt đi.

Câu thứ mười hai và thứ mười ba nói rõ ý kiến của Cụ đối với các bạn đồng liêu hồi trước.

Có kẻ bảo rằng Cụ không ra làm quan là cụ khôn. Cụ không trả nhời. Có kẻ bảo Cụ khờ. Cụ cũng không trả nhời. Nhưng nếu **Cụ** cho **Cụ** là khờ là dại, vậy ai ra làm quan với Bảo hộ là khôn. Nhưng mà cái khôn đó để bán, vì có người mua; còn cái dại của cụ thời như thế nào? Có dễ bán không? Có hai chữ Cụ không nói ra nhưng ta phải hiểu là khó mua, nếu là câu tám chữ. Ý bỏ lửng nhưng rõ ràng.

KẾT LUẬN

Cụ Nguyễn Khuyến đã thi đồ tam nguyên. Thi hương, thi hội, thi đình, Cụ đều đỗ đầu. Người làng Yên Đỗ cho nên các sĩ phu gọi Cụ là Tam nguyên Yên đỗ.

Hoạn lộ của Cụ như thế nào?

Tôi không biết rõ ngoài ba chi tiết. Ấy là Cụ đã làm **Toàn tu ở Quốc sử quán**. Cụ đã được vua Hiệp Hòa cử làm **Hậu mạng sứ** để phong cho Lưu Vĩnh Phúc trước Diên lộc nam. Tháng mười một năm Quý tị 1883, niên hiệu Kiến Phước Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà nội, đề cử với Pháp (Amiral Courbet) là gọi Cụ ra làm **Tổng đốc Sơn tây**, vậy Cụ đời nào mà lại ra nhận chức cũ, Nguyễn hữu Độ đã suy bụng ta ra bụng người. Cụ cứ ở nhà, dạy học ở đình làng, Cụ không tới nhậm chức.

Bốn bài thơ mà tôi đã dẫn ở trên rất hay về phương diện văn chương. Tôi chỉ biết là hay, nhưng giảng thời thật khó và phải giảng kỹ chữ không qua loa như tôi. Tôi chỉ chắc một điểm. Ấy là Cụ đã có khi phách. **Mạnh gương trinh của Cụ** là một bài học cho hậu thế. Bài học khôn hay bài học dại? Xin đọc giả tự trả nhời.

Riêng tôi thấy đời Cụ đẹp lắm. Và Cụ đã giúp tôi suy nghĩ.

Về buổi giao thời như về cuối đời Cụ, đã biết bao nhiêu Cụ bỏ quan về hưu. Nhiều **Cụ** tích cực phụng sự nghĩa **Cần Vương**. Hình như Cụ đã liên lạc với Cụ Phan đình Phùng, nhưng hình như cụ Phan đã khuyên Cụ đừng tham gia vì sức yếu, và lại Cụ về già mắt kém rồi sau lòa. Nhưng cũng đã biết bao vị khác «khôn».

Trong thời mà vua không ra vua, quan không ra quan, thời thái độ của kẻ thức giả là phải giả điên, phải làm phổng đá, làm con **MỆ MỐC**.

Phải chăng là một thái độ tiêu cực có hại cho xã hội?

Dù sao, trong tình trạng nhiều nhượng của nước ta, từ khi Nhật sang ta cho đến bây giờ, dù ở Bắc ở Trung hay ở Nam, đã có biết bao nhiêu Nguyễn Khuyến!

Tôi tưởng thỉnh thoảng ta ngắm vịnh thơ của các Cụ không phải là vô ích.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

LAVE

CỦA

Phi công



TRƯỚC hết tôi xin phép được nói quan niệm của tôi trong vấn đề học Phật. Trong giới Phật-tử, ai cũng biết rằng đạo Phật không phải là từ trên trời rơi xuống mà chính lại là được phát hiện trong lòng sự sống của nhân loại. Đạo Phật xuất hiện trong nhu cầu nhân loại, tồn tại vì nhân loại, để phụng sự cho nhân loại. Bởi vậy cho nên chúng ta đừng quan niệm rằng đạo Phật là một kho tàng tri thức và lý thuyết cứng đọng. Đạo Phật ra đời vì sự sống của

lịch sử nhân loại chứ không phải chỉ là một ít sinh hoạt biểu hiện trên một bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị của một khoảng thời gian mấy chục năm hồi đức Phật còn tại thế.

Học Phật không phải là đi thăm những đồ cổ trong tàng cổ viện để rồi ra khoe với mọi người rằng những đồ cổ ấy đẹp như thế này, quý như thế kia. Học Phật là tìm biết vai trò của đạo Phật trong suốt lịch sử của sự sống nhân loại, những đóng góp của đạo Phật trong văn hóa nhân loại, những luồng sinh khí mà đạo Phật đã thổi vào trong đà tiến hóa của nhân loại. Khi có được một nhận định có tính cách sử quan như thế rồi, chúng ta mới có thể tiếp nhận được sức sống rạo rạt mà đức Phật đã trao truyền cho chúng ta qua hai mươi lăm thế kỷ sinh hoạt linh động. Tiếp nhận được sự sống ấy, ta mới ý thức được sứ mạng của chúng ta, sứ mạng của người Phật tử trong xã hội ngày nay, mới tiếp nối được dòng sinh hoạt Phật giáo.

Tôi đã từng gặp nhiều người học Phật lâu năm. Họ có thể thuộc lòng bộ Phật giáo Bách khoa Tự điển. Họ có thể giải thích cho ta về bất cứ một câu một chữ nào trong Tam tạng. Họ chắt chứa trong óc họ những cái **biết** rất bác học. Nhưng họ không **hiểu** gì cả. Họ không hiểu đạo Phật là gì cả. Lý do là tôi không thấy những kiến thức của họ, vì đạo Phật có dính líu gì đến sự sống của chính bản thân họ, và của đoàn thể họ. Họ không tiếp nhận được đạo Phật, không tiếp nhận được sinh khí của đạo Phật : họ chỉ mân mê trong tay họ những cái xác cũ của đạo Phật mà thôi. Họ chỉ ưa đi xem đồ cổ trong tàng cổ viện. Cái học của họ giống như cái học khảo cổ nhưng còn tệ hơn cái học khảo cổ ở chỗ cái học của họ không có một triển vọng nào khác hơn là đề... nói và nói.

Cái học đó vô ích.

Cho nên ta không ngạc nhiên lắm khi thấy có người khi nói thì chỉ nói những điều rất "siêu" mà khi làm thì lại hành động như một kẻ chưa bao giờ biết đến đạo Phật là gì. Học theo kiểu ấy, tôi tưởng tốn công, tốn thì giờ mà vô ích quá. Hậu quả của cái học ấy là sự nói "độc" — tôi xin lỗi vì đã dùng chữ này, vì không kiếm được chữ nào nhã hơn — một hậu quả chẳng có gì là đẹp để cho tương lai đạo Phật. Vì vậy, tôi nghĩ rằng ta phải học Phật với tâm

trạng của một con người thao thức đi tìm lẽ sống, với tâm trạng một nhà mỹ thuật đi tìm cái đẹp, với tâm trạng của một bệnh nhân đi tìm lương y. Với những tâm trạng ấy, ta chắc chắn sẽ đạt tới nhiều khám phá mới lạ.

Không ai không nhận thấy rằng hiện giờ đang có một phong trào học Phật. Giới Tăng sĩ và giới Tín đồ lo học hơn bao giờ hết. Các nhà Nho xưa cũng ứng học Phật. Các cậu bé chín mười tuổi cũng được học Phật. Người ta học Phật ở mọi nơi, ở Phật học viện, ở các Chùa, các Niệm Phật đường, các trường Bồ Đề tư thực, ở các cuộc cắm trại của Gia đình Phật tử, trong các trường Sĩ quan, trong các đơn vị Quân đội, trong các trại Hướng đạo sinh, ở các nhà thương, trường học, dưỡng trí viện, cô nhi viện cả đến trong các lao xá cũng thỉnh thoảng có những buổi giảng diễn và thuyết trình về đạo Phật, các nhật báo lễ tễ cũng có phụ trương Phật học, các tạp chí thường đăng tải các thiên khảo cứu Phật học, cả đến các vị Linh mục cũng học Phật. Các giáo phái không phải Phật giáo cũng có học Phật. Thật chưa bao giờ có một phong trào học Phật hăng hái như bây giờ. Người đọc nhiều, người nghe nhiều cho nên người viết và người giảng cũng nhiều. Nhưng chúng tôi nhận thấy mọi người có một ý hướng, một mục đích và một phương pháp khác nhau. Chưa có một nhận định hợp lý về mục đích và về phương pháp khả dĩ để cho chúng ta thu hoạch được những ích lợi trực tiếp và toàn bộ phong trào học Phật của chúng ta. Bởi vậy, chúng tôi nghĩ rằng bây giờ chính là lúc chúng ta nên xét lại mục đích và phương pháp học Phật để cho cái học của chúng ta có thể phục vụ được cho sự sống và cho lý tưởng chúng ta một cách thực tiễn.

Hãy đặt lại những câu hỏi thật giản dị. Học Phật để làm gì ? Người Phật tử trả lời : để biết chủ trương và phương pháp của đạo Phật mà hành trì, tự độ, độ tha. Chúng tôi đồng ý. Bởi vì câu trả lời ấy ẩn chứa ý thức muốn **thấy**, muốn **hiểu** và muốn **làm**. Nhưng đã có bao nhiêu người trả lời như thế mà không đạt được mục đích như thế. Bởi vì họ đã trả lời đề mà trả lời, chứ không phải trả lời một tâm

PHẢI HỌC PHẬT NHƯ THẾ NÀO

nhân loại nên cũng linh-động như sự sống của nhân loại. Ta không thể tách rời đạo Phật ra khỏi sự sống, bởi chính đạo Phật là sự sống. Nếu ta quan niệm đạo Phật như một kho tàng tri thức và lý thuyết cứng đọng thì tức là ta đã xem đạo Phật như những chén bát cổ trưng bày ở tàng cổ viện. Những chén bát cổ ấy biểu hiện một vài khía cạnh sinh hoạt của con người cổ, nhưng không có tác động gì trên sinh hoạt của con người ngày hôm nay. Chúng ta hãy nhìn đạo Phật trong lịch sử văn hóa nhân loại hôm nay. Đạo Phật là tất cả những sinh hoạt của nó, những biểu hiện trên suốt

trạng thái thức, thành khẩn. Tôi thấy có người (kể cả một số ít các vị Tăng sĩ) học là để học, học vì nhận thấy bốn phần mình phải học. Tâm trạng mà như thế thì kết quả ra sao? Có những người đi qua rừng trầm hương mà không thấy được một cây trầm. Những vị kia đã (sẽ) đi qua khu rừng chân lý dẫm đạp lên châu ngọc chân lý mà không thấy chân lý. Hoặc giả học trong vật áo những châu ngọc mà mình không biết là châu ngọc, không một chút thiết tha về những châu ngọc này. Trong trường hợp đó, người học không thành công.

Tại có những người học Phật để đạt đến mục đích rất giản dị là... trở thành một nhà Phật học. Người ta đã nghe nói nhiều về triết học cao siêu đó. Họ muốn nghe và cố nhiên họ muốn thán phục những người nào nói được cho họ nghe, và nhất là nói hay. Tôi đã thấy những người đi xa về nhà nói dốc (ấy, tôi cứ quen dùng cái chữ này mãi) và rất thích khi thấy làng xóm há mồm nghe mình tán hươu tán vượn về những điều mình đã thấy ở xứ người. Nói là một khoái cảm. Được người ta nghe là một khoái cảm lớn hơn. Cho nên có nhiều người chỉ học Phật với mục đích là để nói lại cho người khác nghe. Như chúng ta đã biết, chính bản thân của người nói đã không tiếp nhận được sinh khí của đạo Phật thì những người nghe kia làm sao mà thừa hưởng được một chút gì của sinh khí đạo pháp cho được. Trong trường hợp này người học cũng không thành công.

Có hai trường hợp khác mà chúng ta không cần bàn luận đến nhiều là trường hợp cái học từ chương và cái học với mục đích để xuyên tạc và kích bác. Cái học từ chương chẳng làm nên trò trống gì, điều đó mọi người đều biết. Cả mọi nền Nho giáo suy diệt vì cái học từ chương. Trước kia thì không nói chứ bây giờ cái học vô ích trông thấy. Còn cái học để mà xuyên tạc kích bác thế

nào thì đâu mà chẳng có. Bởi sẵn mang một tâm niệm xấu xa như thế người học làm sao tiếp nhận được cái hay của đạo Phật? Thành kiến và mê vọng đã khiến cho người ta, sau một thời nghiên cứu sách Phật bằng tiếng Tàu, Tây kết luận rằng **đạo Phật phủ nhận sự sống, đạo Phật không có từ bi** khi một em bé mười tuổi đã có thể thấy được sức sống rào rạt của đạo từ bi trong chính gia đình em, xã hội em và ngay cả trong tâm niệm của chính em nữa.

Ta biết nói làm sao? Chỉ một thái độ một tâm trạng thôi cũng đủ để quyết định sự thành công hay không thành công của người học Phật. Đạo Phật là một thực tại linh hoạt chứ không phải là một xác ướp như chúng ta đã biết. Muốn hiểu được đạo Phật ta phải **xúc tiếp** với thực tại ấy, nghĩa là phải học Phật bằng những phương pháp của chính Phật học.

Như thế nghĩa là thế nào? Chân lý Phật giáo có tính cách thực nghiệm tâm linh linh động vô tướng. Nó cũng giả tỷ như cái khả năng viết chữ của bàn tay chúng ta. Nếu cắt bàn tay và mổ sẽ bàn tay ấy một cách khoa học đến thế nào đi nữa thì ta cũng không thấy được cái khả năng màu nhiệm ấy mà còn làm mất nó nữa là khác. Ta sẽ thất vọng vì trước mắt ta chỉ có cái xác Phật học. PHẠM QUỲNH PHAN VĂN HÙM, LOUIS DE LA VALLÉE POUSSIN chẳng hạn, Linh mục TRẦN THÁI ĐÌNH, chẳng hạn, đã viết mấy bài khảo luận về đạo Phật, ai cũng nhận là công phu và không thiên lệch, chủ quan. Tôi cũng thấy Linh mục ĐÌNH viết rất công phu. Nhưng tôi lại không thấy được cái gì là đạo Phật trong những bài ấy cả. Nói cho đáng, tôi cũng đã đọc nhiều về Phật giáo nguyên thủy, đã nhiều lượt tụng đọc bốn bộ NIKAYA, và đã chú trọng nhiều đến kho văn học ABHIDHARMA của Nam phương Phật giáo. Linh mục ĐÌNH đối chiếu, so sánh, nhận xét triết học đạo Phật với những triết thuyết khác một cách tỉ mỉ; bài của Linh mục đây đây những danh từ

triết học và Phật học, mà kỳ lạ, tôi vẫn không thấy trong các bài ấy cái không khí của nền đạo học và triết học mà trong đó tôi đã sống, đã thở từ gần hai mươi năm nay. Tôi có cảm tưởng Linh mục phân tích một cái xác Phật học cứng đờ và dù cố gắng cái sinh khí của Phật học vẫn không ộp đồng về nhập vào ngòi bút của Linh mục

Tôi là người tu hành theo đạo Phật, xuất gia từ hồi còn thơ. May mắn tôi cũng được học qua về các tông giáo, nhưng tôi không bao giờ dám có ý tưởng rằng mình có thể nói không sai về một tông giáo khác như Thiên Chúa giáo chẳng hạn. Bởi vì tôi suy nghĩ ngay vào trường hợp của chính tôi "Càng đi sâu vào sự thực nghiệm tâm linh" thiền-quán bao nhiêu, tôi càng hiểu về đạo Phật một cách thâm thúy bấy nhiêu. Tôi thấy lý luận hình thức, căn cứ trên danh ngôn và văn tự, không đưa tôi đến sự thấu hiểu sâu xa được. Thỉnh thoảng nếu có những tờ chức văn hóa mời nói, tôi cũng chỉ nhận nói về đạo Phật tức là nói về phần mà tôi tự cho là có sở đắc vững vàng hơn hết. Nhưng nếu có nói thì tôi cũng rất ít lý luận. Tôi chỉ trình bày sinh hoạt tâm linh của tôi. Nhờ lối trình bày ấy mà tôi đã thành công một vài lần trong sự trao truyền một chút ít sinh khí đạo pháp cho người nghe. Lý luận bao nhiêu tôi làm chết đạo pháp bấy nhiêu. Đến như khi tôi viết bài này đây, tôi cũng có cảm tưởng rằng tôi đang phơi bày tâm hồn tôi, chứ không phải là đang lý luận để chinh phục quý vị độc giả.

Vậy thì, thưa quý vị, tôi có thể kết luận rằng theo thiên ý, muốn đạt đến kết quả của sự học Phật, ta phải thành khẩn không thiên lệch, không hình thức, và cốt nhất là phải học Phật theo những phương pháp của chính Phật học. Phải làm sao tiếp xúc với thực tại linh hoạt của đạo Phật, phải tiếp nhận cho được luồng sinh khí tiếp nối từ đức Phật qua hai mươi lăm thế kỷ truyền thừa, chứ không phải chỉ là lược lật và chất đống phân tích những cái xác Phật học không hồn kết cấu bằng danh từ bằng tài liệu.

NHẤT HẠNH



HOA ANH ĐÀO

• PHƯỢNG-TÀN

MÙA xuân. Một mùa Xuân có hoa và ánh sáng, trong các lùm cây, tiếng chim non ca thánh thót như tiếng dương cầm.

Ngoài vườn, lá vàng đã thôi rụng, những mầm non nhu nhú, còn như tràn đầy nhựa sống của vạn vật hồi xuân. Màn sương sớm phủ trên núi đồi vùng DALAT một màu sắc ảo huyền.

Ngôi nhà nhỏ xinh xắn dựa trên sườn đồi thoải thoải, chạy dài xuống một cánh rừng già. Quanh nhà có hoa leo tím, có những vườn cây xanh mát, róc rách vài ngọn lăm-tuyền.

Liều-Chi về dưỡng bệnh nơi đây gần được một năm. Từ ngày bác-sĩ cho biết nàng mắc bệnh đau tim trầm trọng, thì mẹ nàng đã phải lên đây tìm một ngôi nhà, ở nơi hẻo lánh này, để nằm tĩnh - dưỡng. Thường thường một tháng một lần, Khương người sinh-viên nội trú năm thứ năm trường thuốc, và là bạn thân của gia đình nàng, lên đây chăm mạch cho nàng.

Vốn là người con gái độc nhất của kiến-trúc sư Dương-Vân. Cha nàng đã quá cổ từ lâu, nàng chỉ còn một mẹ già. Bà Dương Vân thương con lắm, vì nàng là nguồn thương yêu độc nhất của bà. Và chẳng, Liều-Chi rất sinh đẹp dịu-dàng, thông-minh và rất thương mẹ.

Từ ngày biết mình mắc bệnh đau tim, nàng thôi học. Nàng phải bỏ dở sự học trong lúc tương-lai đương hứa hẹn. Nếu không, cô nữ sinh đệ-nhi ấy đã thi trọn phần tú-tài và vào học trong đại-học sư-phạm từ lâu.

Phải bỏ dở sự học, Liều-Chi buồn lắm, vì vừa lúc nàng đang mến thầy

mến bạn. Sự học mang lại cho nàng rất nhiều hứng thú, khi xưa đã nhiều lần nàng thức suốt đêm để tìm một đáp số cho bài toán. Mong của nàng là sau thi tốt nghiệp, nàng sẽ ra làm giáo sư, một nghề cao quý hợp với nguyện-vọng nàng. Và có thể phát-triển được bản ngã, hướng về sự đào tạo cho tương lai.

Ngày nay, về dưỡng bệnh ở một nơi cô tịch, nàng như thấy gần với tạo vật. Ở đây nàng có thể suy nghiệm ra nhiều lẽ huyền bí của vũ trụ.

Nhờ sự ăn ngủ điều độ, suy nghĩ ít, nên chứng bệnh của nàng có mòi thuyên giảm. Nhưng việc đó, một phần lớn cũng nhờ có Khương.

Người thanh niên y-khoa này đã khéo áp dụng phương-pháp tâm-lý và khoa-học, để điều trị bệnh nàng. Một phần lớn lời khuyên nhủ khéo léo của Khương đã làm Liều-Chi thấy bớt đau khổ. Mọi việc nàng đều làm theo ý muốn của Khương.

Mẹ nàng rất có thiện cảm với Khương, mà bà Đốc-Thịnh lại là bạn của bà từ hồi còn con gái. Khi có gia đình hai nhà đi lại với nhau thân thiết. Ông đốc Thịnh và ông kiến trúc sư Dương-Vân lại là bạn đồng liêu. Nên sự thân mến của Khương và Liều-Chi cũng là thường.

Khương chỉ có một người em trai độc nhất, Ngọc-Việt, là bạn đồng lớp với Liều-Chi.

Tâm hồn hai người rất hợp nhau có thể nói là đôi bạn rất thân. Ngọc-Việt ít hơn anh năm tuổi, và là đồng tuổi với Liều-Chi.

Khi còn ở Saigon thì Ngọc-Việt thường lại thăm nàng luôn. Nhưng từ khi nàng về dưỡng bệnh nơi xa

xôi này chỉ có dịp Tết là Ngọc-Việt lại lên thăm nàng.

Sáng nay, khi nhận được điện tín từ Saigon đánh về cho biết chiều nay Ngọc-Việt có mặt tại đây để kịp dự lễ giao thừa, nàng lẳng xăng dọn dẹp và sửa soạn để đón chàng.

Bà Dương-Vân đã dành sẵn một căn phòng nhỏ gần khu vườn Tĩnh Tâm làm nơi cho chàng nghỉ và đọc sách, vì lần này, chàng cho biết trước là sẽ ở lại hai tuần lễ để xem phong-cảnh nhiều nơi.

Chuyến xe từ Saigon về đỗ trước bến xe, mang Ngọc-Việt về với Liều-Chi. Nàng đã được báo trước nên ra chờ đón chàng.

Liều-Chi mặc chiếc áo trắng mỏng, màu áo hợp với màu da xanh của nàng, cặp mắt to có quầng đen cặp môi phơn phớt hồng. Vừa xuống xe, Ngọc-Việt đã chạy tới bên nàng :

— Cô đã nhận được điện-tín của tôi? Bác có mạnh không có ?

Chàng nói một hơi dài, cặp mắt không rời khỏi Liều-Chi, dáng điệu rất vui mừng khi gặp nàng.

Dáng người cao, mảnh mai, vẻ mặt trầm tĩnh Ngọc-Việt rất khôi-thai, giọng nói ngọt và trong trẻo. Liều-Chi đứng dựa vào gốc cây trước nhà, gió làm tà áo nàng bay phơ phất :

Nàng đáp :

— Má tôi vẫn được mạnh. Bà mong anh lên lắm. Ở đây bà hay kêu buồn. Năm nay Tết có anh, chắc vui hơn năm ngoái, vì năm ngoái ngoài hai mẹ con ra, chẳng có ai.

Bà Dương-Vân đứng trên thềm hiên, cặp môi ăn trầu cắn chỉ, thấy

chàng bà mỉm cười :

— Tôi mong mãi cậu. Bà nhà vẫn mạnh chứ? Cậu lên đây, ở chơi lâu với chúng tôi nhé? Tôi đã bảo sửa soạn sẵn phòng cho cậu rồi.

— Dạ, Ngọc-Việt đáp, đa tạ bác. Mẹ cháu vẫn mạnh và nhắc đến bác luôn. Nhân tiện cháu lên, mẹ cháu có gửi quà lên biểu bác.

Chàng mở va li lấy ra một bức tượng Phật Bà Quan Thế Âm bằng thạch cao rất đẹp, và riêng Liễu-Chi, chàng đưa tặng nàng một cuốn Album.

Sau đó, Ngọc-Việt xách va li qua phòng riêng của mình. Căn phòng xinh xắn, bài trí phong nhã, ngoài 2 chiếc ghế sa lông có 1 chiếc divan và bàn viết.

Tắm xong, mọi người dùng cơm. Đêm tối ở đây thật yên lặng hoàn toàn. Ngoài tiếng rì rào của ngàn cây, đâu đó tiếng côn trùng rì rên ngoài nội cỏ.

oOo

Hai năm qua, từ ngày Liễu-Chi và Ngọc-Việt ước hôn với nhau trong vườn hoa của nhà nàng. Cả hai đều mơ một ngày mai xum họp. Đợi đến khi Ngọc-Việt du học trở về, và nàng hoàn toàn lành bệnh.

Chiều nay, xuân lại về. Trên vùng đồi núi hoang vu, cánh chim xanh nhắc nhở những ngày vui trở lại. Những cành non lại đâm trồi như căng đầy mạch sống trong những thân cây xanh tốt. Hoa Anh đào lại nở hồng bên bờ suối, những cây lê liễu êm đềm buông tơ trên mặt hồ. Trong vườn cũ, trên phiến đá năm xưa, Liễu-Chi đang ngồi trầm ngâm, trên tay còn chiếc điện tín màu xanh.

Ánh sáng yếu ớt của một buổi chiều vàng rớt trên mặt Liễu-Chi những tia huyền ảo. Trông nàng, ta biết nàng đang trong cơn cảm xúc mãnh liệt.

Bức điện tín mà nàng cầm trên tay, báo cho nàng biết chiều nay Khương lên thăm nàng, và ăn Tết ở đây.

Gần đây, Khương có vẻ lưu ý đến nàng đặc biệt. Nàng khỏe mạnh, nước da hồng hào, vóc người mạnh dạn. Không những Khương chú ý đến sức khỏe của nàng, mà chàng còn lưu ý đến đời sống riêng tây, đón mọi cảm giác, chờ từng nụ cười,

ánh mắt, điều đó tỏ ra Khương đã yêu nàng.

Liễu-Chi biết thế lắm. Và đó là nỗi khổ tâm của nàng. Nàng ước hôn với Ngọc-Việt, cả nhà chưa ai biết. Vì theo nàng, nàng muốn dành 1 cái vui bất ngờ cho mọi người.

Nàng không nghĩ đến mối tình của Khương. Vì từ lâu, nàng vẫn coi chàng như người anh ruột. Và lại, Khương là ân nhân của nàng, nàng còn sống đây là nhờ sự săn sóc của Khương, nhờ sự tận tâm và tài chữa bệnh của chàng. Ngọc-Việt mang lại cho nàng ái-tình, còn Khương, Khương cho nàng sự sống.

Điều băn khoăn nhất của Liễu-Chi là nàng thấy cảm tình của Khương đối với nàng càng ngày càng khăng khít. Chàng là một người thực tế, không mơ mộng hão huyền, nhưng vốn có một óc đoán và tin vào xét đoán đó, coi như đó là sự thật. Chàng không thể quan niệm rằng người ta có thể trái với chàng được. Và Liễu-Chi, từ lâu chàng có cảm giác Liễu-Chi sẽ là của chàng. Nàng không có bạn trai, nàng chưa yêu ai, đến nay, có lẽ chỉ có chàng là người trực-tiếp giao thiệp với nàng. Sự cầu hôn với nàng, dĩ-nhiên nàng sẽ bằng lòng.

Cái ơn cứu tử, chàng không cần nghĩ đến. Chỉ biết ngày nay, chàng có đủ tài để bảo đảm cho Liễu-Chi một sự sống phong phú. Xưa nay chàng vẫn có cảm giác bảo vệ nàng. Một cô gái mang tâm bệnh chỉ có nhà y-học tâm lý mới chữa bệnh được và bệnh đó không tái phát.

Chàng không ngờ Liễu-Chi lại là một người đa cảm, và coi trọng lời hứa. Nàng không thể phụ ai, mà cũng không thể dối ai.

Xe hơi vừa tới thềm, Khương cắp cặp bước xuống. Dáng điệu vui vẻ yêu đời, bản tính hồn nhiên thực-tế, chàng vẫn là người sinh-viên nội trú năm nào, nhưng nay có vẻ già dặn hơn, tin tưởng mãnh liệt hơn.

Chàng cố tạo cho mình một sự nghiệp, chẳng gì hơn là được ngày hôm nay lên báo tin thành công cho người chàng yêu. Chàng có thể chết sự nghiệp tiêu tan, nếu mối tình đầu ấy vô vọng.

Hơi thơm phảng phất của mùi hoa dạ lan hòa lẫn với hương rừng.

Như nhắc nhở, bên kia giòng suối làm tuyến khóm anh đào vẫn ngả nghiêng trước gió.

Nàng đi chơi rừng với Khương. Cặp mắt lạnh lệ thông minh nay ngơ ngác như mắt con nai rừng đang tìm một lối giải thoát.

Đi bên cạnh nàng, Khương hờ hững trong bộ đồ thể thao leo núi. Chàng vui vẻ kể chuyện Saigon cho Liễu-Chi nghe. Những công việc trong phòng thí-nghiệm, những công việc thi cử và sau cùng là mộng tương lai của chàng.

Liễu-Chi bước đều đều, cặp môi hé hé mở, lúc nào cũng như cố giữ một nụ cười tươi tắn. Nàng trầm tĩnh nghe lời Khương, thỉnh thoảng lại hỏi chàng một vài điều thường-thức.

Khương có vẻ già hơn trước. Cố ý nhìn kỹ đã thấy trên vùng trán chàng có một vài nếp nhăn. Riêng cặp mắt lúc nào cũng giữ được vẻ vô tư của một cuộc đời không suy tưởng.

Khu rừng xa nhà chừng vài trăm thước. Bấy giờ là tiết cuối đông, sang xuân, nên cây cũ chưa hết tàn vàng, mà nụ non vừa nhú, rừng phẳng lặng hoang vu.

Ngồi trên thảm cỏ xanh, cạnh Khương, Liễu-Chi thấy mình như sống lại quãng thời gian trước đây hai năm. Hồi bấy giờ nàng là một cô gái vô tư, yêu đời dù trái tim không có một vết thương.

Bỗng nhiên, Liễu-Chi quay lại, nàng bắt gặp cặp mắt Khương. Chàng nhìn nàng rồi nhẹ nhàng nói :

— Hết năm nay, Liễu-Chi vừa 22 tuổi. Liễu-Chi xem, tôi nhớ cả ngày sanh nhật của em. Sau một thời gian đau ốm, em đã trở về với bản sắc của một cô gái đầy thi. Trông em có khỏe mạnh hơn xưa nhiều.

Liễu-Chi mỉm cười :

— Việc đó đều nhờ ơn anh. Nhờ sự tận tâm của anh, em mới thấy lại ánh sáng mặt trời. Độ này anh có vẻ khỏe mạnh và bản rợn hơn trước. Anh hôm nay về đây, ở lại lâu nhé. Má em chắc mừng lắm.

— Liễu-Chi em, em là người em gái độc nhất của anh, ngoài Ngọc-Việt, vì anh không có em nào nữa, nhất là em gái. Anh ước gì được

sống luôn luôn ở bên em. Em có nhận được tin của Ngọc-Việt không?

— Nghe tin anh ấy ở Bắc-Mỹ. Xứ đó nhiều tuyết lắm. Chắc anh ấy cũng nhớ chúng ta lắm đấy.

Nàng nhắc hai tiếng chúng ta một cách vô tư. Cặp mắt Khương long lanh, trên môi nở một nụ cười :

— Thằng đó lúc nào cũng trầm-từ, bản chất nó khó hiểu. Nhưng nó rất tế nhị. Khéo hiểu lòng người. Anh sống đời tranh đấu quen rồi, nên nội tâm rất bình thản. Mà đời sống như ẩn dật của nó làm anh buồn. Nhưng nó có trí, một khi muốn là phải làm cho bằng được.

Gió lạnh, những lùm cây chuyển mình. Khương cúi đầu hơi có vẻ bối rối :

— Anh có chuyện muốn nói với em.

— Chuyện vui hay buồn hử anh ?

— Câu chuyện mà anh nói với em hôm nay là câu chuyện hệ trọng đến đời của anh...

— Anh muốn báo tin đính hôn của anh ? Anh đã yêu một cô nào, và muốn gây dựng gia đình ?

— Khương nhìn thẳng vào cặp mắt dò xét của Liễu-Chi :

— Người đó là em.

Liễu-Chi nở 1 nụ cười chua xót, nàng nhìn nét mặt Khương, như đương chờ đợi một sự gì ở nàng, rồi chậm rãi nói :

— Anh là ân nhân của em. Ở đây em xin ghi tạc. Nhờ anh mà em còn sống đây. Anh rất xứng đáng, và là người em có nhiều thiện cảm. Nhưng có một sự thực đau lòng mà em chưa nói với anh, cũng như với gia đình chúng ta, là vì em muốn dành cho mọi người một cái vui bất ngờ. Em đã ước hôn cùng Ngọc-Việt trước đây hai năm. Chúng em định làm lễ thành hôn sau ngày Ngọc-Việt về nước. Em rất có lỗi với anh là bây giờ mới cho anh biết sự thực ấy.

Thật là bất ngờ, Khương tưởng mình như trong cơn ngủ mê. Chàng choáng váng, từ bé tới giờ lần này là lần đầu chàng mới biết thế nào là thất vọng. Quen với sự thành công trên đường đời, chàng tưởng đường đời lúc nào cũng bằng phẳng như chàng tưởng, Chàng có ngờ đâu

những khúc quanh định mệnh có thể làm cho người ta trong một phút thất vọng, làm hỏng cả cuộc đời.

Tê tái, nhưng trấn tĩnh được ngay Khương nói :

— Em tàn ác quá. Cả Ngọc-Việt nữa. Sao không cho anh biết trước ? Muộn rồi.

Chàng trách một câu vô lý như thế rồi ngồi im. Liễu-Chi cũng im lặng, cả hai nghe thấy tim mình đập mạnh.

Như người mất hồn, Liễu-Chi không còn sức để an ủi chàng :

— Anh Khương. Em biết như thế là em bội bạc với anh. Nhưng là do số mệnh cả. Anh cứu em về thể chất mà Ngọc-Việt đến với em bằng tình yêu. Nhờ có tình yêu của chàng mà em sống lại một phần nào, Ngọc-Việt đến trước anh. Ngọc-Việt đến với em như một tiếng đàn mà dư âm còn lại mãi mãi. Anh tha thứ cho em là con người bội bạc nhưng em không thể làm trái với lòng mình.

Sau vài phút im lặng như để dần bớt niềm đau khổ, Khương nói tiếp :

— Em nói đúng. Ngay từ phút này, anh vĩnh biệt em, vì anh không còn can đảm nhìn em nữa. Tha lỗi cho anh, anh cũng chỉ là một người tầm thường như trăm vạn người khác. Anh không phải là thần thánh, cũng đau khổ như kẻ khác. Mà còn hơn kẻ khác là chỉ có thể chữa bệnh cho người mà không thể chữa cho mình.

Ngay từ phút này, anh không bao giờ gặp lại Liễu-Chi nữa. Em hãy quên anh đi. Và nếu có nhớ tới anh, coi như anh đã chết ở một phương trời xa lạ.

Khương loạng choạng đứng dậy, không nhìn Liễu-Chi đang úp mặt vào hai tay, như một xác chết. Chàng ngơ ngác nhìn quanh, rồi vụt như ngôi sao đổi ngôi, băng mình trong đêm tối.

Ngoài trời gió reo lạnh lạnh, tiếng côn trùng rên rỉ như khóc cái mong manh của cuộc đời.

oOo

Liễu-Chi lâm bệnh nặng đã từ ba tuần lễ nay. Bệnh cũ của nàng tái phát, mà lần này rất mau và kịch liệt.

Núi rừng Dalat âm u. Căn nhà nho nhỏ xinh xinh buồn rầu soi bóng trong ngọn lâm tuyến. Bên kia rừng núi tím, hoa anh đào năm nay ít nở, chỉ có những đóa hoa lan cánh trắng đượm màu tang tóc.

Trên không trung, cánh chim bay bạt ngàn. Những làn mây trắng in dấu vết lơ thơ trên sườn đồi thoải-thoải. Núi tím như điểm một nét chấm phá trên bức tranh thủy mặc.

Mùa xuân năm nay buồn tê tái. Chỉ còn một mình bà Dương Văn sấn sóc bên giường bệnh của con. Nàng sút trông thấy, suốt đêm mơ hoảng, lúc nào nước mắt cũng đầm đìa.

Trên bàn có trái khăn ren trắng, chùm hoa bất tử rung rinh cùng ánh đèn vàng nhạt.

Chứng bệnh nan-y của Liễu-Chi nay đã đến thời trầm trọng, nàng như chiếc lá vàng chỉ chờ một cơn gió lốc là bay về nơi vô tận...

Trong căn phòng nhỏ, trên giường bệnh, không khí nặng nề, Liễu-Chi cố chiến đấu với tử thần. Nàng không thể chết trong tuổi thanh xuân mà không hề không thương tiếc. Và chẳng, còn Ngọc-Việt, nàng không muốn chết mà không thấy chàng lần sau chót.

Từng hơi thở, ngập ngừng, đứt nổi, ngực nàng nhô lên, xẹp xuống một cách nặng nề. Trên tường, chiếc đồng hồ trầm cảm thong thả buông từng 15 phút một, như đo bước thời gian.

Khuôn mặt lo âu, đau khổ, bà Dương-Vân chốc chốc lại nhìn khuôn mặt con, bà thở dài. Tóc bà bạc trắng, trên mặt những nét răn rở rệt. Chốc chốc bà lại thở dài.

Xa xa tiếng chuông chùa ngân nga vắng vắng như báo trước một cuộc đời sắp vĩnh biệt.

Trong phòng, ánh nến mờ mờ, Liễu-Chi quẩn mình nước lên vài tiếng rồi lịm dần.

Cánh màn trắng khẽ lay động, người ta nghe tiếng bà Dương-Vân khóc thồn thức.

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT CỦA MỘT PHẬT - TỬ

• Bài của Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-CHÂU

1. MỤC ĐÍCH PHẬT-HỌC và HỌC PHẬT

PHẬT-HỌC : thông-thường gọi là học-thuyết (1) giáo-lý (2) của Phật. Nghĩa là những lời của bậc giác-ngộ (3), kết-tinh (4) thành giáo-lý, chia thành từng môn, cho người sau tu-học, giác-ngộ.

Mục-đích (5) của Phật-học là huân-tập (6) cho con người trở thành con người có nhân-cách tương-đối, đầy-đủ ba đức tính : từ-bi, trí-tuệ, dũng-mãnh. Và, tiến lên, hướng-dẫn con người hoàn-thành nhân-cách viên-mãn ; nghĩa là rèn-luyện cho con người đầy-đủ phúc-đức, trí-tuệ thành bậc giác-ngộ hoàn-toàn.

HỌC-PHẬT là nghiên-cứu, học-hỏi, tu-học Phật-pháp (giáo-pháp của Phật).

Mục-đích của sự học Phật là không cầu tư-lợi, không nghiên-cứu suông ; chỉ mong phát tri hiều biết, diệt-trừ khổ-não, đạt tới chỗ thành Phật và cứu-độ chúng-sinh.

Người Phật-tử tin-nhận học-thuyết của Phật tinh-tiến tu-học giáo-lý ấy, không nhận lầm sự vật, tiến-triển đúng đường chân-chính, phát-sinh trí-tuệ, mở lòng rộng lớn, hiện-tại thoát khổ được vui và dần dần thành bậc Đại-giác (Phật).

2. TAM-QUY

(Quy-y 3 ngôi báu)

Một người được gọi là tín-đồ Phật-giáo hay được gọi là Phật-tử, phải thụ Tam-quy trước đã.

Tam-quy tức là quy-y Tam-bảo. Nghĩa là, quay về, nương-tựa và sống theo ba ngôi báu là Phật, Pháp và Tăng.

Phật (Buddha) là đấng giác-ngộ hoàn-toàn.

Pháp (Dharma) là giáo-lý, phương-pháp diệt khổ được vui.

Tăng (Samgha) là đoàn-thể hòa-hợp, cầu đạo giác-ngộ của Phật và hành-trì (7) chính-pháp của Phật.

Người Phật-tử quy-y Tam-bảo là người tránh xa sự tà-vạy, si-mê, nguyên trợn đời quay về và sống theo Tam-bảo, quyết không tin theo đạo-giáo khác.

3. TAM-BẢO

(3 ngôi báu)

Tam-bảo là ba ngôi báu : Phật, Pháp, Tăng.

Vàng bạc, châu-báu ở đời tuy rằng quý nhưng, còn trong vòng mắt, còn, thay đổi. Đối với Phật, Pháp, Tăng hàm-tàng 10 ý-nghĩa cao quý : vững bền, không nhờ, cho vui, khó gặp, phá phiến-não, uy-đức, mãn-nguyện, trang-nghiêm, rất màu-nhiệm và không chuyển-biến... đem lại cho chúng-sinh phương-pháp thoát khổ, được vui, nên tôn xưng là « Bảo ».

Tam-bảo phân chia nhiều bậc, nhưng tóm-tắt có thể thành ba bậc như sau :

1. Đồng-thể Tam-bảo : (8) Còn gọi là Nhất-thể Tam-bảo, Đồng-tướng Tam-bảo : a) Phật bảo : Phật và chúng-sinh đồng một lý-thể giác-chiếu (bản-thể chân-lý hiều biết,

sáng-suốt hoàn-toàn). b) Pháp-bảo : Phật và chúng-sinh đồng một pháp-tính (9) viên-mãn, thường-tru và bình-đẳng. c) Tăng-bảo : Phật và chúng-sinh đồng một thể-tính (10) hòa-hợp thanh-tịnh.

2. Biệt-thể Tam-bảo : (11) Còn gọi là Chân-thực Tam-bảo (12), Xuất-thể Tam-bảo : (13) a) Phật bảo : Pháp-thân, Báo-thân, Hóa-thân (14) của Phật, chỉ vào các đấng đã giác-ngộ hoàn-toàn như đức Phật Thích-Ca Mưu-Ni.. b) Pháp-bảo : Chính-Pháp của Phật như Tam-học, Tứ-đế, Lục-độ v.v.. (15) c) Tăng-bảo : Các vị Thánh-tăng, Bồ-tát tăng..

3. Trụ-trì Tam-bảo : (16) a) Phật-bảo : Tranh, tượng Phật. b) Pháp-bảo : Kinh, Luật Luận : Tam-tạng thánh-giáo của Phật. c) Tăng-bảo : Các vị Tăng-sĩ.

Nếu ai quy-y Tam-bảo, nhận rõ ý-nghĩa Tam-bảo, như-thực tu-hành, thoát-ly khỏi các nơi khổ-não, được đạt tới cảnh-giới giải-thoát Niết-bàn (17).

4. TAM-TẠNG

(3 kho giáo-lý)

Tam-tạng : Ba kho-tàng chứa đựng giáo-lý của Phật là : Kinh, Luật và Luận :

1. **Kinh** : Tiếng Phạn (Ấn-độ) gọi là Tu-đa-la (Sutra). Tàu dịch là Kinh. Kinh gọi đủ là Khế-kinh, có nghĩa là thâu-tóm những giáo-pháp hợp-lý, hợp-cơ của Phật thành một loại, hầu hướng dẫn cho sự tu-học và đem lại lợi-ích chân-thực cho chúng-sinh. Kinh có kinh Đại-thừa và kinh Tiểu-thừa.

2. **Luật** : Tiếng Phạn gọi là Tỳ-ni (Vinaya). Tàu dịch là Luật. Là giới-luật của đức Phật chế cấm để dạy cho chúng đệ-tử ngăn-ngừa và diệt-trừ nghiệp ác, hầu tiến trên đường thiện-chính, làm cửa ngõ vào cảnh-giới Niết-bàn.

3. **Luận** : Tiếng Phạn gọi là A-tỳ-đạt-ma (Abhidharma). Tàu dịch là «đối-pháp, vô-tỷ-pnáp...» Đối-quán (18) trí-tuệ thù-thắng (19) của chân-lý là «đối-pháp». Và, trí-

(1) Học-thuyết : Lời nói đầy-đủ sự-lý trong học-thuật, có chủ-trương.

(2) Giáo-lý : Đạo-lý của Phật nói ra, để dạy răn chúng-sinh.

(3) Giác-ngộ : Hiều biết chân-lý. Bậc giác-ngộ là chỉ vào Phật.

(4) Kết-tinh : Gm góp những thứ tản-mác lại thành một thứ có khuôn-khò, hệ thống...

(5) Mục-đích : Cái chủ-đích nhằm để đạt tới.

(6) Huân-tập : Hun đúc, xông-ước, tập-nhiệm dần dần.

(7) Hành-trì : Cố gắng làm và gìn-giữ.

(8) Đồng-thể Tam-bảo : 3 ngôi báu cùng một thể-tính, cùng một tướng-trạng.

(9) Pháp-tính : Xem bài 40 ở sau.

(10) Thể-tính : Bản-chất, tính-tính sẵn có.

(11) Biệt-thể Tam bảo : 3 ngôi báu có những thể-tính riêng biệt.

(12) Chân-thực Tam-bảo : 3 ngôi báu đồng có thể-tính chân-thực.

(13) Xuất-thể Tam-bảo : 3 ngôi báu vượt ra ngoài thể-giới sinh diệt.

(14) Xem bài 45 ở sau.

(15) Xem bài 15, 25 và 27 ở sau.

(16) Trụ-trì Tam-bảo : 3 ngôi báu thường an-trụ ở đời để giữ gìn chính-pháp.

(17) Xem bài 41 ở sau..

(18) Đối-quán : Đối-chiếu và quán-quát.

(19) Thù-thắng : Trội hơn hết.

tuệ thù thắng ấy không có gì sánh kịp nên gọi là « vô-tỷ-pháp ». Theo tiếng Phạn, Luận còn có một tên riêng nữa là « Ưu-bà-đề-xá » (Upadesa), Tàu dịch là « Luận » và có nghĩa là hỏi, đáp, bàn bạc về tính tướng (1) của mọi pháp, phát sinh trí tuệ thù thắng.

Tam tạng có chỗ thêm Bát-nhã-tạng và Đà-la-ni-tạng thành Ngũ-tạng.

Người Phật-tử nhất tâm duy-tri (2) Tam-tạng làm cơ sở tu-học : Giới, Định, Tuệ, sẽ đạt tới giác-ngộ và giải-thoát.

5. NGŨ-GIỚI

(5 điều răn)

Muốn con người được xứng-đáng với ý-nghĩa con người ; muốn xã-hội trở thành một xã-hội an-vui, cần thực-hành năm điều răn :

1. **Không được sát-sinh** : Không được giết-hại các sinh-mệnh khác mà nó cũng có sự ham sống sợ chết như mình.

2. **Không được trộm cắp** : Tôn trọng của người ; vật gì không phải của mình không được lấy.

3. **Không được tà-dâm** : Không được ngoại-tình.

4. **Không được nói dối** : Không nói những lời sai sự thực, có hại.

5. **Không được uống rượu** : Không được say sưa rượu chè, có hại cho tư cách, trí-tuệ và gia-nghiệp.

Ngoài việc đối với tự thân, xã-hội hiện tại, năm điều răn còn là cửa ngõ sinh lên Nhân, Thiên và Niết-bàn.

7.— BÁT QUAN - TRAI

(8 pháp quan trai)

Nghiêm-trì giới luật và tịnh-tâm tu niệm là hai môn tu-lương tối yếu trên con đường giải-thoát của người Phật-tử.

Với lòng từ bi của Phật, người Phật-tử tại gia vì bận việc gia đình, xã-hội, không thể thoát-ly trong đời đề tu niệm. Ngài chế ra tám pháp quan-trai (3), thực-hành một ngày một đêm cũng được công-đức vô-lượng. Tám pháp ấy là :

1.— Không sát-sinh.

2.— Không trộm cắp.

3.— Không dâm-dục.

4.— Không nói dối.

5.— Không uống rượu.

6.— Không trang sức các vật quý-báu và không xoa bôi đồ thơm vào mình.

7.— Không ca múa hát xướng, không đi xem, nghe.

8.— Không nằm giường cao, rộng.

Và một trai pháp là không ăn phi thi, nghĩa là không ăn quá giờ ngộ.

Việc thụ-trì 8 pháp quan-trai này hoặc phải có giới sư truyền-thụ hay là tự mình phát-nguyện thụ-trì (4) ngay ở nhà cũng được, nhưng phải làm đúng. Làm đúng ba nghiệp (5) được thanh-tĩnh, do đó thiện-nghiệp phát-triển, gieo sâu hạt giống vô-lậu (6) giải-thoát trong tám-diền (7), khỏi sa đường ác và sẽ sinh về nơi An-lạc (8).

7.— THẬP - THIÊN

(10 nghiệp lành)

Tiến xa, rộng hơn, người Phật-tử nên thụ-trì thập-thiện.

Thập-thiện là mười nghiệp lành do nơi thân, miệng ý tạo ra :

A. — Ba nghiệp nơi thân :

1.— Không sát-sinh, hay làm việc hộ-sinh.

2.— Không trộm cắp, hay làm hạnh bố-thí.

3.— Không dâm-dục, thường giữ hạnh thanh-tĩnh.

B. — Bốn nghiệp nơi miệng :

4.— Không nói dối, nói chân-thực.

5.— Không nói thêu-dệt, nói đúng nghĩa.

6.— Không nói lưỡi đôi chiều, nói hòa-hợp.

7.— Không nói thô-ác, nói dịu-dàng.

C. — Ba nghiệp về ý :

8.— Không tham-lam, quán bất-tịnh (9), thực-hành thiền-dục (ít muốn) tri-túc (biết đủ).

9.— Không sân-hận, quán từ-bi (10), thực-hành nhân-nhục.

10.— Không tà-kiến (si-mê), quán nhân-duyên (11), phát-tri hiều biết.

Mười nghiệp lành trên đây là cả một chương-trình vĩ-dại đối với mình và người. Nếu thực-hành đúng, kết-quả cũng vĩ-dại.

Tụng kinh là đọc lên những lời Phật dạy ghi chép trong kinh-sách bằng cách chỉ-thành, suy ngẫm, và tin-tưởng.

8.— TỤNG KINH

Tụng kinh làm cho thân, miệng trong sạch, tâm-ý bình-tĩnh, phát-sinh trí-tuệ và gây nhân quả tốt. Tụng-kinh tập-trung được tư-tưởng, tạo thành một năng lực mạnh-mẽ, diệt-trừ tội lỗi nơi mình, đem lại sự trong sạch an-vui cho người trong tinh thần giao-cảm (12).

Tụng kinh là một phương-pháp hay nhất của người Phật-tử muốn tu và muốn tiến. Người Phật-tử tự coi mình có bốn phận tụng kinh hai thời : sớm tối trong ngày, hay ít ra cũng một tháng hai kỳ.

9.— NIỆM PHẬT

Người Phật-tử tin tưởng mình có Phật-tính (13) và sẽ thành Phật, nên cần niệm Phật.

Niệm Phật là nhớ nghĩ đến Phật ; nhớ nghĩ đến đức tính : từ-bi, tinh-tiến của Phật, tức là gọi lại cái tính Phật sẵn có tại nơi mình, hầu đem áp-dụng vào cuộc sống lợi ích cho mình và cho người.

Niệm Phật có ba phương-pháp :

1) **Xưng-danh niệm Phật** : Miệng niệm danh hiệu Phật.

2) **Quán-tướng niệm Phật** : Ngồi yên quán-sát, tưởng-niệm công-đức tướng-hảo của Phật.

3) **Thực-tướng niệm Phật** : Quán-tướng pháp-thân của Phật là lý thực-tướng trung đạo chẳng phải có, chẳng phải không ?

Nhưng, phương-pháp niệm danh hiệu Phật là dễ-dàng và thông-dụng nhất. Niệm Phật, dù niệm danh-
(xem tiếp trang 56)

(1) Tính-tướng : « Tính » là tự-thể, « tướng » là tướng-mạo.

(2) Duy-tri : Giữ gìn.

(3) **Quan trai** : Nghĩa là những pháp này cấm động (quan) các tội không cho phạm.

(4) **Thụ-trì** : Lĩnh-thụ và duy-trì.

(5) **3 nghiệp** : Nghiệp thân nghiệp khẩu và nghiệp ý.

(6) **Vô lậu** : Xem bài 36 ở sau.

(7) **Tám-diền** : Tâm như mảnh ruộng.

(8) **An-lạc** : Tức là nước Cực-lạc, nơi đức Phật A-Di-Đà.

(9) : Xem bài 34 ở sau.

(10,11) Xem bài 34 ở sau.

(12) **Giao-cảm** : Cảm ứng lẫn nhau.

(13) **Phật-tính** : Cái tính giác ngộ sẵn có, không thay đổi.

XUÀ có một đoàn người hẹn cùng gặp nhau ở miền biên giới nọ. Họ gồm chừng ba mươi tráng sĩ, thân nhau như anh em, đều là những tay phiêu lưu cự phách; chuyến này họ trù tính đi lâu để thăm nhiều miền xa lạ.

Sau mấy tháng vượt đèo cao, rừng rậm, đoàn tráng sĩ tới một miền duyên hải vô cùng hoang vắng, dân cư không thấy bóng một ai, mặc dầu hai bên đường có vô số nhà cửa bỏ không.

Ở đây vừa có bệnh dịch tàn sát dân vùng chăng? Những người sống sót phải tản cư đi các miền xa lánh nạn chẳng?

Thật ra thì dân chúng tản đi vì họ cho rằng trời đã bỏ quên không nhìn nhận miền này, để mặc cho yêu khí xuất hiện. Yêu khí xuất hiện thành một hòn đảo, đứng trên bãi cát thì nhìn thấy rõ, nhưng hễ bước xuống thuyền định chèo tới đảo thì lại không thấy gì cả.

Khi đó các tráng sĩ cho ngựa leo lên một khoảng cao rộng để phóng tầm mắt nhìn ra xa. Lúc đó mặt trời vừa lặn.

Không khí đượm vẻ ma quái hoang vu. Ánh hoàng hôn trước khi tắt chợt bùng lên muôn phần huy hoàng. Đoàn người cùng reo vui, vì họ vừa chợt nhận thấy một hòn đảo xuất hiện nơi xa.

Hòn đảo xuất hiện với một khoảng lớn màu vàng đậm. Chính giữa có một vệt sáng lấp lánh. Xung quanh vệt sáng là đường viền xanh thẫm với những điểm trắng nhỏ lay động luôn luôn.

Một tráng sĩ, có biệt tài nhìn xa, bèn dùng nhãn lực để quan sát. Lát sau tráng sĩ đó nói:

- Màu vàng trên đảo là màu lúa chín. Điểm sáng lấp lánh là hồ nước ngọt, xung quanh là cây xanh. Bên bờ hồ có một bầy tiên nữ đang nhảy múa. Những điểm trắng lay động lúc tung lên cao làm vòm cây xanh lốm đốm trắng, lúc lại tả rúng xuống như hoa mai gặp gió, đó là những con hạc cứ mỗi dịp khúc lại sa xuống múa cùng bầy tiên nữ.

Ánh hoàng hôn vừa tắt, đảo xa mờ đi như một ảo ảnh sau làn khói lam dâng lên tự mặt biển.

Trời tối hẳn, phía trước có ánh sáng. Ánh sáng reo vui. Ánh sáng chào đón.

Rồi với vùng ánh sáng do chính con thuyền tỏa ra, viên thuyền trưởng nói là sẽ đưa mọi người đến đảo Cực-Lạc.

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền đi chuyền đều do sức chèo của đoàn người ưa phiêu lưu.

Cứ như thế lâu lắm.

oOo

Chợt một người trong bọn hỏi viên thuyền trưởng: Tại sao trên trời không có lấy một vì sao?

Viên thuyền-trưởng đáp: Đường đi tới đảo Cực-Lạc không có sao.

Sự thực đêm hôm đó sao đẹp lắm. Giải Ngân-Hà vắt ngang trời rộng và hiền như tình mẹ. Muôn vạn vì sao nhỏ như những mảnh lân tinh vụn chìm dưới đáy hồ trong vắt. Đây đó một vài ngôi cực sáng như quy tụ cả niềm hoan lạc của khoảng trời. Phương tây, ngôi sao hôm lấp lánh một niềm tin bất diệt. Phương Bắc chuỗi sao Tinh Đẩu hướng chếch lên như chiếc xe chở các thiên thần đương lên một cái dốc thoải thoải.

oOo

Tiểu thay đoàn người phiêu lưu ngồi trên con thuyền ma, bị yêu khí che lấp, nên không ai nhìn thấy gì.

oOo

Mọi người lặng lẽ chèo...

Tiếng chèo khua nước vang ra một khoảng rộng trên mặt biển.

Cứ như vậy khá lâu.

oOo

Một lúc sau, chợt trong bọn lại có người khác lên tiếng hỏi: Trên trời không có sao thì làm thế nào nhận được phương hướng?

Viên Thuyền-Trưởng đáp: Chính hẳn là phương hướng rồi, đừng ai nghi ngại gì cả.

oOo

Mọi người lại lặng lẽ chèo...

Những đợt sóng liên tiếp từ xa ủa tới vỗ vào mạn thuyền như muốn gửi lên khoang thuyền một phần bí mật rộng lớn của biển cả.

Chợt một người khác nữa trong bọn hỏi: Trời không có trăng sao soi sáng thuyền đâm vào núi đá thì sao?

Viên Thuyền-Trưởng đáp: Với vùng ánh sáng do chính thuyền tỏa ra đủ để soi sáng cho thuyền khỏi đâm vào núi đá.

Sự thực khi đó trăng hạ tuần lên cao đã từ lâu. Ánh trăng hiền dịu tỏa nhớ nhung, thơ mộng lên khắp mặt biển mênh mông. Trăng nước u hoài như diu nhau đi vào vô tận.

Tiểu thay đoàn người phiêu lưu ngồi trên con thuyền ma, bị yêu khí che lấp, nên chẳng ai nhìn thấy gì.

oOo

Mọi người lặng lẽ chèo...

Tiếng mái chèo khua sóng nghe sao hoang mang. Đôi khi như ngẹn ngào. Đôi khi như thồn thức.

Cứ như vậy lâu lắm... lâu lắm...

oOo

CON THUYỀN MA

• của DOÃN-QUỐC-SỸ

Hoàng hôn.

Trong ánh vàng buâng khuâng của buổi chiều tà, đoàn người phiêu lưu bỗng cảm thấy một niềm hoang loạn nung chảy trong không khí. Cả vũ trụ cơ hồ sắp vĩnh viễn tàn theo buổi chiều. Có điều phải công nhận: ánh hoàng hôn hôm đó tuyệt đẹp. Rừng, núi, biển như cao rộng thêm. Cả đoàn tráng sĩ có cảm tưởng kỳ dị như đương cưỡi ngựa đi giữa thình không.

Gió ngoài khơi thổi táp vào núi, không ra nhẹ, không ra mạnh.

Thăm thẳm dưới chân họ là một vùng biển bao la.

Mặc dầu họ là những tay phiêu lưu kỳ cựu, mặc dầu họ đã làm quen với biết bao gian nguy, mà sao họ đều thấy rờn rợn, và làn gió như thổi vào hồn họ những xao xuyến, những kinh hoàng. Họ đắm đuối nhìn cả miền duyên hải với núi non lờm chờm, với những thành đá cao vời vợi đứng dựng thành một bức tường vô tận chạy thẳng tắp tới chân trời. Tiếng sóng rầm rộ xô vào chân núi và tiếng một loài chim lạ vang lên rõ rệt.

Đoàn tráng sĩ cho rằng nơi đó có người ở, bèn lần theo con đường dốc thoải xuống bờ biển, tiến lại gần. Thì ra đây là một chiếc thuyền khá lớn, đủ chứa cả bọn. Thấy trên thuyền thấp thoáng có bóng người, họ bèn leo lên. Đó là viên thuyền trưởng, giáng người vạm vỡ, vẻ mặt lầm lì, rõ ra là một đại du khách đã dạn dày với sương gió.

Viên thuyền trưởng nói có thể chở mọi người đi xem đảo Cực Lạc gần đó.

Cả bọn hỏi: Đảo Cực Lạc như thế nào?

Viên thuyền đáp: Đảo này bốn mùa hoa cỏ tốt tươi, cây cối sầm uất, có đủ các thứ lúa đã chín vàng, gặt đi rồi tự nó lại mọc.

Ái nấy vui vẻ buộc ngựa lại trên bờ, bèn một hồi hồ núi, rồi lên thuyền.

Họ định đến thăm đảo rồi sẽ quay về xứ sở đón những người thân cùng đến hưởng hoa thơm quả lạ và gặt lúa vàng ở đây.

Viên thuyền trưởng tức khắc đẩy thuyền ra khỏi bờ. Vì trên thuyền không có thủy thủ, nên viên thuyền trưởng nhờ mọi người cùng chèo giúp. Ái nấy vui vẻ vào việc mà không biết đã lên nhằm một con thuyền ma.

oOo

Chợt một người khách hỏi : Quái, đáng lẽ phải qua đêm rồi mới phải, sao trời vẫn tối mờ thế này ?

Viên Thuyền-Trưởng đáp : Trước khi tới Đảo Cực-Lạc không ai thấy mặt trời. Đường đi như vậy.

Sự thực lúc ấy mặt trời đã ló ở rãy núi xa xa, mặt biển mênh mông phản chiếu màu hồng rực. Chỉ một loáng sau, mặt trời lên cao, vũ trụ chan hòa nắng vàng, sóng nước thuyền từ màu xanh thẫm sang màu cảm thạch tuyệt đẹp.

Tiểu thay đoàn người phiêu lưu ngồi trên con thuyền ma, bị yêu khí che lấp, nên không ai nhìn thấy gì.

oOo

Mọi người lặng lẽ chờ. Họ là những người ưa phiêu lưu. Kiên nhẫn là đức tính cố hữu của họ. Bóng đêm mênh mông chụp lấy họ càng như khuyến khích thái độ lặng lẽ và chỉ kiên nhẫn đó. Có lẽ họ đã chờ như vậy trong nhiều ngày qua rồi. Đôi khi cũng có người cất tiếng hỏi xem đã sắp tới đảo Cực-Lạc chưa, thì viên Thuyền-Trưởng thường vì mải lái thuyền mà không đáp. Thành thử câu hỏi đó vang lên như một câu tự hỏi trong đáy linh hồn của từng người một. Về sau họ đều ngẫm cảm thấy rằng thái độ khôn ngoan hơn cả để bảo tồn sinh mạng là không nên hỏi gì nữa. Viên Thuyền-Trưởng càng trở nên lẫm lì, như đương dùng hết sức mạnh, sức mạnh của suy tưởng để sai khiến đoàn người suy tưởng theo một hướng mà hẳn quyết định.

Chợt thuyền trông tránh.

Cả khối đen xung quanh chuyển động dữ dội.

Bão biển !

Thuyền xô lên cao, nhào xuống thấp, ngã nghiêng kinh hồn. Rồi biển sủi lên sùng sục như một lớp dầu sôi. Tiếng gầm thét trở nên dữ dội như muốn xé màng tai. Mọi người mở to mắt khủng khiếp.

Thuyền nhào lộn giữa cơn thịnh nộ của biển cả, vấp phải những tảng đá ngầm; nhiều chỗ rạp nát. Trong khi chống đỡ với cuồng phong đã có mấy người tử nạn. Viên Thuyền-Trưởng bảo mọi người khiêng những xác đó đặt vào những chỗ thủng. Hẳn niệm chú. Tự nhiên xác chết rữa ra thành một thứ keo dính vào thuyền và lấp kín những chỗ hư đó.

Phong ba dịu dần rồi hết.

oOo

Dưới vầng ánh sáng do chính con thuyền tỏa ra, viên Thuyền-Trưởng nói : « Nhất định thuyền sẽ tới đảo Cực-Lạc ! »

Mọi người lặng lẽ chờ...

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của đoàn người ưa phiêu lưu khi đó đã vắng mất vài bóng người. Họ vừa chèo vừa đưa mắt nhìn về phía thuyền hư, nơi có xác bạn họ rữa ra để hàn thuyền.

oOo

Chợt sóng gió lại nổi. Mặt biển như phân chia ra thành muôn ngàn luồng nước mãnh liệt, đổ rồn về phía thuyền, biến chỗ đó thành vực thẳm hợp với vòm trời thành một khối tròn rùng rợn.

Tiếng biển réo lên như muôn vạn thác

đổ. Sóng biển còn lên. Lắm khi thuyền như nhào lộn giữa một hầm dài bằng sóng. Lắm khi thuyền vút nhô lên chênh vênh trên đỉnh một ngọn sóng. Lúc đó mọi người cùng thấy biển ngầu bọt. Mau bọt thấp thoáng trắng giữa những khoảng đen lớn bóng loáng như búi mồi. Có lúc biển đứng đứng trên đầu như một bức thành vạn cổ.

Sự quái đản cùng cực đó đã khiến đoàn người cùng trở thành vô cùng bình tĩnh.

Thuyền tránh sao khỏi đá ngầm. Thêm mấy người tử nạn.

Xác nạn nhân lại được khiêng đắp vào chỗ thủng mới để viên Thuyền-Trưởng niệm chú cho tan rữa ra và gắn vào thuyền.

Sóng gió ngớt dần...

oOo

Dưới vầng ánh sáng do chính con thuyền tỏa ra, viên thuyền trưởng nói mấy lời khích lệ : Thuyền nhất định sẽ đến đảo Cực-Lạc !

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của đoàn người phiêu lưu còn lại.

oOo

Chợt khối đen mênh mông lại chuyển động. Trời ơi, họ không ngờ cuộc phiêu lưu này gặp nhiều gian lao đến thế. Cả đoàn người hãi hùng. Trong bóng tối mênh mông, đại dương như biến thành một con quái vật có đời sống thực sự. Và là một con quái vật luôn luôn giận dữ !

Trong khi chống giữ với trận cuồng phong mới, đoàn người phiêu lưu có nghĩ đến những cơn ngứa mà toàn thể bọn họ buộc trên bờ, bên hốc núi. Có lẽ những cơn ngứa đó đã dứt được giây cương mà quên lối trở về quê hương rồi chăng ? Họ mong như thế lắm, họ mong cho đoàn người với linh tính phú bẩm sẽ tìm được lối về quê cũ.

Trước đây họ ngờ có thể đến đảo Cực-Lạc ngay để rồi còn quay trở về đón những người thân đến sau. Giờ đây, họ chỉ dám mong chính họ thoát mọi hiểm nghèo mà tới được đảo.

Thuyền tung lên... Rồi nhào xuống... Rồi những lỗ thủng... Rồi những người tử nạn... Rồi viên Thuyền-Trưởng niệm chú... Con bão biển này vừa qua, cơn khác vội tới. Chính lúc bão ngớt lại là lúc họ có thì giờ để ôn hết mọi hãi hùng. Nghe lớp sóng mơn trớn mạn thuyền họ cảm như đây là sự tuần hoàn, sự hô hấp của con quái vật. Sau mỗi cơn điên con quái vật lại nằm thở lấy sức để sửa soạn một cơn khác kinh hoàng hơn.

Mà quả vậy, càng những cơn phong ba về sau, sóng gió càng dữ dội. Có lần ngọn gió cuồng loạn như muốn thổi tung mọi người lên cao. Nhưng, con thuyền như có một sức hút kỳ diệu, mọi người chỉ bám vào mạn thuyền mà không ai bị hất ra ngoài bao giờ. Ngay cả những kẻ vừa tử tử nạn, chân tay buông rời khỏi mọi bấu víu mà cũng vẫn còn lại trong thuyền để dùng vào việc gắn những chỗ rạp nát sau này !

Thuyền đã thủng khắp nơi và có nghĩa là khắp nơi đều có gấu xác người.

Tuy phải luôn luôn chống lại với phong ba, trí nhớ đoàn người phiêu lưu vẫn rất sáng suốt. Họ nhớ chỗ nào đã gắn xác bạn nào. Có thể nói con thuyền giờ đây họ chèo là con thuyền làm bằng những xác bạn đồng hành xấu số của họ. Đã có

người trong bọn họ tự đặt thềm một nghi-vấn : Hay chính con thuyền đó đã làm bằng xác biết bao nhiêu người xấu số trước họ ?

Điều đó càng khiến họ cảm thấy một mối tình xót xa đối với chính con thuyền đã đưa họ vào bước phiêu-lưu gian khổ này.

Họ không còn mong chóng tới đảo Cực-Lạc nữa. Họ chỉ mong con thuyền đi ngang qua bất cứ hòn đảo nào. Khi đó chắc chắn họ sẽ trút cả nỗi căm hờn căm lạng bấy lâu xuống hai bàn tay sắt rồi xông lại bóp nghẹt cổ tên Thuyền-Trưởng xé xác nó thành từng mảnh, trước khi cùng nhảy xuống biển bơi vào.

Ngày đó có tới chăng ?

Họ tin rằng sẽ có !

Họ muốn rằng phải có !

Nhưng trong khi chờ đợi, sóng gió hầu như trở thành liên miên. Thuyền vẫn va vào đá ngầm mà không đắm, bởi mỗi khi thuyền rạp nát, trên thuyền đã có người tử nạn để vá vào chỗ thủng đó.

Tiếng gió gầm như u uất. Khí âm, khí dương cách biệt nghẹn ngào. Trong không trung, quỷ thần như căm hờn oán trách. Trời biển ngạt thở hơi độc.

Tới một ngày kia trên thuyền chỉ còn lại mấy người sống sót.

Số người càng ít, mối hận thù càng lớn càng nặng. Họ mệt mỏi lắm rồi. Họ muốn quãng mái chèo, xông tới quyết sống mái với tên Thuyền-Trưởng rồi có bỏ xác lại cũng cam. Nhưng chính những người ưa phiêu lưu đó lại sợ xác mình phiêu lưu trên biển. Bởi vậy họ bảo nhau cố chèo riết. Họ bảo nhau triu mến lấy con thuyền, phương tiện độc nhất có thể đưa họ ngang qua bất cứ hòn đảo nào. Họ chỉ từng chỗ thuyền thủng và nhắc rành rọt từng tên người bạn xấu số. Nhắc như vậy họ thấy lòng nhẹ nhõm, bởi mỗi người trong họ đều nghĩ :

— « Mai đây không may đến lượt ta, chắc các bè bạn còn lại cũng sẽ nhắc luôn đến ta ».

Họ đưa mắt nhìn ra bốn phía, soi mói tỉn, hy-vọng họa thấy một hình nổi mờ nhạt trong khoảng mênh-mông, báo hiệu sự hiện-hữu của hòn đảo ngang qua. Rồi họ đưa mắt nhìn nhau để thăm trao ý-nghĩ : phút hạnh ngộ đó mà tới thì dù trên thuyền chỉ còn một người — một người mang nặng oan-cừu cho cả đoàn người — người đó hãy trút cả khối nặng oan-cừu xuống đôi bắp tay thép mà vùng đôi mai chèo lên phang nát mặt hình hai tên thuyền trưởng điêu-nghoa trước khi nhảy xuống biển bơi vào hòn đảo cứu-tinh. Còn linh-hồn nó, trốn thoát sao khỏi oan-hồn bao người tử nạn ! Oan-cừu phải gặp oan-cừu mà tiêu-tan để giải tỏa cho đại-dương được nhìn thấy vòm trời

oOo

Nhưng...

Trong khi chờ đợi. Trời vẫn không một vì sao. Biển càng mênh-mông, ánh nước càng đen ngòm sau mỗi cơn bão. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của một số nhỏ những người ưa phiêu-lưu còn sống sót.

● DOÃN-QUỐC-SỸ

Những điều cần biết của...

(tiếp theo trang 53)

hiệu đức Phật nào theo bản nguyện của mình đều được, nhưng điều quan trọng hơn hết là phải nhất-niệm. Nghĩa là chỉ nhớ nghĩ tới Phật, đức-tính Phật, không một vọng-niệm (nhớ nghĩ xằng) nào xen vào.

Người nhất-tâm niệm Phật, huân-tập đức tính Phật, không tưởng niệm mong lung, sẽ tạo cho mình có đức-tính như Phật, cải tạo thể giới vẩn đục, độc-ác, thành thể giới trong sạch, yên vui.

Người Phật-tử cần tinh-tiến niệm Phật.

10.— LẦN TRÀNG (chuối)

Lần tràng (chuối) là một hình-thức trợ-duyên cho chính-niệm (nhớ nghĩ chân chính) khỏi bị tạp-niệm (nhớ nghĩ phức-tạp) xen vào ; là tiêu-chuẩn (1) cho ý-định niệm Phật của người niệm và là biểu-tượng (2) đối-trị (3) của chính niệm diệt-trừ phiền não.

Lần tràng gắn liền với niệm Phật. Khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, tràng mang theo mình và chí-tâm niệm Phật, không phân-tán ý niệm, được công đức vô lượng.

Tràng có nhiều thứ : 1.080 hạt, 108 hạt, 54 hạt, 42 hạt, 27 hạt, 21 hạt và 14 hạt. Số mục của tràng hoặc lớn hoặc nhỏ đều có biểu-thị (4) cho các tôn-vị (5), các quả-vị (6) để đối-trị phiền-não.

Vật-liệu làm tràng, hoặc bằng vàng, bạc, châu-báu hay các thứ hạt, các thứ gỗ nhưng, nhiều phức-báo hơn phải kể là tràng bằng hạt bồ-đề (7), hạt sen, kim cương...

Phép lần tràng tay phải sạch-sẽ, tay hữu cầm tràng đề vừa trước ngực ngang trái tim ; chuối tràng đề trên ngón tay giữa, đầu ngón tay cái và đầu ngón tay chỏ cầm vào hạt tràng, mỗi niệm lần một hạt. Lần từ hạt giáp hạt giữa, lần vòng đến khi lại giáp hạt giữa, lần quay trở lại không được lần qua hạt giữa.

Lần tràng có nhiều ý-nghĩa như trên, người Phật-tử nên cố-gắng thực-hành.

11. ĂN CHAY

Ăn chay là ăn các thứ rau, trái.

Loài vật cũng là một động-vật như người, cũng biết ham sống, sợ chết, cũng biết thương-xót trước cảnh biệt-ly và đau-đơn trong khi xúc-phạm tới thân-thể, vì thế người có lòng từ bi không nỡ giết và ăn thịt nó.

Thịt sinh-vật có nhiều chất kích-thích làm cho người ăn nó sinh ra tình-tính hung-bạo, nhiều dục-vọng, nhiều bệnh-tật và kém phần trí-tuệ, nên nhiều nhà y-học khuyên ta không nên ăn thịt hay là nên ăn ít.

Vì hai lẽ trên, người Phật-tử giữ-giới, ăn chay trường được càng quý hoặc ăn chay từng kỳ như sau :

- Mỗi năm ăn chay 3 tháng : tháng giêng, tháng năm và tháng chín.
- Mỗi tháng ăn chay 10 ngày : 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 (tháng thiếu tính từ ngày 27)
- Mỗi tháng ăn chay 6 ngày : mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30.
- Mỗi tháng ăn chay 4 ngày : mồng 1, 14, 15, 30.
- Mỗi tháng ăn chay 2 ngày : mồng 1 và 15.

12. SÁM-HỐI

Là con người, trong sự hoạt-động thường ngày chưa chắc đã tránh khỏi lỗi-lầm. Có lỗi lầm, biết ăn-năn sửa-đổi, tu-tiến là một cử-chỉ đáng khen và nên theo. Đó là sám-hối, theo danh-từ Phật-học.

« Sám-hối » là hai chữ ghép chung tiếng Phạn (Ấn-độ) và tiếng Hán mà thành. Tiếng Phạn gọi là Sám-ma (Ksamayati) Tàu dịch là « hối-quá », gọi chập lại là « Sám-hối » và có nghĩa là tự mình bày tỏ những lỗi mình làm trước, ăn-năn từ nay xin sửa đổi, không dám phạm nữa.

Sám-hối có ba pháp :

1. **Tác-pháp-sám** : Y-pháp, hương Phật-tiền sám-hối (hoặc lễ danh-hiệu Phật).
2. **Thủ-tướng-sám** : Định-tâm vận-tướng sám-hối, thấy Phật xoa đầu hoặc thấy hào-quang.
3. **Vô-sinh-sám** : Chính-tâm, quán-lý vô-sinh (không sinh diệt).

Nơi con người từ vô-thỉ tới nay do thân, miệng, ý tạo ra biết bao nhiêu tội-lỗi. Lỗi-lầm càng che dấu, tội báo càng tăng thêm, càng vòng quanh trong sinh-tử mãi mãi, thế nên cần phải sám-hối. Ngay như trong phẩm Phổ-Hiền kinh Hoa-Nghiêm cũng nói lên rằng : « Ngã tích sở tạo chư ác-nghiệp, giai do vô-thỉ tham, sân, si. Tông thân, ngữ, ý chi sở sinh, nhất-thiết ngã kim giai sám-hối ». (Xưa tôi tạo nên các nghiệp ác, đều do tâm tham, sân, si của tôi từ đời vô-thỉ và, từ nơi thân, miệng (lời nói) ý của tôi mà sinh ra. Vậy, hết thảy tội-lỗi ấy, nay tôi đều sám-hối).

Người Phật-tử cho sám-hối là phương-thức tốt đẹp nhất trong đường tu-hành của mình. Sám-hối viên-dung (dung-hợp đầy-đủ) cả sự, lý sẽ được như kinh Nghiệp-báo sai-biệt nói : « Người gây tội nặng, thâm-tâm tự-trách, sám-hối không làm nữa sẽ nhỏ hết được những tội căn-bản ».

13. PHÁT-NGUYỆN

Việc làm của con người muốn đạt tới mục-đích không thể không có một đề-án, một chương-trình, một sự cam-kết hay một sự hứa hẹn. Người Phật-tử bước chân vào đạo cũng phải có sự hứa hẹn ấy, nhưng theo danh-từ Phật-học gọi là « Phát-nguyện. »

Phát-nguyện có nghĩa là tự đáy lòng chân. thành của mình phát-khởi ra lời thề-nguyện (lời hứa-hẹn) tự-lợi, lợi-tha rộng lớn, làm tiêu-chuẩn cho mình tu-tiến, khả-dĩ xứng đáng là Phật-tử, là vị Phật tương-lai.

Lời phát-nguyện tùy theo tâm-niệm, hoàn-cảnh có nhiều, nhưng đại-đề chư Phật, Bồ-Tát, Thánh-tăng hay chúng ta noi theo, có thể tóm-tắt trong bốn điều chính-yếu này : « Chúng-sinh vô-biên thệ-nguyện độ. Phiền-não vô tận thệ-nguyện đoạn. Pháp-môn (8) vô lượng thệ-nguyện học. Phật-đạo vô-thượng thệ-nguyện thành ». (Chúng-sinh rất nhiều, thề-nguyện xin độ hết. Phiền-não rất nhiều, thề-nguyện xin bỏ hẳn. Pháp-môn rất nhiều, thề-nguyện xin học hết. Đạo Phật cao siêu, thề-nguyện quyết đạt thành).

Phát-nguyện là một việc làm quan-trọng. Nó ghi sẵn bước đường cần đi của người Phật-tử. Nó đánh giá cả một tâm niệm, một việc làm lùi hay tiến của người Phật-tử.

• THÍCH-TÂM-CHÂU

- (1) **Tiêu-chuẩn** : Cái nêu và cái thước để làm chừng mực.
- (2) **Biểu-tượng** : Hình bóng lộ ra bề ngoài.
- (3) **Đối-trị** : Đối-đãi và điều-trị.
- (4) **Biểu-thị** : Tiêu-Điêu, tỏ bày.
- (5) **Tôn-vị** : Ngồi của Các vị đáng tôn-kính.
- (6) **Quả-vị** : Ngồi thứ trong sự chứng-ngộ.
- (7) **Bồ-đề** : (Bodhi) có nghĩa là « giác ».
- (8) **Pháp-môn** : Các pháp của Phật nói ra làm pháp-tắc cho thế gian, pháp-tắc ấy là cửa ngõ của các bậc Thánh đi thông vào giác-đạo. Pháp-môn là giáo-pháp của Phật.

CHIẾC DƯƠNG - CÀM

• Truyện ngắn của Tịnh-Không

Thanh,

Ba vừa đem đốt chiếc dương-cầm của chúng mình; hôm nay, điều đau đớn nhất cho chị là chính chị cũng có dự vào công cuộc ấy, mắt chị đã đỏ lên vì khói thì ít, mà buồn thì nhiều..

Thanh còn nhớ gì về chiếc dương-cầm cũ-kỹ ấy không ? Ngày xưa, em hay ngồi bệt xuống đất dựa lưng vào hông nó mà nghe chị đàn. Có hôm chị đàn chưa dứt bản, em đã nằm xuống đất thiêu-thiu ngủ, chị phải dịu tay nhấn thật khẽ... thật khẽ để không làm thức em. Chị muốn bế em vào phòng, nhưng làm gì bế nổi em, và chị của em có lớn hơn em là mấy ! Những hôm như thế, chị hay đem sách ra ngồi kế bên em vừa đọc, vừa thỉnh-thoảng nhìn em cười trong giấc ngủ.

Thanh nhớ không ? Mấy hôm đàn hư chúng mình lui-cui cạy khung đàn ra sửa. Gì chứ nghề chữa đàn thì chúng mình thạo nhất, vì chúng mình đã may-mắn có chiếc dương-cầm « khổ hạnh ba mươi đời ! » Khung cây đã cũ làm miếng mồi ngon cho bọn mối, nhưng nào mình có biết mà đề ý đến những lần mối ăn ngang dọc ấy. Chữa thế nào cho tiếng đàn trong là được rồi.

Thanh biết không, hôm qua mấy chú mối bắt đầu leo qua tủ sách của ba. Ba tìm mãi chẳng biết mối ở đâu đến. Nhà mình thì chỗ nào cũng sạch sẽ nhẵn-nhụi cả. Đến chừng khám phá ra rằng ở mối phát xuất từ cây đàn, ba buồn lắm. Ba ngại là trong vài tháng nếu không thanh-toán cái ở mối kia thì nhà cửa sẽ bị một xâm-chiếm mất. Chiếc dương-cầm đã cũ, đốt đi là phải nhưng lại sợ chị buồn. Thanh, có những hôm chị bắt gặp ba ngồi lắng nghe chị say sưa rung từng phím nhạc, mà mỗi lần như thế, ba có vẻ ưu-tư-lạ. Mẹ bảo rằng ba muốn mua cho chị cây đàn mới, nhưng... chị cũng biết sau khi hồi cư về, ba chỉ còn sức nuôi chín anh chị em mình học-hành đến nơi đến chốn thôi. Không thể phí một số tiền to-tát như vậy được. Một chiếc dương cầm khiêm-nhường nhất cũng phải đến bốn mươi ngàn đồng. Chính vì thế nên chị đã đề nghị với mọi người là nên đốt cây đàn đi, và sáng hôm nay chị đã mạnh-bạo khơi ngọn lửa đầu tiên. Mắt chị đã đỏ lên chẳng biết vì khói cay hay vì gì nữa.

Thanh ơi, thôi vĩnh-biệt chiếc dương-cầm...

Mấy hôm nay gió nhiều, Đà-Lat chắc là buồn lắm phải không ? Chị không còn ở chỗ cũ nữa. Từ hôm về trọ ở chỗ này, sao chị thấy buồn quá. Thanh biết không, tại vì nhà ai gần đây cứ đàn hoài bản « Tuyet Vong » — (Espoir perdu), bản nhạc diên-dại nhất mà chị đánh liên-tiếp nhiều lần trước khi cây đàn bị đốt. Tiếng đàn hắt qua khung cửa gác trọ đêm, nửa như chế giễu chị, nửa như muốn thì thầm van-lơn chị.

Thanh, chị phải có một cây đàn. Chị phải thi đỗ, chị phải chọn nghề nào mau kiếm tiền nhất. Chị sẽ không mua kim-cương nhiều như chị Ba, chị không lái xe đẹp như chị Tám. Chị sẽ mua một cây đàn thật đẹp.

Thanh,

Có nghe tiếng ngân của chiếc « piano à queue » lần nào chưa ? Rung tận tâm-hồn em ă ! Thật là không quá đắt với giá một trăm ngàn đồng bạc.

Bốn năm rồi, ước vọng mua đàn vẫn không bị lay-chuyển. Em thấy không, đã một năm vào đại-học, chị vẫn thế. Có lần em đã viết cho chị « em chỉ ngại rằng lòng người chóng phai và biết đâu khi vào đại-học hay bước vào cảnh đời mới, chị sẽ

thích lái xe đẹp hơn là đánh dương-cầm mà phải đi xe đạp.

Không đâu Thanh, chị của em tuy sống chung với bao nhiêu người bạn nhưng sẽ không dễ bị nhiễm tánh họ đâu.

Có nhiều người suốt đời chắc là chẳng biết gì khác hơn là đi học như cái máy, ngoài ra chẳng cần biết gì, chẳng cần có lý-tưởng gì nữa.

Có những người lại thích ngắm-nghía mãi bộ đồ mình mặc, không biết chiếc áo này, kiểu tóc này có hợp thời-trang không ?

Cũng có người khác hơn, thường nói với chị sẽ lập viện mồ côi, sẽ xây dựng những cơ-sở giúp đỡ đám dân nghèo. Đủ tất cả.

Lúc ban đầu, chị cũng tán phục họ, nhưng dần dần chị mới hiểu ra đó chỉ là những danh từ suông, trống rỗng như những cái trống rỗng giữa đô-thành,

Có những người khác siêng năng cần-mẫn hơn, họ tham-dự vào các công-việc giúp sinh-viên. Có thể bảo rằng họ là những người tốt, nhưng chẳng hiểu sao chị có linh-tính là sau những hành-động ấy còn có một cái gì... không yên-đn lắm.

Thanh, chị bỗng nhớ ngôi nhà chúng mình ở Trúc-Giang có nắng đẹp và có tiếng dương-cầm hiu-hắt mỗi trưa. Chị nhớ khung-cảnh Ba ngồi đọc sách, chị em mình ngồi đánh đàn, mẹ ngồi may.

Có những hôm chiều gió lộng, em thích bảo chị đàn bản nào diên-dại nhất. Ngược lại có những đêm nhiều sao sáng, em đi tắt tắt cả đèn và bảo chị đàn cho em nghe những bản nhạc thật êm-đềm.

Thanh, sang năm chị sẽ xin đi làm việc tại trường và vài năm sau chúng mình sẽ có một cây đàn mới.

Thanh,

Chị có mấy người bạn mới dễ thương lắm, nhưng... lạ là làm sao. Cứ mỗi lần tiếp xúc với họ là suốt ngày hôm ấy, chị không thể nào nghĩ gì hơn là nghĩ tới họ.

Thanh biết không, họ sống thật nhũn-nhặn âm-thầm. Năm người bạn, một giáo-sư, một thợ dệt, một dược-sĩ, một y-tá và một sinh viên ở chung trong một nhà cây xóm lao động nghèo nhất Sài-thành. Với những chức-nhiệm như vậy trong xã-hội thì họ sống hơi thiếu tiện-nghi đấy, nhưng sánh với những kẻ nghèo quanh họ thì tương-đối họ đầy đủ hơn. Họ vừa ăn no, áo vừa đủ mặc, họ không xài phí vô-ích để có đủ tiền giúp ít người khổ đau quanh họ.

Họ tự nguyện sống độc thân để có đủ phương-tiện giúp cơm áo cho người nghèo, giúp phương pháp yêu thương cho những người hay thù hận, phương-pháp sống cho những người bị quan. Họ phụng-sự những người chung quanh về mọi mặt nhưng theo chị hiểu, mục-đích của họ là chữa lành tâm bệnh và nâng cao đời sống tinh thần của người dân trong xóm.

Những người chung quanh đây bảo rằng : « Họ hiền lắm ! không bao giờ thấy họ giận ai, dù cho đã có nhiều người đến sinh-sự vô-cơ với họ. »

Người ta còn kể rằng họ đã thức suốt đêm, canh chừng đỡ thuốc cho một bà lão ốm trong xóm mà chẳng có con ; họ phụ tằm rửa những em bé các gia đình đông con mà cha mẹ phải đi làm thuê suốt ngày. Họ đi chích không công, họ may giúp chiếc áo bà ba cho mấy chị đi bán gạo. Người ta còn kể rất nhiều về họ.

Thanh, họ là những người trong đoàn cận-sự] Phật-giáo. Chẳng biết Đức Phật là người như thế nào mà lại có những người con hiền lành đáng quý như thế kia? Đức Phật là ai mà đã làm rạng rỡ nơi chị bao ý-niệm về cuộc đời? Ba tháng nay, từ khi làm quen với những người con Phật, chị đã quên bằng chiếc dương-cầm mơ-ước.

Thanh, có đừng kể họ, có nhìn kỹ vào con mắt sáng đầy thương yêu của họ, em mới đọc nên những nhạc điệu huy hoàng, tươi sáng nhất dâng lên trong họ. Thanh, hãy đến gần bên họ đi, sẽ em có một quan-niệm khác về cuộc đời. Chiếc dương-cầm mà chúng mình hằng mơ sẽ trở nên rộng không, vô nghĩa, có gì đâu những tiếng lòng nhỏ hẹp không định hướng, có gì đâu những nốt nhạc chỉ nói lên những ích-kỷ của lòng mình.

Thanh, hãy về đây nghe những người con Phật đàn lên những bản nhạc yêu thương. Bản nhạc sẽ vui hơn bài ca màu hồng và buồn hơn bài tuyệt vọng. Bản nhạc sẽ đến nơi tuyệt cùng của nghệ-thuật, sẽ thoát ra khỏi cái vui buồn nhỏ hẹp của người đời. Bản nhạc sẽ nhiệm màu như lưu-ly, như những hạt ngọc con con rơi từ nhánh dương-liễu.

Thanh,

Như em biết, chị đã đi làm từ một năm nay. Tiền chị làm ra khá nhiều nhưng chị sẽ không bao giờ mua đàn nữa. Tiếng dương-cầm bên kia hè phố vẫn hiu-hắt mỗi sáng chiều, khiến nhiều đêm chị không ngủ được... dù sao chị cũng đã nhất quyết rồi. Không bao giờ chị phí tiền như thế trong khi bao nhiêu người còn đau khổ.

Lạ quá, Thanh, ngày xưa có bao giờ chị nghĩ đến cái khổ của cuộc đời đâu. Chúng mình thì lúc nào cũng ru rú trong xó nhà với thuyết lạc quan gượng gạo. Có ai dám chỉ cho mình sự thật của cuộc đời. Nhưng... kể từ khi chị gặp được những người con Phật, một chân trời mới mở ra... Đức đại từ bi đã bảo với chị:

«Đời là khổ, hãy can đảm nhìn thẳng vào sự đau khổ ấy, hãy can đảm để cho bánh xe khổ-đế nghiền nát tâm hồn mình, ấy là những đau khổ làm cho ta nên người. Qua cơn khổ đau kia, qua vết bánh xe khổ để ác nghiệt ấy, con sẽ có thuốc này chữa lành tâm bệnh. Con sẽ có một tâm hồn mới yên tĩnh hơn, vui vẻ hơn. Một sự an ủi lâu bền mà con chỉ có thể đạt được sau khi đã thực nghiệm tâm linh».

Và chị đã bắt đầu thực nghiệm, đồ Thanh! Đau khổ làm sao nhưng chị không hề ngại vì đã có mấy vạn pháp môn của ngài để lại. Qua cơn khổ đau ấy, chị đã nghe lòng mình dâng lên những điệu nhạc thật linh diệu lạ kỳ...

Thanh, chị đã chế tạo cây đàn mới, cây đàn còn đẹp gấp trăm lần chiếc dương cầm mà ngày xưa chị mơ-ước. Đó là những phím nhạc của tâm-linh sau dòng thực nghiệm.

Có những nốt nhạc thật thâm-trầm, buồn như những đau khổ của cuộc đời, có những nốt thật nhỏ, thật êm như chiếc áo thô sơ của người Phật tử, có những nốt liến-thoảng xinh-tươi như nụ cười yêu thương của họ. Cuối cùng là những nốt thật cao, cao vút tuyệt vời như đôi mắt sáng trong và đầy cương-ngệ của những người phụng-sự cho chúng sinh.

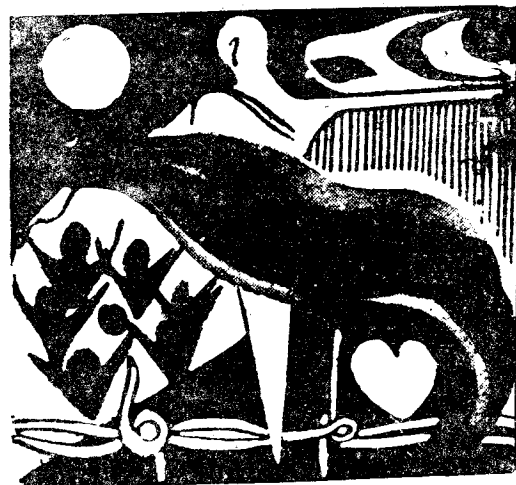
Thanh, Đức Phật dạy «một trong những cái phước to lớn mà chúng ta đang hưởng ở đời là cái phước được làm người» quả thật không sai. Trên mọi nẻo đường mà ta đi có biết bao chiếc dương-cầm vô giá đang chờ ta. Từng cung bậc nối tiếp nhau uyển-chuyển lan lan trong mọi nẻo đường đời, len lén trong mọi cõi lòng. Từng cung bậc nối tiếp nhau huyền diệu âm-vang trong tầng-thứ của những con người biết giải phóng bản ngã chật hẹp của chính bản thân, biết sống vì kẻ khác.

Thanh, bánh xe khổ-đế đang chờ chị ngoài kia. Ôi khổ đau nhưng đẹp để làm sao những phẩm nhạc đời kỳ diệu...

Thời giã từ em đề chị còn sửa soạn một chuyến viễn hành.

Thơ

NGUYỄN-VY



Đêm sâu về

Ta muốn được những cánh tay êm thắm
Ru hồn ta như đứa trẻ trên nôi
Một quán trọ trong lòng ai êm ấm.
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa xôi.

Gót phiêu lãng còn vương thề muôn dặm
Tình nước non chưa cạn hết ly bôi
Sào Bắc Đẩu bớt mù xa thăm thẳm
Kiếp tài hoa còn hận mãi chưa thôi.

Bao nhiêu đêm không bến bờ cô quạnh
Ta âm thầm ôm khốc ánh sao rơi
Nếu ta biết một khu trời vạn hạnh
Trắng không tàn mà hoa cũng không trôi

Ôi giếng thăm, biết bao giờ mới cạn
Nắng muôn chiều dề chết lịm trên môi
Tim động tuyệt, rả rời tan tưng mảnh
Đêm sâu về, tê lạnh lắm, đêm cô!

NGUYỄN-VY
(1960—Hoàng-Vu)



MỘT TRUYỆN NGẮN TRINH THẨM ĐẶC SẮC

Đứng bên khung cửa sổ căn nhà gỗ trên đỉnh đồi, nàng nhìn rõ chiếc xe du lịch sơn màu xanh lạt từ từ ngừng lại giữa khoảng đường gỗ ghềnh dưới chân đồi. Gã đàn ông ngồi trước tay lái mở cửa xe bước ra. Gã hãy còn trẻ, bận bộ com-lê màu xám, nếp ủi hãy còn thẳng tắp, thắt chiếc cà vạt sọc đỏ, đầu để trần, tóc cắt ngắn, dáng dấp to lớn khỏe mạnh.

Tiến lại trước mũi xe, gã mở nắp «ca-bô», cúi húi xem xét bên trong chừng một lát, rồi đứng thẳng dậy, nhìn lên đồi. Gã chú ý ngay đến căn nhà gỗ và leo lên.

Trong khi đó, trên căn nhà, nàng con gái đứng nép qua một bên cửa sổ, lưng áp vào tường. Tay nàng nắm chặt khẩu súng lục bóng sừng trắng. Nàng nghe tiếng bước đi của gã trên bậc thềm, và dừng lại trước ngưỡng cửa chính. Tiếp theo là tiếng gõ cửa nhẹ nhàng, không vội vã lắm.

Nàng nín thở, chờ đợi một biến cố sắp xảy đến.

Có tiếng gõ cửa lần thứ hai.

Vẫn yên lặng.



Khi tiếng chân gã bước xuống bậc thềm, rồi tiếng giấy siết trên sỏi lạo-xạo xung quanh căn nhà, nàng mím môi, ngón tay siết chặt lấy súng. Nhưng cũng ngay lúc ấy thì gã đàn ông bước trở xuống đồi.

Chờ một lúc lâu, khi tiếng động tắt hẳn, nàng ghé mắt nhìn qua khe cửa sổ, gã đàn ông đã trở lại xe, đương rút thuốc lá châm lửa hút. Gã đưa một tay lên mắt che ánh nắng chói vào mặt, nhìn bao quát ra xung quanh.

Đột nhiên gã mở cửa xe lấy ở bên trong tấm bản đồ giấy ra coi. Gã đưa tay lên gãi cằm, lộ vẻ băn khoăn, đoạn ngồi xuống một phiến đá bên lề đường.

Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu, nàng tự nhủ : « Có thể gã không là phải đồng bọn của Năm Cầu Muối, nếu là đồng bọn của Năm Cầu Muối thì ít nhất gã phải làm một cái gì khác hơn, chứ không thể nào lại chịu rút lui êm như vậy. Anh chàng này đúng là bị hư xe thật. »

Sau khi cân nhắc, nàng tiến lại cửa lớn, mở hé một cánh, hướng về phía gã đàn ông dưới chân đồi, lớn tiếng gọi.

Gã đàn ông xoay người nhìn lên, lộ vẻ mừng rỡ, đứng dậy leo trở lên đồi.

Dừng lại trước khung cửa, gã rút mùi xoa lau mồ hôi trên mặt.

Nàng thủ khẩu súng ở sau lưng, ngón tay đặt sẵn trên lẫy súng. Cánh cửa chỉ mở vừa đủ để nàng đứng chắn ngang lối vào.

Bằng một giọng hết sức tự nhiên, nàng nói với gã :

— Tôi nghe có tiếng đập cửa vừa nãy, nhưng lúc ấy tôi đương mắc tâm. Chắc là...

Gã lễ phép ngắt lời nàng :

— Xin lỗi. Tôi đã làm rộn bà. Nhưng vì xe của tôi bị hư giữa đường, muốn gọi nhờ điện thoại của bà.

— Rất tiếc là ở đây không có điện thoại. Xung quanh đây cũng không có một nhà nào khác. Bây giờ chỉ có cách là ông chịu khó đi bộ lên mạn trên đây chừng ba cây số, có một trạm xăng ngay ngã ba...

— Thưa, tôi cũng biết. Nhưng tôi lại có một công việc rất gấp, e rằng đi bộ từ đây đến đấy, rồi lại từ đấy về đây mất nhiều thì giờ quá.

— Ông cần đi tới đâu ?

— Đà Lạt.

Nàng liếc nhìn gã thật nhanh. Trong tay nàng vẫn nắm chặt khẩu súng có bốn viên đạn trong «băng», và một viên nằm sẵn trong nòng. Nàng có thể phản ứng một cách mau lẹ, nếu gã lộ ra một cử chỉ khác thường.

— Đi Đà Lạt tại sao ông lại chọn con đường này, vừa xấu lại vừa nguy hiểm ?

— Vì tôi có việc ghé qua một người bạn ở đèo Nha Môn, nên buộc lòng phải đi lối này.

— Ông quen ai ở Nha Môn ?

— Ông Vạn Thái, chủ đồn điền Vạn Thái, chắc bà biết ?

Nàng khẽ gật đầu cười :

— Biết. Nhưng kẻ cũng may cho ông, và... cũng rất lạ là... suốt một quãng đường vắng dài cả ngót trăm cây số, xe của ông không chịu hư, đến đây nó mới « ăn vạ ».

PHÚT CHÓT MỘT TÂN KỊCH

• của CAO-NGUYỄN-LANG

— Cũng không phải là nó hư máy. Mà tôi nghi bình xăng bị lẫn nước lã, máy không bốc lên được. Nhất là đường ở đây lại dốc nhiều. Nếu xe được xăng cũ, thay xăng mới vào, tôi chắc lại chạy tốt như thường.

Nàng nói lưỡng lự :

— Chuyện đó may ra tôi có thể giúp ông.

Mắt gã đàn ông chợt sáng lên, nhưng nàng đưa tay ra hiệu ngắt lời gã và tiếp tục :

— Nhưng khoan ! Chuyện đó chúng ta sẽ bàn sau. Bây giờ tôi muốn hỏi ông : Hồi nãy, trên con đường đến đây, qua khoảng ngã tư, cách đây chừng hai cây số, ông có gặp người nào, hoặc một chiếc xe nào không ?

Không cần nghĩ ngợi lâu, gã đáp nhanh :

— Có. Tôi gặp hai người trên một chiếc xe đang đậu ở lề đường.

— Họ làm gì ở đó ?

— Tôi cũng không chú ý. Nhưng chắc chắn không phải là xe của họ bị « ban ».

Nàng im lặng một lúc, vẻ suy nghĩ. Bất chợt nhìn thẳng vào mặt gã đàn ông nghiêm giọng :

— Bây giờ thì chúng ta có thể điều đình với nhau. Tôi có thể giúp ông một số xăng để thay vào chỗ xăng hư trong bình như ông vừa nói. Nghĩa là ông khỏi mất công đi bộ xa, mất thì giờ. Đổi lại, tiện xe, ông có thể đi giúp tôi lên quãng ngã ba phía trên, cách đây chừng năm cây số, chỗ tiếp giáp con đường liên tỉnh số 8, coi giúp xem, có phải cũng có một bọn như ông vừa gặp ở con đường dưới, rình rập ở đấy không ?

Gã đàn ông nhìn nàng ngạc nhiên :

— Bà nói rình rập cái gì, tôi không hiểu ?

— Chuyện đó tôi sẽ cho ông biết sau.

Gã đàn ông đưa tay lên nắn ve áo, lưỡng lự :

— Nhưng... tôi...

Nàng mỉm cười đưa tay ngắt lời gã. Đây là lúc nàng cần phải xử dụng trí thông minh và cái «vốn trời cho» của một người đàn bà. Nàng nghĩ

thăm trong bụng : « Nếu mình đóng kịch và « chài » khéo một chút, chắc chắn anh chàng sẽ nổi máu anh hùng, ra tay cứu khổn phò nguy, kiêu mỷ ông quân tử Tầu — Mấy cha đàn ông thường là như thế cả ».

Nàng đứng xích lại gần gã, cử chỉ thân mật hơn :

— Việc đó tôi nghĩ cũng không có gì là khó khăn lắm đối với ông... Tôi chắc ông không nỡ từ chối... Nhất là tôi ở đây chỉ có một mình...

Gã mở tròng mắt :

— Bà chỉ có một mình ở đây ?

Nàng đổi giọng xưng hô :

— Vâng, em chỉ có một mình ở đây. Nhà này không còn ai khác hơn.

Gã đàn ông vẫn không rời mắt khỏi nàng, vẻ thắc mắc đến tột độ.

Nàng hiểu ý nói ngay :

— Bọn người mà em vừa nói với ông chính là những người đang lùng kiếm bắt em.

Cặp lông mày gã hơi nhíu lại :

— Tại sao cô không cầu cứu cảnh sát ?

— Cảnh sát ? Ồ ! Cảnh sát họ đâu có chịu giúp mình ?

— Tại sao lại như thế ?

Nàng nhận thấy đã đến lúc cần phải phịa ra một chuyện hữu lý để đánh lừa gã.

— Không nói đâu gì ông. Đây là một chuyện hoàn toàn có tính cách gia đình. Mà, tôi là một nạn nhân đau khổ nhất. Nguyên hồi ba má tôi chết, lúc ấy tôi chưa đến tuổi trưởng thành. Ông cụ bà cụ có để lại cho tôi một phần gia tài. Người chị dâu của tôi là con đàn bà ác độc và tham lam. Còn người anh trai của tôi thì lại là một kẻ yếu hèn, chịu sự điều khiển của vợ. Chính anh trai tôi nghe lời súi xiêm của vợ, đã tìm cách chiếm đoạt những nguồn lợi mà đáng lẽ tôi được thừa hưởng bằng cách, viện cớ là tôi bị mắc chứng bệnh thần kinh để tiếp tục quản trị phần gia tài thuộc về tôi. Người anh của tôi đã dùng tiền để mua chuộc những người có thế lực bắt nhốt tôi vào dưỡng trí viện...

Ngừng lại một khắc. Và để cho câu chuyện hữu lý hơn, nàng lại tiếp

— Thú thực, lúc trước cũng có một lần tôi mắc chứng thần kinh thật. Nhưng sau đó đã khỏi.

— Như vậy tức là cô mới trốn khỏi dưỡng trí viện ?

— Đúng như thế. Và bây giờ họ lùng kiếm để bắt tôi trở lại.

Gã gật đầu một cách sốt sắng :

— Nếu vậy thì tôi có thể giúp cô được.

Nàng kín đáo bỏ khẩu súng vào lần trong áo vét, và ra hiệu cho gã đàn ông đi theo mình !

— Bây giờ ông xuống nhà xe với tôi, trút hết xăng trong xe tôi đổ vào xe của ông là xong.

— Cô cũng có xe riêng ? Vậy có thể tôi đi ngay bằng xe của cô cho tiện và nhanh, rồi lát nữa về sẽ trút sau.

Nàng lắc đầu, mỉm cười :

— Nếu đi bằng xe của tôi thì cũng như chuyện... Họ sẽ nhận ra, và ông có rહે gặp rắc rối.

x
x x

Nàng chờ đúng hai mươi lăm phút mà vẫn chưa thấy gã trở lại.

Nàng bắt đầu cảm thấy lo ngại : Biết đâu trong câu chuyện vừa rồi, nàng đã có gì sơ hở khiến gã tình nghi và đi báo cảnh sát ? Điều đó chưa nguy hiểm bằng, nếu gã là đồng bọn của Năm Cầu Muối.

Cuối cùng nàng lại nghĩ ngược lại — Nàng không tin là có thể như thế.

Gã về chậm, chắc là một sự trục trặc nào ở dọc đường.

Bất chợt nàng cười thầm về sự khờ khạo của anh chàng con trai nhẹ dạ. Câu chuyện nàng phịa ra thật là dẫn dụ mà không ngờ gã lại dễ tin đến thế.

Sự thực, nàng làm thư ký riêng cho một lão tỉ phú già độc thân tên là Bạch Vinh. Năm nay lão đã ngoài bảy chục tuổi. Bạch Vinh là một lão già keo kiệt vô địch. Không như những hạng tỷ phú già thừa tiền thừa bạc khác, chuyện vui tiền ra mua hạnh phúc ở những cô thư ký trẻ đẹp. Cái mà người ta thường gọi là những anh « già thích chơi trống bỏi ». Lão khắt khe từng đồng bạc, ngay cả với bản thân. Bộ com lê mới nhất của lão là một bộ đồ may cách đây ít ra từ hai mươi năm. Đôi giày của lão cũng già nua không kém. Nó nhăn nhúm và vá chằng vá đụp. Cái khăn mặt mua về dùng lâu cũng xé làm đôi, để dành một nửa. Khi nào rách mảnh này, lão mới sai đến mảnh kia.

Tiền bạc lão không gởi nhất định ở một ngân hàng nào. Hầu hết các ngân hàng ở đây đều có tiền của lão. Trong nhà lão thường chỉ để một số tiền đủ chi dùng trong cái két sắt kê ngay cạnh giường ngủ. Cần thận hơn, lão mượn một tên « chài » rất trung thành, làm cho lão từ gần một chục năm nay, coi nhà.

Nàng làm thư ký riêng cho lão Bạch Vinh được gần hai năm. Cho đến một bữa, cách đây mấy hôm, lần đầu tiên nàng thấy có người đem đến giao cho lão một khoản tiền bốn trăm ngàn — không phải là ngân phiếu, mà là tiền mặt — đáng lẽ lão phải đem ký thác ở « băng ». Nhưng ngay lúc đó lão có một công chuyện gấp phải đi Sóc Trang. Bốn trăm ngàn bạc lão còn để ở két sắt trong phòng ngủ. Nàng biết rõ như vậy.

Với số tiền lớn ấy, nếu biết « làm ăn » nàng có thể tạo được một đời sống khá hiển hách. Một cơ hội độc nhất để nàng thi thố bộ óc thông minh của mình vào việc. Sau một đêm suy nghĩ, nàng quyết định phải kiếm Năm Cầu Muối. Tên này là một dân « quái » có hạng, cầm đầu bọn « đầu yêu » thường gây loạn ở mấy phòng trà. Gì chứ, đem cái khoản tiền to lớn ấy ra đủ thì Năm Cầu Muối sướng mê.

Nàng hẹn Năm Cầu Muối đến... khui tủ sắt nhà Bạch Vinh vào đúng cái giờ mà tên chài gác đàn đi uống cà phê sáng trở về. Thường tên chài này hay có thói quen đi uống rất đúng giờ, và về cũng đúng giờ — Hẳn đi uống 8 giờ, thì đúng 9 giờ hẳn về — Trước lúc Năm Cầu Muối đến, và tên chài đi uống cà phê, nàng khôn ngoan dùng chìa khóa giả « ăm » ba trăm ngàn trước rồi khóa lại như cũ, lĩnh đi. Đến lúc Năm Cầu Muối đến thì trong két chỉ còn trên trăm ngàn — Kê cả tiền cũ trong két — Lẽ dĩ nhiên, nàng đã căn trước, đúng lúc đó thì tên chài trở về. Và buộc lòng Năm Cầu Muối phải hạ sát tên này. Như vậy, khi chuyện đổ bể ra thì chỉ một mình Năm Cầu Muối lĩnh đủ. Ngược lại, nếu êm, nàng còn có thể ăn chia được cả số tiền của Năm Cầu Muối nữa.

Sự tính toán của nàng quả thật là chu đáo. Sự tiến hành cũng ăn khớp với kế hoạch, không sai sót mấy may.

Nhưng, một điều mà nàng không thể ngờ được : Ở đời này thường vẫn có sự may rủi — Cái mà người thường nói là : « Mưu sự tại nhân; Thành sự tại Thiên » Chẳng biết Năm Cầu Muối « xuống tay » ra sao, mà tên chài chỉ bị thương nặng, chứ không chết. Và Năm Cầu Muối cũng lại bị tóm cò sau đó mấy tiếng đồng hồ. Thêm một sự sơ sót khá quan trọng nữa, là khi mở két, nàng đã quên xóa dấu tay trên đó, khiến cơ quan Cảnh sát có thể luận ra một phần cơ mưu của nàng. Nhờ đó Năm Cầu Muối mới vỡ lẽ ra sự dặt dẹo của hắn, bị nàng lợi dụng. Lúc lên thăm cung, các nhân viên Cảnh sát đã nói rõ cho hắn biết để dụ cho hắn khai thực người đã tổ chức hắn đi « làm ăn » vụ này. Sau khi khai cung lần thứ nhất tại Cảnh sát ngay đêm đó Năm Cầu Muối vượt ngục trốn thoát.

Cuộc chạy trốn của nàng thật vô cùng gay go, vì một lúc phải đương đầu với hai đối thủ cùng nguy hiểm — cơ quan Cảnh sát và bọn Năm Cầu Muối.

Thêm mười phút nữa trôi qua mà gã đàn ông vẫn không trở lại. Nàng quay vào xếp sẵn va li quần áo, cẩn thận soát lại những viên đạn trong súng chờ đợi...

Vừa lúc ấy thì có tiếng xe hơi rồ máy và dừng lại dưới chân đồi. Nàng lao ra cửa nhìn xuống, và hơi yên tâm thấy gã đàn ông trở lại có một mình. Nàng lại phía cửa lớn. Gã đàn ông lên tới, nàng hỏi ngay :

— Ông có thấy gì ở đó không ?

— Không, không có một người, và cũng chẳng có xe nào.

— Chắc không ?

— Chắc.

— Vậy mà sao ông đi lâu thế ?

— Còn phải quan sát cho kỹ lưỡng. Về ngay sao được ?

Nàng nhìn gã nói :

— Bây giờ ông có thể cho tôi trốn trong xe của ông ra khỏi nơi này được không? Đẳng nào ông cũng đi Đalạt.

Gã vui vẻ :

— Ồ ! Chuyện đó sẵn sàng lắm.

Nàng quay vào sách va li. Gã đỡ chiếc va li trên tay nàng sách xuống đồi.

Nàng thân mật nói với gã :

— Từ này chúng mình chưa ai chịu giới thiệu tên của nhau. Em là Tuyết Minh. Còn ông ? Ờ ! Mà từ bây giờ xin phép được gọi anh bằng anh cho thân mật nghe !

— Chính tôi cũng đang muốn đề nghị với cô như thế.. Tên tôi là Hoàng, Trần Hoàng.

— Anh có chuyện gì đi Đalạt ?

— Giao dịch một vài công chuyện về buôn bán.

Khi cả hai xuống tới xe, đột nhiên nàng hỏi :

— Thùng sau xe anh có trống không ?

— Có. Để làm gì ?

— Đề em ẩn trong đó kẻo lỡ bọn nó đón bắt-tử ở dọc đường thì nguy. Trần Hoàng cười :

— Cô nhất quá !

(xem tiếp trang 64)

TINH - THẦN PHẬT - GIÁO

TRONG

THI CA VIỆT - NAM

⊗ Bài của ĐINH-HÙNG

TRONG thi ca Việt Nam, tinh thần Phật Giáo nở ngát như một đóa hoa màu nhiệm. Từ mười mấy thế kỷ nay, đạo lý của đức Thích Ca đã thấm nhập vào tận tâm linh người dân Việt, tạo nên một mối nhân duyên kỳ diệu, phối hợp nhịp nhàng cái « ta » nhỏ bé của con người với linh hồn bao la của vũ trụ. Bản sắc của văn hóa Phật Giáo, hòa hợp cùng cuộc sống của dân tộc, đã tạo nên những tiết điệu riêng biệt, làm phong phú thêm cái sắc thái Việt Nam cổ hữu, và gieo vào tâm hồn Việt Nam những ấn tượng không thể nào quên — những ấn tượng phát khởi từ thời gian nào xa lắm trong tiềm thức, hầu như đã gắn liền cùng cả một *Dĩ Vãng* thân thiết, với bao nhiêu kỷ niệm vui, buồn chen lẫn, nghĩa là đã gắn liền cùng cả cuộc sống lẫn cái chết, dự phần lớn lao vào chính vận mệnh của dân tộc : Một mái chùa cong, một tòa tháp cổ, một nóc tam quan, và tiếng mõ sớm, hồi chuông chiều, lời kinh tụng niệm ngân nga, mùi trầm hương trước Phật đài phảng phất... Đó là những nguồn cảm hứng tự nhiên kết thành thi tứ bằng hương sắc, thanh âm, hình thể, từ lâu đã trở nên quen thuộc, quyến luyến, như một di sản tinh thần bất khả phân ly. Nhưng đó mới là những « hình tượng » của Phật Giáo, cái phần có thể sinh hóa, tịch diệt cùng với cuộc sống phù du. Ở phía sau — hay là ở bên trong — những hình tượng đó, còn cái phần Hồn vô biên không thể nhìn thấy hay nghe thấy, mà chỉ có thể linh cảm thấy. Đó mới chính là đóa Hoa huyền ảo chứa

đựng tinh túy của chân lý sắc-không, đóa Hoa Thơ tuy vô hình, vô ảnh, nhưng lúc nào cũng hiện diện trong không gian tuyệt vời của ý thức.

Ngoài phạm vi tham khảo về phương diện học thuật hay lịch sử, ở đây chúng ta sẽ chỉ đi tìm Thơ để tới gần Đạo, bằng đường lối cảm thông hòa điệu của những tấm lòng, sẵn sàng mở rộng, đón nhận Niềm Tin, Cái Đẹp và Tình Thương.

Nói tới « *Tinh thần Phật Giáo trong thi ca Việt Nam* », chúng ta không thể không nhắc tới Hồn Thơ của các vị hòa thượng đời Lý, mặc dầu thời đó chữ Việt chưa thành hình, và thi ca thời đó đều viết bằng Hán tự. Bởi vì đã nói tới Hồn Thơ, chúng ta không nệ hình thức từ chương, chúng ta chỉ nghĩ rằng : Dù làm thơ bằng Hán Tự, con người của thời đại nhà Lý cũng vẫn là con người Việt Nam, và Hồn Thơ của họ dầu sao cũng vẫn mang cái phong cốt Việt Nam, chứa đựng cái tinh chất Việt Nam, phản chiếu những sắc thái Việt Nam, vì Hồn Thơ ấy đã thành hình từ nghìn xưa ở trên đất nước Việt Nam, giữa những khung cảnh Việt Nam nghìn đời gần bó. Và lại chữ viết chỉ là những ký hiệu ước lệ để truyền cảm và « truyền hồn », có thể coi như một thứ « ký âm pháp » của người « nhạc sĩ sử dụng ngôn từ ». Trong kiến trúc một bài thơ thuần túy, ngôn ngữ chỉ là những vật liệu, giống như tàn tro điều thuốc. Ngọn lửa cảm hứng bùng sáng, Hồn Thơ tựa làn khói biếc thanh thoát bay cao. Tàn tro

điều thuốc tất phải rơi xuống và tan biến đi, để cho khói thuốc càng thêm lảng lảng thoát tục.

Trong cuốn *Văn Học Thời Lý* » Lê văn Siêu đã viết :

« Chỉ khi nào thi nhân hòa hợp «hồn mình và nhập-một với cái đại «hồn của vũ trụ, thì khi ấy mới có «lửa thần minh để thi nhân làm nên «những bài thơ bất hủ. Còn không «có lửa ấy thì thơ chỉ là những bài «văn vần với ít hay nhiều sáo ngữ, «ít hay nhiều và vuu cóp nhặt đầu «này hay đầu khác...

« ... Đề tài không bao giờ bó thắt «được Hồn Thơ, chỉ hồn thơ mới «khiến được cho đề tài có vị. Chỉ «hồn thơ mới đắm được hồn người «đọc vào sống trong cảnh vẽ trong «thơ và rung động theo nhịp rung «động của thi sĩ. Chỉ hồn thơ mới «đọc được và làm cho người ta đọc «được những tiếng nói của sự im «lặng, những tâm tình của cảnh «hoang vu, những hơi thở của bao «nhiều thế hệ chôn trong lòng trái «đất. Chỉ hồn thơ mới nhìn thấy «trong một giọt nước có muôn vạn «sinh trùng trong một cục đá có hơi «thở nhịp nhàng của một sinh vật «có sống có chết. Chỉ hồn thơ mới «nhìn thấy trong một hơi gió thoảng «bay, cái bàn tay nhẹ nhàng đưa «cột những cành lá. Và chỉ có hồn «thơ mới nhào nặn, gói ghém được «tâm sự của cả không gian lẫn thời «gian vào trong vài ba câu thơ, để «cho không bao giờ thành hủ lậu.

« Hồn thơ ấy không hề bao giờ bị «đề tài thúc phọc. Cũng như không

« không hề bao giờ bị thế thơ áp
« bức. Chính nhịp điệu của nó làm
« ra nhịp điệu của thơ, và làm ra
« hình thức của thơ. Chính hình
« tượng do mắt nó nhìn thấy đã bắt
« loài người phải hiểu theo ý nghĩa
« của nó định đặt, và nhìn theo con
« mắt nhìn của nó, để thấy những ý
« nghĩa tượng trưng của cảnh vật...

(Văn Học Việt Nam
thời Lý — Chương I)

Tác phẩm của các nhà thơ thời Lý
còn truyền lại đến chúng ta ngày
nay có khi chỉ là một vài vắn thơ,
nhưng cái chứa đựng bên trong đã
vô cùng súc tích.

Đây là những vắn thơ của Vạn
Hạnh thiền sư, cảm giác mong manh
như hạt sương rơi, gọi đến lẽ sống
vô thường :

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Nghĩa nôм :

Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rồi
Sá chi suy, thịnh việc đời.
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu
cảnh.

(T. T. Mạt Thế dịch)

Đây là những vắn thơ của Mãn-
Giác thiền sư, người đạo-sĩ đã nhìn
thấu suốt được lẽ tuần hoàn biến
địch đề mà nhận đích được cái
chân tướng của sự vật :

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự chục nhơn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vi xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Nghĩa nôм :

Xuân qua trăm hoa rụng,
Xuân tới trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng
hết.

Đêm qua sân trước một cành mai

(Ngô-Tất-Tố dịch)

Và đây là lời thơ của Đạo-Hạnh
thiền sư nói với các đồ đệ trong thời
khắc sắp tịch, lời nói bao hàm cả
một lý-thuyết huyền-bí về cuộc sinh
hóa của kiếp người :

Thu lai bất báo nhận lai quy,
Lãnh tiểu nhân gian lạm phát
bi.

Vị báo môn nhân hữu luyện
chước,

Cổ sư kỷ độ tác kim sư.

Nghĩa nôм :

Thu về chẳng báo nhận theo bay,
Cười nhạt người đời uổng xót
vay.

Thối hời môn đồ đừng luyện tấc.
Thầy xưa mấy độ hóa thầy nay.
(Ngô-Tất-Tố dịch)

Đây là lời của Khuông-Việt thái-
sư, thác ngu cái ý « Phật tính tự tại
ở chúng sinh », cũng như lửa vốn
có sẵn ở trong thân cây gỗ :

Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sinh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toán tại hà do manh?

Nghĩa nôм :

Trong cây vốn có lửa,
Tia lửa mới sáng lò.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát sao lại ra?

(T. T. Mạt Thế dịch)

Và đây là ý thơ của Viên-Chiếu
thiền sư, với đôi nét chấm phá,
đủ truyền hồn vào cho cảnh vật:

Giốc hương tùy phong xuyên trúc
đáo,
Sơn nham đãi nguyệt quá tường
lai.

(Ngô-Tất-Tố dịch)

Theo gió tiếng còi luồn bụi trúc,
Kèm trăng trái núi quá đầu tường.

Cũng Viên-Chiếu thiền sư đã có
những từ thơ thần bút như sau :

Vũ trich nham hoa thần nữ lệ,
Phong seo đình trúc Bá-Nha cầm.
(Ngô-Tất-Tố dịch)

Hoa núi mưa sa, thần nữ khóc,
Tre sân gió thổi, Bá-Nha đàn.

Đây nữa là một bài thơ của Không-
Lộ thiền sư xuất hiện khoảng cuối

thế kỷ thứ XI. Theo ý kiến nhà văn
Lê-văn-Siêu, thì đây là « một trong
« những bài thơ thần bí sâu sắc,
« ghê rợn nhất thời Lý. Với bài này
« tác giả tự tả khi tượng ung dung
« của mình là chỗ rất hợp có thể
« ở được. Những lúc vô sự, lên
« thẳng đỉnh núi, chum môi thổi
« một hơi sáo. Núi cao cảnh
« vắng, tiếng sáo làm lạnh cả
« bầu trời...

Trạch đắc long xà địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.
Hữu thi trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái
hư.

(Ngô-Tất-Tố dịch :)

Lựa nơi rồng rắn đất ưa người.
Cả buổi tình quê những mải vui.
Có lúc thẳng lên đầu núi thăm,
Một hơi sáo miệng lạnh bầu trời.

Với tư thơ trên, phải chăng
Không-Lộ thiền sư muốn chứng tỏ
rằng người tu hành đắc đạo có tận
nhập chính mình vào cái bản thể
hoang sơ tịch mịch nhất của hư linh?

Cũng Không-Lộ thiền sư, với tư-
tưởng xuất thế vượt ngoài không
gian lẫn thời gian, đã có những vắn
thơ diễm ảo như sau :

Vạn thánh thanh sơn vạn lý thiên,
Nhất thôn tang thái nhất thôn yên
Ngư ông thụ chước vô nhân hoán
Quá ngộ tỉnh lai tuyết mãn
thuyền.

(Đinh-Gia-Thuyết dịch)

Mây xanh nước biển muôn trùng,
Dầu chen khói tỏa một vùng thôn
quê.

Ông chài giấc ngủ đương mê.
Quá trưa tỉnh dậy tuyết che đầy
thuyền.

Các vị thiền sư thi sĩ thời Lý còn
để lại nhiều vắn thơ trác tuyệt như
vậy. Ở đây chỉ xin nhắc tới ít vắn
điệu tiêu biểu.

Đạo Phật truyền bá vào đất nước
Việt-Nam từ thế kỷ thứ II tới đời
Lý đã có tám trăm năm lịch sử.
Trong thời gian tám thế kỷ đó, biết
bao nhiêu mối duyên thi ca đã nở
thắm trước Phật đài. Cho tới đời
nhà Lý, thời cực thịnh của Phật-giáo,

có thể nói rằng : Cái nhịp sống toàn diện của cả một thời đại lòng tây ánh đạo vàng đã có đủ tiết điệu của một bài thơ tỏa ngát mùi thiền.

Qua một vài áng thơ vừa đan cử trên đây của các vị hòa thượng triều Lý — mặc dầu kho tàng thi liệu đó còn hết sức sơ khoáng — chúng ta vẫn có thể nhận thấy cái tác dụng gần như nhiệm màu, cái ảnh hưởng gần như linh ứng của tinh thần Phật Giáo trong Hồn Thơ dân tộc. Bản chất sơ khai của linh hồn Việt Nam thuần phác và trầm mặc hình như đã sẵn sàng khơi nguồn, dọn lối để kết nên mối duyên thanh khiết, tìm đến cõi Vô Cùng Thanh Tịnh của chân lý « sắc không ».

Trên địa hạt học thuật, rất có thể nền văn hóa Phật Giáo của chúng ta chưa tiến triển khả quan được như các nước Nhật Bản, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện v.v... (Các xứ này đã dịch xong toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển Pali ra tiếng mẹ đẻ của họ, còn chúng ta, ngoại trừ một vài bộ được dịch đi dịch lại, phần lớn các Kinh Điển quan trọng vẫn nguyên vẹn nằm trong chữ Hán) (1) — Tuy nhiên, trong lĩnh vực huyền diệu của Thi Ca, sự cách biệt về tư tưởng học thuật hầu như không hề ngăn cản được nguồn thông cảm bao la của các tín đồ, thi sĩ, trước ánh sáng siêu phàm của Trái-Tim-Vô-Lượng-Từ-Bi — niềm cảm thông xuất thế, vượt ra ngoài và lên trên mọi tương quan trần lụy, thoát khỏi tất cả mọi ràng buộc của vật thể phù du, niềm cảm thông hoàn toàn phát khởi từ Chân Tâm vi diệu của Đại Ngã, vươn đến tận kích thước vô cực của Thần Thức, chỉ có bóng dáng Như Lai ở gần, và Thái Hư chứng kiến.

Rất có thể sự truyền bá Kinh Điển cùng giáo lý Phật học của chúng ta chưa được sâu rộng — chỉ vì cái « bánh xe chuyển ngữ » chưa được lăn đều cùng « bánh xe Đạo pháp » — nhưng Đạo Phật chú trọng ở cái Tâm, không phân biệt hình tướng ; Thi Ca bắt nguồn từ cõi Mộng, lấy ảo làm chân ; Thi Ca tiếp dẫn linh hồn, lấy không làm có, và thi ca

kết tinh « ý ở ngoài lời », vốn chẳng cần câu nệ tứ chương. Ngót 18 thế kỷ nay, truyền thống Phật Giáo đã thấm nhập vào tâm linh dân tộc như một dòng suối dịu mát, hiền hòa, một dòng suối tuy không màu sắc, nhưng cái vị ngọt trong lành từ muôn thừa vẫn là phương thuốc tuyệt vời xoa dịu những tấm lòng quẩn quai vì nỗi khổ làm người, cái khổ kinh hoàng của sinh, lão, bệnh, tử ! Mặc dầu vẫn đề phát huy văn hóa Phật giáo chưa đạt tới mức viên mãn, vì lịch sử Phật giáo ở xứ ta, cũng như chính lịch sử tiến hóa, tồn vong của dân tộc, còn trải qua bao nhiêu sóng gió điêu linh, bao nhiêu phũ phàng biến dịch : Những thời kỳ ngoại thuộc, những thời kỳ loạn ly, những thời kỳ nội biến, những thời kỳ đấu tranh... Tất nhiên Phật Giáo đều phải hiện diện, đối phó, tham dự trực tiếp hay gián tiếp. Và cái công việc phiên dịch một bộ Kinh, tái tạo một ngôn ngữ thiết lập một kỷ cương làm căn bản cho nền Phật Học, công việc hướng về nghi thức, dựng nên hình tượng ấy quả thực không còn ý nghĩa cần thiết nữa, bên cạnh ý nghĩa thuần khiết của sự nghiệp « tu tâm », « dưỡng thần » mà từ ngót 18 thế kỷ nay, các bậc tăng ni, Phật tử chân chính vẫn noi theo.

Từ ngót 18 thế kỷ nay, Tinh Thần Phật Giáo vẫn bàng bạc khởi hương trong tâm hồn người dân Việt, và trong thi ca Việt Nam, càng ngát hương thơm thanh quý.

Phạm vi bài khảo luận ngắn này chỉ cho phép tôi có một vài nhận định khái quát, nên tôi chưa đi sâu vào chi tiết của từng thời kỳ, của từng giá trị. Theo rồi xét bước tiến của nền Thi ca Phật Giáo trong từng âm thanh, tiết điệu. Xác định giá trị nhân văn cùng nghệ thuật của Tinh Thần Phật Giáo trong Thi Ca Việt Nam : Đó là một công việc chưa thể trình bày trên vài trang giấy, và sẽ là đầu đề cho một bài sưu tầm nghiên cứu đầy đủ hơn, tôi xin tiếp tục thực hiện vào một kỳ tới.

Đề kết thúc phần khái niệm sơ khởi này, tôi chỉ muốn dừng lại ở một ý nghĩ — một ý nghĩ mà cũng chính là một nguyện vọng : Từ các vị hòa thượng Triều Lý cho tới ngày nay — có thể còn xa hơn nữa, từ những vô vàn kiếp trước theo nhau, cái vòng luân hồi bất tận của những Linh hồn cùng nối nhân duyên trong ánh Đạo Vàng, cái vòng luân hồi kết liên những nghiệp dĩ làm thơ tìm về Chân lý Sắc Không, chỉ là một con đường dài chuyển tiếp không ngừng, chẳng còn định rõ đầu cuối thời gian. Và như vậy, những thi sĩ tín đồ Phật Giáo ngày xưa hay bây giờ cũng chỉ mang chung một Trái Tim — và, ít nhiều, Trái Tim đó cũng rung lên được những vọng âm chuyển qua nhiều kiếp phù sinh, vì đây là Trái Tim được soi bằng ánh sáng Chân Như, một Trái Tim « thấu thị ».

Trái Tim đó Chỉ-Có-Một mà cũng có thể là Tất-Cả, khiến cho người thơ Phật Giáo tình cờ có thể thốt lên những lời nói gần như tiên tri, báo hiệu trước « những gì sẽ xảy tới », những lời nói tự nhiên chứa đựng sẵn cái tinh túy của một bài Kệ, cái hàm xúc của những lời sấm ký.

Xin trích dẫn một bài thơ sau đây của Thượng Tọa Thích Tâm Châu, làm từ năm 1946 tại Hà Nội, và xin đề tùy đọc giả cảm thông. Lời nói từ 19 năm qua gieo thành văn điệu, ai biết chẳng dư âm giờ đây vẫn còn lắng đọng ?

QUYẾT TIẾN

Con thuyền Phật Pháp lúc phong ba

*Gắng sức đồng tâm quyết tới nhà
Vững lái lướt qua làn sóng vô
Cứng chèo bát khối bãi cồn va
Cánh buồm Tể Hộ buông leo Tri
Tia sáng Chân Như tróc nẻo tà
Ngàn Giác thẳng trông gần gũi đó
Ai người tiến bước ? Chính là Ta.*

Hanoi, 1946

(T.T. Thích Tâm Châu)

trích trong

Sử Liệu Thức

● ĐÌNH HÙNG

(1) Theo nhận định của Thượng Tọa Thích minh-Châu trong bài diễn văn đọc nhân dịp lễ khai giảng và ra mắt viện Đại Học Vạn Hạnh, ngày 22-11-1964.

Phút chót một tấn kịch

(tiếp theo trang 59)

— Nhưng mình cần thận văn hơn.

Kết tự nhiên, nàng rút khẩu súng ở lần trong áo vét trao cho Trần Hoàng.

— Anh giữ khẩu súng này đi. Có thể là rất cần thiết.

Trần Hoàng trở mặt ngạc nhiên. Đoạn ngắm nghía khẩu súng :

— Ở đâu có « của quý » này ?

— Của ba em ngày xưa. Em giữ nó từ mấy năm nay rồi.

Trần Hoàng rút khẩu súng vào túi quần, đi vòng ra đằng sau mở thùng xe.

Nàng chui vào nằm gọn bên trong.

Trần Hoàng nhẹ nhàng hạ nắp thùng xe vừa nói :

— Tôi đây hờ không khóa. Lúc nào cần, cô có thể đẩy nó lên mà thở cho dễ.

Nàng cười :

— Xin cảm ơn. Anh chu đáo quá !

x x

Nàng nghe rõ tiếng xe hơi rẽ vào một lối sỏi. Hai bánh sau xe ngừng sừng lại, khiến nàng bị trao đi. Lúc ấy trời tối sẫm, nhưng còn đủ cho nàng nhận ra đó là trong một ga ra xe của một tòa nhà. Nàng đẩy nắp thùng xe ngồi dậy. Vừa lúc Trần Hoàng mở cửa trước đi vòng lại.

Nàng hỏi :

— Đây là đâu ?

— Nhà hàng. Mình phải kiếm cái gì ăn cho đỡ đói.

— Coi chừng, bọn nó dám đón lõng ở đây lắm ! Tại sao không đi thẳng

Đã lát rồi ăn có hơn không ?

Trần Hoàng cười ngặt :

— Cô lo xe quá. Ma nào biết ở đây mà đón ?

Nàng tỏ vẻ ngần ngại một khắc rồi bảo Trần Hoàng :

— Anh đưa em khẩu súng đi.

Trần Hoàng ngạc nhiên :

— Em vừa nói anh giữ đề lờ gặp lúc cần phải đối phó.

— Vâng, nhưng ở đây lờ gặp cảnh sát, anh lại không có giấy mang súng.

Trần Hoàng trao khẩu súng lại cho nàng bỏ trong sắc tay.

Trước khi bước vào cửa, nàng khẽ đưa tay ra hiệu cho Trần Hoàng dừng lại, rồi đứng nép ở phía sau, đảo mắt qua vai gã thanh niên nhìn vào trong.

Trần Hoàng hỏi khẽ :

— Có thấy mặt nào khả nghi không ?

— Không.

Cả hai cùng bước vào. Mụ đàn bà to béo, đã lớn tuổi, ngồi sau quầy thu tiền toét mồm ra cười với Trần Hoàng :

— Ông Trần Hoàng. Đã lâu lắm ! Mạnh giỏi chứ ông ?

— Cảm ơn, mạnh...

Đoạn, gã chỉ tay vào phía phòng bên trong, hỏi mụ béo :

— Thế nào ? Bàn trong có còn trống không ?

— Ông chờ một lát đi. Hay ngồi tạm bàn khác ở ngoài này có tiện không ?

— Không sao ! Chờ một lát cũng được.

Gã ra đầu cho nàng ngồi một chiếc ghế ngay trước quầy rượu. Đoạn hất đầu bảo gã đàn ông bán rượu :

— Cho cái gì uống tạm đi. Hai chai nước ngọt chẳng hạn.

Chừng không đầy nửa tiếng sau, tên bồi từ phía trong đi ra lễ phép nói với Trần Hoàng :

— Thưa, đã có một bàn trống ở trong xin mời ông bà vào.

Trần Hoàng đứng dậy cùng nàng theo tên bồi đi vào trong. Chiếc bàn trống ở một góc tận cùng mé tay trái.

Trần Hoàng coi thực đơn, ghi những món ăn vào mảnh giấy nhỏ trao cho người bồi. Khi người bồi đi rồi, gã quay sang mỉm cười nói với nàng :

— Nếu tôi không lầm thì những câu chuyện cô vừa nói với tôi không đúng sự thật ?

Bị câu hỏi bất chợt, nàng tái người, mạch máu như ngừng lại.

— Anh nói như thế nghĩa là thế nào, tôi không hiểu ?

Vẫn giữ nguyên nụ cười trên môi, gã nói giọng như đùa cợt.

— Nghĩa là... tôi muốn nói là cô đã dính líu vào cái vụ xảy ra tại nhà lão Bạch Vinh... tên cô không phải là Tuyết Minh, mà là một cái tên khác... Nguyễn thị Hạnh.

Rất nhanh, nàng luồn tay xuống đùi, mở chiếc sắc, rút lọ khẩu súng.

Gã đàn ông vẫn điềm tĩnh :

— Khoan ! Tôi khuyên cô chớ nóng vội ích. Khẩu súng của cô tôi đã tháo hết đạn.

Đoạn gã phanh chiếc áo vét, đủ cho nàng nhìn thấy khẩu súng của gã đeo lưng lẳng bên nách.

— Tôi mong cô biết điều hơn một chút.

Nàng nhìn gã, mắt như đồ lửa, cười nhạt :

— Tôi khen anh đóng kịch tài lắm.

Gã cười :

— Vẫn chưa bằng cô.

Nàng dẫn giọng :

— Bây giờ anh muốn làm gì tôi?... Anh bắt tôi về giao cho Năm Cầu Muối với hy vọng kiếm một món tiền hân chia cho anh hả ? Anh tính sai nước cờ rồi đấy. Ở !... Hiện giờ tôi vẫn còn giữ số tiền ba trăm ngàn cộng với số tiền của Năm Cầu Muối là trên bốn trăm ngàn. Bỏ đi số tiền của Năm Cầu Muối, số tiền của tôi chia hai cũng được mỗi người một trăm năm chục ngàn, vẫn lợi hơn là chia ba với bốn trăm ngàn. Tại sao chúng ta không có thể cộng tác với nhau ?

Gã đàn ông cười lớn :

— Nhưng tiếc rằng tôi lại không phải là kẻ đi-săn-người mướn cho Năm Cầu Muối.

Nàng thất sắc, hỏi nhanh :

— Vậy anh là... Cảnh sát ?

— Vâng. Tôi là Cảnh sát... Tiện thể cũng báo cho cô biết là Năm Cầu Muối đã bị bắt lại.

Nàng im lặng. Cử chỉ đột nhiên trở thành liêu lỉnh :

— Cảnh sát ! Ồ ! Cũng chẳng sao ! Nếu tôi không bằng lòng thú nhận. Nếu các anh không tìm được những tang chứng. Nếu tôi không chỉ cho các anh số tiền tôi hiện giấu ở đâu. Chỉ bằng lời khai của Năm Cầu Muối, liệu các anh có đủ yếu tố để buộc tội tôi hay không ?

Trần Hoàng cười, sua tay ngắt lời nàng :

— Điều đó cô khỏi lo. Chúng tôi đã trừ tính đầu vào đây cả rồi. Ngoài cái việc cô phạm vào một lỗi lầm là để quên đầu tay ở kết bạc nhà Bạch Vinh. Vừa rồi, trong lúc tôi và cô ngồi uống ở ngoài quầy để chờ bàn trống chính là lúc tôi ngầm ra lệnh cho một nhân viên đặt máy ghi-âm, thâu tất cả những mâu thuẫn giữa tôi và cô từ này đến giờ...

Một cơn gió lạnh từ ngoài thổi vào. Có tiếng thở dài khe khẽ của người con gái.

● CAO-NGUYỄN-LANG



TĂNG CƯỜNG SINH LỰC.
MAU BÌNH PHỤC TRONG
KHÍ ĐƯỜNG BÌNH. BỒI BỔ
THÂN THỂ TRONG THỜI KỲ
DUỠNG THAI VÀ SAU KHÍ
SANH. TRẺ EM MAU LỚN.

nên dùng

SIROP

SEVENVIT

CHỮA NHIỀU SINH TỔ

CÓ BÁN
TẠI HIỆU THUỐC TÂY

KDXY 1 06 DP 56 578,
20.11.63

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM TỪ KHAI NGUYÊN

• Bài của TUỆ - GIÁC

NGUỒI Việt-Nam chịu ảnh hưởng Phật giáo đã lâu đời rồi. Hiện những người không đi chùa, không thờ Phật, không có chút ý thức gì về Phật giáo, cũng có thể có tư tưởng Phật giáo, hoặc Tiểu thừa hoặc Đại thừa.

Như thế cũng nên biết Phật giáo do thời nào và do đường nào truyền sang xứ ta và lịch sử Phật giáo ở Việt-Nam như thế nào ?

Căn cứ theo nhiều sách và tài liệu bàn về Phật giáo truyền sang nước ta bằng nhiều cách :

a) Nhờ các sư Tàu, sang tránh nạn ở Bắc kỳ, sau khi vua Hán Linh Đế mất (189) trong nước Tàu có nội loạn (cuối thế kỷ thứ 2 và đầu thế kỷ thứ 3).

b) Nhờ các vị sư người Thiên Trúc (Inde). Khang cư (Sogdiane) (nay là xứ Boukhara thuộc Turkestan russe) Nguyệt Thị tục gọi là Nhục Chi (Indoscythe) nay là Bắc Ấp Độ, phía trên sông Indus) sang nước ta, hoặc đi qua nước ta để sang Tàu, trong thế kỷ thứ 3. Theo sách *Thuyền Uyên Tập Anh Ngữ Lục* trong đó có lịch sử các vị danh Tăng trong Thiền Môn, từ thế kỷ thứ 6 tới thế kỷ thứ 13, thì Phật giáo phát nguyên bên Ấn Độ là xứ cách nước Việt Nam biết bao nhiêu là núi cao, biển rộng, thời làm sao Phật giáo có thể truyền sang hồi lúc đường xa không có giao thông, xe tàu chưa xuất hiện.

Đi đường bộ trải qua Tây Tạng, Trung Hoa, rồi từ đấy mới bọc xuống phía Nam mà vào Việt Nam. Các ức thuyết ấy xưa nay nhiều người đề xướng. Song căn cứ theo nhiều sử liệu, thì con đường bộ đó không phải là con đường duy nhất của Phật giáo để sang xứ ta — mà một con đường nữa ta nghĩ đến là con đường biển. Tập *Thuyền Uyên* nói trên ghi rõ ức thuyết này.

Cho nên cứ theo trong *Pho Thuyền Uyên* thời Phật giáo noi theo con đường biển vịn theo những hòn đảo, mà lần hồi đi từ Ceylan qua Java, qua Indonésie, rồi sang Việt-Nam.

Như vậy, có thể kết luận rằng, Phật giáo truyền sang nước ta bằng hai ngã : thủy và bộ.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam có thể chia làm nhiều thời kỳ :

a) Thời kỳ truyền bá (từ cuối thế kỷ thứ II đến cuối thế kỷ thứ VI, từ lúc nội thuộc nhà Hán đến hết đời Nam-Bắc triều) : nhờ các vị sư Tàu, và thứ nhất là vị sư Ấn Độ mà Phật giáo dần dần truyền trong dân gian, nhưng chưa có tổ chức gì.

b) Thời kỳ phát đạt (từ cuối thế kỷ thứ VII đến cuối thế kỷ XIV, từ lúc nội thuộc nhà Tùy đến cuối đời nhà Trần) trong thời kỳ này, có ba Thiền phái kế tiếp nhau thịnh đạt ở nước ta.

1) Từ năm 580, vị sư người Tây Trúc tên là Ti-Ni-Đa-Lưu Chi (Vinitaruci) đến chùa Pháp-Vân (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh) lập một Thiền phái thứ nhất ở nước Nam truyền được 19 đời (580, 1216) Trong đó có các vị Pháp-Hiền (+ 626) Pháp-Thuận (+ 990) Vạn-Hạnh (+ 1018) — Từ-Đạo-Hạnh (+ 1122).

2) Từ năm 820 vị sư người Tàu tên là Võ-Ngôn-Thông đến ở chùa Kiến Sơ ở (làng Phù-Đổng, huyện Tiên-Du tỉnh Bắc-Ninh) lập ra một Thiền phái thứ hai, truyền được 14 đời (820-1221) trong đó có các vị sư Ngô-Chân-Lưu (+ 1011) và vua Lý-Thái-Tôn (1000-1054).

3) Đến cuối thế kỷ thứ XI, vị sư bên Tàu tên là Thảo Đường được phong làm Quốc Sư lập một Thiền phái thứ ba truyền được 5 đời (1069-1205) trong đó có các vị vua nhà Lý : Thánh-Tôn (1023-1072) Anh-Tôn (1136-1175) Cao-Tôn (1173-1210)

Trong thời kỳ này, đạo Phật ở nước ta rất thịnh, hầu được coi như Quốc giáo : Triều đình đặt chức Quốc Sư, mở khoa thi tam giáo (Nho, Phật, Lão) — Nhiều ông vua nhà Lý, nhà Trần đi tu sau khi thoái vị và chùa chiền dựng lên ở trong nước rất nhiều.

c) Thời kỳ suy đồi : (từ thế kỷ thứ XV tức là từ đời Hậu Lê). Phật giáo bị phái nhà Nho công kích không được nhà vua sán sóc đến nữa, lâu dần thành một tôn giáo của dân chúng, không có tổ chức, hệ thống gì nữa, các Tăng Ni phần nhiều là ít học bày ra các mối dị đoan, các lễ nghi phiền phức, còn giáo lý cao siêu của Nhà Phật ít người hiểu đến.

PHẬT GIÁO TỪ ĐỜI HẬU LÊ TRỞ VỀ SAU

Tại các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, hình như Đạo Phật được reo giống vào một thời kỳ như ở Bắc — Chúng ta biết được chắc chắn năm 1601, Nguyễn Hoàng đã cho xây cất chùa Thiệp Mụ gần Huế.

Nếu vào thế kỷ thứ 15, Phật giáo ở Bắc đi đến suy đồi, ở Trung thì ngược lại Phật giáo bắt đầu thịnh đạt. Các Chúa Hiền Vương (1618-1687) Ngãi vương (1687-1691) và nhất là Minh Vương (1691-1725) rất sùng đạo Phật.

Nhưng đến lúc Tây sơn (1778-1802) lên nắm chính quyền Tây Sơn đã bắt buộc các Thầy Tu phải nhập ngũ, hủy các tượng Phật, phá bình địa các chùa.

Khi nhà Nguyễn thống nhất sơn hà, Phật giáo biến thành thứ lợi khí chánh trị trong tay các vua chúa để củng cố ngôi báu vừa xây đắp. Còn tầng sĩ thì bị truất xuống hàng thủ từ các chùa, hay hàng thầy cúng. Phật giáo chỉ còn cái xác, hầu hết các chùa, việc phá trái, phạm giới là thường.

PHẬT GIÁO TỪ 1920 ĐẾN NAY

Năm 1920, phong trào hưng Phật giáo đã nổi lên ở Trung Hoa Dân Quốc và đã lôi kéo vào phong trào ấy tín đồ Phật giáo Việt Nam.

Nhờ ảnh hưởng phong trào ấy, năm 1931, một Hội Phật Học đầu tiên được thành lập ở Saigon lấy tên là Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học. Ở Trung Việt Hội Phật Học được thành lập năm 1932 và ở Bắc Việt 1934.

Các Hội trên đây đều do Tăng già và cư sĩ góp sức để tạo thành, mặc dầu mỗi Hội đều có một phương tiện hoạt động khác nhau, nhưng tựu trung đều có những mục đích như :

— Chính đốn thiền môn

— Văn hồi qui giới

— Chăm lo việc giáo dục một thể hệ Tăng Sư hữu học

— Phổ thông lý thuyết nhà Phật bằng chữ Quốc ngữ thay thế cho chữ Nho được dùng từ xưa.

Phong trào này được phát động mạnh mẽ nhưng không được hưởng ứng là bao nhiêu.

Ngày 6-5-1951, một Hội nghị toàn quốc họp ở Huế gồm trên 50 đại diện Tăng Già và Cư sĩ. Nhiều bản quyết nghị được chấp thuận như thống nhất các Hội cư sĩ, cải cách nội bộ Phật giáo, qui định lễ nghi, phổ cập giáo lý trong dân chúng và chuyển tâm đào tạo một thể hệ Phật tử, có học vấn uyên bác hơn.

Đại Hội cũng phê chuẩn việc Thượng Tọa Tố Liên, đại biểu Phật giáo Bắc Việt đã ký tên cho Phật giáo Việt Nam gia nhập vào Hội Phật Giáo Thế Giới. Hội Phật giáo thế giới được thành lập tại Hội nghị quốc tế Phật giáo họp tại Colombo, Tích Lan vào năm 1930.

Năm 1952, phái đoàn Phật giáo Tích Lan đã họp Hội nghị tại Đông Kinh có mang theo một Ngọc Xá Lợi Phật Tổ để tặng nước Nhật. Lúc tàu dừng lại Saigon, các đại diện Phật giáo miền Nam có tổ chức một buổi lễ cung nghinh long trọng có đến 100 000 người đến dự.

Từ đó, các cơ quan từ thiện, Phật Học đường, tư thực Phật giáo và cơ sở Thanh niên Phật tử được nảy nở thêm và ngày càng thịnh vượng.

Mặc dầu Phật giáo du nhập vào Việt-Nam vào cuối thế kỷ thứ 2 và đầu thế kỷ thứ 3, nhưng mãi đến năm 1955, mới nói đến thống nhất đạo Phật ở Việt-Nam. Khi nói đến Phật giáo thống nhất chỉ nên hiểu đến những hội Cư-sĩ hay hội Tăng già đồng quan niệm, đồng chí hướng và đã đồng ý kết đoàn thành một hội duy nhất lấy tên là Hội Phật-giáo Việt-Nam.

Danh từ thống nhất ở đây chỉ có nghĩa là một dự định thống nhất, giữa những đoàn thể có thể thống nhất và tự muốn thống nhất tức là sự thống nhất hạn chế trong khuôn khổ, tinh thần và kỷ luật hoạch định bởi ý chí chấn chỉnh của người khởi xướng chứ không phải một sự kết nạp để lấy số đông.

Tổng Hội Phật giáo được thành lập sau một cuộc đại hội nghị toàn quốc tại Huế năm 1951. Đến dự đại hội có 53 đại biểu Tăng già, vừa cư-sĩ của ba Phần hợp mặt nhau trong một khung cảnh trang nghiêm của Chùa Từ-Đàm (Huế) để thảo luận về hoạt động của Phật giáo.

Tất cả mọi đại biểu đều chấp thuận việc thống nhất Phật giáo, thành lập 1 viện Tăng Thống đặt dưới quyền điều khiển của Đức Tăng-Thống.

Sự thống nhất được thực hiện làm 2 giai đoạn :

Đoạn đầu dưới hình thức một Tổng Hội gồm 6 tập đoàn : 3 xuất gia, 3 tại gia.

Đoạn sau sẽ là giai đoạn Thống nhất thực sự, các tập đoàn riêng biệt này sẽ bị xóa bỏ và tiêu dung vào hội duy nhất là Hội Phật-giáo Việt-Nam.

Năm 1956, Tổng-Hội đã triệu tập 1 đại hội nghị toàn quốc lần thứ 2 tại Saigon để bầu ban quản trị Trung Ương thực thụ. Hòa-Thượng Thích-tịnh-Khiết, Hội-chủ trong Ban Quản-Trị Lâm Thời được tái cử.

Riêng ở Nam Việt, Hội Tăng-Già đã mở được 3 Hội Phật Học đường để đào tạo Tăng Ni.

Hai cho Tăng (Chùa Ấn-Quang ở Chợ Lớn)
(Chùa Phước-Hòa ở Trà-Vinh).

Một cho Ni (Chùa Dược-Sư ở Gia-Định).

Hội cũng mở lớp huấn luyện trụ trì.

Từ năm 1954, tới cuối năm 1957 đã tổ chức được 4 khóa và huấn luyện được 130 vị trụ trì bên Tăng, và 30 vị bên Ni.

Ngoài ra, ở Tăng Già năm 1951 ở Nam-Việt đã sáng lập ra Hội Phật-Học. Mục đích Hội là đoàn kết Phật-Tử xuất gia và tại gia chân chính để tu học theo chính Pháp Như Lai và thực hành Đức Từ Bi. Hội Phật Học cùng với Hội Tăng Già đã thu hoạch được nhiều kết quả khả quan.

Hội chống lại mê tín dị đoan, đốt vàng mã, xin xăm, bói, quẻ, cúng sao, cúng hạn và đồng thời truyền bá giáo lý Đạo Phật bằng tất cả mọi phương tiện như báo chí, diễn giảng, sách vở v.v.

Thời kỳ này tình hình Phật giáo không có sự thay đổi ngoài sự hoạt động tích cực của các Hội Phật Học và Tổng Phái như :

- Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy
- Giáo Hội Tăng Già Trung Phần
- Giáo Hội Thiền định đạo tràng
- Giáo Hội Tăng Già Nam-Việt
- Giáo Hội Tăng Già Bắc-Việt
- Giáo Hội Tăng Sĩ Theravāda
- Hội Phật Giáo Nguyên-thủy
- Hội Phật-Học Nam-Việt
- Giáo phái Theravāda
- Hội Phật-giáo Việt-Nam — Trung-Phần
- Hội Việt-Nam Phật-Giáo — Bắc Phần.

Phải nói rằng từ năm 1920 đến hết năm 1956, Phật giáo Việt-Nam thật là một thời kỳ hưng thịnh. Số Phật-Tử càng ngày càng đông. Các tổ chức thanh niên, sinh viên, học sinh Phật-tử đều được sắp xếp quy củ.

Các Vị Thượng Tọa, Đại-Đức, Tăng Ni đều là những vị có học vấn uyên bác, kinh sách đều được in ra rất nhiều, phổ biến rộng rãi trong giới Phật-tử và những người mộ đạo Phật.

Nhờ vậy mà số thiện nam, tín nữ càng ngày càng đông, tính theo tỷ lệ lên tới 850/o.

1960-1963 : Tuy nhiên qua năm 1960-1963, Phật-giáo Việt-Nam đi vào một khúc quẹo của lịch-sử, đó là những vụ đàn áp đẫm máu Phật giáo do Tổng Thống Ngô-đình-Diệm gây nên.

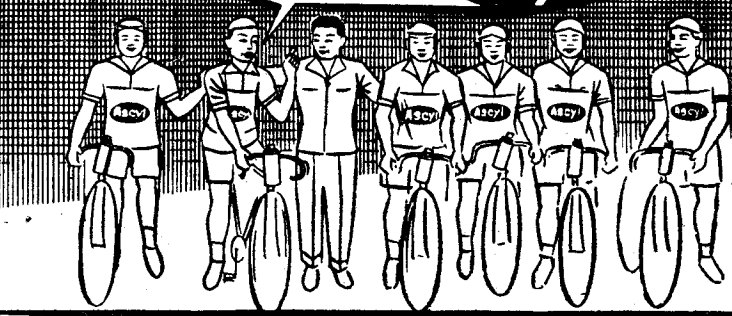
Với chính sách kỳ thị tôn giáo càng ngày càng rõ rệt, và khắc nghiệt, cố tình bóp bẹp tinh thần mộ đạo Phật của nhân dân Việt-Nam, Tổng Thống Ngô-đình-Diệm đã thẳng tay đàn áp, bắn giết, thủ tiêu, đốt phá, cướp bóc, khiến bao nhiêu Phật Tử cùng các vị Thượng Tọa, Đại-Đức, Tăng Ni đã phải hy sinh tính mệnh để bảo vệ Phật Pháp.

Tinh thần đấu tranh gian khổ này đã gióng lên những tiếng chuông khiến cả thế giới phải xúc động nên quyết tâm ủng hộ Phật giáo đồ Việt-Nam đến thắng lợi cuối cùng.

Kết quả là Chính-Phủ bạo tàn gia đình trị họ Ngô phải sụp đổ, tình ra cuộc đấu tranh này kéo dài từ ngày lễ Phật Đản 15/4 năm Quý-Mão là ngày 7/5/63 tại Huế, đến khi chấm dứt vào ngày 11/11/63 là ngày thành công của cuộc Cách-mạng quân đội.

● TUỆ-GIAC

Xin cứ yên tâm! chúng tôi đã có **Ascyl**



Ascyl **TRỊ CẢM SỐT, NÓNG LẠNH, NHỨC ĐẦU, BẦN THẦN, ỨẾ OÀI**

NH 360 2/10/64

TIN TỨC NỘI BỘ



— Bộ Tư Lệnh Không Quân đã chấp thuận cho Phòng Tuyên Ủy Phật giáo được phép lạc quyền trong nội bộ để xây cất một ngôi chùa xứng đáng. Đó là một tin mừng cho toàn thể Quân nhân Phật Tử Không Quân.

— Tại trại Phi Long Tân sơn Nhứt đã có trên 200 chữ ký của con em Phật tử không quân thỉnh nguyện thành lập « gia đình Phật tử không quân » để được sinh hoạt và cho con em thấm nhuần đạo pháp.

Hiện nay Đại Đức Tuyên Ủy trưởng đang xúc tiến gấp.

— Không đoàn 23 đã thành lập xong 1 Phòng đọc sách và 1 nhà « hậu » do sự tận tình

giúp đỡ của Trung tá Tư lệnh và Thiếu tá Tư lệnh Phó Không Đoàn cùng sự nhiệt tâm của các đạo hữu trong Ban Đại Diện.

— Không đoàn 41 đang dự định xây cất một niệm Phật đường do sự đóng góp của anh em lâu nay.

— Căn cứ 12 huấn luyện, Đại Đức Tuyên Ủy sẽ tổ chức hàng tháng một buổi học tập giáo lý cho anh em Quân nhân Phật tử được thấm nhuần đạo pháp.

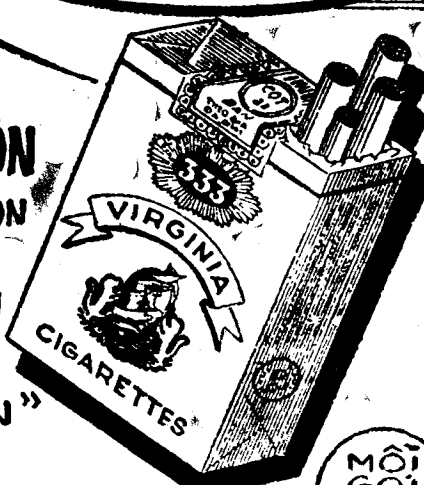
— Đại Đức Tuyên Ủy trưởng Bộ Tư Lệnh Không Quân hàng tháng đã tổ chức thường xuyên các buổi lễ vào những ngày 1 và 15 từ 16 giờ đến 18 giờ tại niệm Phật Đường Phòng Tuyên Ủy. Các anh em và

gia đình Phật tử nên tham gia đồng đảo vào những ngày lễ nói trên.

— Viện Hóa Đạo và Phật tử Đô thành Saigon đã gửi tặng số bạc trên 13 ngàn đồng và 1 số tặng phẩm cho anh em Không Quân Tân sơn Nhứt và Không Đoàn 23, nhân dịp anh em đã tích cực « chống đảo chính », ngày 19-2-65. Trung tá Tư lệnh Không Đoàn 23 đã gửi thư cảm tạ Viện Hóa Đạo và đồng bào đã tới Ủy lạo anh em.

— Đại Đức Tuyên Ủy trưởng đang dự định xây cất 1 ngôi chùa xứng đáng trong căn cứ Phi Long. Tuy nhiên, còn phải chờ đợi sự sốt sắng và nhiệt thành của toàn thể Quân nhân Phật tử các cấp. Thiếu tướng Tư Lệnh cũng đã hứa sẽ tận tình ủng hộ công cuộc xây cất nói trên phỏng chừng trên 2 triệu đồng, để xứng đáng làm nơi tu tâm tìm đạo của toàn thể quân nhân Phật tử Không Quân.

DIỆU THANH



333

3 ĐẶC ĐIỂM: THƠM, DIU, NGON
NGƯỜI RÀNH HÚT THUỐC LÁ CHỌN

3 SỐ 3 BẠN CỦA NGƯỜI GHIỀN
HÚT RỒI MỚI THẤY....
"XÃ XÊ BON"

醇香味美

烟香牌三個三

MỖI GÓI 15

元伍拾包每



LÃO CHỘT

• KỊCH MỘT HỒI

• của THÁI-HUY-QUANG

— Kịch xảy ra tại một khu rừng thưa, sát biên giới Ai-Lao — Bắc Việt giữa đêm 20 tháng 7.

NHÂN VẬT :

Lão Chột : Ngoài 40 tuổi, thấp lùn, chột một mắt trái.

Cô gái : Độ 16, 17 tuổi con ghẻ của Lão Chột, xinh đẹp.

Người lính V. C. : Ngoài 30 tuổi.

Tên Công-an V. C. : Ngoài 30 tuổi, cao lớn, cục mịch nói ngọng vắn « L ».

CẢNH :

Một quán cà-phê mái lá, vách phen, có tấm biển cốt quét vôi trắng treo cửa. Từ phía ngoài, người ta đọc rõ ba chữ « QUÁN DỊCH THỦY » màu đỏ.

Trong quán, vài ba bộ bàn ghế nhỏ nhẵn kê cách khoảng nhau. Chiếc kệ gỗ đặt dựa vào vách bên trái gần với quầy bán hàng. Trên kệ bày một hàng ly cối xay cà phê, phin cà phê, vài lọ kẹo, vài hộp sữa, thuốc Lào, thuốc lá... Sau quầy hàng để hỏa lò than hồng đun nước sôi. Cửa xuống bếp nhỏ hẹp có tấm vải màu gu che kín.

Khoảng 9 giờ đêm. Ngọn đèn dầu có tán treo giữa nhà tỏa ánh sáng vàng vọt trên mọi vật và trên khuôn mặt trái xoan của cô gái bán hàng đứng ngồi sau quầy. Tên công an ngồi uống cà-phê, mắt lăm lét nhìn cô gái.

LỚP I

TÊN CÔNG AN — CÔ GÁI

Tên Công-an : (vẻ si mê). Đồng-chí không nói truyện đi cho vui.

Cô gái : (lạnh nhạt). Tôi không biết chuyện gì cả ạ.

Tên Công-an : Truyện tiểu-nam cũng được.

Cô gái : Tôi không biết ạ.

Tên Công-an : (cười để lộ hai hàm răng vàng khè) Hề! Hề! Thế, đồng chí có biết mùa « Nở Chỉ Thoàn » không?

Cô gái : (lắc đầu). Tôi không biết.

Tên Công-an : Nạc hậu thật. « Nở Chỉ Thoàn » nà điệu

múa kết-đoàn của Trung-quốc vĩ-đại mà đồng-chí cũng nại không biết.

Cô gái : (im lặng, mắt vẫn nhìn ra ngoài đường).

Tên Công-an : (đứng lên, loay hoay không biết làm một cử chỉ gì để tán tỉnh, hẳn kéo chiếc đồng hồ đeo tay gài ở thắt lưng giơ ra trước mặt cô gái) Cái đồng hồ Vi-ne này đồng chí trông có đẹp không?

Cô gái : Đẹp.

Tên Công-an : Chiến nọi phẩm từ miền Nam gửi ra đấy nhé.

Cô gái : Thế ạ.

Tên Công-an : Công tác trong ấy gian khổ nhưng có nhiều thứ bồi dưỡng. Mỗi chuyến công tác phục kích xe đồ Lào tha hồ... (làm một cử chỉ tỏ vẻ thích thú). Dân trong ấy... đói nhưng họ thích đeo vàng, đeo đồng hồ ngoại Vi-ne, bút máy ngoại Ba-ke, nhẫn kim cương. Nhiều... nhiều lắm... Cái đồng hồ này tôi đổi của một nữ đồng chí giao-niên đấy. Chẳng biết sao mà các đồng chí bộ đội cho đồng chí ấy nhiều thứ lắm. Đồng chí có muốn nấy tôi tặng nại.

Cô gái : (lắc đầu) Tôi không biết dùng thứ ấy ạ.

Tên Công-an : (cười vô duyên) Hề! Hề! Đồng chí Nan này, vấn đề tôi đề nghị với đồng chí dưỡng của đồng chí đã được đồng chí thông qua chưa.

Cô gái : Vấn đề gì kia ạ.

Tên Công-an : (vẫn cười toe toét) Cái vấn đề ấy... ấy... Vấn đề tìm hiểu xây dựng ấy.

Cô gái : (nghiêm nghị). Cháu xin bác đừng nói đến chuyện ấy nữa. Cháu không bằng lòng.

Tên Công-an : (cụt hứng) Không bằng nòng? (trơ-trẽn) Thôi thế tôi về. (bước ra, còn tiếc rẻ quay lại). Cà phê ủng hộ đấy nhé.

(Cô gái im lặng vẻ khinh bỉ. Tên công-an còn nhìn lại một lần nữa trước khi khuất dạng).

LỚP II

LÃO CHỘT — CÔ GÁI

Lão Chột : (Lách tấm màn cửa sau bước ra, lè đôi guốc lết xệt trên đất, đưa mắt nhìn phía ngoài rồi đến bên cô gái). Đồng chí Loát về rồi à.

Cô gái : Ông ấy lại quýt tiền cà phê nữa.

Lão Chột : Thôi được, các đồng chí ấy phục vụ nhân dân.

Cô gái : Phục vụ nhân dân đâu chả thấy chỉ thấy...
các ông ấy bắt mình phục-vụ. Các ông ấy làm
việc có lương. Cái gì cũng được ưu tiên mà.

Lão Chột : Mày cứ thành kiến, hẹp hòi, ích kỷ.
(kéo ghế ngồi). Bán được chừng nào hay chừng ấy,
Mình có sống về nghề này đâu, (ngừng một lát),
Lan này.

Cô gái : Dạ !

Lão Chột : Mày đã thảo luận với đồng chí Loát về vấn
đề đồng chí ấy yêu cầu chưa ?

Lão Chột : Dượng bảo ông ấy đừng theo đuổi vô ích,
tôi không bằng lòng đâu. Ngày nào ông ấy cũng
ra ngồi tán tỉnh, rồi ăn uống không trả tiền, tôi khó
chịu lắm.

Lão Chột : Nhưng mày phải cố gắng phục vụ đồng chí
ấy chứ. Công việc làm ăn của tao phải trông cậy ở
đồng-chí ấy đấy.

Cô gái : Dượng làm ăn cái gì?

Lão Chột : Buôn bán chứ còn gì nữa.

Cô gái : Mình có làm sao mà phải sợ người ta.

Lão Chột : Thì những chuyến hàng «ngầm» ấy. Mình
có khai thuế đâu.

Cô gái : (ngạc nhiên) Dượng buôn lậu ?

Lão Chột : (khoát tay) Suyt ! Nói nhỏ chứ. Mày cứ... cố
gắng giúp tao lấy lòng mấy đồng chí ở đồn đi. Còn
đề mặc tao (cười hóm hỉnh) Cha con mình phải
kiếm tý vốn chứ.

Cô gái : Có của, lại trở thành tư sản thì rồi cũng khổ.

Lão Chột : Chà ! Sợ gì, bống có gan, bốp cũng có gan,
các đồng chí cán bộ đảng cũng thế cả.

Cô gái : (mỉa mai) Cũng thế cả ? Thì ra ai cũng có óc tư
hữu. (cười) Thế rồi làm sao tiến tới thế giới đại
đồng hã dượng ?

Lão Chột : Vẫn tiến tới chứ... Nhưng mà thôi, thảo
luận làm gì chuyện xa xôi sau này. Mày cứ bán
hàng đi, mỗi tháng được một tạ gạo trợ cấp đấy...
Lan này.

Cô gái : Dượng bảo gì ?

Lão Chột : (làm vẻ bí mật) Lại mới có một Đại đội đến
đây hồi chiều đấy.

Cô gái : Họ đi đâu hã dượng ?

Lão Chột : Nam.

Cô gái : (đăm chiêu) Đánh nhau to...

Lão Chột : Ừ ! Mình vừa mới thắng trận ở Đổ-Xá.

Cô gái : Sao bảo... họ chiếm đóng cả khu Đổ-Xá rồi.

Lão Chột : Ai bảo mày thế ?

Cô gái : Anh bộ đội đi chuyển trước.

Lão Chột : Thế mà mày không nói cho tao hay ngay
hôm ấy.

Cô gái : Người ta nói thì mình biết vậy.

Lão Chột : Biết vậy là thế nào. Nó phao tin đồn nhảm.

Cô gái : Con thấy anh ấy nói họ triển lãm cả vũ khí

bắt được ở Đổ-Xá và báo chí in hình bộ đội ta bị
bắt nhiều lắm.

Lão Chột : Đúng nó là phản động rồi. Lan này, mình
mở quán này không phải chỉ để tiếp đãi bộ đội mà
còn phải có nhiệm vụ dò xét những phần tử không
trung kiên nữa đấy ?

Cô gái : (Yên lặng giây lát) Đã đưa người ta đến trạm
giao liên biên giới này rồi, tại sao còn phải ngờ
vực dò xét như vậy.

Lão Chột : (vuốt chòm ria, nhếch mép cười nham hiểm)
Ấy, tôi cái chỗ này mới là chỗ thử tinh thần đấy.
Nghĩ đến cái chết, cái khó khăn, gian khổ, nhiều
đồng chí đâm ra rao-động, nầy sinh tư tưởng đầu
hàng.

Cô gái : Người ta đã là bộ đội, đã từng chịu đựng cảnh
như thế rồi. Có gì mà tư tưởng phải thay đổi.

Lão Chột : (cười thành tiếng) Mày chính trị non lắm con
ạ. Cần phải học tập nhiều mới hiểu được. Hoàn cảnh
mỗi lúc một khác, mục tiêu chiến đấu thay đổi, tư
tưởng cán bộ cần phải uốn nắn lại. Mày không biết
chứ, có người lúc đánh Tây rất hăng mà đến lúc
tổ khổ địa chủ thì lại rụt rè, mất lập trường, thiếu
tin tưởng. Có người đã dự trận Điện-Biên, được
bầu làm chiến sĩ gương mẫu, ấy thế mà vào miền
Nam đánh nhau với Dân vệ thì lại mất tinh thần...
Mà thôi, mày cứ tích cực công tác đi rồi nhờ ơn
Đảng dạy dỗ, mày sẽ nắm vững vấn đề.

Cô gái : (vuôn vai ngáp dài).

Lão Chột : Kia, mày buồn ngủ rồi à. Thôi, liệu dọn hàng
đi. Hôm nay các đồng chí ấy bận liên hoan cả rồi,
chẳng ai tới nữa đâu.

Cô gái : Vàng (đứng dậy, uể oải thu dọn. Lão chột vào
khuất sau tấm màn).

LỚP III

Người lính : (Say rượu, mặt đỏ bừng chệnh choạng bước
ra, ngược mắt nhìn tầm biên, đọc đồng dục) « QUÁN
DỊCH THỦY » Chà, hay quá ! (nhìn vào quán) DỊCH
THỦY là gì hã cô em ?

Cô gái : Thưa em không biết.

Người lính : Không biết mà lại trưng lên cửa hàng ?

Cô gái : (mỉm cười) Thì các đồng chí hiểu là được rồi.

Người lính : (cười) Ha ! Ha ! Có em nói chuyện có duyên
lắm. Này, cô em này, Dịch Thủy là con sông ngăn
biên giới Yên Tân đấy. Ngày xưa, Thái-Tử Đan, cục
trưởng cục Chính-trị của nước Yên tổ chức cuộc
tiến đưa bèn sông Dịch để động viên tinh thần anh
chàng Kinh-Kha đi đàm mươn. Chắc bây giờ một
đồng chí Chính-ủy nào của chúng ta lại học hỏi
kinh nghiệm, áp dụng hình thức ấy để động viên
những thằng cầm súng đi qua biên giới này để vào
chỗ chết đấy (cười dài) Ha ! Ha ! Tuyệt diệu !

Cô gái : Đồng chí dùng cà phê ạ?

Người lính : Có cứ pha đi, cho một cốc lớn ấy, thật
đặc vào. Tôi phải thức trắng đêm nay, rồi mai lên

đường (kéo ghế ngồi mắt vẫn không rời cô gái) Cô em này.

Cô gái : Dạ.

Người lính : Chắc nhiều đồng chí bộ đội nhà ta thích cái tên quán này lắm phải không ?

Cô gái : (vừa pha cà phê vừa nói chuyện) Em cũng không biết nữa.

Người lính : Có thì cái gì cũng không biết, nhưng tôi biết là cô biết nhiều. Cô không biết cũng phải biết, có phải không cô ? (lại cười) Cô em này ! Thắng bộ đội nào tưởng mình là Kinh Kha thì nó ngu hơn con bò rồi đấy. Nó đóng vai Kinh Kha đi đâm mướn nhưng là Kinh Kha của nước Tần... Kia, sao cô lại nhìn tôi chăm chú như vậy. Tôi có vẻ phản động lắm phải không (cười) ? Đừng báo cáo đấy cô em nhé.

Cô gái : (ái ngại) Đồng chí say lắm rồi.

Người lính : Tôi say à. Thì cả đời cũng phải có lúc vô kỷ luật một chút chứ. Các đồng chí cố vấn Trung quốc vĩ đại, các đồng chí Chính ủy lúc này cũng say như tôi. Có khác chăng là các đồng chí ấy được dùng đặc-táo có rượu Tây, và say ở tư dinh với mấy đồng chí nữ văn công, chứ không say ở hàng ở quán. (cười ngạo nghễ)

Cô gái : Sao đồng chí không dự tiệc liên hoan với các đồng chí trong đơn vị ?

Người lính : Liên hoan thì có cóc khô gì. Vài củ khoai, dăm cái kẹo ăn chẳng bỏ rãnh miệng.

Cô gái : Thì xem văn nghệ vậy.

Người lính : Văn nghệ của mấy ông văn công ấy à, tôi thấy ngấy lắm rồi... Mà cô bảo có gì vui mà liên hoan mới được chứ.

Cô gái : Hình như hôm nay là 20 tháng 7 mừng Hiệp định Giơ-neo.

Người lính : Mừng hiệp định Giơ-neo ? Ha ! Ha ! Sao lại mừng há cô.

Cô gái : (lúng túng) Mừng... thắng lợi của ta.

Người lính : Cô có biết đồng bào miền Nam — mà cả một số lớn ở miền Bắc chúng ta nữa ấy — gọi ngày này là ngày gì không ? (dẫn giọng) Ngày... Quốc... Hận !

Cô gái : Ngày Quốc Hận ! Sao lại vậy ?

Người lính : (chợt dăm chiêu, yên lặng giảy lát, giọng trầm buồn) Cô hẳn nhớ chứ : hàng vạn đồng bào, hàng triệu đồng bào gạt lệ ra đi để lại ruộng vườn, mồ mả tổ tiên, để lại bao kỷ niệm vui buồn của nơi chôn nhau cắt rốn. Trong lớp người ra đi ấy, có em ạ, có thân nhân của cô, của tôi, của nhiều người bạn chúng ta. Mẹ tôi, anh tôi, em gái tôi và... Liên, người yêu của tôi, cũng đã không còn ở lại.

Cô gái : Nhưng rồi, mai ngày đồng chí còn tìm gặp được ở miền Nam.

Người lính : Gặp à cô ? Tôi sợ những người thân yêu ấy không muốn nhìn nhận tôi nữa khi mà tôi vào miền Nam với khẩu súng trong tay để phá hoại cuộc sống của họ. Dưới con mắt họ, tôi là tên giặc

xâm lăng. Tôi mà đến thì họ sẽ đi như đã ra đi từ 10 năm về trước. Nhưng mà... cô em này, tôi tin rằng tôi sẽ không phải nhìn thấy cảnh đau lòng ấy nữa, vì tôi sẽ chết trong cái tham vọng chiếm đất, chẳng bao giờ thực hiện được.

Cô gái : (dịu dàng) Đồng chí dùng cà phê đi rồi về trại nghỉ. Đồng chí say lắm rồi đấy, đồng chí nghe em, đừng nói nhiều nữa. Ở đây...

Người lính : Ở đây làm sao ? Cô sợ có mình cô với một tên lính say ở giữa nơi quán vắng đêm khuya phải không ?

Không ! Tôi vẫn tỉnh, tôi vẫn còn là thằng người chứ chưa biến thành con thú, dù tôi đã học thuộc lòng cuốn « lý luận ái quan Mác-xít ». Cô em ngoan ngoan dịu dàng lắm. Thú thực rằng, đã lâu, lâu lắm rồi, tôi mới được nói chuyện với một người, đúng là một con người.

Cô gái : (cười) Thế ra đồng chí toàn nói chuyện với ma hay sao.

Người lính : (cũng cười) Ma không ra ma, quỷ không phải quỷ !

Trong bộ đội thì toàn những ông có óc không tim, ngoài dân chúng thì toàn những người dở cảm dở điếc, (chợt chăm chú nhìn vào tấm màn cửa. Lão Chột từ nãy vẫn núp nghe với bước lui vào trong). Hình như có người rình nghe chuyện của tôi.

Cô gái : Dượng em ở dưới nhà đấy ạ.

Người lính : Dượng tức là...

Cô gái : (cúi đầu, đỏ mặt) tức là cha ghê ạ.

Người lính : Thế ra ba cô...

Cô gái : Cha em mất, mẹ em tái giá, (thở dài). Nhưng mẹ em cũng đã đi theo cha em rồi.

Người lính : (ngậm ngùi). Lại một tâm hồn đau khổ !

Cô gái : Đồng chí dùng cà phê đi, rồi về nghỉ mai còn đi.

Người lính : Ở mà sao cô em nỡ xua đuổi tôi vậy, chẳng lẽ cô lại để cho một kẻ sắp ra đi vật lộn với thần chết phải tủi lòng hay sao ?

Cô gái : Em đâu dám thế. Nhưng... ở đây...

Người lính : Đây là quán Dịch Thủy mà, cô là người con gái nước Yên có nhiệm vụ phải tiễn đưa kẻ ra đi.

Cô gái : (mỉm cười) Lúc nãy đồng chí vừa bảo rằng các đồng chí không phải là Kinh Kha, sao đồng chí bắt em làm con gái nước Yên ?

Người lính : Ở mà tôi quên, tôi lẫn. Đây cô xem cái bộ óc ông Chính ủy nào đặt cái tên quán cho cô có ghê gớm không. Chính tôi cũng đã bị lừa rồi, mà không biết : Lấy tên sông Dịch đặt tên quán đã là chính trị cao, mà lại chọn một nàng tiên ngồi bán quán nữa thì, chà chà, chính trị ấy cao vô cùng, (gật gù) vô cùng ! Cô em ạ, tôi đã có một thằng bạn học, ôm bom ba-càng đâm vào chiến xa, chỉ vì ngày gia nhập bộ đội nó được Ủy ban xã cử một cô gái từ Thành tân cư về đến ủy lạo bằng một chiếc khăn mùi xoa thuộc loại xa xỉ phẩm và nói một câu (bất

chước giọng con gái) « Em chúc anh được chết đứng cảm nơi chiến trường ». Ghê thật ! Ghê thật ! Tôi chắc cô cũng đã giết nhiều người lắm rồi đấy. *(cười)*

Cô gái : Em chả giết ai cả.

Người lính : Những thằng Kinh Kha giả hiệu lúc này đương hăng máu chiến đấu ở Lào, ở miền Nam cũng chỉ vì họ được đưa qua giọng Dịch Thủy tượng tượng. Họ có thừa can đảm để cắt cổ mỗ bụng bất cứ một ai mà họ gọi là Tần Thủy Hoàng, kẻ cả những anh nông dân chất phác, những cụ già, bà lão thiếu thóc đóng cho bộ đội giải phóng. Và biết bao nhiêu người trong bọn họ đã ngã gục vì cuồng tin, vì tham vọng ! *(thở dài)* Buồn thay ! *(chống tay lên cằm nhìn ra cửa).*

Cô gái : Anh nói nghe hay quá, chắc anh có viết văn trong bộ đội.

Người lính : Linh chúng tôi thì ai cũng phải tập làm về cô ạ. Về đấu tố, về sản xuất, về gột rửa tư tưởng. Nhưng tôi là người bị phê bình không viết được gì cả. Chỉ vì lần đầu tôi làm bài thơ nhớ Liên bị đồng chí Chính trị viên nạo cho một trận nên không dám viết nữa.

Cô gái : Ở đây buồn quá, ước gì em có tập thơ để đọc.

Người lính : *(đứng lên, vẫn còn say, tay móc túi lấy tiền trả).* Thơ à cô ? Thơ tuyên truyền thì sẵn lắm. Hàng tháng chở thơ đi từng xe lửa để phân phát cho lính, cứ như là chở vũ khí từ Trung quốc vĩ đại về chuyển cho các đồng chí miền Nam và Pathet Lào. Cô có muốn nghe thơ không *(ngâm điệu cợt)* :

Đốt đèn cho sáng ba gian

Lời nó ra giữa đình làng đêm nay

Thơ của đồng chí đại thi sĩ Xuân Diệu đấy nhé. *(bước ra cửa).*

Cô gái : Đồng chí về đấy à.

Người lính : Thì cô đuổi tôi hai lần rồi mà.

Cô gái : *(ngâm ngùi)* Em... mong được gặp lại anh.

Người lính : Chả chắc gì đâu. Thôi nhé, vĩnh biệt cô em. *(bước đi, rồi quay lại)* À, tên cô em là gì nhỉ ? Kể ra đi muốn ghi nhớ một hình ảnh đẹp của đêm nay.

Cô gái : Dạ, Thúy Lan ạ.

Người lính : Thúy Lan ! Chà, thơ mộng quá... Nhưng này, cái tên tiểu tư sản lắm đấy, liệu mà đổi đi.

Cô gái : Ba em đặt cho từ bé chứ có phải em chọn đâu.

Người lính : *(cười)* Thế thì càng nguy nữa vì ba em cũng là tiểu tư sản hạng nặng. Vậy chứ ba em làm nghề gì ?

Cô gái : Dạy học ạ.

Người lính : *(tình tứ)* Quê em ở đâu, xem có gần quê tôi không nào ?

Cô gái : Gia đình em hồi tản cư về ở Thanh-Hóa.

Người lính : Tôi cũng ở Thanh-Hóa. Em ở huyện nào. Coi chừng, có lẽ là bà con với nhau rồi đấy.

Cô gái : *(cũng tình tứ)* Ba em dạy học ở xã Thọ-Xuân, huyện Thọ-Xuân.

Người lính : *(hơi sững sốt)* Thọ-Xuân à. Thế, ba em mất năm nào.

Cô gái : Sau hiệp định Giơ-neo.

Người lính : Có đúng thế không *(hốt hoảng)* Sao lại vậy ?

Cô gái : *(ngạc nhiên)* Có chuyện gì đấy ạ ?

Người lính : À không... không, tôi chợt nhớ đến Liên của tôi cũng từ Thanh-Hóa trốn đi năm ấy. Nhưng... có phải ba em là ông Giáo Nhân không ?

Cô gái : Dạ, phải ạ. Anh có quen ?

Người lính : Tôi... biết tiếng *(loạng choạng suýt ngã, vịn, lấy cột quán).*

Cô gái : *(vội đỡ tay người lính)* kia, anh làm sao vậy hãy ngồi xuống đây đã.

Người lính : Không ! Tôi say... ra gió bị nhưc đầu... Em Lan ! Chắc em buồn về cảnh gia đình lắm phải không ?

Cô gái : *(nghe ngáo)* Vâng, ba em bị mất tích anh ạ. Người ta bảo ba em trốn đi di cư, rồi bị đắm tàu, nhưng em không tin là thế.

Người lính : Minh hãy tự lừa dối mình để mà sống. Chúng ta hãy cố mà tin lời người ta nói cũng như đã phải cố mà tin cái thiên đường người ta vẽ ra cho mình. Dĩ vãng dù chua cay, hiện tại đầy nắc nhen, tương lai mờ mịt kinh hoàng, chúng ta hãy quên đi cái ta trong đó. Tôi... tôi đã từng dạy học... làm cán bộ... đi lính... mà bây giờ tôi tưởng là không có tôi ở cái khoảng không gian tôi đang sống đấy. Tôi thấy : Em là gái liêu-trai, quán này là ngục a-tỳ và tôi... tôi là mây, là khói...

Cô gái : Anh ! Anh nói gì ? Anh cũng buồn lắm phải không ?

Người lính : Không ! Tôi có nói gì đâu. Tôi không buồn, không vui, không đau, không sợ em ạ.

Cô gái : *(dè dặt)*, Có lẽ... Có lẽ sự vắng mặt của chị Liên đã làm anh tuyệt vọng.

Người lính : *(cười).* Tôi cũng mong được như vậy nhưng thực ra Lan ạ, hình ảnh Liên mờ mịt quá. Tôi đã chết nửa người rồi, thần kinh tê liệt. Trước mắt tôi chỉ thấy có Lan, mà Lan thì đã biến thành cô gái hồ ly thoáng hiện thoáng biến *(ôm đầu).*

Cô gái : *(đứng sát người lính, đề tay lên vai hắn).* Anh loạn trí rồi. Em đưa anh về đơn vị nhé.

Người lính : *(xua tay)* Không ! Không ! Chân tôi vẫn thường quen bước không cần bộ óc điều khiển. Em cứ ra lệnh đi. Hết lên thật to, chân tôi tự khắc nó bước... Nao... hô đi... hô đi em.

Cô gái : *(bối rối).* Trời ! Anh bị cảm nhiễm nên mê sảng rồi... Làm thế nào bây giờ đây !

Người lính : *(cười, nắm lấy tay người con gái).* Em lo cho tôi lắm phải không ? Tôi vẫn khỏe... và bây giờ thì tôi về... Tôi về nghe Lan... ! *(Lảo đảo bước ra khuất dạng).*

Cô gái : *(bước theo ra cửa nhìn xúc động),* Anh ấy say... hay tỉnh... ?

LỚP IV

BỚT NGƯỜI LÍNH, THÊM LÃO CHỘT.

Lão Chột : (Thở hần hần từ trong nhà tung tấm màn che cửa bước ra ; chân không còn đi guốc). Lan ! Hẳn về rồi à ?

Cô gái : (quay lại) Về rồi.

Lão Chột : Sao mày không giữ hẳn lại ?

Cô gái : Người ta ăn uống trả tiền rồi.

Lão Chột : (dậm chân) Khổ lắm ! Mày ngu quá. Thằng phản động ấy mà mày thả đi hay sao. Tao vừa đến đồn báo cáo các đồng chí ấy rồi. Tao chạy về trước, đồng chí Loát sẽ tới sau (nhìn ra cửa) Mà kia... Nó trở lại... Mày phải cầm chân nó đấy. Tao đi đón đồng chí Loát ! (vụt biến vào sau tấm màn).

ooo

LỚP V

BỚT LÃO CHỘT, THÊM NGƯỜI LÍNH

Người lính : (vẫn điệu bộ say) Chà về làm gì nữa. Ở lại đây nói chuyện cho đến sáng (cười) Có được không em Lan ?

Cô gái : Thôi ! Anh về đi ! Về ngay đi, em đóng cửa hàng bây giờ đây.

Người lính : Thì hãy thông thả đã.

Cô gái : Nhưng mà... nguy hiểm lắm anh ơi !

Người lính : Nguy hiểm cho em hay cho anh ? Nếu cho em thì anh sẽ về. Mà nếu cho anh thì em đừng lo. Em có là hồ ly tinh ăn thịt anh nữa anh vẫn cứ ở lại... Nhưng mà này... dân đói, thóc nông-nghiệp-vụ không thu đủ, lính gầy lắm đấy nhé, thịt chẳng có gì đâu (phá lên cười).

Cô gái : Thôi, anh về đi, anh ở lại nguy hiểm cho em đấy.

Người lính : Sợ Dượng em mắng hả ?

Cô gái : Vâng.

Người lính : Không ! Anh biết, dượng em không có quyền mắng em đâu. Vì nếu dượng em dám ngăn cấm em không được nói chuyện với lính thì chính dượng em sẽ bị người ta nện vào đầu. Em, dượng em, cũng chỉ là hai vai kịch trong vở « Tiên Kinh Kha » mà thôi. Đạo diễn là Chính-ủy, là Chi Bộ Đảng địa phương này kia (cười lớn), Thôi, cho anh cóc cà-phê nữa đi.

Cô gái : (làm vẻ giận dỗi), Cà phê hết rồi.

Người lính : (chỉ tay vào quầy hàng). Còn kia kia ! (vỗ túi). Anh có đủ tiền trả chứ không giở cái lối yêu cầu nhân dân ủng hộ đâu.

Cô gái : Nhưng tôi không bán.

Người lính : (cười), Sao lại không bán ?

Cô gái : Khuya rồi.

Người lính : Khuya rồi, nhưng khách còn muốn uống.

Cô gái : (bối rối, chột đánh liều nắm cánh tay người lính [đẩy ra cửa], Khổ lắm, anh về đi, họ đến bắt

anh bây giờ đấy. (Người lính chưa kịp phản ứng thì tên công-an đã từ phía sau tung tấm màn bước ra).

oOo

LỚP VI

THÊM TÊN CÔNG-AN

Công an : (đeo súng lục — lớp trước hẳn không đeo — làm điệu bộ oai vệ) Chà, bộ đội say rượu tán gái hả. (quay sang cô gái, giọng hằn học) Hừ ! Gái bán hàng toan mãi dâm hả.

Người lính : (nghiêm nghị) Anh muốn gì ? Anh mặt sát chúng tôi phải không ?

Công an : Không những mặt sát mà còn mời đồng chí về văn phòng chúng tôi.

Người lính : Văn phòng gì ?

Công an : Đồn công an biên giới.

Người lính : Không ai bắt được tôi đi đâu cả.

Công an : Đồng chí say rượu, hủ hóa, phản động. Tôi phải đưa về đồn nạp biên bản chuyển sang ban chỉ huy đơn vị.

Người lính : Say rượu thì có, nhưng còn hủ hóa (hất đầu ra dấu hỏi) Hủ hóa ở chỗ nào ?

Công an : Đồng chí... nói chuyện một mình với đồng chí bán hàng trong đêm khuya.

Cô gái : Ông cũng vừa mới ở đây về. Chính ông mới là người nói chuyện không đứng đắn.

Người lính : Đấy, anh thấy chưa. ? (cười mỉa mai)

Công an : (Tức giận) : Nhưng mà đồng chí phản động.

Người lính : Say rượu mà là phản động à ?

Công an : Đồng chí nói những gì chúng tôi biết hết cả rồi. (lớn tiếng) Đồng chí ngoan cố.

Người lính : Tôi chỉ nói những điều tôi nghĩ. Ý nghĩ mỗi người một khác. Tôi cho là phải thì tôi nói. Anh thấy không đúng với ý nghĩ anh, anh bảo nó là trái. Muốn đấu lý cứ đấu đi. Không thể chụp mũ phản động lên đầu tôi được.

Công an : Đồng chí có đi không ?

Người lính : Có ! Tôi có đi, nhưng không đi với anh, tôi uống cà phê đã, lát nữa đi về đơn vị ngủ.

Công an : (rút súng ra) Đồng chí bước ra khỏi quán ngay.

Người lính : (cười) Tưởng gì chứ súng thì lính quen lắm rồi (đổi thái độ). Nhưng mà thôi, tôi hơi say một chút, đồng chí bảo đi về đồn thì tôi đi. Công an với bộ đội cùng là bạn cả. Ai nỡ bức bách nhau thế. Đồng chí dùng võ lực, tôi không đi đâu.

Công an : (dịu giọng) Thì mời đồng chí đi đi cho.

Người lính : Cất súng đi đã ! Ra đường dân người ta thấy một anh công an dí súng vào lưng anh bộ đội bắt đi thì mất hết ảnh hưởng. Không biết tôi bị phạt hay đồng chí sẽ bị phạt kia đấy.

Công an : (suy nghĩ) Được, chúng ta cùng đi (cất súng vào bao)

Người lính : (nhẹ nhàng rút trọng áo ra khẩu súng lục chìa thẳng vào tên công an) Anh không dám đấu lý, nhưng đấu trí thì anh cũng đã thua tôi rồi. Bây giờ

anh bắt tôi hay tôi bắt anh đây? Anh dơ tay lên, đi vào trong kia (quát). Dơ tay lên. Đứng quay mặt vào vách (tên công an đánh dơ tay, người lính tước khẩu súng của hắn).

LỚP VII THÊM LÃO CHỘT

Lão Chột: (lễ phép). Xin hai đồng chí bớt nóng, anh em với nhau cả (với Lan). Kia Lan, mày đừng làm gì đấy. Sao không kéo ghế mời đồng chí bộ đội ngồi. (Lan làm theo một cách miễn cưỡng, nhưng người lính vẫn đứng).

Người lính: (nhìn chăm chú vào mặt Lão Chột, bỗng kêu lên). Ừ! Ông đấy à, ông Chủ-tịch xã Thọ-Xuân đấy à. Ông hỏng mắt bao giờ vậy, làm tôi không nhận ra. Tội, Thanh đây mà.

Lão Chột: (làm bộ thân mật) Tưởng ai hóa ra đồng chí Thanh, ở Chi Học-vụ Huyện. Kia mời đồng chí ngồi. Đồng chí gia nhập bộ đội hồi nào tôi không hay. Lên cấp bậc gì rồi?

Người lính: Cảm ơn ông, tôi là Trung đội Phó (bỗng phá lên cười dài). Ha! Ha! Ông đóng kịch giỏi lắm. Ông chỉ muốn đánh tháo cho ông công-an này chứ gì? Bây giờ thì tôi hiểu tại sao tôi ngồi đây nói chuyện mà công an ở đồn lại biết. Kia, chân ông đi đường còn lấm bùn đấy!

Lão Chột: Dạ, không, tôi ở nhà dưới, nền nhà ẩm ướt, làm sao giữ chân cho sạch được ạ.

Cô gái: (e dè), Xin đồng chí tha cho đừng em.

Người lính: Cô Lan! Tôi có thể tha cho ông ấy được, dù tôi biết ông ấy đã báo công an bắt tôi. Nhưng chắc rằng cô sẽ không tha nếu cô biết rõ về ông ấy trước kia trong vụ mất tích của bà cô (Lão Chột biến sắc toan chạy). Kia ông Chủ-tịch Thọ-Xuân định chạy đấy à. Tôi bắn súng lục giỏi nhất Trung-đoàn đấy nhé. Mời ông đứng vào bên cạnh ông công an kia, (với Lan), Cô Lan hãy nghe tôi hỏi hắn đây, (với Lão Chột). Nguyễn Khả! Hồi mày là Chủ-tịch xã Thọ-Xuân mày đã báo cáo về ông giáo Hoàng-Trọng Nhân như thế nào, hãy nói lại cho cô Lan nghe đi

Lão Chột: Dạ... Dạ... Tôi không nhớ rõ.

Người lính: Mày buộc ông Giáo Nhân là tri thức phản-động, chống hiệp định Genève, cổ động cho phong-trào di cư vào Nam và làm gián điệp cho Pháp. Có phải thế không?

Lão Chột: Dạ... tôi không nhớ.

Người lính: Mày sợ bắt ông Nhân ở xã, dân chúng sẽ hoang mang nên yêu cầu huyện mời đi họp, rồi mày đưa du kích đón đường bắt đem thủ tiêu. Có phải thế không?

(cô gái thét lên ôm mặt nước mắt)

Lão Chột: Thực là oan tôi.

Người lính: Lại còn oan hả?

Lão Chột: Dạ... Xin đồng chí khoan hồng...

Người lính: Mày độc ác đến cái độ giết người ta rồi còn giả nhân giả nghĩa giúp vợ người ta để mày chiếm

đoạt. Mày tưởng con người không có linh hồn hả? Tao thì tao cho rằng oan hồn ông Giáo Nhân vẫn theo bên mày, xui khiến tao gặp mày đêm nay giữa cái đêm quốc hận mà ông Giáo đã vì đó mà đổ máu hy sinh tranh đấu. Chúng mày tưởng giết nhiều là diệt được chống đối phải không. Không! bao nhiêu oan hồn lương dân vô tội từ 20 năm nay bị sát hại bởi chúng mày, sẽ đòi món nợ máu của họ (quát). Thằng Chột kia, hãy quay mặt vào vách nếu mày không dám nhìn mũi súng của tao nhả đạn. (Lão Chột hoảng hốt vụt chạy. Một viên đạn nổ, hắn ngã vừa lúc bám lấy tấm màn cửa gục nửa người vào phía trong. Thừa cơ hội, tên công an cũng bỏ chạy. Có gái vội níu lấy áo hắn nhưng hắn cố chạy, cô gái ngã chúi, hắn cũng loạng choạng rồi lao đầu ra phía cửa. Viên đạn thứ hai nổ vừa lúc tên công an khuất dạng).

Cô gái: (đứng lên nhìn tên Công an và nắm lấy cánh tay người lính). Ồ! Nó ngã rồi anh ạ. Anh bắn nhanh quá.

(Hai người nhìn nhau. Chợt cơn gió thổi mạnh, chiếc đèn treo đu đưa và tắt phụt. Bóng hai người lơ lửng trong quán. Ánh trăng yếu ớt dọi vào phía ngoài. Hai bóng người khoác tay nhau đi).

THÁI-HUY-QUANG

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

NGUYỄN-DUY-CẦN

PHẬT HỌC TINH HOA

- I. *Lược Sử Phật Thích Ca.*
 - II. *Những điều kiện tinh thần của người học Phật.*
 - III. *Kinh điển Phật giáo: Nam Tông — Bắc Tông — Đại Thừa — Tiểu Thừa — Vô Thường — Vô Ngã.*
 - IV. *Duyên sinh quan — Nhân sinh quan.*
 - V. *Bình đẳng quan — Trí tuệ bát nhã — Niết bàn là gì?*
- Phụ lục:** *Những phương thức tu hành — Vấn đề Thiện Ác trong Phật-giáo — Thập nguừ đồ.*

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Sách in đẹp, dày trên 300 trang	giá 80đ.
Trang tử tinh hoa	60
Lão tử tinh hoa	60
Trang tử Nam hoa kinh 3 quyển	150
Lão tử Đạo đức kinh 2 quyển	100
Một nghệ thuật sống	45
Thuật yêu đương	80

NHỮNG SÁCH TRIẾT HỌC KHÁC

Lão tử	Ngô Tất Tố	40
Mặc tử	—	50
Nam hoa kinh	Nhượng Tống	160
Triết lý văn hóa khái luận	Nguyễn đăng Thực	49
Lịch sử triết học Đông phương 4 quyển	—	400
Tư tưởng Việt Nam	—	100
Triết học Bergson	Lê chí Thiệp	30
Phật giáo	Tuệ Quang	100
Kinh viên giác	—	60
Phật lục	Trần trọng Kim	35
Phật giáo triết học	Phan văn Hùm	38
Phật giáo	Trần trọng Kim	35
Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử	Tuệ Giác	150

Tất cả sách trên đều có bán tại:

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, đại lộ Lê Lợi SAIGON

Thơ

HOÀI —
THƯƠNG



Buồn Đông Phương

Rêu xanh phủ mái chùa cong
Hạc vàng bay khuất chín vòng chân mây
Cây cao ngã bóng thương ngày
Nửa trời xanh với nửa đầy hoàng hôn
Vòng luân hồi mãi quay tròn
Trong hư vô những vàng son hiện về
Buồn đông phương tỏa bốn bề
Mắt em thơ mãi tròn nghe sáo diều.

...

Quá Khứ Trên Cao

Cây khô bụi mọc âm thầm
Tôi về đây rũ tuổi xuân rã rời
Hồn buồn chừng sắp muốn rơi
Héo hon mộng cũ, vỡ lời ca xưa
Chim về lữ trót bơ vơ
Tôi vượn cánh mỗi ngời đo số phần
Thời giờ đợi phút phân thân
Lượng trời hồ cạn, gót chân đã mòn
Rừng thưa cây đứng chon von
Yên nghe gió lộng ngàn con tim sầu.

Cần Giờ, 1965
HOÀI-THƯƠNG

THƠ TUẤN-GIANG

hình ảnh hôm nay

Đã bao năm rồi
Nghĩ viết !
Kề cả làm Thơ
Kề cả những buổi đầu xuân
Tết về !
Khai bút,
Mình nhủ mình :
« Như xác lá mùa Thu
Vàng rơi theo màu chiều heo hút »
Lặng động,
Tâm tư
Buồn nhìn
Thế sự
Trắng thay đen
Ngơ ngác chợ Đồi.
Không nhớ thương
Không run rẩy xa xôi
Tà áo mỏng
Phất phơ bay hè phố.
Đã bao năm rồi !
Nghĩ viết !
Kề cả làm Thơ
Những giòng mực đen
Thần thờ trên giấy
Cũng không làm mình
Khắc khoải !
Suy Tư !
Trong những đêm dài
Thức trắng.
Vì cuộc sống hôm nay
Vắng lặng
Không một người thân
Dù chỉ là tạm bợ :
Mong tìm quên
Quên lãng
Hiện tại — Hôm qua
Vị ý nghĩa Con Người :
Cuộc sống tha ma
Thực vô vị
Nếu không là hư ảnh !
Nói sao hết những tâm tư
Trống lạnh.
Đã bao năm rồi !
Nghĩ viết !
Viết cho ai ?
Giấy trắng, mực đen
Không xóa nỗi tháng năm dài
Cảnh tranh sống
Giành giật nhau Cơm, Áo
Mưa nắng hai mùa :
Gấp bao khổ nào
Kiếp tầm tơ
Có nhẽ mãi vẫn không thành.
Mây xám vẫn về
Già lạnh vấy quanh ..
Đã bao năm rồi
Nghĩ viết !
Kề cả làm Thơ
Hình ảnh hôm nay
Hiện hiện dưới trăng mờ ...

T. G.



NƯỚC MẮT ĐỜI LÊ THÊ

Thấm thoát đã ba năm
Từ ngày ta mất mẹ
Mồ yên chưa viếng thăm
Bâng khuâng đời xuân trẻ
Ngày được tin mẹ mất
Ta không có tiền về
Trông vời cơn gió bắc
Đêm dài chân bước lẻ
Độ ấy vừa sang xuân
Người người vui đón Tết
Pháo nhà ai tung bùng
Pháo lòng ta lịm chết
Rồi mỗi năm ngày giỗ
Ta vẫn còn lang thang
Cỏ trên mồ ai nhỏ
Ai sửa vòng hoa tang
Những đêm mơ thấy mẹ
Ngờ tưởng trong cuộc đời
Như thuở nào thơ bé
Vội mẹ hôn lên môi
Nhưng rồi giấc mơ qua
Giật mình nghe có quạ
Dáng mẹ đang mờ xa
Ngoài trời sao lấp lánh
Nhớ hôm xưa ra đi
Bến tàu còn in bóng
Nhưng giờ phút chia ly
Là phút giờ tuyệt vọng
Đêm nay bơ vơ lắm
Đốt hương chờ mẹ về
Đường tha ma thăm thăm
Nước mắt đời lê thê

— **Lời giới thiệu :** Từ Balé về nước gần được một năm nay, Minh Đức Hoài Trinh đã đóng góp với giới văn nghệ ở đây, 5 tác phẩm thi văn, được nhiều cảm tình với bạn đọc. Với thời gian trên, kể cũng là một kỷ lục đáng ghi trong giới cầm bút hiện nay. Năm tác phẩm đó theo thứ tự sau đây :

1. — Bơ Vơ
2. — Mơ
3. — Hồn
4. — Thư Sinh
5. — Thiên Nga (đang in).

Ngoài ra, Minh Đức Hoài Trinh còn cộng tác với nhiều nhật, tuần báo, nguyệt san trong nước.

Phần lớn tác phẩm của Minh-Đức Hoài-Trinh đều chịu nặng nỗi u hoài, một khát vọng triển miên, nên mang sắc thái độc đáo trong phần kỹ thuật.

Ngoài tình thương tha thiết quê hương, khát khao một cuộc sống nội tâm thỏa mãn, thể hiện qua những vần thơ thương mình và thương nhân thế, Minh Đức Hoài Trinh còn dành riêng tình thương ấy với anh em quân nhân, đặc biệt với anh em Không Quân.

Vì vậy Minh Đức Hoài Trinh đã đóng góp với Đặc San này ba bài thơ sau đây :

Hai bài : — **Nước mắt đời lê thê.**

— **Anh đi ngang nhà em**

Trích trong thi phẩm « Mơ » xuất bản năm 1964 tại Saigon, do SÁNG TẠO ấn hành và bài « **Đừng để em một mình** » một bài thơ duy nhất và mới nhất mà Minh Đức Hoài Trinh đã sáng tác gần đây từ sau khi về nước.

Đây là một món quà khiêm nhường và nhiều ý nghĩa mà Minh-Đức Hoài-Trinh có nhã ý đóng góp với giới cầm bút ở quê hương, ít nhiều suy tư qua những vần điệu tự nhiên, chân thực nhưng chứa đầy khát vọng.

● TUẤN-GIANG

ANH ĐI NGANG NHÀ EM

Anh đi ngang nhà em
Nhưng nhà em còn dấu nữa
Từ độ ánh trăng mềm
Thôi soi duyên đôi lứa
Từ độ quê hương bùng khói lửa
Hai cây Sanh trước cửa
Người ta chặt trụi mất rồi
Nhắc làm chi nữa anh ơi
Hồ xưa xanh nước nay ngời âm u
Một mùa thu rồi hai, ba mùa thu
Lòng hồ rạn nứt, cầm thù chưa nguôi
Vườn nhà em xưa
Ngát hoa hồng tươi
Mái nhà em xưa
Rộn rã tiếng cười, tiếng ca
Nhưng ngày nay
Vườn trầm như bãi tha ma
Đêm đêm sương phủ thấp ngà cô đơn
Anh ơi ! em đang buồn
Gọi làm chi thê lương
Nhà em đâu có nữa
Chết đã lâu rồi... vạn tiếc thương
Anh còn có dịp đi qua
Thăm giùm em với xác nhà thân yêu
Hôn giùm em những buổi chiều
Nói giùm em
Nói rất nhiều xót xa

ĐỪNG ĐỂ EM MỘT MÌNH

Đừng để em một mình
Đêm buồn vết hồ tinh
Tha ma rền tiếng hú
Đừng để em một mình
Áo đời phai nét trinh
Đừng để em một mình
Đừng bắt em làm thỉnh
Cho em cười nước nỡ
Hồ đại dương mông mênh
Nền trên hòm lụng linh
Đừng để em một mình
Vòng hoa tang không xinh
Đường trần gian nghiêng ngả
Đường về trời lênh dênh
Tag ai niu gập ghềnh
Vũ trụ vàng trên trên
Đừng để em một mình
Muộn màng lời yêu cuối
Môi Vệ thần hết linh
Đừng để em một mình
Thượng đế không đủ tình
Đừng để em một mình
Nghe thời gian ghen thờ
Nghe trái đất làm kinh
Đừng để em một mình

HAI NÉN TÂM HƯƠNG TRONG NGÀY PHẬT ĐẢN

CÓ những con người thuộc loại «thần lẫn gấm đuôi», chỉ thích hồi đầu trở lại dĩ vãng để nhắc chuyện xưa tích cũ của mình — Bởi lẽ cuộc sống hiện tại của họ quá đói nghèo nàn sự kiện, và cái nhiệt tình của họ đối với tương lai đã suy giảm rồi.

Tôi tự xét mình không phải vào loại người ấy, nhưng cái ý muốn nhắc một việc đã qua nhiều khi trở thành một mối ám ảnh trong tôi hết sức đậm đà, khiến mọi cố gắng tự hạn chế lại thật là khó khăn.

Bây giờ lịch sử đã lần giở đến những trang mới mẻ, nếu phải quay về với những biến cố ngày 27 tháng 2 năm 1962 cũng chỉ là để lau cho sạch đi một ít bụi mờ, tìm những chất liệu sống động có thể trở nên bổ ích cho những bước đường hiện tại và tương lai.

Cái sự «ôn cũ, học mới» mãi mãi vẫn còn là một chân lý, thế sao từ trước đến giờ, người ta không hề kiểm điểm gì hết về vụ biến cố ngày 27 tháng 2 năm 1962, khi những phi công yêu nước và gan dạ của chúng ta đã oanh tạc vào ổ quạ Diệm Nhu, gieo sự ngờ ngác bàng hoàng cũng như hân hoan, phấn khởi cho biết bao người? Có lẽ vì khiêm tốn, có thể là vì hững hờ — sự im lặng như thế bỗng nhiên trở thành tội lỗi đối với hiện tại.

Tôi không đi sâu vào chi tiết, vì tự nhận không có thẩm quyền, và cái công việc sưu tầm sử liệu đó là của các bậc đàn anh.

Xét về Đại cương, thì trên bình diện quân sự, chính trị, vụ oanh tạc vào dinh Độc lập chỉ là một cuộc tiếp nối của những quật khởi trước đó để đập đổ một chế độ mục nát, lỗi thời, có hại cho công cuộc chống cộng. Xét về mặt kỹ thuật đảo chính, đó là một sự kiện mới lạ, tiến bộ bậc nhất, bởi vì đó là lần đầu tiên vai trò quan trọng của ngành Không quân được xác nhận một cách ồn ào, với những kinh động sâu xa. Và cũng từ đó khi cánh chim sắt lượn trên nền trời xứ sở, động cơ của nó vang rền không còn khiến cho thính giác của dân chúng vô tư nữa. Bởi vì qua tiếng động cơ trầm bổng, qua những cánh sắt chấp chớn, chánh tinh quốc gia có thể trở thành trầm bổng, chấp chớn theo....

x x x

Tuy vậy cuộc oanh tạc ấy đã chịu thất bại. Sương mù buổi sáng đã che chở cho tính mạng bệ lũ độc tài. Nếu bọn bạo chúa đã bị vùi thây hôm đó dưới đám gạch ngói ngổn ngang, hay trút linh hồn

sau đó trong một bệnh viện khi đã kiệt sinh lực tham tàn, thì nhân dân ta đỡ phải xót xa đau khổ thêm mấy năm trường và nhiều tầng ni khả kính vẫn còn được sống trầm lặng dưới những mái chùa yên tĩnh.

Cuộc đảo chính ấy, — bởi vì đó cũng là một đảo chính chớp nhoáng — nếu được thành công, có lẽ sắc diện của miền Nam ta ngày nay đã đổi khác rồi và nhiều sự kiện có lẽ không có khuôn mặt cũ-càng hiện-tại... Nhưng nếu gọi rằng thất bại, ấy là chỉ nhìn sự việc bằng đôi mắt thiên cận nhất thời. Trong cuộc chiến đấu lâu dài, những thất bại nhỏ mới tạo nên thành công lớn, «thất bại là mẹ thành công», là như thế. Thất bại của ngày 11-11-1960 đem lại sinh lực cho ngày 27-2-1962 và thất bại này lại nuôi dưỡng cảm hứng để cho cuộc cách mạng 1-11-63 được thành công. Dù bọn Diệm Nhu trong 3 năm cuối đời mình đã tìm hết cách củng cố uy quyền, nhưng uy quyền ấy thực sự đã bị bẻ cho cong queo từ khi đoàn lính nhảy dù hùng hổ vây Dinh Độc lập. Và uy quyền ấy đã bị sến cháy rõ ràng khi từ bầu trời thủ đô, những loạt rốc kết quẹt ngay trên đầu chúng và những Quả bom gan dạ ném xuống cuộc sống mà chúng làm tưởng yên ổn, thái hòa.

x x x

Nhân ngày Phật đản năm nay chúng tôi nhắc chuyện cũ không hề có ý nhắc lại vai trò của mình trong cuộc chống chế độ Diệm, bởi vì đó là nghĩa vụ của những con người yêu chuộng tự do, khao khát công bằng. Chúng tôi đã làm tích cực vai trò của mình trong giai đoạn ấy và tự tìm thấy niềm vui chói sáng tâm hồn. Chúng tôi đã có được niềm kiêu hãnh của kẻ dám nghĩ, dám làm và nhất là đối với một quân nhân, niềm kiêu hãnh ấy là thứ huy chương đặc biệt tự đủ sáng tỏ dưới những lớp vải áo dày. Tuy vậy, chúng tôi vẫn ghi nhớ rằng, chúng tôi đã được vui vẻ sống ngày hôm nay là nhờ có sự đứng lên của phong trào Phật giáo — chúng tôi đã chịu ân huệ của nhiên tăng ni tự hủy diệt mình ở trong ánh lửa từ bi để tạo ra cuộc sống nhiệm mầu — Phong trào đấu tranh của Phật giáo vừa qua không chỉ đơn thuần là một công cuộc đấu tranh tôn giáo đòi tin ngưỡng tự do, mà nó bắt rễ sâu xa ở trong cuộc sống tiềm tàng của dân tộc ta, tự vùng chuyễn lên để đòi hỏi một giải thoát khỏi những ràng buộc độc tài. Tất cả hùng lực kỳ diệu của phong trào ấy đã khiến nó vượt giới hạn tín ngưỡng mà ăn sâu vào cuộc sống nhân dân, ra khỏi phạm vi quốc gia mà chuyễn động khắp bình diện quốc tế.

Nhưng cái cao siêu của phong trào ấy là đã xuất hiện kịp lúc, kịp thời để bổ sung vào công cuộc đấu tranh chống cộng hiện nay một ý thức hệ. Bởi là công cuộc chiến đấu gan dạ của chúng ta từ lâu đã chịu một sự khủng hoảng nặng nề là khủng hoảng ý thức hệ. Chúng ta càng vững tin rằng, với một đời sống tâm linh dồi dào, với 1 quan niệm giải thoát hợp lý, Phật giáo sẽ tăng cường cho chúng ta những nguồn sinh lực mới mẻ để mà chiến thắng một cách vinh quang.

Và để kỷ niệm ngày lễ Phật Đản năm nay, chúng tôi muốn nhắc lại cái biến cố ngày 27-2-1962 là cốt để đem cái tinh thần của Bi, Trí, Dũng mà mọi Phật tử cần noi theo để kiểm điểm lại việc làm của mình.

Qua việc làm ấy, chúng tôi đã có đủ Bi, đã thừa đủ Dũng, nhưng còn thiếu Trí Và chính sự thiếu trí ấy đã khiến chúng tôi thất bại, nhưng cũng do đấy rút được hai cái sai lầm nghiêm trọng như sau:

1) Sai lầm thứ nhất là thái độ chủ quan ở trong hành động làm cho nhân lực hẹp hòi, làm cho lực lượng bị cô lập, suy yếu. Những phản ứng tâm lý của con người, của đoàn thể hay của đa số quần chúng trước một sự việc quan trọng như biến cố ngày 27-2-1962 không phải là những phản ứng tất nhiên trong những định lệ khoa học mà hiện tượng này sẽ nối tiếp theo hiện tượng kia một cách máy móc.

2) Sai lầm thứ hai là việc lãnh đạo. Trước những kế hoạch đại qui mô, một cá nhân không làm gì được cả, dù người đó là một vĩ nhân. Bất cứ là công tác nào hướng về đại cuộc cũng phải do một tập thể lãnh đạo, có như vậy mới tránh được những cuộc phiêu lưu nguy hiểm, làm đổ vỡ ngay lúc ban đầu.

Hai cái kinh nghiệm thất bại đúc kết thành lời truân tượng trên đây, chúng tôi đã mua bằng một giá đắt. Nhưng mỗi người của chúng tôi đã đem sinh lực của đời mình ra làm vốn liếng mà rút thành kinh nghiệm ấy. Và kinh nghiệm ấy ngày nay không còn thuộc về riêng ai cả, mà có thể chung cho một trận đấu lịch sử đang còn tiếp diễn, dù ở lãnh vực chính trị hay tôn giáo.

Trong niềm tôn kính của người Phật tử đối với ngày Đản sinh thiêng liêng, tôi tự đem hai kinh nghiệm vừa qua làm thành hai nén tâm hương để thắp sáng ở trước Phật đài.

PHAN NGÔ

Những canh chim sắt

ĐI VÀO LỊCH SỬ

Nếu lịch sử Việt Nam hôm nay phải viết bằng máu và xương của nhân dân trong cuộc bảo vệ đất nước chống xâm lăng Trung Cộng như tự thuở ngàn năm ông, cha chúng ta phải đem xương máu chống Đế Quốc phương Bắc, thì lịch sử oai hùng và bất khuất đó không thể nào thiếu được những cái tên của các liệt sĩ Không Quân :

- Phạm-phú-Quốc
- Nguyễn-hữu-Chân
- Vũ-khắc-Huê

đã anh dũng lao mình vào lửa đạn trong những cuộc oanh tạc « Bắc phạt » và đã dâng hiến trọn vẹn hình hài cho tổ quốc thân yêu.

Những Kinh Kha Việt-Nam này là hình ảnh của những chiến sĩ bất khuất dám chết cho Tổ Quốc, dám chết cho Chính nghĩa, dám chết cho Tự do và Hạnh phúc muôn đời của đất nước nói riêng, và cho cả nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình nói chung, để tên tuổi đi vào lịch sử bất diệt của Việt Nam yêu mến.

- Phạm-phú-Quốc
- Nguyễn-hữu-Chân
- Vũ-khắc-Huê

tên các anh không còn của riêng của đại gia đình Không Quân Việt Nam, cũng không còn là những cái tên riêng của cha, mẹ, vợ con, quyến thuộc, thân hữu của các anh nữa, mà thực sự tên tuổi của các anh đã là của chung của dân tộc Việt Nam.

- Những cái tên : — Phạm-phú-Quốc
— Nguyễn-hữu-Chân
— Vũ-khắc-Huê

phải được đặt vào những tên của các Đô thị Việt Nam và nếu có thể cái tên SAIGON, cũ kỹ mang nặng nhiều tủi nhục phải được thay vào cái tên Phạm phú Quốc.

- Thành phố SAIGON hôm xưa
 - Thành phố PHẠM.PHÚ-QUỐC hôm nay
- sự thay đổi đó sẽ làm toàn dân nức lòng, chống Trung Cộng miền Bắc, bảo vệ miền Nam.

- Phạm-phú-Quốc
- Nguyễn-hữu-Chân
- Vũ-khắc-Huê

Ba cái tên, ba giòng họ, đã làm vẻ vang đất nước, làm vinh dự cho những người còn sống hôm nay.

Các anh không còn nữa, nhưng tên tuổi các anh đã khắc sâu vào sông núi; hình hài của các anh không còn nữa, nhưng xương máu của các anh đã thấm vào lòng đất mẹ, để vun đắp cho cây xanh đất nước thêm tươi, cho hoa trái dân tộc thêm ngọt, thêm hiền, cho những người còn sống trên mảnh đất hai miền Nam-Bắc được hạnh phúc, cho con cháu chúng ta ngày mai khỏi phải chịu kiếp đọa đầy, xiềng xích của Trung Cộng, kẻ thù

truyền kiếp của dân tộc Việt Nam, mà nguy quyền Hanoi đã cam tâm rước voi về dày mỡ tiên tổ, nô lệ hóa dân tộc chúng ta.

- Phạm phú Quốc
- Nguyễn hữu Chân
- Vũ khắc Huê

Vì Tổ quốc thân yêu, vì sự sống còn của Đạo pháp, các anh đã dâng hiến hình hài trọn vẹn.

Chúng tôi, những người còn sống hôm nay, nguyện cầu Tam Bảo diu dắt linh hồn các anh về cõi Niết Bàn cực lạc.

• TUỆ-GIÁC

VIỆN HÓA ĐẠO

TRƯỚC SỰ HY SINH CAO CẢ CỦA CÁC CHIẾN SĨ KHÔNG - QUÂN ĐÃ BỎ MÌNH VÌ TỔ - QUỐC

Kính gửi Thiếu-Tướng
Tư-Lệnh Không-Quân
Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa
Saigon.

Thưa Thiếu-Tướng,

Giáo-Hội Phật-Giáo Việt - Nam
Thông Nhất chúng tôi rất xúc động
khi được tin Trung-Tá PHẠM-PHÚ-
QUỐC, một chiến sĩ Cách-Mạng đã
anh dũng hy-sinh cho Tổ-Quốc.

Giáo-Hội chúng tôi trân trọng kính
gửi lời phân ưu với Quân-đội Việt-
Nam Cộng-Hòa và binh chủng
Không Quân cùng Thiếu-Tướng Tư-
Lệnh.

Chúng tôi cũng xin Thiếu-Tướng
làm ơn chuyển lời phân ưu của
chúng tôi đến Tang quyến của cố
Trung Tá và cầu nguyện cố Trung-
Tá nhờ Phật tiếp dẫn được siêu
sinh Lạc-Quốc.

Giáo-Hội chúng tôi sẽ tổ-chức lễ
cầu siêu cho cố Trung Tá tại Việt-
Nam Quốc-Tự, vào ngày 25-4-65

Trân trọng kính chào Thiếu-Tướng
Tư-Lệnh.

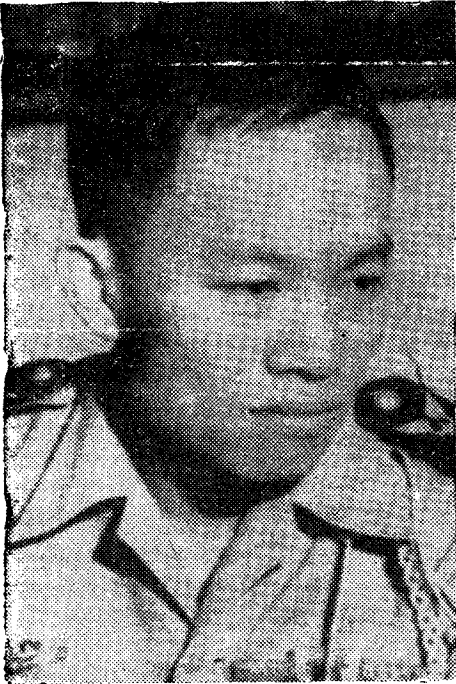
Kính thư,
T.L. Viện-Trưởng
Phó Viện-Trưởng
Thượng-Tọa PHÁP-TRI

THÀNH TÍCH CỦA NHỮNG ANH-HÙNG KHÔNG-QUÂN

■ *Phạm-phú-Quốc*

■ *Nguyễn-hữu-Chân*

■ *Vũ-khắc-Huê* ■



Trung-Tá PHẠM-PHÚ-QUỐC

Ngày 19-4-1965, Trung-Tá *Phạm-Phú-Quốc* đã bỏ mình trên chiến trường Miền Bắc, cách Thị Xã Vinh về phía Đông Nam 10 cây số. Lúc đó là 15 giờ 04 phút.

Cái chết của Trung-Tá *Phạm-Phú-Quốc* đã diễn tiến đúng như sự mong ước của một chiến sĩ Không trung. Lây không gian ấp ủ hình hài. Tạo hóa đã sanh ra con

người, khi trở về với người, thể xác dù vùi sâu trong lòng đất hay tan biến vào hư vô, nhưng cái đó chỉ có một nghĩa trở về. « Sinh ký, tử quy », nhưng chết đi rồi, cái chết chỉ có ý nghĩa khi được những người còn sống nhắc nhở đến nữa hay không ?..

Trung-Tá *Quốc* đã tham dự hơn 500 chiến trận. Với ý chí diệt Cộng mãnh liệt, Trung-Tá *Quốc* lúc nào cũng đứng tiền phong trong những phi xuất đầy gian lao nguy hiểm. Cả hàng ngàn tên Việt Cộng đã ngã gục trước họng súng của Trung-Tá *Quốc*.

Trong một cuộc chiến tranh, sự đau buồn của một bên, bao giờ cũng là một sự vui mừng của phía địch và ngược lại. Ngụy quyền Miền Bắc đã lớn tiếng liên hoan về cái chết của Trung-tá, cái đó cũng đủ đánh giá trị của một con người.

Còn chúng ta buồn vì một cái chết của Trung-Tá *Quốc*. Suốt chín năm trong đời phi công, Trung-Tá *Quốc* chỉ để lại trong lòng những người còn sống, hôm nay đứng ở nơi đây, một niềm kính phục và ngưỡng mộ.

Trung-Tá *Phạm-Phú-Quốc* là Tư Lệnh Không Đoàn 23, là một vị Tư Lệnh Không Đoàn trẻ nhất, và là một chiến sĩ gan dạ. Người ta đã nói nhiều đến *Phạm-Phú-Quốc* khi ông oanh-tạc dinh Độc-Lập ngày 27-2-1962. Hành động này đã đưa Trung-Tá *Quốc* lên địa-vị một chiến-sĩ Cách-Mạng Tiên-Phong.

Nhưng lòng kính-phục và ngưỡng-mộ

không phải riêng vì hành-dộng anh-hùng đó mà còn vì tính điềm-dạm và nhũn-nhặn. Nói ít nhưng hành-dộng rất quyết-liệt.

Ngày 19-4-1965, trong cuộc hành quân Bắc Tiến, Trung Tá *Quốc* có nhiệm vụ đánh trực giao thông cách 10 cây số phía Nam thành phố Vinh. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ, trên đường trở về, tới địa điểm 15 cây số phía Nam thành phố Vinh thì đụng phải một lực lượng phòng không của ngụy quyền miền Bắc. Súng địch bắn lên gắt, một phi cơ bị trúng đạn vào phía đuôi, thiệt hại nhẹ. Trung Tá *Quốc* quyết định tiêu diệt ở cao xạ phòng không này. Phi cơ bay vào lửa đạn, ngược chiều với lửa đạn bắn xiên ngang. Ô súng bị phá vỡ ngay nhưng phi cơ cũng đã trúng đạn và bốc cháy.

Cái hình ảnh bay vào lửa đạn để phá súng của địch, tưởng không còn gì quyết liệt và anh hùng hơn nữa. Cái tinh thần dũng cảm của Trung Tá *Quốc* đã làm cho bạn đồng ngũ ngậm ngùi thương xót, trước khi trở về còn bay lượn nhiều vòng như chào vĩnh biệt. Vĩnh biệt người chiến sĩ tiền phong Cách Mạng và chống Cộng ! Người chiến sĩ sinh trường nơi đất miền Trung thì miền Trung, quê hương của người, đã lãnh nhiệm vụ nêu danh anh hùng trong buổi chiều 19 tháng 4 năm 1965.

Những người phi công gây cánh trên chiến trường miền Bắc đã làm nung nấu chí căm thù Việt Cộng của những người còn sống nơi đây. Trước Trung Tá *Quốc* đã có Thiếu Tá *Chân* tại Đồng Hới, Đại úy *Huê* ở Vĩnh Bắc Việt. Những người đã chết nhưng tên còn sống mãi.

Chúng ta những người còn lại ở đây sẽ nhất quyết tiến về phía những người đã gục ngã và sẽ còn đi xa hơn nữa cho tới khi màu đỏ không còn trên mảnh đất quê hương. Chúng ta sẽ làm hàng ngày, hàng tháng, hàng năm... tiếp tục những chiến dịch *Phạm Phú Quốc*, chiến dịch *Nguyễn Hữu Chân* chiến dịch *Vũ Khắc Huê*...

Tiểu sử TRUNG TÁ PHẠM-PHÚ-QUỐC

Sinh ngày 29-8-1935 tại Quảng-Nam, con của Ông PHẠM-PHÚ-PHỒ và bà TRẦN-THỊ-NGỌC. PHẠM-PHÚ-QUỐC tình nguyện gia nhập Không Quân ngày 15-6-1954.

Được gửi đi học tại các trường Phi công bên Pháp Aulnat, Marrakech, trường Phi công khu vực Bordeaux, và tốt nghiệp trở về Phi Đoàn Khu Trục Biên Hòa vào năm 1956.

Là thư Tư-Lệnh

Chiến sĩ Không Quân thân mến.

Khoảng hai mươi ngày qua, ba cách chim trong đàn chúng ta đã rơi gầy trên đất địch. *Chân* tại Đồng-Hới, *Huê* trong vịnh Bắc Việt và *Quốc* tại Hà-Tĩnh.

Ba người, ba địa điểm, ba trường hợp. Nhưng có một điểm trùng hợp là họ đều đã hoàn tất nhiệm vụ trước khi bị gây cánh, nghĩa là họ đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề trên các mục tiêu đánh phá. Nếu lại kể quá trình chiến đấu của từng người qua những thành tích tại chiến trường Miền Nam và qua các cuộc oanh tạc Miền Bắc trong những lần trước, thì Việt Cộng thực đã phải trả một giá rất đắt trước khi bắn rơi được họ.

Chân, *Huê* và *Quốc* đã chiến đấu xứng đáng là những chiến sĩ dũng cảm nhất. Tôi đã gặp mỗi chiến sĩ này

một ngày, hay vài buổi trước khi họ lên đường. Tôi đã tìm thấy ở họ như ng nụ cười, những ánh mắt đầy tin tưởng

Cho nên trong nỗi đau đớn xa cách những người chiến sĩ dũng cảm đó, tôi muốn các bạn hãy cùng tôi nói rằng : « *Chân*, *Huê* và *Quốc* đầy đủ lý do để tin tưởng như vậy ». Niềm tin của họ sẽ được thực hiện. Mục đích chiến đấu của họ sẽ được thực hiện ! Vì đó chính là những niềm tin và mục đích chung của chúng ta. Không một trở ngại nào có thể ngăn cản bước tiến của chiến sĩ Không Quân trên đường chiến đấu mang lại Tự do và Thanh bình cho xứ sở. Những thiệt thòi do Việt Cộng gây nên chỉ càng nung nấu thêm ý chí của mỗi người Không Quân. Việt Cộng sẽ còn tiếp tục phải trả giá về trường hợp *Chân*, *Huê* và *Quốc* !

Thân ái.

Thiếu tướng NGUYỄN-CAO-KỶ

Xuất thân từ một khóa đầu tiên phi công khu trục của Không Quân Việt Nam, Trung tá PHẠM-PHŨ-QUỐC đã lái những phi cơ khu trục F8F đầu tiên của Không Quân. Rồi sau đó được gửi đi tu nghiệp học lái phi cơ SKYRAIDER-AIH bên Hoa kỳ và khóa Air Ground Operation School tại Okinawa.

Trung tá PHẠM-PHŨ-QUỐC đã liên tiếp đảm nhiệm những chức vụ :

- Trưởng Phòng Hành Quân năm 1960.
- Chỉ Huy Trưởng Phi Đoàn 518 năm 1964.
- Tư Lệnh Phó Không Đoàn 23 Chiến Thuật năm 1964.
- Tư Lệnh Không Đoàn 23 từ năm 1964 tới nay.

Suốt 10 năm chiến đấu, Trung tá PHẠM PHŨ-QUỐC đã đạt được :

- 2 Anh Dũng Bội Tinh với ngôi sao đồng
- 5 - nt - bạc
- 1 - nt - vàng
- 1 - nt - nhành dương liễu
- Đệ II Không Lực Quân Chương
- Phi Dũng Bội Tinh cánh chim vàng
- Đệ V Bảo Quốc Quân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh nhành dương liễu.

Với 12 lần được tuyên dương công trạng và nhiều lần khen thưởng.

Trung tá PHẠM-PHŨ-QUỐC là :

— Hoa tiêu khu trục trẻ tuổi, gan dạ, thường tình nguyện thi hành mọi phi vụ tác chiến. Được nổi danh ngày 6.6-1959 trong cuộc không kích tại vùng Tân Phú Tỉnh Kiến Phong. Đã khéo léo điều khiển phi tuần càn quét toàn loạn quân và gây thiệt hại nặng cho đối phương.

— Phi công khu trục rất can đảm, đã từng tham dự nhiều cuộc hành quân. Ngày 28-3-1961 trong cuộc hành quân tại rừng Cao Lãnh đã bình tĩnh điều khiển cuộc oanh kích các mục tiêu địch, gây thiệt hại nặng nề cho đối phương..

Người anh hùng Không Quân bây giờ không còn nữa. Chúng ta hãy nghiêng mình kính cẩn nhớ tới Trung tá PHẠM-PHŨ-QUỐC, tuy hình hài và thể xác không còn nhưng tên đã lưu danh muôn thuở.

Thiếu-Tá NGUYỄN-HỮU-CHÂN

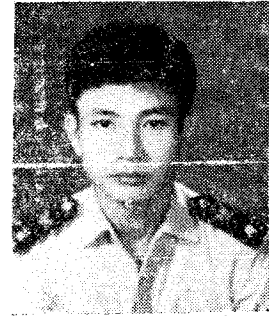
Ngày 31-3.— 14000 cất cánh. Tới mục tiêu hồi 1500. Nhiệm vụ phá đài Radar Hà-Tĩnh thiết lập trên đồi 24, thuộc Xã Văn-An cạnh Quốc Lộ số 1. Sau khi đài Radar Hà-Tĩnh bị tiêu hủy, tiếp tục đi bắn phá các cơ sở quân sự tại Vinh-Son, Phước-Kiên, Quảng-Khê. Trên đường về, trong khi oanh-kích mục tiêu cuối cùng phi cơ bị đạn và rớt tại vùng 5 cây số Đồng-Hới. Chính Thiếu-tá CHÂN đã tự chọn mục tiêu tại Đồng-Hới vì quan sát thấy nhiều cơ sở hoạt-động của địch.



— Một cặp Chỉ-huy cười nhiều hơn nói. Say mê bay : Combinaison de vol mau rách hơn đồ kaki, vì có mấy khi mặc kaki. Nhưng cũng rất say mê công tác Chỉ-huy. Có một tinh thần trách nhiệm cao độ và rất thích hoạt động tâm lý chiến. Đã tổ-chức qđ hiệu quả thể thức phát lương tại Không-Đoàn. Đang tiến hành việc chỉnh bị nhà ăn và nơi giải trí cho binh-sĩ. Người ta không ngạc nhiên được biết Thiếu-tá đã từng được huấn luyện về tâm-lý-chiến.

Bị địch hạ chính đang lúc say mê với trách nhiệm và hăng say diệt địch.

Đại-Úy VŨ-KHẮC-HUÊ



— Ngày 4-4.— 13000 cất cánh. Tới mục tiêu hồi 1400. Nhiệm-vụ phá cầu Đồng-Hới. Sau khi oanh tạc sập cầu này, trên đường về gặp 1 đoàn tàu của địch tại 3 cây số Bắc Bến Hải. Không thể bỏ qua. Nhất-định ghi thêm một chiến công ! Dù phi-cơ bị trúng đạn rớt, đoàn tàu chở đầy quân-trang và vũ-khí của địch đã bị tiêu-hủy hoàn toàn.

— Phi công tốt nghiệp từ 1956. Suốt 9 năm có mặt trên hầu hết chiến-trường miền Nam, lại đã từng tham dự oanh tạc Miền Bắc ngay từ trận oanh tạc lần đầu ngày 8-2-1965. Người ta khó quên hình ảnh Đại-úy tại phòng VIP phi-cảng Tân-Son-Nhất ngày 9-2-65 khi vừa ôm con vừa trả lời cuộc oanh tạc Miền Bắc. Hình ảnh này có vẻ hài hước nhưng cũng đã nói lên nếp sống của Huê : bình dị trong cuộc sống ở hậu tuyến nhưng dũng cảm phi thường ngoài chiến tuyến. ● ★

VIỆN BÀO CHẾ

VANCO

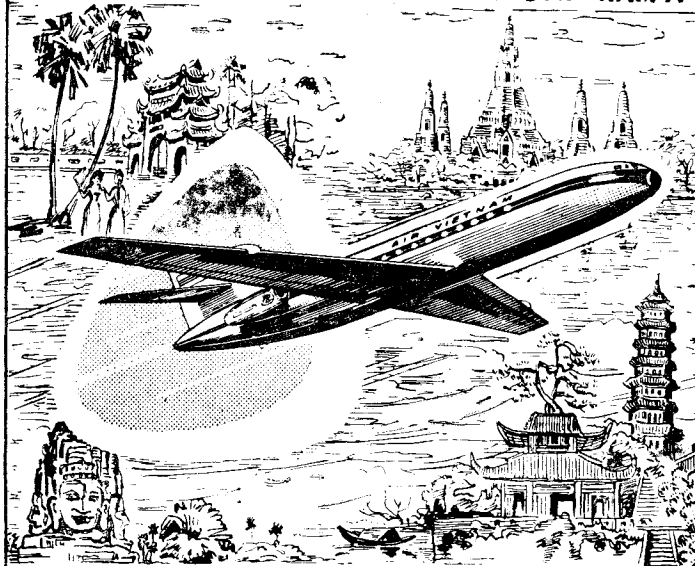
Nhập Cảng và Sản Xuất

DƯỢC-PHẨM

134 Yên - ④

SAIGON

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*
PHI-CƠ PHÂN-LỤC TRẮNG-LÊN NHÚT THỀ-GIỜ

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

106 NGUYỄN-HỮU SAIGON Đ.T. 21 624 21 625 21 626

GLOBIRON

**Bảo chế bản gạc tuối
có thêm SINH-TỐ B.12**

AMPOULES NON INJECTABLES

GLOBIRON
VITAMINES • SYNERGIE ANI-ANÉMIQUE TOTALE
EXTRAITS OOTHÉRAPIQUES • BIOCATALYSEURS MINÉRAUX
TITRE EN VIT B 12 NATURE 100 GAMMAS %
ANÉMIES • ANDREYIE • INSUFFISANCE CIRCULATOIRE • STÉNOSES • DÉNUTRITION
ADULTES

TRÍ:

**CÁC CHỨNG THIẾU MÁU
XANH KHO MẾT MỖI
YẾU GAN CHẨN LỒN**

56 KH. 200. BVT. 02.1.62

KÍNH
MỪNG
PHẬT
ĐẢN



Nhà thuốc

MAC-PHUSU

**205
Lê thánh Tôn
Saigon**

KINH DŨNG
TAM BẢO

A DI ĐÀ PHẬT

TỪ VÀ NHẠC: THÂM - OÁNH

(Thành kính Tôn nghiêm)

Nam MÔ A DI ĐÀ PHẬT, Nam MÔ A DI ĐÀ
PHẬT, PHẬT thương cứu trần gian, nơi trầm luân kiếp cơ hàn Nam
MÔ A DI ĐÀ PHẬT On PHẬT ban khắp từ tâm, đầy tình
thương, độ thế nhân Nam MÔ A DI ĐÀ PHẬT Nam
MÔ A DI ĐÀ PHẬT thành kính xin cầu, độ trần
gian, muôn vạn kiếp tu về sau Nam MÔ A DI ĐÀ
PHẬT Nam MÔ A DI ĐÀ PHẬT A DI ĐÀ PHẬT

mp *p* *f* *ff* *dim. rall...*

Giá phổ thông : 50\$00

Cơ quan chánh phủ : 100\$00